www.tuviglobal.com

VÀI DÒNG VỀ SOẠN GIẢ

Sinh năm 1953, du học Hoa Kỳ năm 1972, tốt nghiệp kỹ sư hóa học năm 1976 (đại học Southern California, Los Angeles) và tiến sĩ kỹ sư hóa học năm 1981 (đại học Minnesota, Minneapolis).Tiến sĩ Đằng Sơn, từ năm 15 tuổi đã say mê và nghiên cứu khoa tử vi.

Năm 1995 ông sang Đài Loan làm việc và ở đây gần bảy năm. Nhờ Đài Loan là tân thánh địa của khoa Tử Vi với những kỳ nhân như Chính Huyền Sơn Nhân, Liễu Vô cư sĩ, Phan Tử Ngư v.v... ông học được nhiều điều mới lạ. Với một sự tự tin mới, ông bắt đầu cuộc hành trình đi tìm lại cái nền tảng đã thất truyền của khoa tử vi.

Năm 1996 ông đọc quyển "Kinh Dịch và Tử Vi đẩu số" của dịch lý gia Đài Loan Tạ Phồn Trị,với căn bản khoa học sẵn có, ông tìm ra ở đây cái chìa khóa của khoa tử vi. Ông tin rằng cái kho tàng Tử Vi đã nằm im bí mật từ hơn nghìn năm nay đã được khai mở.

Cùng lúc, ông tìm ra lý do để khẳng quyết rằng thuyết âm dương mới là nền tảng tối thượng của khoa học. Khám phá này dẫn đến hai quyển sách khoa học viết bằng Anh ngữ "The End of Probability and the New Meaning of Quantum Physics" (Ngày tàn của khoa xác xuất và ý nghĩa mới của vật lý lượng tử, 2002), "Symmetry and the End of Probability" (Luật đối xứng và ngày tàn của khoa xác suất, 2003).

Ngoài bộ "Tử Vi hoàn toàn khoa học", ông đang nuôi các bộ "Kinh dịch hoàn toàn khoa học", "Mệnh lý hoàn toàn khoa học", và "Thuyết âm dương hoàn toàn khoa học".

www.tuviglobal.com

TỬ VI

HOÀN TOÀN KHOA HỌC

TẬP 1

Chính tinh, tứ Hóa và các sao liên hệ

Đằng Sơn

In lần thứ nhất 2004

www.tuviglobal.com

Mấy lời tâm sự

Tôi còn nhớ năm ấy tôi vừa lên mười lăm tuổi. Gia đình tôi vừa thoát ra khỏi trận phá sản kéo dài đã nhiều năm, nhưng chúng tôi vẫn còn ở trong một căn phố thuê lụp xụp trong một ngõ hẻm cụt ở đường Thoại Ngọc Hầu, Gia Định; nơi mà đến bây giờ tôi còn giữ thật nhiều kỷ niệm của một thời ấu thơ nghèo túng nhưng đẹp đẽ lạ lùng.

Anh Hòa, ông anh lớn của tôi vừa nhập ngũ, nên việc giao mối cà phê chuyển sang anh Bình, ông anh thứ của tôi. Anh Bình rất thích sách bói toán. Vì gia đình không còn đến nỗi túng bấn nữa, thỉnh thoảng khi giao hàng xong anh lại mua về một quyển sách bói. Nhưng anh bận rộn vì phải vừa học vừa làm, thành thử người có nhiều thời giờ xem những sách bói anh mua lại là tôi. Nào là thuật xem tay, đo tay, xem chân, xem tướng, bói bài, so tuổi. Nào là những sách dịch từ chữ Tàu nghe rất kêu như Tam Ngươn Đồ Hình, Tiên Thiên Diệc Số, Đại Diệc Toàn Bộ. Tôi đọc tất cả những sách ấy thật say mê, còn hơn cả bài vở ở trường.

Cho đến bây giờ, hơn 30 năm đã trôi qua, trong đầu tôi vẫn còn hình ảnh mường tượng của một cách bói gọi là cách bói "ông Hoàng Đế". Theo cách này, số mệnh tốt hay xấu tùy người xem ứng với bộ phận nào trên thân thể "ông Hoàng Đế". Mặc dù chẳng nhớ cách bói ra sao, ghi trong sách nào, và mình có nhớ đúng nguyên văn bài "thiệu" không; những câu sau đây vẫn còn in đậm hoài trong trí tôi:

Ẩn ở chân hoàng đế
Thôi đừng luyến sự thế
Nên xuất gia tu hành
Cũng nên rời quê hương

www.tuviglobal.com

Chồng vợ hai lượt kế
Đời lặn suối trèo non
Gian nan bao xiết kể!

Tại sao ở tuổi thanh xuân của một câu trai mới lớn tôi lại in trí những câu đầy bi thảm ấy, thay vì những lời đoán lạc quan, hạnh phúc hơn, như ở đầu, ở bụng ông Hoàng Đế chẳng hạn? Phải chăng vì ở ngay tuổi còn non dại ấy tôi đã bi quan về cuộc sống? Đây là một câu hỏi mà suốt đời tôi sẽ không bao giờ trả lời được. Nhưng có một điều chắc chắn: Những quyển sách bói mà anh Bình mua về đã khiến tôi thắc mắc về số phận của con người.

Một điều chắc chắn nữa, lúc ấy tôi mê nhất quyển Tử Vi Đẩu Số Toàn Thư của ông Văn Đằng Thái Thứ Lang. Một lý do khiến tôi thích tử vi là tử vi có vẻ phù hợp với khoa học. Nhưng sau khi lấy nhiều lá số người quen rồi đoán thử, tôi đâm ra hoang mang. Có mấy lá số vừa có cách chết non, vừa có cách sống lâu. Vậy thì chết non đúng hay sống lâu đúng? Đây chỉ là một trong nhiều mâu thuẫn mà tôi khám phá đầy dẫy trong tử vi. Sau khi lén lấy tiền của gia đình đi học vài ông bà thầy bói và khám phá ra một vài điều mà tôi không muốn viết lên đây, tôi hết sức chán nản. Đi từ cực đoạn này sang cực đoan khác, tôi bỏ không những tử vi mà tất cả mọi môn bói toán.

Sang Mỹ du học đầu năm 1972, một năm sau thì cha tôi mất trong tai nạn hàng không lớn nhất lịch sử Việt Nam thời ấy. Cột trụ gia đình gãy đổ, nhà không đủ sức chuyển ngân, tôi phải vật lộn với miếng ăn trong khi vẫn cố gắng tiếp tục học hành. Những gì liên quan tới khoa học huyền bí đã tưởng chỉ còn là một quá khứ càng lúc càng xa xôi.

Không ngờ xảy ra biến cố 1975, làn sóng tị nạn tràn sang. Năm 1983, cộng đồng Việt Nam ở San Jose đã đủ lớn mạnh, những nhà lãnh đạo cộng đồng quyết định tổ chức

www.tuviglobal.com

hội chợ tết Quý Hợi thật quy mô. Một nhu cầu của hội chợ tết quy mô đầu tiên này là phải có gian hàng bói toán "cho có hương vị tết quê nhà". Ông anh lớn của tôi sốt sắng giới thiệu, bảo là tôi đã biết xem bói ở Việt Nam. Mặc dù chẳng còn muốn dính líu gì đến bói toán nữa, tôi không dám phụ những người có lòng nên vẫn bạo gan mở ra gian hàng xem bói "không đúng vẫn lấy tiền". Không hiểu tại sao số người xem đông ngoài mức tưởng tượng. Nhưng chẳng muốn đóng tiếp vở kịch thầy bói quên sách vở, tôi chỉ cố làm thêm một năm nữa (tết Giáp Tý 1984) rồi "giải nghệ".

Cùng khoảng thời gian này, tôi và anh Trần Quảng Nam trở nên thân thiết. Anh Nam (lúc ấy chưa làm ra bản "Mười năm tình cũ") có biệt tài xem hạn. Anh dùng ngày sinh của tôi, lấy ra 12 lá số, rồi bảo chắc chắn chỉ có một lá đúng với tôi. Anh bảo sao tôi biết vậy, bởi thực tình lúc ấy đối với tôi bói toán chỉ là một trò tiêu khiển tâm não mà thôi. Thêm tính gàn bướng, tôi hoặc không buồn để ý lá số tử vi nói gì, hoặc cố ý làm ngược lại xem kết quả ra sao.

Nhưng thời gian từ 1976 đến năm 1986 quả là 10 năm đầy biến chuyển trong đời tôi. Được người mê bị người bỏ, du thủ du thực hôm nay chủ tịch sinh viên hôm sau, học hành lười biếng, thi vấn đáp 10 câu trả lời sai 9 mà vẫn được cấp bằng chỉ vì một ông thầy (không quen biết) trong hội đồng giám khảo ép các ông khác phải chấm đậu, cầm mảnh bằng về Cali rách rưới phải sống bám gia đình, một điếu thuốc hút cũng không có tiền mua, đi làm kỹ sư rồi bị đuổi việc, được người bỏ bạc triệu mở hãng cho làm chức lớn rồi hãng lại sạt nghiệp, làm báo rồi đóng cửa báo thành phóng viên vườn, vân vân... Nhiều đêm nằm một mình ngẫm lại lá số anh Trần Quảng Nam đã lấy hộ, tôi giật mình, vì gần như tất cả những chuyển biến ấy đều ghi rành rành trên lá số!

www.tuviglobal.com

Thế là tôi quyết định trở lại khoa học huyền bí. Bắt đầu năm 1986 tôi đi sâu vào khoa chiêm tinh tây phương mà trước đó tôi chỉ có kiến thức ngoài da. Trong một lần bệnh nặng, như có người trên mách bảo, tôi tìm ra tương quan giữa thuyết tứ nguyên tố (four elements) của tây phương và thuyết ngũ hành của Á Đông. Tôi bắt đầu viết các bài nghiên cứu về khoa học huyền bí cho tờ Văn Uyển ở San Jose của anh Trần Nghi Hoàng (tác giả tập thơ Trần Nghi Hoàng) và chị Trần Thị Bông Giấy (sau này gây sóng gió trong làng văn nghệ Việt Nam ở Hoa Kỳ với các tập "Truyện dài không có tên" mà tôi xin phép không bàn thêm).

Run rủi làm sao, nhờ đứng ra tổ chức giải cờ tướng hàng năm ở hội chợ tết San Jose, năm 1993 tôi học được cách đọc chữ Hán nhờ công giảng dạy của cụ chủ tịch hội cờ tướng Lã Vượng. Kiến thức chữ Hán mở cho tôi một chân trời mới. Mỗi cuối tuần tôi ghé các tiệm sách tiếng Hoa ở San Jose và San Francisco tìm sách viết về bói toán. Qua các sách này tôi được biết Đài Loan là thánh địa mới của các bộ môn khoa học huyền bí, dứt xa Trung Hoa lục địa. Riêng khoa Tử Vi đang ở trong giai đoạn trăm hoa đua nở ở Đài Loan. Tôi thầm mơ có dịp sang Đài Loan để nghiên cứu thêm về môn này.

Tưởng chỉ là ước mơ, không ngờ tháng 4 năm 1994 ông trưởng phòng kỹ sư ứng dụng gọi tôi vào văn phòng, bảo tôi phải làm một chuyến đi cấp tốc sang 4 nước Á Châu để cứu vãn tình thế nguy ngập. Tình cờ thứ nhất là trong bốn nước ấy có Đài Loan. Tình cờ thứ hai Đài Loan là nơi dừng chân sau cùng. Tôi nhờ văn phòng Đài Loan giữ một phòng khách sạn rẻ tiền ở gần "đại lộ sách" Trùng Khánh ở Đài Bắc. Hạn visa chỉ cho tôi ở lại thêm 1 ngày hai đêm. Nhưng bằng ấy đủ thời gian để tôi biết sách số mệnh Đài

www.tuviglobal.com

Loan nhiều như rừng. Riêng về môn tử vi, dù mỗi tháng trung bình đọc một quyển có lẽ cả đời cũng không hết. Tôi trở về Mỹ trong niềm hối tiếc, tưởng cuộc đời bận rộn sẽ chẳng bao giờ cho tôi cơ hội trở lại Đài Loan nữa.

Ai ngờ tháng 9 cùng năm hãng lại gửi tôi sang Á Châu, rồi mùa giáng sinh một chuyến khá dài nữa. Đến tháng 5 năm sau (1995) tôi được biệt phái sang Á Châu, dự định 6 tháng. Rút ngắn câu chuyện, tôi rời Đài Loan về hẳn lại Mỹ tháng 12 năm 2001. Tính lại thời gian tôi ở Á Châu chính thức không thôi đã là 6 năm 6 tháng. Trong suốt thời gian ấy, ngoài công việc của sở tôi dành tất cả thời giờ còn lại để nghiên cứu các khoa mệnh lý. Sáu năm sáu tháng là một thời gian khá dài, thế nhưng như tôi đã nói, rừng sách mệnh lý Đài Loan quá mênh mông mà đời người thì quá ngắn. Để đạt kết quả tôi đành quyết định giới hạn trọng tâm nghiên cứu vào Tử Vi và dịch lý. Còn môn Phong Thủy (tức Địa Lý) mà tôi cũng rất say mê, đành chờ cơ duyên khác vậy.

Lúc bắt đầu nghiên cứu, mục đích của tôi chỉ cốt là học cái tinh hoa của Đài Loan về Tử Vi và dịch lý rồi tóm lược lại bằng một số sách tiếng Việt. Thú thật ngoài sự say mê chân thật, lúc ấy tôi còn có nhiều tính háo danh, mơ được đời sau này nhắc tới như người có công đưa kiến thức Tử Vi và dịch lý của Việt Nam trở lại mức ngang hàng với thế giới.

Thế nhưng sau một thời gian nghiền ngẫm các sách Tử Vi ở Đài Loan và Hồng Kông, suy nghĩ của tôi hoàn toàn đổi khác. Tôi cảm nhận ra hai điều. Thứ nhất, không thể nào đi sâu vào khoa tử vi nếu không thấu triệt kinh Dịch, thứ hai kinh Dịch không phải là khoa học huyền bí tối thượng như tôi đã tưởng, mà chỉ là một trong nhiều ứng dụng của thuyết âm dương. Tóm lại thuyết âm dương mới

www.tuviglobal.com

là mấu chốt cơ bản của huyền học Á đông, phải hiểu nó mới mong sáng tỏ các vấn đề khác. Thế là tôi đổi đường hướng nghiên cứu, chuyển trọng tâm sang thuyết âm dương.

Đi vào sâu thêm tôi mới thấy rằng thuyết âm dương vẫn còn ở trong tình trạng rất mơ hồ. Mặc dù quan điểm âm dương khá dễ hiểu, câu "vô cực sinh thái cực, thái cực sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh bát quái, bát quái sinh vạn vật" lại không có lô gích gì cả. Tại sao "bát quái sinh vạn vật"? Mệnh lý tây phương dừng ở tứ nguyên tố (Đất Nước Gió Lửa). Nếu coi tứ nguyên tố tương đồng với tứ tượng thì phải đặt câu hỏi là tại sao thuyết âm dương không dừng ở tứ tượng? Thứ nữa, tại sao "bát quái sinh vạn vật" mà không phải là "bát quái sinh thập lục tiểu quái, thập lục tiểu quái sinh vạn vật" hoặc "bát quái sinh thập lục tiểu quái, thập lục tiểu quái sinh tam thập nhị đại quái, tam thập nhị đại quái sinh vạn vật" vân vân...

Tóm lại, thuyết âm dương đặt nền tảng trên bát quái, nhưng lại chẳng giải thích tại sao nền tảng ấy đáng tin cậy. Đó là chưa kể những vấn đề như tiên thiên bát quái, hậu thiên bát quái. Có hàng chục thuyết, vậy thì ai sai ai đúng? Vấn đề nữa là tương quan giữa âm dương và ngũ hành. Có sách bảo ngũ hành là một kết quả của âm dương. Có sách bảo hai thuyết này biệt lập.

Vì không tìm ra lời giải thỏa đáng trong bất cứ sách nào, tôi đi đến một quyết định táo bạo là tự tìm một con đường đi cho mình. Vì tôi nghiên cứu thuyết âm dương và Tử Vi cùng một lúc, để khỏi lạc đề xin kể lại diễn trình nghiên cứu thuyết âm dương trong một cơ hội khác; ở đây tôi sẽ chỉ nói về những chi tiết dính líu đến khoa Tử Vi thôi.

www.tuviglobal.com

Tôi xin ghi nhận vài quyển sách đã ảnh hưởng nhiều đến cái nhìn của tôi cũng như diễn biến trong việc nghiên cứu Tử Vi. Trước hết là hai quyển "Tử Vi nghiệm lý" và "Tử Vi nghiệm lý toàn thư" của ông Thiên Lương. Với phát kiến về vòng Thái Tuế trong cách xem mệnh và đại hạn, ông Thiên Lương chứng minh rằng Tử Vi đã thành một khoa học quốc tế, và người Việt Nam có thể đóng góp đáng kể vào sự tiến bộ của khoa học này. Kế đó là quyển "Tử Vi dưới mắt khoa học" của ông Vu Thiên Nguyễn Đắc Lộc. Mặc dù có nhiều câu hỏi hơn là câu trả lời, quyển sách này đã khởi lên trong tôi ý niệm nghiên cứu tử vi bằng phương pháp khoa học thuần túy.

Nhưng quyển sách có ảnh hưởng lớn nhất với tôi phải kể là "Kinh dịch và Tử Vi đẩu số" (nguyên tác "Dịch kinh dữ Tử Vi đẩu số") của dịch lý gia Đài Loan Tạ Phồn Trị. Do soạn giả tự xuất bản năm 1995, quyển này rất khó kiếm và hình như chẳng được ai biết đến. Vì một tình cờ, tôi mở ra và đọc nó trong một tiệm sách vào một ngày mùa hè năm 1996. Sau chỉ vài trang tôi bàng hoàng hiểu ra là soạn giả có lời giải cho những bế tắc của tôi nói riêng và của làng Tử Vi thế giới nói chung. Công tâm mà nói thì cách trình bày của ông Trị vẫn còn quá huyền hoặc; tuy nhiên nhờ đã nghĩ về những vấn đề này lâu năm tôi biết "Dịch kinh dữ Tử Vi đẩu số" chính là cái chìa khóa bí mật mà tôi đã tìm kiếm bấy lâu.

Với cái chìa khóa đó trong tay, suốt mấy năm trường ngoài giờ làm việc cho sở tôi miệt mài tìm cách khai mở những cánh cửa còn lại của khoa Tử Vi. Một người trên 40 tuổi lưu lạc nơi xứ lạ quê người, không vợ không con, không ai chờ ai đợi, cô thân độc ảnh đối diện chồng sách khô khan giữa bốn bức tường của căn phòng trọ trống trải hoặc những phòng khách sạn cô liêu vào những đêm khuya

www.tuviglobal.com

vắng và những buổi cuối tuần dài lê thê; với ai khác có thể là bất hạnh; nhưng đó đã là một trong những thời gian hạnh phúc nhất của đời tôi.

Nói thế không có nghĩa là việc nghiên cứu của tôi luôn luôn suông sẻ. Có khi cả năm trời tôi chẳng nảy ra một ý gì đáng ghi xuống giấy. Có khi vừa nẩy ra một ý mới lại thấy cái suy nghĩ cũ của mình sai, phải xóa bỏ mấy chục trang đánh máy để viết lại từ đầu.

Tháng 6 năm 2001 tôi viết xong bản thảo ba quyển "Tử Vi hoàn toàn khoa học", "mệnh lý hoàn toàn khoa học", và "kinh Dịch hoàn toàn khoa học". Đã dự định sẽ về hẳn Mỹ cuối năm, kế hoạch của tôi là in và phổ biến cả ba quyển. Không ngờ ngày 9 tháng 7 khi ở Singapore, một tai nạn lạ lùng xảy ra khiến cả ba bản thảo đều bị xóa mất. Vì ba quyển này đã đòi hỏi rất nhiều thời gian và công sức mới hoàn thành, và xét từ nền tảng thì hai quyển sau quan trọng hơn, tôi cứ tưởng sẽ chẳng bao giờ có thời giờ hoặc lý do để viết lại "Tử Vi hoàn toàn khoa học".

Đây là một trường hợp mà tôi rất vui mừng khi biết mình đã đoán sai. Như "tái ông thất mã", một quyển sách khoa học viết bằng Anh ngữ in mãi chẳng xong, thêm một tai nạn thảm khốc xảy ra cho một người thân cầm chân tôi ở California năm 2003, không ngờ lại trở thành cơ duyên để tôi viết lại "Tử Vi hoàn toàn khoa học". Tôi hết sức cám ơn gia đình anh chị Vũ Bình Nghi đã cho tôi đăng loạt bài này trên tờ Thời Báo ở San Jose mặc dù biết rằng tính chất khô khan của đề tài có thể làm nản chí nhiều người đọc.

Khi tôi viết những giòng này, cụ Lã Vượng dạy tôi chữ Hán ngày xưa đã qua đời vì một tai nạn lưu thông. Lòng tôi bùi ngùi thầm nghĩ nếu không gặp cụ có lẽ tôi chẳng bao giờ nghĩ đến chuyện học chữ Hán, mà không học chữ Hán thì làm sao tôi có thể hiểu để mà biết tầm quan trọng

www.tuviglobal.com

của quyển "kinh Dịch và Tử Vi đẩu số" cũng như nhiều tài liệu Hán văn khác về Tử Vi và thuyết âm dương? Nói rõ hơn, nếu tôi không có duyên gặp cụ Vượng thì có lẽ chẳng bao giờ tôi học đủ, hiểu đủ để viết "Tử Vi hoàn toàn khoa học".

Nhưng cái duyên học chữ Hán với cụ Vượng chỉ là một. Còn ông anh Bình đã bỏ tiền túi ra mua đủ loại sách mệnh lý cho tôi tha hồ nghiên cứu ở tuổi thơ ngây, còn ban tổ chức hội chợ tết ở San Jose vô tình khiến tôi tìm trở về mệnh lý, còn anh Trần Quảng Nam với khả năng đoán hạn chính xác lạ lùng bắt buộc tôi phải tin rằng Tử Vi có "một cái gì đó" đáng nghiên cứu, còn quyển lịch sách Thiên Mã và tạp chí Văn Uyển là môi trường cho tôi viết các bài mệnh lý ban đầu, còn ông cấp trên đã khuyến khích tôi sang Đài Loan, còn hoàn cảnh kinh tế phồn thịnh của Hoa Kỳ trong thập niên 1990's giúp tôi được lưu lại Á Châu đủ lâu cho việc nghiên cứu, còn những nhân duyên đổ vỡ của một thời xưa cũ vô hình chung lại cho tôi cái tự do của một người nghiên cứu không hệ lụy, còn cái duyên với gia đình anh chị chủ trương tờ Thời Báo ở San Jose giúp tôi có lý do và hứng khởi để viết lại loạt bài này v.v...

Vẫn còn nhớ những ý chính của bản thảo đã bị tiêu hủy ngày 9 tháng 7 năm 2001, tôi thầm so sánh và ngạc nhiên khi khám phá ra rằng bản tái tạo này đầy đủ hơn về chất liệu và chặt chẽ hơn về lý luận. Hóa ra, ngay cả cái biến cố tưởng là bất hạnh của ngày 9 tháng 7 năm 2001 cũng là một cơ duyên giúp cho những điều tôi viết ra được đầy đủ hơn và chính xác hơn.

Quyển sách này ra đời cũng lại do một cơ duyên bắt đầu từ những năm tôi còn ở cao học, bởi anh Phan Thanh Thu, người nhận lời in nó ra chính là bào huynh của anh Phan Thanh Tâm. Cuộc đổi đời 1975 vô tình đưa anh Tâm

www.tuviglobal.com

và tôi đến cùng tiểu bang Minnesota lạnh giá, rồi khiến chúng tôi trở thành bạn cùng phòng. Từ năm 1981 tôi và anh Tâm ít khi gặp lại, nhưng cái tình bạn ngày xưa chẳng hiểu sao không hề phai nhạt với thời gian. Khi tôi viết loạt bài "Tử Vi và thế cuộc" năm 2003, anh Tâm là người giúp loạt bài này được phổ biến. Giờ thì cũng nhờ anh mà tôi đã thoát được một gánh năng, vì khỏi phải lo phần in ấn và phổ biến vốn chẳng phải là sở trường của tôi.

Tôi xin cám ơn tất cả các cơ duyên đó. Còn quyển sách có đóng góp được gì không cho kiến thức Tử Vi, tôi xin để độc giả thẩm xét và quyết định.

San José ngày 8 tháng 6, 2004
Đằng Sơn

www.tuviglobal.com

Chương 1

CƠ SỞ ÂM DƯƠNG CỦA KHOA TỬ VI

"Tính "huyền học" của tử vi hiện đại

Từ trước đến nay tử vi được coi là một môn huyền học. Tại sao gọi là "huyền học"? Xin thưa vì ta không có nền tảng nào để xét những gì ta đã học về tử vi là đúng hay sai. Thầy dạy ta sao thì ta biết vậy. Tin thì học, không tin thì đừng học. Học xong cảm thấy thầy sai, muốn sửa lại theo ý mình thì cũng chỉ có cách kiểm chứng bằng kinh nghiệm cá nhân.

Chính vì vậy mà càng ngày càng sinh ra nhiều trường phái. Thời xưa đã phân ra bắc phái và nam phái[1], sau thêm Trung Châu phái[2] và Mân phái[3]. Mấy mươi năm gần đây khoa tử vi trải qua một giai đoạn trăm hoa đua nở ở tân thánh địa Đài Loan, số học phái càng nhiều thêm nữa. Xin đề cử vài phái mới mà người Việt ít biết đến:

Phái "huyền không tứ hóa" (còn gọi là "lập thể tứ hóa") do ông Chính Huyền Sơn Nhân[4] khởi xướng. Phái này chủ trương mấu chốt của tử vi nằm hết ở Tứ Hóa. Thí dụ cung huynh đệ thuộc can Giáp tất Liêm Trinh hóa Lộc, Phá Quân hóa Quyền, Vũ Khúc hóa Khoa, Thái Dương hóa Kỵ. Nếu cung quan lộc có Liêm Tham, cung mệnh có Tử Phá, cung tài bạch có Vũ Sát, cung tử tức có Thái Dương sẽ tạo thành các trường hợp: "Huynh đệ hóa Lộc nhập quan lộc" (nghĩa là huynh đệ làm lợi cho quan lộc), "huynh đệ hóa Quyền nhập mệnh" (nghĩa là huynh đệ có ảnh hưởng đến khả năng tạo quyền lực của mình), "huynh đệ hóa Khoa nhập tài bạch" (nghĩa là huynh đệ tạo may mắn cho tài chánh của mình), "huynh đệ hóa Kỵ nhập tử tức" (nghĩa là huynh đệ không hợp với con cái mình), vân

www.tuviglobal.com

vân... Đó là chưa nói đến việc xem hạn, toàn bàn có tứ Hóa nguyên thủy, đại hạn có đại hạn tứ Hóa, tiểu hạn có tiểu hạn tứ hóa, thành ra cảnh tứ Hóa cộng hưởng hỗn độn với nhau, khiến người xem tưởng như lạc vào mê hồn trận.

Phái "mệnh vận phân ly" của ông Liễu Vô Cư Sĩ[5] chủ trương khi xem hạn phải bỏ tứ Hóa nguyên thủy, xem lưu tứ Hóa mà thôi. Ngoài ra phái này lập luận rằng Tử Vi không dính líu gì đến ngũ hành, nên bỏ hẳn một số sao vốn được coi là hết sức quan trọng; kể cả sao Lộc Tồn. Có người cực đoan hơn bỏ luôn hóa Quyền và hóa Khoa, chỉ giữ lại hóa Lộc và hóa Kỵ thôi.

Đó chỉ là vài phái được khá nhiều người theo. Ngoài ra lại có những phái thiểu số, như phái chủ trương xử dụng 36 cung thay vì 12 cung khi lập lá số, phái chủ trương mỗi đại hạn chỉ kéo dài 5 năm, phái chủ trương phải sử dụng tiết khí y hệt như khoa tử bình (là một khoa coi ngũ hành là chính), phái chủ trương mấu chốt tử vi nằm ở cung khí như tử bình vân vân...

Thế nào là "tử vi hoàn toàn khoa học"?

Đối lại "huyền học" là "khoa học". Mọi ngành khoa học đều có nền tảng riêng của chúng, nhờ vậy người sau có thể bổ khuyết cho những sai lầm hoặc thiếu sót của người trước.

Sau sáu năm rưỡi trời nghiên cứu ở Á Châu, người viết vui mừng loan báo với quý độc giả rằng tử vi có mọi đặc tính của một ngành khoa học, và xin làm kẻ dọn đường trong công cuộc khoa học hóa tử vi đẩu số.

Bộ sách "tử vi hoàn toàn khoa học" không phải là một "bí kíp" mà là một hệ thống lý luận khoa học. Những người khác có thể dựa vào hệ thống đó để liên tục bổ

www.tuviglobal.com

sung sửa chữa, giúp cho môn tử vi đôn hóa tiến bộ như các ngành khoa học khác.

Tiên quyết:

Vai trò của âm dương ngũ hành trong khoa tử vi

Âm Dương và ngũ hành là hai học thuyết hết sức quan trọng của Á Đông. Một số người cho rằng âm dương ngũ hành là hai mặt của cùng một thuyết; một số khác cho rằng ngũ hành do âm dương mà ra; lại có người cho rằng âm dương và ngũ hành không dính líu gì đến nhau. Nhưng đây chỉ là ba niềm tin, dựa trên những lập luận không lấy gì làm khoa học.

Tất cả những ai mới bước vào tử vi đều cảm thấy rằng khoa này áp dụng cả hai thuyết âm dương và ngũ hành. Vấn nạn to lớn là, nếu xét trên nền tảng khoa học, vì âm dương dựa trên số 2 (số nguyên tố chẵn), ngũ hành dựa trên số 5 (số nguyên tố lẻ), hai thuyết này có vẻ như hoàn toàn độc lập; nếu tử vi áp dụng cả hai thuyết thì làm sao tránh được những trường hợp mâu thuẫn, hoặc những cảnh "râu ông nọ cắm cằm bà kia"?

Chính vì vấn nạn này mà gần đây sinh ra hai phái "chỉ có âm dương" và "chỉ có ngũ hành". Thí dụ, ông Liễu Vô Cư Sĩ ở Đài Loan cho rằng tử vi chỉ có âm dương. Trong khi đó những người chủ trương phải dùng cung khí, tiết khí vân vân... hiển nhiên xem ngũ hành là nền tảng. Từ đó có thể thấy âm dương ngũ hành là một vấn nạn rất lớn của tử vi hiện đại.

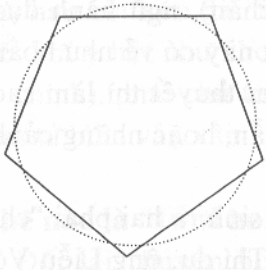
Thế nhưng cả hai phái "chỉ có âm dương" và "chỉ có ngũ hành" đều không ổn thỏa:

Phái "chỉ có âm dương" không thể giải thích tại sao cách định vị trí sao Tử Vi dựa trên ngũ hành cục, hiển nhiên là một kết quả của ngũ hành (Thủy nhị cục, mộc

www.tuviglobal.com

tam cục, kim tứ cục, thổ ngũ cục, hỏa lục cục). Phái này cũng không thể giải thích tại sao sự phù hợp ngũ hành tính giữa bản mệnh và sao rất quan trọng. Thí dụ: Bản mệnh Kim, cung mệnh cư Dậu vô chính diệu có Bạch Hổ (kim) tọa thủ là thượng cách.

Phái "chỉ có ngũ hành" còn bế tắc hơn nữa. Đơn cử vài thí dụ: Phá Quân thuộc thủy, vậy tại sao lại hãm ở Thân, Dậu là hai cung kim sinh được thủy, và ở Hợi là cung thủy? Liêm Trinh thuộc hỏa tại sao lại vượng ở Ngọ mà hãm ở Tỵ, mặc dù hai cung cùng thuộc hỏa? Thiên Cơ thuộc mộc tại sao hãm ở Hợi thuộc thủy sinh được mộc, miếu ở Thìn Tuất thuộc thổ khắc mộc, rồi lại hãm ở Sửu Mùi cũng thuộc thổ? Thái Dương thuộc hỏa sao lại phù hợp với Xương Khúc (kim bị hỏa khắc và thủy khắc hỏa) mà úy kỵ Không Kiếp (hỏa)? Vân vân và vân vân...



Dùng thuyết ngũ hành để thay thế thuyết âm dương cũng như dùng hình ngũ giác để thay thế hình tròn trong trường hợp không có compass. Nếu sai số không quá lớn thì thuyết ngũ hành tiện lợi hơn thuyết âm dương.

Vậy thì phải giải quyết vấn nạn âm dương và ngũ hành trong khoa tử vi như thế nào?

Xin thưa rất giản dị, bởi ngũ hành quả là do âm dương mà ra. Chính xác hơn, ngũ hành là một phép tính gần đúng của bài toán âm dương. (Rất tiếc muốn chứng minh tương quan giữa ngũ hành và âm dương một cách khoa học phải cần rất nhiều giấy mực; người viết yêu cầu độc giả tạm chấp nhận kết quả hết sức quan trọng này, và xin hứa sẽ trình bày chi tiết trong quyển "mệnh lý hoàn toàn khoa học").

www.tuviglobal.com

Có thể ví thuyết âm dương với một hình tròn, thuyết ngũ hành với một hình ngũ giác. Giả như không có compass thì vẽ hình ngũ giác dễ hơn vẽ hình tròn. Cho nên mặc dù nền tảng của khoa tử vi là thuyết âm dương, ta vẫn cần đến ngũ hành mỗi khi bài toán âm dương trở thành quá phức tạp.

Cũng có thể so sánh tử vi với một ứng dụng kỹ thuật. Mặc dù nền tảng của kỹ thuật là khoa vật lý, nhưng khi áp dụng thực tế nhiều khi các công thức kỹ thuật lại tiện dụng hơn. Thế nên việc tử vi dụng cả âm dương (ví như nguyên tắc vật lý) và ngũ hành (ví như công thức kỹ thuật) không có gì là mâu thuẫn cả.

Tử vi là một môn nghiên cứu "giả tướng"!

Mọi kỹ sư đều biết rằng mỗi công thức kỹ thuật chỉ đúng cho một số trường hợp. Người kỹ sư giỏi phải nắm vững nền tảng chính (tức là khoa vật lý) mới biết tùy trường hợp mà áp dụng công thức cho đúng. Đây là lý do tại sao vật lý là một môn học quan trọng trong mọi chương trình kỹ sư.

Tương tự, muốn áp dụng ngũ hành trong khoa tử vi một cách đúng đắn người nghiên cứu phải nắm vững nền tảng sâu đậm của ngũ hành, tức là phải hiểu thuyết âm dương.

Tiếc là thuyết âm dương cũng đã bị thất truyền. Vì lý do này, người viết đã bỏ công đi tìm lại nền tảng của thuyết âm dương. Rất may công cuộc này đã đạt kết quả tốt đẹp và sẽ được trình bày trong hai quyển sách "kinh Dịch hoàn toàn khoa học" và "thuyết âm dương hoàn toàn khoa học". Nhưng trong khuôn khổ của loạt bài "Tử Vi hoàn toàn khoa học" người viết sẽ chỉ tùy trường hợp mà trình bày các kết quả. Mong quý độc giả kiên nhẫn; khi

www.tuviglobal.com

một trong hai quyển sách kia ra đời mọi sự sẽ thành rõ ràng hơn.

Mấu chốt của thuyết âm dương đã được bao hàm trong câu "vô cực sinh thái cực", nghĩa là khởi điểm của vạn sự trên đời này là một con số không to lớn. Theo luật bảo toàn của khoa học, mặc dù vũ trụ phát triển đến đâu đi nữa, cộng tất cả lại vẫn phải cho ta con số không nguyên thủy.

Vậy tại sao có hiện tượng? Xin trả lời bằng thí dụ toán học. Nếu ta gọi -1 là âm, +1 là dương thì hiển nhiên 0 = (-1) + (+1), nghĩa là từ trạng thái không có thể sinh ra hai trạng thái có là âm (-1) và dương (+1). Hãy tưởng tượng một thực thể gồm thật nhiều số -1 và +1 sao cho tất cả cộng lại thành không, ta sẽ thấy ngay rằng mỗi sự sắp xếp của hai loại số này có thể ứng với một loại hiện tượng. Nghĩa là hiện tượng chỉ là những mặt khác nhau của "không". Quý độc giả quen thuộc với triết lý nhà Phật tất hiểu ngay đây là một mặt của cái lý "sắc sắc không không", theo đó vũ trụ của chúng ta là cõi "vô thường", và mọi hiện hữu đều là "giả tướng".

Mỗi người chúng ta là một tiểu vũ trụ tạo bởi một số "giả tướng" tạm thời tập hợp rồi lại phân ly! Mục đích của khoa tử vi là xác định những "giả tướng" đó./

San Jose ngày 11 tháng 6, 2003

Đằng Sơn

Chú thích

1.) Khác biệt quan trọng nhất giữa bắc phái và nam phái là cách khởi đại hạn. Bắc phái nếu thuận hành khởi đại hạn ở phụ mẫu, nếu nghịch hành khởi đại hạn ở huynh đệ; nam phái nhất luật khởi ở mệnh. Quý độc giả có nghiên cứu bát tự tất thấy bắc

www.tuviglobal.com

phái cùng lý với bát tự, nam phái thì không. Theo một số thuyết thì bắc phái là phái nguyên thủy, nam phái được phát triển sau này; nhưng đây chỉ nên coi là thuyết. Vì không ứng hợp với thực tế, hiện nay cách xem đại hạn của bắc phái đã chìm vào quên lãng và nam phái là tiêu chuẩn ở mọi nơi. Một số sách nói Tử Vi Trung Hoa khởi đại hạn theo bắc phái; người viết xin bảo đảm rằng điều này hoàn toàn không đúng. Rõ ràng hơn, chỉ một thiểu số rất nhỏ còn khởi đại hạn theo bắc phái mà thôi.

2.) Trung châu phái được tin là một chi của nam phái. Đặc điểm của trung châu phái là coi trọng hai sao Tuần Triệt. Địa bàn của trung châu phái là Hoa Nam, như Lưỡng Quảng, Hồ Nam. Tử Vi Hồng Kông là một thí dụ của trung châu phái. Tử Vi Việt Nam có lẽ cũng thế.

3.) Mân phái được tin là một chi của bắc phái, sau khi đã đổi cách khởi đại hạn thành y hệt như nam phái. Địa bàn của Mân phái là tỉnh Phúc Kiến và các vùng lân cận (vốn được gọi là đất Mân hoặc Mân Việt). Cách xem Tử Vi truyền thống ở Đài Loan có thể coi là một hệ của Mân phái.

4.) Ông Chính Huyền Sơn Nhân còn nghiên cứu thuyết ngũ hành, các khoa chiêm bốc, và thần chú. Riêng môn tử vi, truyền thuyết nói rằng ông tự nhiên ngộ ra, chưa từng học của ai cả.

5.) Ông Liễu Vô Cư Sĩ là một danh gia mệnh lý của Đài Loan, đã viết nhiều sách mệnh lý đủ loại, đặc biệt là bát tự và tử vi. Có cái nhìn tương đối khác người xưa, nhiều khi ông phê bình người xưa rất gay gắt.

www.tuviglobal.com

Chương 2

Cơ sở khoa học của địa bàn và luật tam hợp xung chiếu

Địa bàn tử vi

Như đã trình bày trong chương 1, tử vi là một bài toán "sắc sắc không không" dựa trên thuyết âm dương; cho nên nếu lấy tất cả mọi yếu tố âm dương có mặt trong tử vi cộng lại với nhau sẽ chỉ được một con số không. Nhưng vì âm dương phân phối không đồng đều nên có khi dương lấn âm, có khi âm lấn dương mà sinh ra cuộc đời.

Bởi thế mọi hiện tượng của cuộc đời, như hợp ly tụ tán thành bại thắng thua, và mọi trạng thái của con người, như hỉ nộ ái ố bi ai lạc dục vân vân... đều chỉ là những "giả tướng" âm dương. Tiếc là hầu hết chúng ta –trong đó có người viết- cứ tưởng những "giả tướng" này là thật nên mới lặn hụp trong sắc tình danh lợi.

Phương pháp của tử vi là bài trí hơn 100 "sao" trên một biểu đồ 12 cung gọi là "địa bàn" rồi xét xem các yếu tố âm dương cộng hưởng với nhau ra sao mà suy ra các "giả tướng cá nhân", tức là vận mệnh con người. Mười hai cung địa bàn xếp theo thứ tự thuận chiều kim đồng hồ là Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi. Quý độc giả nên cố học thuộc lòng thứ tự này, vì đây là một nền tảng tối quan trọng của tử vi.

Nhưng địa bàn đại biểu gì? Có cơ sở khoa học gì không? Tại sao khoa Tử Vi lại dựa trên địa bàn? Bài này cốt trả lời những câu hỏi đó.

www.tuviglobal.com

Khái lược về địa bàn

Nhắc lại địa bàn là một đồ biểu gồm 12 cung theo thứ tự thuận chiều kim đồng hồ: Tý Sửu Dần Mão Thìn Tỵ Ngọ Mùi Thân Dậu Tuất Hợi. Mười hai "cung" này được gọi là 12 địa chi, hoặc 12 chi.

Thông thường địa bàn được vẽ thành hình vuông, với 4 chi Dần Thân Tỵ Hợi chiếm 4 góc. Mười hai địa chi lại phân theo: Phương hướng (Đông Tây Nam Bắc): Tý là chính bắc, Ngọ là chính nam, Mão là chính đông, Dậu là chính tây. Các phương hướng còn lại cứ điền theo đúng thứ tự.

<table>
<tr><td>TỴ (âm) - Hỏa
tháng Tư LẬP HẠ
can: Bính, Mậu
quái TỐN</td><td>NGỌ (dương) - Hỏa
tháng Năm HẠ
can: Đinh, Kỷ
LY - phương Nam</td><td>MÙI (âm) - Thổ
tháng Sáu
can: (không có)
(KHÔN)</td><td>THÂN (dương) - Kim
tháng Bảy LẬP THU
can: Canh
quái: KHÔN</td></tr>
<tr><td>THÌN (dương) - Thổ
tháng Ba
can: (không có)
(TỐN)</td><td colspan="2" rowspan="2"></td><td>DẬU (âm) - Kim
tháng Tám THU
can: Tân
DOÀI - phương Tây</td></tr>
<tr><td>MÃO (âm) - Mộc
tháng Hai XUÂN
can Ất
CHẤN - phương Đông</td><td>TUẤT (dương) - Thổ
tháng Chín
can: (không có)
(CÀN)</td></tr>
<tr><td>DẦN (dương)- Mộc
tháng Giêng L.XUÂN
can Giáp
quái CẤN</td><td>SỬU (âm) - Thổ
tháng Chạp (12)
can: (không có)
(CẤN)</td><td>TÍ (dương) - Thủy
tháng Một (11) ĐÔNG
can: Quý
KHẢM - phương Bắc</td><td>HỢI (âm) - Thủy
tháng Mười L.ĐÔNG
can: Nhâm
quái: CÀN</td></tr>
</table>

Hình 1: Một số tính chất của mười hai cung địa bàn áp dụng vào Tử Vi
(can nghĩa là lộc vị của can, như can Ất là lộc vị của Ất)

Ngũ hành (Kim Mộc Thủy Hỏa Thổ): Hợi Tý thuộc thủy, Dần Mão thuộc Mộc, Tỵ Ngọ thuộc hỏa, Thân Dậu thuộc kim, Thìn Tuất Sửu Mùi thuộc thổ. Như vậy 4 hành Kim Mộc Thủy Hỏa mỗi hành chiếm hai cung, riêng hành Thổ chiếm 4 cung.

www.tuviglobal.com

Bát quái: Theo thứ tự của hậu thiên bát quái (tức Càn Khảm Cấn Chấn Tốn Ly Khôn Đoài), đại khái cứ hai quái ứng với ba địa chi, như sau:

-Ba chi Tuất Hợi Tý thuộc hai quái Càn Khảm.

-Sửu Dần Mão thuộc Cấn Chấn.

-Thìn Tỵ Ngọ thuộc Tốn Ly.

-Mùi Thân Dậu thuộc Khôn Đoài.

Tiêu chuẩn cơ bản: Phương hướng

Tại sao địa bàn gồm 12 chi; mà không gồm 6 chi, hoặc 10 chi, 24 chi vân vân...?

Câu hỏi nghe cắc cớ; nhưng rất cần phải trả lời để chứng tỏ rằng con số 12 không phải là một lựa chọn tùy hứng, mà có lý do chính đáng của nó.

Ta bắt đầu với tiền đề: "Vị trí nơi sinh và vận mạng con người có liên quan mật thiết với nhau"[1]. Nhớ rằng đây chỉ là một tiền đề; nên như mọi tiền đề không ai có thể chứng minh nó là đúng hay sai, và giá trị tối hậu của nó sẽ được quyết định bởi độ chính xác của những kết quả mà nó dẫn tới[2].

Cần nói rõ mọi trong vũ trụ không có vị trí tuyệt đối mà chỉ có vị trí tương đối. Muốn định vị trí tương đối phải chọn trước một điểm hoặc một hệ thống điểm làm chuẩn. Chúng ta có những chuẩn điểm sau:

-Mặt đất.

-Phần còn lại của vũ trụ.

Cách tự nhiên nhất để định vị trí trên trái đất là xử dụng vĩ tuyến và kinh tuyến. Nhưng vì trái đất và nhiều thiên thể khác liên tục di động không ngừng, sau khi định vị trí trên mặt đất lại phải làm thêm nhiều bài toán thiên

www.tuviglobal.com

văn phức tạp nữa mới biết vị trí ấy so với phần còn lại của vũ trụ như thế nào.

Độc giả có thể đoán là nếu muốn đạt đến tận cùng thì bài toán vị trí sẽ hết sức khó giải. Một phương pháp của khoa học là giản lược, nghĩa là bỏ những yếu tố được tin là phụ thuộc để biến bài toán từ phức tạp trở thành tương đối giản dị mà vẫn đạt độ chính xác cần thiết.

Để giản lược cách định nơi sinh, ta nhận xét rằng trái đất chỉ là một phần tử hết sức nhỏ bé trong vũ trụ mông mênh vô tận. Vị trí chính xác trên mặt đất vì thế đối với toàn thể vũ trụ chẳng có ý nghĩa gì cả, chỉ phương hướng mới quan trọng mà thôi.

Mấu chốt vì thế gồm cả trong hai chữ "phương hướng".

Các vị trí tương đương trên vòng tròn phương hướng:

Giả sử ta có hai chiếc Mercedes 1 và 2 đậu ở trước nhà và sau nhà. Nếu ta hoán vị (đổi chỗ), cho chiếc Mercedes 1 đậu ở sau nhà và chiếc 2 đậu ở trước nhà thì hoàn cảnh vẫn là: Một mercedes trước, một mercedes sau. Ấy bởi vì hai chiếc mercedes là hai đơn vị tương đương.

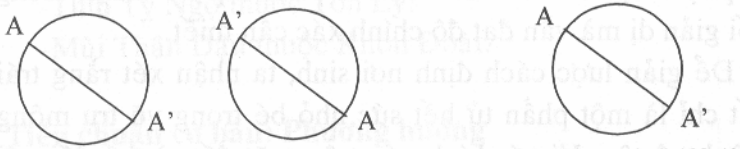
Nhưng nếu ta có chiếc mercedes đậu ở trước nhà và chiếc xe đạp ở sau nhà rồi hoán vị thì hoàn cảnh sẽ khác hẳn. Ấy bởi vì mercedes và xe đạp không tương đương nhau.

Tóm lại muốn biết hai đơn vị có tương đương hay không chỉ cần hoán vị rồi so sánh hoàn cảnh trước và sau khi hoán vị: Giống nhau thì tương đương, khác nhau thì không tương đương.

Để bắt đầu giải bài toán phương vị, ta vẽ một vòng tròn trên mặt địa cầu. Mỗi điểm trên vòng tròn này đại diện một phương, nên ta gọi nó là vòng tròn phương hướng.

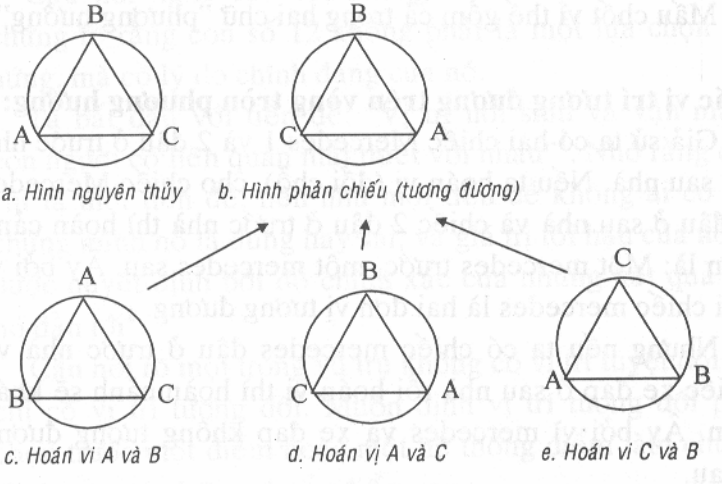
www.tuviglobal.com

Xét hai điểm A và A' đối xứng qua tâm vòng tròn, ta có AA' = đường kính. Nếu hoán vị 2 điểm này ta vẫn có AA'= đường kính. Nghĩa là khoảng cách AA' không thay đổi sau khi đã hoán vị. Ta phát biểu A và A' là 2 điểm tương đương trên vòng tròn phương hướng.



a. Nguyên thủy *b. Hoán vị A và A'* *c. Sau khi quay b đi 180 độ*

Hình 2a: Tính tương đương của nhóm 2 điểm đầu đường kính AA'



a. Hình nguyên thủy *b. Hình phản chiếu (tương đương)*

c. Hoán vị A và B *d. Hoán vị A và C* *e. Hoán vị C và B*

Hình 2b: Tính tương đương của 3 đỉnh tam giác đều nội tiếp ABC
(ba trường hợp c, d, e chính là b xoay góc mà thành)

Xét 3 đỉnh của tam giác đều ABC nội tiếp trong vòng tròn phương hướng, ta có AB=BC=CA. Dù hoán vị thế nào đi nữa hệ thức này vẫn đúng. Ta phát biểu ABC là 3 điểm tương đương trên vòng tròn phương hướng.

Xét 4 đỉnh của hình vuông nội tiếp MNPQ, ta có:

www.tuviglobal.com

MN = NP = PQ = QM = a (1)

MP = NQ = 1.414a (2)

Thử hoán vị MN, hình vuông sẽ có thứ tự mới là NMPQ. Các hệ thức trở thành:

MN = MP = PQ = NQ = a (3)

NP = QM = 1.414a (4)

Sau khi hoán vị MN và PQ vẫn bằng a, nhưng NP và QM từ a tăng lên thành 1.414a, MP và NQ từ 1.414a giảm xuống thành a. Hoàn cảnh rõ ràng đã thay đổi, do đó 4 đỉnh của hình vuông nội tiếp không phải là một nhóm tương đương.

Bằng cách chứng minh tương tự; các đỉnh của ngũ giác, lục giác, thất giác v.v... đều không phải là các nhóm điểm tương đương.

Ta cũng có thể xét tính tương đương với nhận xét rằng mỗi nhóm điểm chỉ có thể tương đương với chính nó hoặc với hình phản chiếu của nó (ta tương đương với chính ta và hình của ta trong gương).

Hai đầu đường kính AA' hoán vị thành A'A. Ta thấy A'A chính là hình phản chiếu của AA', kết luận A và A' là hai điểm tương đương.

Ba đỉnh tam giác nội tiếp ABC chỉ có 3 cách hoán vị sau đây:

1. Hoán vị AB, thành BAC.
2. Hoán vị AC, thành CBA.
3. Hoán vị BC, thành ACB.

Nhưng BAC=CBA=ACB=CBA; mà CBA thì chính là hình phản chiếu của nhóm nguyên thủy ABC.

Kết luận 3 đỉnh của tam giác đều nội tiếp là một nhóm tương đương.

Hình vuông nội tiếp MNPQ có 6 cách hoán vị sau đây:

1. Hoán vị MN, thành NMPQ.

www.tuviglobal.com

2. Hoán vị MP, thành PNMQ.
3. Hoán vị MQ, thành QNPM.
4. Hoán vị NP, thành MPNQ.
5. Hoán vị NQ, thành MQPN.
6. Hoán vị PQ, thành MNQP.

Hình phản chiếu của nhóm nguyên thủy MNPQ là QPNM. Trong 6 nhóm hoán vị chỉ có PNMQ và MQPN tương đương QPNM. Ta kết luận 4 đỉnh của hình vuông nội tiếp không phải là một nhóm tương đương.

Vân vân và vân vân.

Tóm lại trên vòng tròn chỉ có hai nhóm điểm tương đương: Nhóm thứ nhất là hai đầu của một đường kính, nhóm thứ hai là ba đỉnh của một tam giác đều nội tiếp.

Ý nghĩa hình học của các nhóm tương đương:

Phương của điểm A được đại diện bằng vectơ AO, với O là tâm của vòng tròn phương hướng.

(Chú ý: Vì thiếu từ ngữ người viết tạm dùng chữ "lực" trong phần bàn luận kế tiếp. "Lực" đây không nhất thiết có tác nhân, nên khác với chữ "lực" theo nghĩa thông thường của khoa vật lý. Sẽ trở lại vấn đề này trong chương 6.)

Lực vũ trụ đến từ mọi hướng. Nhưng A đại diện một phương, nên lực vũ trụ phải đi qua tâm vòng tròn phương hướng, ta gọi là lực F(A). Vũ trụ mông mênh nên không thiên vị phương hướng, do đó nếu gọi A' là điểm đối xứng của A qua tâm vòng tròn phương hướng và chọn chiều hướng tâm là chiều dương ta được:

$$F(A) = F(A') = F \qquad (5)$$

Nghĩa là lực vũ trụ trên hai điểm A, A' có cùng cường độ. Nói cách khác A và A' nhận hai lực tương đương từ vũ trụ.

www.tuviglobal.com

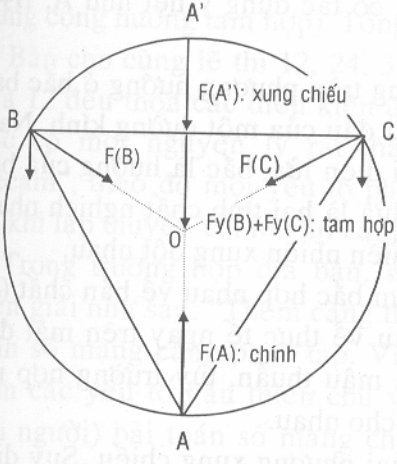
Nay xét tam giác đều nội tiếp ABC. Vẫn chọn chiều hướng tâm là chiều dương, gọi F(B) và F(C) là lực vũ trụ tác dụng trên hai điểm B, C. Vẫn dùng luật bất thiên vị của lực vũ trụ, ta có:

$$F(A) = F(B) = F(C) = F \qquad (6)$$

Tổng lực tác dụng trên B và C chiếu vào phương OA:

$$Fy(B) + Fy(C) = F(B)\cos 60 + F(C)\cos 60 = 2F\cos 60 = F \qquad (7)$$

So sánh (5) và (7) ta thấy B và C phối hợp trở thành tương đương với A trên phương OA. Nói cách khác lực vũ trụ ở B và C hợp lại trở thành tương đương với lực vũ trụ ở A.



Hình 3:
Tính tương đương của hai nhóm điểm AA' và ABC.

Vì thế nếu xét riêng điểm A thì:

A tương đương với A' và đồng thời tương đương với B+C.

Đây là một kết quả lý thú. Trước hết nó khẳng định lại kết luận trước đây của chúng ta rằng AA' và ABC là hai nhóm tương đương. Thứ hai nó cho ta biết đối với A thì lực vũ trụ ở B hoặc C nếu đứng riêng chỉ bằng phân nửa lực ở A'.

www.tuviglobal.com

Ta gọi A' là điểm xung chiếu, và BC là hai điểm tam hợp của A.

Điểm A chịu sự tác dụng của các lực:

F(A) là lực chính.

F(A') là lực xung, tương đương và ngược chiều với F(A).

Fy(B)+Fy(C) là lực tam hợp, cộng lại tương đương và ngược chiều với F(A).

Áp dụng phép tương đương vào mặt đất ở bắc bán cầu

Tương đương là liên hệ hai chiều. Chỉ có hai loại tương quan hai chiều là hợp và xung (trái với hợp). Xét về lực vũ trụ thì A' hợp với A vì có tác dụng y hệt như A, B+C cũng vậy.

Nhưng nếu xét một vòng tròn phương hướng ở bắc bán cầu ta thấy bắc nam là hai đầu của một đường kính. Nam là hướng của xích đạo đại diện lửa, bắc là hướng của bắc cực đại diện nước. Nước lửa là hai tính chất nghịch nhau, nên hai phương nam bắc hiển nhiên xung đột nhau.

Tóm lại hai phương nam bắc hợp nhau về bản chất (vũ trụ tính), nhưng xung nhau về thực tế ngay trên mặt đất, tạo thành một hoàn cảnh mâu thuẫn, tùy trường hợp mà chối chọi hoặc bổ khuyết cho nhau.

Bắc nam được gọi là hai phương xung chiếu. Suy diễn rộng ra, tất cả các phương xung chiếu đều có tính chất tương tự.

Coi phương nam là đỉnh của một tam giác đều, thì hai đỉnh kia tất là hai phương hợp với phương nam, tạo thành một nhóm tam hợp. Tương tự phương bắc cũng có hai phương tam hợp. Tổng cộng thành 6 phương tạm gọi theo thứ tự thuận chiều kim đồng hồ là B1, N3, B2, N1, B3, N2

www.tuviglobal.com

(B tượng trưng bắc; N tượng trưng nam; các số 1, 2, 3 tượng trưng cộng hưởng tam hợp).

Tại sao địa bàn có 12 cung

Bắc lạnh, nam nóng thì đông và tây hiển nhiên phải là nhiệt độ trung bình. Có nóng, lạnh mà thiếu trung bình thì mô hình toán học vẫn còn thiếu sót, do đó phải thêm hai phương đông và tây. Nhưng thêm đông tây rồi thì phải thêm bốn phương tương ứng nữa để thỏa cộng hưởng tam hợp; tức là thêm tổng cộng sáu phương, tạm gọi theo thứ tự thuận chiều kim đồng hồ là Đ1, T3, Đ2, T1, Đ3, T2 (Đ tượng trưng đông; T tượng trưng tây; các số 1, 2, 3 tượng trưng cộng hưởng tam hợp). Tổng cộng thành 12 phương!

Bàn cho cùng lẽ thì 12, 24, 36, 48 v.v... tức mọi bội số của 12 đều thỏa các điều kiện đòi hỏi. Nhưng trong khoa học có một nguyên lý rất thâm sâu gọi là "dao cạo Occam", theo đó mọi yếu tố phức tạp đều phải được cắt bỏ khi lập thuyết, chỉ lưu lại cái gì không thể cắt mà thôi.

Trong trường hợp địa bàn, nguyên lý Occam có thể diễn giải như sau: "Thêm càng thêm nhiều phương thì bài toán số mạng càng phức tạp. Vì không có khả năng bao hàm các yếu tố hậu thiên chủ yếu (hoàn cảnh sống của con người) bài toán số mạng chỉ có thể đạt kết quả gần đúng, phức tạp thêm chưa chắc đúng hơn, trái lại có thể trở thành quá rắc rối rồi càng sai thêm nữa."

Vì thế ta phải chọn bội số nhỏ nhất của 12, tức số 12!

Lý âm dương của 12 phương hướng

Sáu phương B1, B2, B3, N1, N2, N3 được hình thành từ phân biệt bắc nam, trong khi Đ1, Đ2, Đ3, T1, T2, T3 từ phân biệt đông tây. Phân biệt bắc nam là phân biệt cực đoan (bắc lạnh nam nóng), phân biệt đông tây là phân

www.tuviglobal.com

biệt bình hòa (nhiệt độ tương đương). Suy diễn từ nguyên lý "nguồn gốc khác nhau dẫn đến kết quả khác nhau" ta kết luận hai nhóm [B1, B2, B3, N1, N2, N3] và [Đ1, Đ2, Đ3, T1, T2, T3] có đặc tính cơ bản khác nhau.

Kế đến ta áp dụng thuyết âm dương. Bắc nam vì có khác biệt nhiệt độ nên phù hợp với tính dương, đông tây vì bình hòa nhiệt độ nên hợp với tính âm. B1, B2, B3, N1, N2, N3 sinh ra từ tính dương nên là sáu phương dương. Đ1, Đ2, Đ3, T1, T2, T3 là sáu phương âm vì lý do tương tự.

Phối hợp tất cả lại, bắt đầu bằng B1 ta có tổng cộng 12 phương âm dương xen kẽ nhau theo chiều kim đồng hồ: B1, T2, N3, Đ1, B2, T3, N1, Đ2, B3, T1, N2, Đ3.

Cuối cùng gọi phương B1 là cung Tý, tiếp theo bởi Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi; ta có 12 cung quen thuộc của địa bàn!

Tóm lại:

1. Chỉ có hai cộng hưởng quan trọng giữa các phương trên địa bàn là cộng hưởng xung chiếu và cộng hưởng tam hợp. Vì thế muốn biết tường tận ảnh hưởng của một phương phải xét thêm ba phương nữa là phương xung chiếu và hai phương tam hợp của nó, tổng cộng thành bốn phương.

2. Địa bàn có 12 cung vì phải như vậy mới đủ diễn tả cộng hưởng xung chiếu và cộng hưởng tam hợp của bốn phương đông tây nam bắc.

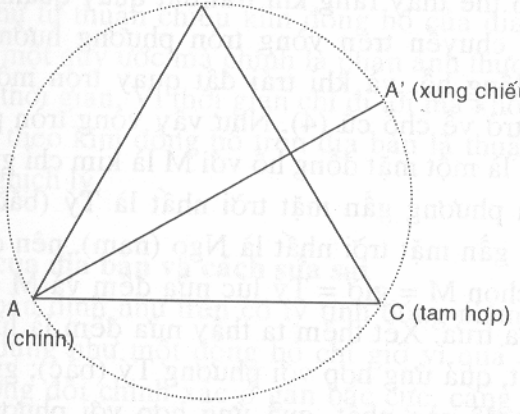
3. Tý, Dần, Thìn, Ngọ, Thân, Tuất vì nguồn gốc dương (bắc nam khác biệt nhiệt độ, có tính cực đoan) nên là 6 cung dương. Sửu, Mão, Tỵ, Mùi, Dậu, Hợi vì nguồn gốc âm (đông tây nhiệt độ tương đương, có tính bình hòa) nên là sáu cung âm.

www.tuviglobal.com

Luật tam phương tứ chính của khoa Tử Vi

Tóm lại mỗi cung trên địa bàn đều tương đương với cung xung chiếu và hai cung tam hợp của nó. Có 6 nhóm xung chiếu là Tý Ngọ, Sửu Mùi, Mão Dậu, Thìn Tuất, Tỵ Hợi; và 4 nhóm tam hợp là Dần Ngọ Tuất, Thân Tý Thìn, Tỵ Dậu Sửu, Hợi Mão Mùi.

Các cung tương đương phải có liên hệ mật thiết với nhau, do đó khi xem một cung tử vi ta phải xem thêm cung xung chiếu và hai cung tam hợp của nó. Đây là luật "tam phương tứ chính" của tử vi. Thí dụ, khi xem cung Tý phải xem thêm cung Ngọ (vì xung Tý) và Thân Thìn (vì ở cùng nhóm tam hợp với Tý). Quý độc giả có thể tự suy ra các trường hợp khác.



Hình 4 Khi xem một cung tử vi, phải xem thêm cung xung chiếu và hai cung tam hợp của nó.

Trước giờ giới xem tử vi chỉ nhắm mắt áp dụng áp dụng luật tam phương tứ chính mà không hiểu lý do. Giờ thì quý độc giả đã thấy luật này là một kết quả của lý tương đương của khoa học.

www.tuviglobal.com

Trong một số trường hợp đặc biệt phải xem thêm hai cung bên cạnh, tức là hai cung giáp. Cũng có khi phải xem cung nhị hợp. Cái lý của giáp và nhị hợp sẽ được bàn trong một dịp khác.

Liên quan giữa 12 cung và thời gian tại bắc bán cầu

Những điều sắp trình bày chỉ ứng với các địa điểm thuộc bắc bán cầu không quá gần xích đạo hoặc bắc cực. Kết quả cho các địa điểm còn lại có thể suy ra bằng lý luận tương tự, người viết sẽ trở lại khi đến lúc.

Mười hai cung và thời gian trong một ngày

Gọi M là điểm trên vòng tròn phương hướng gần mặt trời nhất. Có thể thấy rằng khi trái đất quay quanh chính nó M sẽ di chuyển trên vòng tròn phương hướng theo chiều kim đồng hồ, và khi trái đất quay trọn một vòng điểm M sẽ trở về chỗ cũ (4). Như vậy vòng tròn phương hướng chính là một mặt đồng hồ với M là kim chỉ giờ!

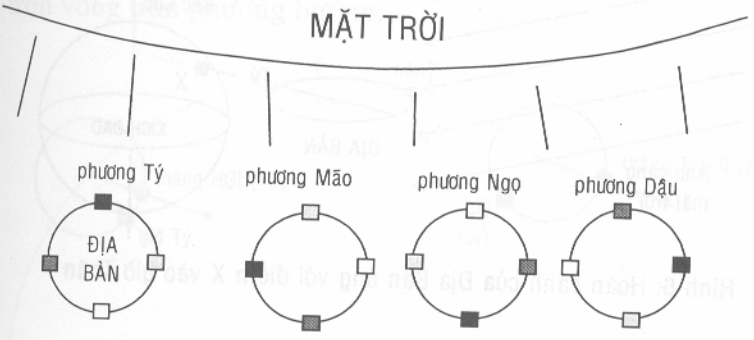
Nửa đêm phương gần mặt trời nhất là Tý (bắc), giữa trưa phương gần mặt trời nhất là Ngọ (nam), nên để giản tiện ta thử chọn M = giờ = Tý lúc nửa đêm và M = giờ = Ngọ lúc giữa trưa. Xét thêm ta thấy nửa đêm là lúc nhiệt độ thấp nhất, quả ứng hợp với phương Tý (bắc); giữa trưa là lúc nhiệt độ cao nhất, quả ứng hợp với phương Ngọ (nam). Như vậy sự lựa chọn của chúng ta rất hợp lý. Những giờ còn lại cứ điền vào cho phù hợp.

Tóm lại:

1. Mười hai cung địa bàn chính là 12 phương thay phiên nhau hướng về phía mặt trời, tương ứng hợp lý với 12 giờ (ta) trong một ngày. Bất luận năm tháng, cung Tý luôn luôn ứng với nửa đêm, các cung còn lại theo thứ tự Sửu

www.tuviglobal.com

Dần Mão Thìn Tỵ Ngọ Mùi Thân Dậu Tuất Hợi thuận chiều kim đồng hồ.



Hình 5: Địa bàn chính là một đồng hồ chỉ giờ với các phương (Tý, Mão, Ngọ, Dậu) lần lượt hướng về phía mặt trời

2. Thứ tự thuận chiều kim đồng hồ của địa bàn không phải là một quy ước mà chính là phản ảnh thực tế chiều đi tới của thời gian. Vì thời gian chỉ đi tới mà không đi lùi, di chuyển theo kim đồng hồ trên địa bàn là thuận lý, ngược lại là nghịch lý.

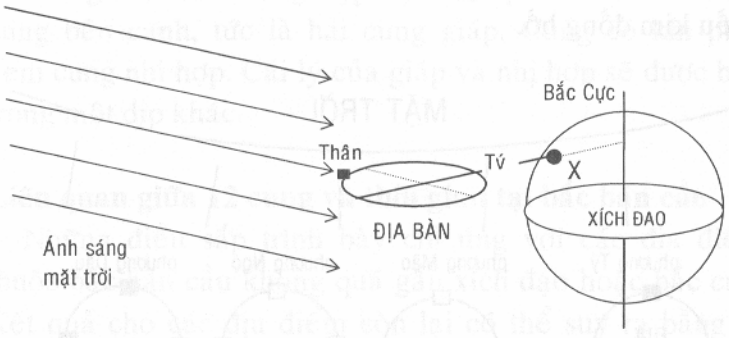
Độ sai của địa bàn và cách sửa sai

Địa bàn định như trên có lý tính đúng nhưng vẫn chưa thể xử dụng như một đồng hồ chỉ giờ vì quá thiếu chính xác (tương đối chinh xác ở gần bắc cực, càng xa bắc cực độ chính xác càng giảm).

Để sửa sai ta vẫn giữ các lý tính đã suy được, nhưng thay vì cho địa bàn nằm bám trên mặt đất, ta coi như nó nằm trên một mặt phẳng song song với vòng xích đạo. Với thay đổi này địa bàn trở thành một đồng hồ chính xác, có giá trị cho toàn thể bắc bán cầu.

Nam bán cầu là một vấn đề khác, chúng ta sẽ bàn sau.

www.tuviglobal.com



Hình 6: Hoàn cảnh của Địa Bàn ứng với điểm X vào giờ Thân

Mười hai cung và thời gian trong một năm

Quỹ đạo của trái đất quanh mặt trời là một hình ellipse (bầu dục) có tâm sai rất nhỏ nên có thể coi như một hình tròn. Nếu chia quỹ đạo gần như hình tròn này thành 12 vị trí đều nhau thì cứ khoảng thì cứ một phần mười hai của một năm trái đất sẽ đến một vị trí mới.

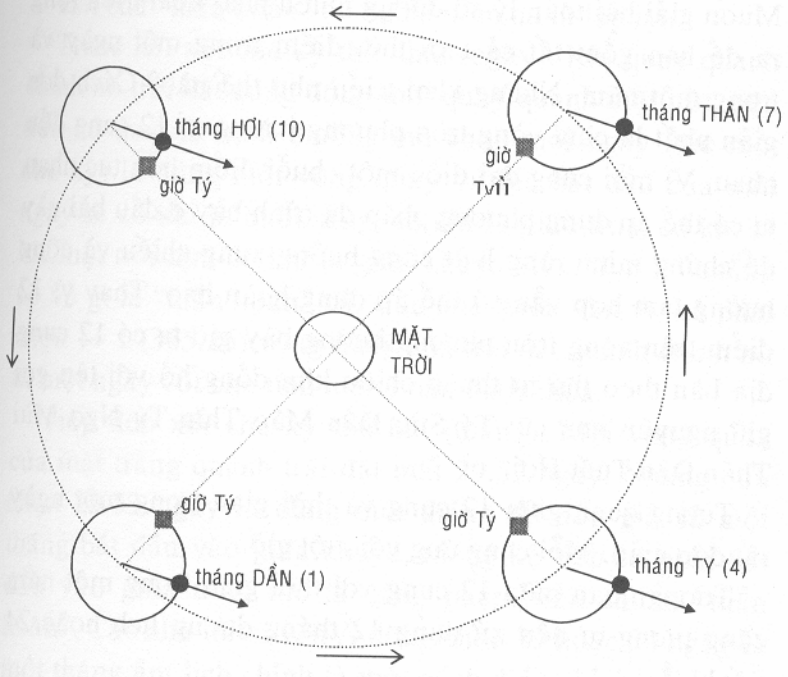
Ta muốn tìm một phương pháp hợp lý để ghi lại mười hai vị trí này trên vòng tròn phương hướng. Vòng tròn phương hướng được vẽ trên mặt đất nên mỗi 12 giờ đã xoay trọn một vòng; vì vậy muốn ghi lại vị trí của trái đất trên quỹ đạo quanh mặt trời ta phải chọn một giờ bất kỳ nhưng cố định, thí dụ giờ Tý. Kế đó ta chọn một hướng X cũng bất kỳ trong vũ trụ. Phương nào trên vòng tròn địa bàn trùng với hướng này thì phương đó đại biểu vị trí của trái đất.

(Người xưa tưởng vũ trụ xoay quanh trái đất nên dùng địa bàn để ghi vị trí của vũ trụ; nhưng sự sai lầm này vẫn dẫn đến kết quả đúng vì mọi chuyển động đều là tương đối.)

Giả sử vị trí 1 của trái đất trùng với phương Tý, ta có thể thấy vị trí 2 sẽ trùng với phương Sửu, vị trí 3 phương

www.tuviglobal.com

Dần... chấm dứt ở vị trí 12 là phương Hợi, rồi lại tiếp tục chu kỳ mới ở phương Tý v.v... Như vậy chúng ta đã đạt mục đích là đại diện 12 vị trí của trái đất bằng 12 phương trên vòng tròn phương hướng.



Hình 7: Tháng là hướng của địa bàn (so với vũ trụ) ở giờ Tý
(chú ý rằng giờ là hướng của địa bàn so với mặt trời)

Khác biệt giữa giờ và tháng

Như ta đã thấy ở trên, tính tuần hoàn của giờ và tháng cùng được đại biểu bằng 12 phương theo thứ tự thuận lý, nhưng có một khác biệt quan trọng: Mười hai phương đại biểu giờ lấy một điểm trong vũ trụ (mặt trời) làm chuẩn, trong khi đó mười hai phương đại biểu tháng lấy một hướng trong vũ trụ làm chuẩn.

www.tuviglobal.com

Mười hai phương và 12 cung địa bàn

Mười hai phương chỉ là 12 điểm trên vòng tròn phương hướng, nên tính đến tận lẽ thì chúng chỉ có thể đại biểu 12 thời điểm trong một ngày và 12 thời điểm trong một năm. Muốn giải bài toán lý số đương nhiên phải khai triển rộng ra để bao gồm tất cả mọi thời điểm trong một ngày và trong một năm. Nhưng khai triển như thế nào? Cách đơn giản nhất là chia vòng tròn phương hướng ra 12 cung đều nhau. Vì mỗi cung đại diện một chuỗi điểm liên tục nhau ta có thể áp dụng phương pháp đã trình bày ở đầu bài này để chứng minh rằng luật cộng hưởng xung chiếu và cộng hưởng tam hợp vẫn có thể áp dụng hoàn hảo. Thay vì 12 điểm trên vòng tròn phương hướng bây giờ ta có 12 cung địa bàn theo thứ tự thuận chiều kim đồng hồ với tên gọi giữ nguyên như cũ: Tý Sửu Dần Mão Thìn Tỵ Ngọ Mùi Thân Dậu Tuất Hợi.

Tương quan giữa 12 cung và thời gian trong một ngày rất đơn giản: Mỗi cung ứng với một giờ.

Tương quan giữa 12 cung với thời gian trong một năm cũng tương tự nếu xử dụng 12 tháng dương lịch hoặc 24 tiết khí[5].

Tháng nhuận và chu kỳ của mặt trăng

Nhưng nếu chọn tiết khí là đã bỏ quên mặt trăng, một thiên thể vô cùng quan trọng trong đời sống của nhân loại[6].

Với mặt trăng là yếu tố mới, ta ghi nhận ba chu kỳ tuần hoàn:

-Chu kỳ thứ nhất (ngắn nhất) là một ngày, tức một vòng quay của trái đất quanh chính nó.

www.tuviglobal.com

-Chu kỳ thứ hai là một tháng âm lịch, tức một vòng quay của mặt trăng quanh trái đất.

-Chu kỳ thứ ba (dài nhất) là một năm, tức một vòng quay của trái đất quanh mặt trời.

Hai chữ "tuần hoàn" có nghĩa nôm na là lập lại.

Trước hết xét chu kỳ thứ nhất (ngày). Khi quay quanh chính nó trái đất cũng đồng thời quay quanh mặt trời, nên nếu cứ theo lẽ bình thường mà chọn mỗi ngày (tức một chu kỳ) là đúng một vòng quay thì lúc bắt đầu của mỗi ngày sẽ có khi là buổi sáng, có khi là giữa trưa, có khi là lúc mặt trời lặn, có khi là giữa khuya v.v... tóm lại chẳng có vẻ gì là "tuần hoàn" cả. Các nhà thiên văn vì thế phải chọn 1+ 1/(365.26) vòng quay của trái đất quanh chính nó là một ngày cốt cho tính tuần hoàn được thỏa.

Tiếp đến xét chu kỳ thứ hai (tháng). Mỗi vòng quay của mặt trăng quanh trái đất mất 29.53 ngày. Nhưng nếu chọn 29.53 ngày là đúng một tháng thì nếu giả sử một tháng bắt đầu vào giữa khuya, tháng kế tiếp sẽ phải bắt đầu vào giữa trưa, tức là cũng phạm tiêu chuẩn "tuần hoàn". Các nhà thiên văn Á đông chọn 29 hoặc 30 ngày là một tháng âm lịch chính là một cách điều chỉnh gần đúng để tiêu chuẩn tuần hoàn được thỏa.

Cuối cùng xét chu kỳ thứ ba (năm). Mỗi vòng quay của trái đất quanh mặt trời mất 365.26 ngày. Để thỏa tiêu chuẩn tuần hoàn của ngày các nhà làm lịch tây phương đã chọn 365 ngày là một năm, rồi cứ bốn năm lại có một năm nhuận 366 ngày. Nếu chỉ coi mặt trời và trái đất là quan trọng thì cách tính này khá ổn thỏa; nhưng nếu thêm yếu tố mặt trăng thì lại không ổn vì sẽ có đầu năm nhằm ngày trăng tròn, có đầu năm nhằm ngày trăng khuyết v.v... tức là vẫn phạm tiêu chuẩn tuần hoàn.

www.tuviglobal.com

Nên muốn thỏa tiêu chuẩn tuần hoàn chỉ có cách định hai loại năm khác nhau: Năm thường có 12 tháng, năm nhuận có 13 tháng. Chính là phương pháp của các nhà làm lịch Á đông.

Ta đã biết 12 cung địa bàn biểu tượng một chu kỳ của trái đất quanh mặt trời. Để thỏa nhu cầu tuần hoàn, chu kỳ ấy phải là một năm tính theo âm lịch, bao hàm 12 hoặc 13 tháng.

Năm có 12 tháng thì hiển nhiên mỗi cung một tháng.

Năm có 13 tháng phức tạp hơn vì có một tháng dư (tháng nhuận). Tháng nhuận là một vấn đề rất nhức đầu của lý số Á đông nói chung và khoa tử vi nói riêng.

Vị trí của các tháng trên 12 cung

Tính tháng nhuận riêng ra thì một năm còn lại 12 tháng ứng với 12 cung. Vì tháng giêng là tháng đầu năm ta có khuynh hướng muốn đặt nó vào cung Tý, tức cung đầu tiên của thập nhị chi. Nhưng Tý không thích hợp vì tượng trưng sự lạnh lẽo, ứng với lúc mùa đông đang cực thịnh. Sửu không ổn vì là cung âm, trong khi tháng giêng vạn vật hồi sinh nên có đặc tính đột phá của dương! Vì thế tháng giêng phải an vào cung dương kế tiếp Sửu, tức là cung Dần! Các tháng còn lại cứ theo thứ tự: Tháng 2 cung Mão, tháng 3 cung Thìn, tháng 4 cung Tỵ v.v...

Nay hãy bàn về tháng nhuận.

Nhớ rằng 12 cung thực ra chỉ là 12 điểm. Vòng cung ứng với một tháng âm lịch luôn luôn nhỏ hơn 1/12 của vòng tròn nên không thể nào có chuyện một tháng âm lịch chia ra hai phần, một phần ở cung này, một phần ở cung kia.

Vì vậy tháng nhuận phải hoàn toàn nằm trong một cung, chung với một tháng khác! Và vì đây là hậu quả của

www.tuviglobal.com

một phép tính không hoàn toàn đúng, chỉ có thể kết luận là nó nằm giữa một trong hai cung gần nhất. Thí dụ: Tháng 5 nhuận có thể nằm chung cung với tháng 5 là tháng đi trước nó, cũng có thể nằm chung cung với tháng 6 là tháng đi sau nó.

Nên nếu gặp tháng nhuận trong khi giải bài toán số mạng cách hay nhất là tính cả hai trường hợp rồi xử dụng thêm những dữ kiện khác để giữ lại một trường hợp thôi.

Bắt đầu viết tại California tháng 7, 1995
Viết xong tại tỉnh Đông Quan,
Quảng Đông, lục địa Trung Hoa tháng 4, 1997

CHÚ THÍCH:

(1) Không nhất thiết là tương quan nhân quả. Tóm lại chúng ta không hề nói vị trí nơi sinh là nguyên nhân tạo ra vận mạng con người. Người viết sẽ trở lại vấn đề này trong chương 6.

(2) Thí dụ điển hình của toán học là định đề Euclid "Từ một điểm ở ngoài một đường thẳng có thể kẻ một đường thẳng song song với đường thẳng đó, và chỉ một mà thôi!" Định đề Euclid là nền tảng của hình học cổ điển, nhưng không thể nào chứng minh là đúng hay sai.

(3) Ở bắc bán cầu thì phương bắc ứng với nhiệt độ thấp, phương nam ứng với nhiệt độ cao; nam bán cầu ngược lại.

(4) Thực ra là một vòng cộng với 1/(365.26) vòng.

(5) Mười hai tháng dương lịch và 24 tiết khí hoàn toàn dựa trên vị trí tương đối của trái đất so với mặt trời (không hề lý tới vị trí của mặt trăng). Tiết khí được xử dụng trong khoa tử bình (tức bát tự), một phép đoán mệnh hoàn toàn dựa trên lý sinh khắc của ngũ hành.

(6) Mặt trăng ảnh hưởng mạnh mẽ đến nhiều sinh hoạt của loài người. Nghề nông và nghề chài lưới là hai thí dụ tiêu biểu. Đó là chưa kể vai trò hết sức quan trọng của nó trong những

www.tuviglobal.com

sinh hoạt tình cảm của thanh niên nam nữ ở tuổi hò hẹn yêu đương.

PHỤ LỤC 1: ĐỊA BÀN Ở NAM BÁN CẦU

Giờ: Nam bán cầu và bắc bán cầu giống nhau.

Tháng: Vì mặt phẳng xích đạo và chiều ánh sáng mặt trời khác biệt nhau 21.5 độ, mùa ở bắc bán cầu và nam bán cầu sai nhau 6 tháng.

-Mùa xuân ở bắc bán cầu là mùa thu ở nam bán cầu.

-Mùa hạ ở bắc bán cầu là mùa đông ở nam bán cầu.

-Mùa thu ở bắc bán cầu là mùa xuân ở nam bán cầu.

-Mùa đông ở bắc bán cầu là mùa hạ ở nam bán cầu.

Bởi vậy địa bàn của nam bán cầu cũng phải khác 6 tháng, nghĩa là cung Dần ứng với tháng 7, cung Mão ứng với tháng 8, vân vân...

Nhưng từ khác biệt 6 tháng lại sinh ra vấn đề năm.

Năm: Âm lịch được làm cho bắc bán cầu nên khi ta nói tháng 7 năm Mậu Ngọ chẳng hạn, phải hiểu đây là năm Mậu Ngọ ở bắc bán cầu. Nam bán cầu thì sao? Tháng 7 nam bán cầu bước vào mùa xuân. Ta đã biết mùa xuân là lúc bắt đầu của vòng tuần hoàn năm, như vậy khi bắc bán cầu bước vào mùa thu năm Mậu Ngọ thì nam bán cầu bắt đầu mùa xuân của năm nào?

Nếu nam bán cầu đi sau bắc bán cầu 6 tháng câu trả lời cũng là "Mậu Ngọ". Nhưng nếu nam bán cầu đi trước bắc bán cầu 6 tháng thì câu trả lời lại là "Kỷ Mùi" (năm kế tiếp theo Mậu Ngọ).

Đây là một vấn đề chỉ có thể giải quyết bằng cách chứng nghiệm, mong sẽ trở thành rõ ràng hơn trong mấy mươi năm tới.

Phương hướng: Bắc và nam bán cầu có những tương phản sau đây:

www.tuviglobal.com

-Ở bắc bán cầu phương bắc ứng với bắc cực nên là phương của Khảm, của mùa đông. Ở nam bán cầu phương bắc ứng với xích đạo nên là phương của Ly, của mùa hạ.

-Ở bắc bán cầu phương nam ứng với xích đạo nên là phương của Ly, của mùa hạ. Ở nam bán cầu phương nam ứng với nam cực nên là phương của Khảm, của mùa đông.

Đến đây ta đã có đủ dữ kiện cần thiết để lập địa bàn cho nam bán cầu.

<table>
<tr><td>TỴ (âm) - Hỏa
tháng Mười LẬP HẠ
can: Bính, Mậu
quái TỐN</td><td>NGỌ (dương) - Hỏa
tháng Một (11) HẠ
can: Đinh, Kỷ
LY - phương BẮC</td><td>MÙI (âm) - Thổ
tháng Chạp (12)
can: (không có)
(KHÔN)</td><td>THÂN (dương) - Kim
tháng Giêng LẬP THU
can: Canh
quái: KHÔN</td></tr>
<tr><td>THÌN (dương) - Thổ
tháng Chín
can: (không có)
(TỐN)</td><td rowspan="2"></td><td rowspan="2"></td><td>DẬU (âm) - Kim
tháng Hai THU
can: Tân
DOÀI - phương Tây</td></tr>
<tr><td>MÃO (âm) - Mộc
tháng Tám XUÂN
can Ất
CHẤN - phương Đông</td><td>TUẤT (dương) - Thổ
tháng Ba
can: (không có)
(CÀN)</td></tr>
<tr><td>DẦN (dương)- Mộc
tháng Bảy L.XUÂN
can Giáp
quái CẤN</td><td>SỬU (âm) - Thổ
tháng Sáu
can: (không có)
(CẤN)</td><td>TÍ (dương) - Thủy
tháng Năm ĐÔNG
can: Quý
KHẢM - phương NAM</td><td>HỢI (âm) - Thủy
tháng Tư L.ĐÔNG
can: Nhâm
quái: CÀN</td></tr>
</table>

Hình A: Mười hai cung địa bàn ở Nam Bán Cầu

(giữ chiều kim đồng hồ là thuận lý nên 2 phương Bắc Nam ở vị trái ngược)

Nếu dùng phương pháp tương tự như bắc bán cầu, tất địa bàn cho nam bán cầu sẽ đi ngược chiều kim đồng hồ, trở thành quá phức tạp cho người nghiên cứu. Nên để giản dị ta sẽ dùng hình phản chiếu của nó để ép cho chiều thuận lý vẫn là chiều kim đồng hồ. Với sự chọn lựa này hai phương bắc nam sẽ nằm ngược vị trí bình thường, nhìn không hợp mắt nhưng không tạo thành vấn đề đáng kể.

Sự khác biệt về tháng giữa nam và bắc bán cầu tạo ra vấn đề lớn cho việc an sao khi lập lá số tử vi. Khi sách này ra đời,

www.tuviglobal.com

người viết vẫn còn trong vòng nghiên cứu chưa đạt được kết quả sau cùng.

PHỤ LỤC 2: XÍCH ĐẠO VÀ CÁC VÙNG LÂN CẬN

Bắc và nam bán cầu cách nhau 6 tháng. Xích Đạo ở giữa trở thành một vấn đề vô cùng nan giải. Nói theo danh từ toán học vòng xích đạo là một "singular curve", tức một đường cong trên đó bài toán địa bàn trở thành bất định, không thể tìm lời giải thỏa đáng bằng phương pháp thuần túy khoa học.

Nhưng người viết tin rằng mọi hiện tượng bình thường trong vũ trụ đều có tính nhị nguyên, nghĩa là nếu tổng cộng có ba hiện tượng, với hai hiện tượng xuất hiện nhiều nhất đã trái ngược nhau, thì hiện tượng thứ ba, nếu ít xuất hiện, sẽ phải giống như một trong hai hiên tượng có sẵn. Áp dụng vào trường hợp xích đạo, người viết cho rằng xích đạo phải tuân theo một trong hai địa bàn, bắc hoặc nam bán cầu, mà không có một địa bàn đúng cho riêng nó.

Và vì văn minh của loài người đã phát triển mạnh nhất ở bắc bán cầu, người viết cho rằng bắc bán cầu là ảnh hưởng áp đảo. Tóm lại nên dùng địa bàn của bắc bán cầu cho xích đạo, và ngay cả những vùng lân cận ở phía nam, có lẽ đến tận vòng đai Tropic of Carpricorn.

Chỉ là ý kiến cá nhân, độc giả thử chứng nghiệm xem sao.

PHỤ LỤC 3:
TÍNH ÂM DƯƠNG CỦA THẬP NHỊ ĐỊA CHI

(viết thêm năm 2003)

Mỗi địa chi được đại biểu bằng một con vật (gọi là cầm tinh). Hầu hết chúng ta đều biết:

Tý cầm tinh là con chuột.
Sửu cầm tinh là con trâu
Dần cầm tinh là con cọp
Mão cầm tinh là con mèo
Thìn cầm tinh là con rồng

www.tuviglobal.com

Tỵ cầm tinh là con rắn
Ngọ cầm tinh là con ngựa
Mùi cầm tinh là con dê
Thân cầm tinh là con khỉ
Dậu cầm tinh là con gà
Tuất cầm tinh là con chó
Hợi cầm tinh là con heo

Có một giai thoại vui vui liên quan đến thứ tự 12 địa chi. Theo giai thoại này, khi phật Thích Ca sắp qua đời, ngay cả các loài ma quỷ chuyên hại người cũng đến chào ngài một lần chót, dĩ nhiên các loài vật cũng thế. Mười hai con vật đến đầu tiên được phật Thích Ca theo thứ tự cho làm cầm tinh của 12 địa chi. Heo nổi tiếng lười biếng nên ở cuối bảng là phải rồi, câu hỏi lớn là tại sao Chuột ở đầu bảng?

Nguyên lai chỉ vì Trâu quá thành thật nên không biết cuộc đời có lắm dối gian. Trâu có tiếng chăm chỉ, vừa nghe tin phật sắp chết là lên đường hành hương ngay. Mặc dù đi chậm nhưng vì bắt đầu sớm nên nó đến trước hơn hết và lẽ ra phải ở đầu thập nhị chi mới đúng. Không may cho Trâu, Chuột nổi tiếng mánh khóe. Nó lén leo lên núp sẵn trên lưng Trâu, nghỉ ngơi tha hồ, rồi khi Trâu sắp sửa đến chỗ phật Thích Ca nằm nó bèn nhảy tới trước, thành ra được kể là tới đầu tiên. Trâu cam phận "trâu chậm uống nước đục", đành nhận hạng nhì trong bảng thập nhị chi. Giai thoại này không thấy ghi trong lịch sử phật giáo, nhưng là một chuyện trà dư tửu hậu lý thú.

Lý âm dương của 12 địa chi

Muốn theo đúng lý của âm dương, địa bàn phải có 6 chi âm 6 chi dương, và âm dương phải xen kẽ nhau để tránh cảnh âm hoặc dương hội tụ cùng chỗ. Quả nhiên ta thấy Tý thuộc dương, Sửu âm, Dần dương, Mão âm, Thìn dương, Tỵ âm, Ngọ dương, Mùi âm, Thân dương, Dậu âm, Tuất dương, và Hợi âm. Điểm lý thú là tính âm dương của 12 chi đã được người xưa (2) bài trí rất hệ thống qua các cầm tinh thành từng cặp liên tiếp nhau:

www.tuviglobal.com

Tý Sửu (cầm tinh chuột và trâu): Chuột và trâu cùng chăm chỉ nhưng tương phản nhau vì chuột nhanh trí, trâu chậm trí. Do đó Tý dương Sửu âm.

Dần Mão (cầm tinh cọp và mèo): Cọp và mèo là hai giống tương cận nhưng lại tương phản nhau vì cọp hung hăng còn mèo hiền dịu. Do đó Dần dương Mão âm.

Thìn Tỵ (cầm tinh rồng và rắn): Rồng và rắn là hai giống tương cận nhưng lại tương phản nhau vì rồng phun nước làm mưa giúp người, rắn phun nọc độc hại người. Do đó Thìn dương Tỵ âm.

Ngọ Mùi (cầm tinh ngựa và dê): Ngựa và dê cùng là gia súc nuôi ngoài trời nhưng tương phản nhau vì ngựa thần tốc dê trì chậm. Do đó Ngọ dương Mùi âm.

Thân Dậu (cầm tinh khỉ và gà): Khỉ và gà cùng vô hại ít công nhưng tương phản nhau vì khỉ hiếu động gà hiếu tĩnh. Do đó Thân dương Dậu âm.

Tuất Hợi (cầm tinh chó và heo): Chó và heo cùng là gia súc nhưng tương phản nhau vì chó tích cực heo tiêu cực. Do đó Tuất dương Hợi âm.

Mão là mèo hay thỏ?

Có một dữ kiện rất ly kỳ cần ghi nhận về tuổi Mão. Các nước khác ở Á Đông (Trung Hoa, Đài Loan, Nhật, Đại Hàn) đều chọn Thỏ làm cầm tinh của Mão, duy nhất Việt Nam chọn Mèo. Có thể biện luận rằng cọp hung hăng trong khi thỏ nhát cáy (nhát như thỏ đế) hoặc cọp mạnh mẽ thỏ yếu đuối nên cọp dương thỏ âm. Nhưng lập luận này không vững vì Mão ứng với lúc mặt trời mọc (giờ Mão), tức là một thời điểm huy hoàng trong ngày. Con thỏ chẳng có nét gì huy hoàng cả, trong khi – như các bạn nuôi mèo đều biết rõ- con mèo được người thích nuôi vì nó có nét quý phái. Hơn nữa, tính mèo rất kiêu kỳ, tự coi mình như ông vua bà chúa trong nhà, chủ ra lệnh chưa chắc nó đã nghe theo. Tóm lại, chọn Mèo làm cầm tinh cho Mão hợp lý hơn chọn Thỏ.

www.tuviglobal.com

Xin chấm dứt với một giai thoại tương đối mới. Trong thập niên 1980's ca nhạc sĩ Al Stewart có một bản nhạc thời danh tên là "The Year of the Cat" (năm con Mèo), tiết tấu lôi cuốn, lời lẽ thần tình. Hiển nhiên ông đã theo phe người Việt coi con mèo là cầm tinh năm Mão, vì nếu không tên bản nhạc phải là "The Year of the Rabbit". Có thể nói rằng nhờ bản nhạc này, Mèo đã thắng Thỏ một keo rất lớn trong cuộc chiến "cầm tinh".

www.tuviglobal.com

Chương 3

Cơ sở khoa học của cung mệnh và cung thân I

Một an bài rất khó giải thích...

Đó là năm 1998 hay 1999 bây giờ tôi không còn nhớ rõ. Lúc ấy tôi còn đang "đóng đô" ở Đài Loan. Tưởng rằng mình đã tái khám phá hết bí mật của khoa tử vi, tôi nghĩ đến việc chuyển trọng tâm sang khoa địa lý. Việc đầu tiên của tôi là lấy hết những sách Tử Vi bằng chữ Hán mà tôi đã mua đóng thùng lại để sau này khi về Mỹ khỏi cần lo. (Số sách tử vi tôi có khoảng một trăm quyển, chỉ là một con số rất nhỏ trong rừng sách tử vi mênh mông của Đài Loan.)

Trong khi đang lấy sách từ kệ bỏ vào thùng, một quyển bìa cứng trượt khỏi tay tôi rơi xuống đất. Nhìn xuống tôi thấy thay vì rơi ở thế đóng, nó lại mở lật ra. Tôi cúi xuống định nhặt quyển sách lên, nhưng hình ảnh của một lá số tử vi trong trang sách lật đập vào mắt khiến tôi hơi tò mò, bèn xem thử.

Nhìn vào cung mệnh tôi đã hơi ngạc nhiên, xem kỹ hơn nữa tôi bàng hoàng sửng sốt. Đây là lá số của ông Chính Huyền Sơn Nhân, một trong vài ba tên tuổi lớn nhất của làng tử vi Đài Loan lúc ấy và khi bài này được viết. Ông có công lập ra phái Huyền Không tứ hóa. Quan điểm của ông đúng sai chưa biết, nhưng đã gây sôi nổi ở Đài Loan cũng như lục địa Trung Hoa từ thập niên 1980's. Thì ra ông sinh cùng năm, tháng, ngày, giờ với một người bạn văn nghệ của tôi. Hai bên lại cùng là phái nam nên lá số y hệt như nhau!

www.tuviglobal.com

Mặc dầu nghiên cứu tử vi, tôi giữ rất ít lá số, và chẳng bao giờ cố ý nhớ năm tháng ngày giờ sinh của bất cứ ai. Vậy tại sao tôi nhằm lúc ấy tôi lại nhớ năm tháng ngày giờ sinh của anh bạn của tôi để biết là anh có cùng số với ông Chính Huyền Sơn Nhân? Tại sao quyển sách lại tự động mở đúng trang có lá số ấy? Lạ hơn nữa, tính đổ đồng trên thế giới gồm hơn 6 tỷ người chỉ có khoảng 10 ngàn người có lá số giống nhau, tại sao tôi lại gặp hai lá số giống nhau? Đây là những câu hỏi mà tôi sẽ chẳng bao giờ trả lời được.

... và một vấn đề lớn của tử vi

Nhưng đó vẫn chưa phải là vấn đề. Vấn đề là đời sống của ông Chính Huyền Sơn Nhân (mà tôi sẽ viết tắt là CHSN cho gọn) và anh bạn của tôi (mà tôi tạm gọi là anh X) có quá nhiều tương phản. Ông CHSN chỉ học xong tiểu học, anh X đỗ cao và tốt nghiệp đại học trước 1975 (cần nói rõ thế vì muốn tốt nghiệp đại học ở Việt Nam rất khó). Ông CHSN ngồi thiền rồi ngộ ra một đường lối mới, trở thành tông sư của một phái huyền học nức tiếng Á Đông, có khá nhiều đệ tử và được cả tổng thống Đài Loan tiếp kiến; còn anh X lại thiên về văn nghệ và sống một đời khá lông bông, bạn bè có nhưng người theo thì không. Ông CHSN sống nhẹ về sắc dục, còn anh X tương đối nặng v.v... Nếu khoa tử vi có nền tảng khoa học thì làm sao giải thích được những tương phản đó?

Khỏi cần nói, tôi biết ngay là mình học nghệ vẫn chưa thông, nên quyết định xếp các sách tử vi trở lại lên kệ. Tiếp tục suy nghĩ mấy tháng liền, cuối cùng tôi mới vỡ lẽ. Thì ra lá số tử vi không phải là một bản án chung thân, mà là một bản ghi chép các xu hướng. Hai lá số y hệt dĩ nhiên

www.tuviglobal.com

ghi chép những xu hướng y hệt. Nhưng đời này sai một ly đi một dặm.

Để tôi đưa một thí dụ: Cùng phân vân giữa hai nghề bác sĩ và kỹ sư, người chọn bác sĩ và người chọn nghề kỹ sư dĩ nhiên đời sống phải khác nhau. Như nhằm năm nay (2003) ở Mỹ chẳng hạn, cùng lá số nhằm tiểu hạn xấu người đã thành kỹ sư rất dễ bị đuổi việc, nhưng người chọn nghề bác sĩ hy vọng có chỗ xoay xở. Dĩ nhiên vì cùng có tiểu hạn xấu họ sẽ có điểm tương đồng là cùng gặp khó khăn.

Có bạn đọc sẽ hỏi: Nếu tử vi không đoán được người ta sẽ học kỹ sư hay bác sĩ thì hay ở chỗ nào? Xin tạm trả lời rằng tử vi là một khoa học dựa trên lý cộng hưởng âm dương (và dĩ nhiên ngũ hành, vì ngũ hành là một bài toán gần đúng của âm dương). Nếu cộng hưởng thật mạnh thì lời đoán của tử vi sẽ có xác suất rất cao, nếu cộng hưởng yếu thì xác suất sẽ giảm đi. Khi cộng hưởng ứng với việc "học bác sĩ" thấp thì làm sao dám xác quyết người được xem sẽ học bác sĩ thay vì kỹ sư, hoặc kinh tế? Người nghiên cứu tử vi đến nơi đến chốn là người biết phân biệt cộng hưởng mạnh với cộng hưởng yếu để biết khi nào nên xác quyết khi nào không nên xác quyết.

Mỗi kỳ tôi sẽ bàn một vấn đề lớn của tử vi. Trong số này tạm dừng ở đây để đi vào đề tài chính là cái lý nằm sau cung mệnh và cung thân. Cũng như mọi lý khác tạo thành nền tảng của khoa tử vi, cái lý của hai cung này hết sức quan trọng. Nếu không nắm vững thì sẽ không thể nào hiểu tại sao tử vi là một môn khoa học.

Tóm lược những điều cần biết

Trong trường hợp bạn bỏ sót hai chương trước, xin ghi nhớ các kết quả sau đây:

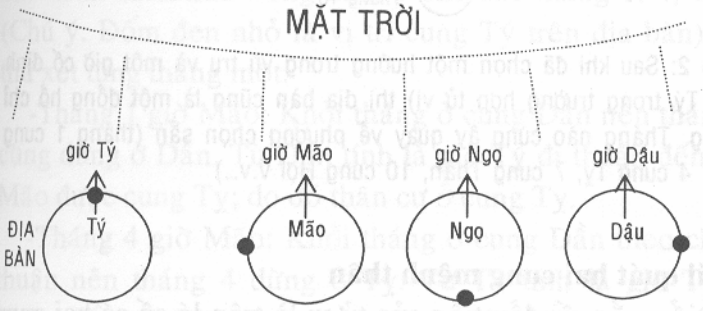
www.tuviglobal.com

-Địa bàn (tức 12 cung tử vi) không gì khác hơn là một vòng tròn phương hướng nằm trên cùng mặt phẳng với quỹ đạo của trái đất quanh mặt trời.

-Địa bàn dính liền vào trái đất, nên khi trái đất đi đâu, địa bàn theo đó.

-Mặc dù thực tính là hình tròn, địa bàn được vẽ thành hình vuông hoặc hình chữ nhật cho tiện lợi và để dễ phân biệt ba đặc tính sinh vượng mộ của các cung (bốn cung tứ sinh tứ mã Dần Thân Tỵ Hợi luôn luôn chiếm bốn góc).

-Giờ: Địa bàn là một đồng hồ chỉ giờ. Giờ nào cung đó quay về mặt trời. Thí dụ: Giờ Tý thì cung Tý quay về phía mặt trời.



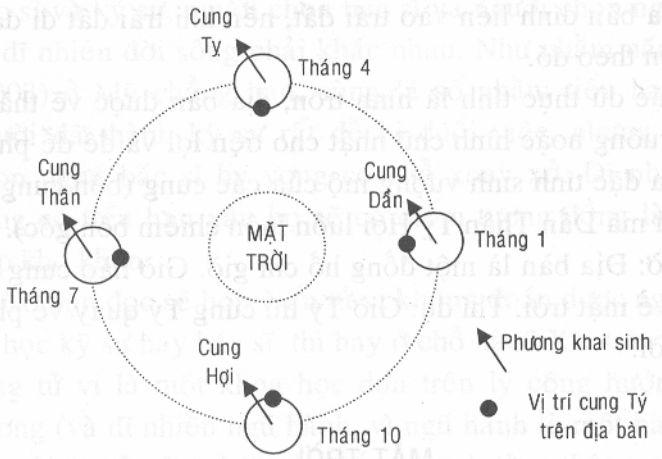
Hình 1: Địa bàn chính là một đồng hồ chỉ giờ. Giờ nào cung đó hướng về phía mặt trời.

-Tháng: Sau khi đã lựa một giờ cố định rồi, thì địa bàn là một đồng hồ chỉ tháng. Tháng nào cung đó quay về một hướng định sẵn trong vũ trụ. Thí dụ: Tháng Dần thì cung Dần ứng với hướng định sẵn trong vũ trụ.

Trong khoa tử vi, giờ được lựa là giờ Tý, vì tử vi dựa trên sự khai sinh mà luận số mệnh, và giờ Tý ứng với sự khai sinh. Ta sẽ gọi hướng định sẵn của vũ trụ là "phương

www.tuviglobal.com

khai sinh" vì nó ứng với giờ khai sinh (giờ Tý) và tháng khai sinh (tháng giêng).



Hình 2: Sau khi đã chọn một hướng trong vũ trụ và một giờ cố định (giờ Tý trong trường hợp tử vi) thì địa bàn cũng là một đồng hồ chỉ tháng. Tháng nào cung ấy quay về phương chọn sẵn (tháng 1 cung Dần, 4 cung Tỵ, 7 cung Thân, 10 cung Hợi v.v...)

Khái quát hai cung mệnh thân

Điểm rắc rối đầu tiên của tử vi là trên lá số có hai cung chính, gọi là cung Mệnh và cung Thân (thân đây nghĩa là thân của thân thể, thân thế v.v... không phải Thân theo nghĩa địa chi Thân Dậu Tuất Hợi...). Cách định hai cung này như sau:

Mệnh: Gọi cung Dần là tháng giêng, đi theo chiều thuận (tức chiều kim đồng hồ) tính mỗi tháng một cung. Đến tháng sinh dừng lại, gọi là giờ Tý rồi đi theo chiều *nghịch* (ngược chiều kim đồng hồ), tính mỗi giờ một cung. Đến giờ sinh dừng lại, gọi cung là "Mệnh".

www.tuviglobal.com

Thân: Gọi cung Dần là tháng giêng, đi theo chiều thuận tính mỗi tháng một cung. Đến tháng sinh dừng lại, gọi là giờ Tý rồi đi theo chiều *thuận*, tính mỗi giờ một cung. Đến giờ sinh dừng lại, gọi cung là "Thân".

Theo cách xem truyền thống cung Mệnh là chính, nhưng từ 30 tuổi trở lên cung Thân thêm phần quan trọng. Đây chỉ là trước dạy sao sau biết vậy, chưa từng thấy sách nào giải thích nguyên do. Mục đích của chúng ta là đi tìm nền tảng khoa học của những bí mật đó.

Lý thiên văn của cung thân

Hãy bàn cung thân trước. Để tiện lợi ta sẽ xét giờ Mão. Vì giờ Mão cung Mão phải hướng về phía mặt trời, ta có các hoàn cảnh như trong hình 3 cho các tháng 1, 4, 7, 10 (Chú ý: Đốm đen nhỏ là vị trí cung Tý trên địa bàn). Ta thử xét từng tháng một:

-Tháng 1 giờ Mão: Khởi tháng ở cung Dần nên tháng 1 cũng dừng ở Dần. Từ Dần tính là giờ Tý đi thuận đến giờ Mão được cung Tỵ; do đó thân cư ở cung Tỵ.

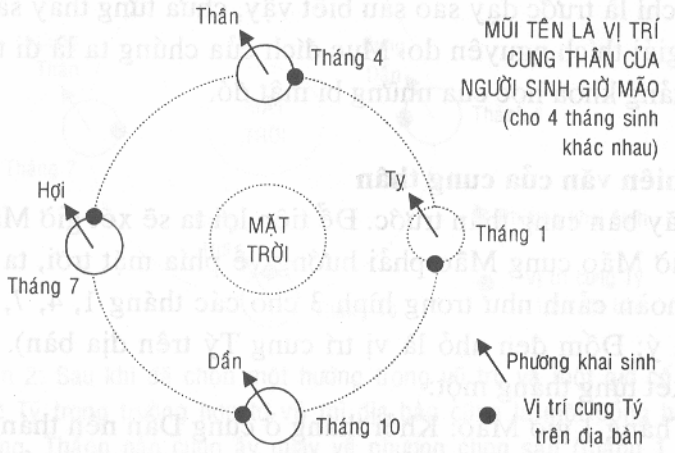
-Tháng 4 giờ Mão: Khởi tháng ở cung Dần theo chiều thuận nên tháng 4 dừng ở Tỵ. Từ Tỵ tính là giờ Tý đi thuận đến giờ Mão được cung Thân; do đó thân cư ở cung Thân.

-Tháng 4 giờ Mão: Khởi tháng ở cung Dần theo chiều thuận nên tháng 7 dừng ở Thân. Từ Thân tính là giờ Tý đi thuận đến giờ Mão được cung Hợi; do đó thân cư ở cung Hợi.

-Tháng 4 giờ Mão: Khởi tháng ở cung Dần theo chiều thuận nên tháng 10 dừng ở Hợi. Từ Hợi tính là giờ Tý đi thuận đến giờ Mão được cung Dần; do đó thân cư ở cung Dần.

www.tuviglobal.com

Điểm đáng chú ý là cung Tỵ của tháng giêng, cung Thân của tháng 4, cung Hợi của tháng 7, cung Dần của tháng 10; tức 4 cung an thân của bốn tháng đều trùng với phương khai sinh của vũ trụ. Tổng quát hơn, quý độc giả có thể chứng nghiệm rằng bất cứ tháng và giờ nào, cung Thân luôn luôn trùng với phương khai sinh.



Hình 3: Bất luận tháng sinh, nếu sinh giờ Mão cung thân luôn luôn trùng với phương khai sinh. Độc giả có thể kiểm chứng để thấy rằng các giờ khác cũng vậy. Tóm lại, bất luận giờ và tháng sinh, cung thân luôn luôn trùng với phương khai sinh.

Tóm lại cung thân chính là phương khai sinh của vũ trụ vào lúc con người ra đời.

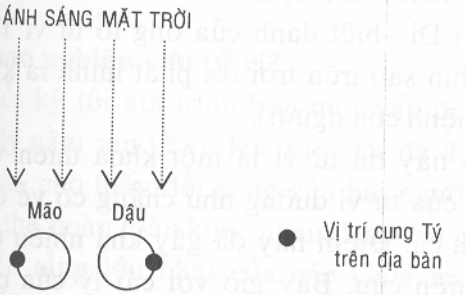
Lý thiên văn của cung mệnh

Khi ta nói "phương khai sinh ứng với hoàn cảnh tương đối của con người đối với vũ trụ" ta phải trừ mặt trời ra, vì như thấy rõ trong hình 3, cung thân có khi gần, có khi xa mặt trời.

Và vì đã bàn đến mặt trời ta nhận xét rằng vị trí của địa bàn so với mặt trời ở giờ Sửu và giờ Hợi hoàn toàn đối

www.tuviglobal.com

xứng nhau. Các cặp giờ Dần-Tuất, Mão-Dậu v.v... cũng vậy. Ta nói những cặp giờ này tương đương nhau. Có tổng cộng 6 cặp giờ tương đương là Tý-Tý, Sửu-Hợi, Dần-Tuất, Mão-Dậu, Thìn-Thân, Tỵ-Mùi, Ngọ-Ngọ.



Hình 4: Nếu chỉ so với mặt trời, hoàn cảnh của địa bàn vào giờ Mão và giờ Dậu hoàn toàn đối xứng nhau; tức là tương đương nhau. Ta nói Mão Dậu là một cặp giờ tương đương. Có tổng cộng 6 cặp giờ tương đương.

Giờ tương đương phải có một ý nghĩa quan trọng trên địa bàn. Vẫn theo phương pháp định cung thân, tức tháng thuận giờ thuận, nhưng dùng giờ tương đương thay vì giờ thật ta sẽ khám phá ra rằng cung được an chính là cung mệnh!

Xin đưa một thí dụ cụ thể để làm rõ vấn đề. Giả sử anh A sinh tháng 5 giờ Sửu. Bằng phương pháp định cung truyền thống (đã trình bày ở trên) ta được thân ở Mùi, mệnh ở Tỵ. Nếu dùng giờ tương đương (tức giờ Hợi) để an cung thân ta sẽ được cung thân ở Tỵ, tức là y hệt cung mệnh.

Tóm lại cung mệnh chính là cung thân an theo giờ tương đương!!!

www.tuviglobal.com

So sánh cái lý của mệnh và thân

Khoa tử vi có một bài "thiệu" quan trọng bắt đầu bằng hai câu:

Hi Di ngưỡng quan thiên thượng tinh
Phát minh đẩu số thôi nhân mệnh

(Nghĩa là ông Hi Di –biệt danh của ông tổ tử vi Trần Đoàn- ngẩng lên nhìn sao trên trời rồi phát minh ra khoa tử vi để đoán vận mệnh con người).

Cứ theo hai câu này thì tử vi là một khoa thiên văn, nhưng hơn 100 sao của tử vi dường như chẳng có vẻ dính líu gì đến thiên văn cả. Điểm này đã gây khá nhiều thắc mắc trong giới nghiên cứu. Bây giờ với cái lý của cung thân ta đã bắt đầu thấy rằng tử vi quả có liên quan đến thiên văn. Nói đúng hơn là tử vi liên quan đến thiên văn và địa lý, vì nó sử dụng địa bàn, mà địa bàn dựa trên địa lý của trái đất.

Cung mệnh rắc rối hơn cung thân. Hiển nhiên nó bao hàm địa lý và thiên văn, vì giờ tương đương và giờ thật là hai vị trí đối xứng nhau của địa bàn (nếu chỉ xét ảnh hưởng của mặt trời). Nhưng giờ tương đương không phải là giờ thật, nên khi áp dụng giờ tương đương để suy ra cung mệnh tử vi phải làm thêm một việc là lý luận.

Mọi lý luận đều phải được dựa trên một nền tảng. Nền tảng của tử vi là thuyết âm dương.

Trong chương 4 người viết sẽ trình bày lý luận âm dương để đưa tới ý nghĩa khoa học của hai cung mệnh và thân.

San Jose 11 tháng 7, 2003

Đằng Sơn

www.tuviglobal.com

Chương 4

Cơ sở khoa học của cung mệnh và cung thân II

Tại sao nghiên cứu tử vi?

Mỗi kỳ tôi xin trình bày một vấn đề liên quan tới cái triết lý nằm sau tử vi. Kỳ trước tôi đã đưa một trường hợp có thật, cho thấy đời sống của hai người có cùng lá số tử vi có thể hoàn toàn khác nhau. Nay xin giải thích lý do.

Nền tảng lớn nhất của các khoa mệnh lý Á đông là thuyết âm dương, và cái lý quan trọng nhất của thuyết âm dương là "cùng tắc biến". Ngay cả một đời sống rất bình thường, thí dụ của bà Ba đầu xóm, vẫn có rất nhiều hoàn cảnh phải lựa chọn. Thí dụ, bà Ba đang ở Saigon, có người xúi bà về Ban Mê Thuột ở vì ở đó dễ làm ăn hơn; nhưng vì bà đang làm ăn thành công nên không để ý. Một năm sau bà làm ăn thất bại. Tự nhiên lời xúi cũ quay về ám ảnh bà, và trở thành nguyên nhân khiến bà dời về Ban Mê Thuột khi đến hạn có Thiên Mã hoặc Thiên Cơ. Giả như lời xúi ấy không có, thì vì ảnh hưởng của Thiên Mã, Thiên Cơ đời bà cũng thay đổi. Nhưng có thể chỉ là đổi sang một lối làm ăn mới. Cả hai trường hợp đều là "cùng tắc biến" cả, nên đều thỏa cái lý của tử vi, nhưng lại cho ta hai diễn biến khác nhau. Đời dẫy đầy những cảnh "cùng tắc biến" như vậy nên bảo rằng chỉ cần nhìn lá số tử vi là biết một đứa trẻ sơ sinh có bao nhiêu anh em, lớn lên học hành ra sao, có hiếu đễ không, khi nào lấy vợ lấy chồng, làm ăn khá hay không, khi nào chết v.v... thì chỉ là nói đùa mà thôi. (Và phản khoa học nữa, vì thời nay ta có

www.tuviglobal.com

thể dùng phẫu thuật C-section để quyết định giờ và ngày sinh của các trẻ sơ sinh.)

Hãy lấy thêm thí dụ cực đoan là một lá số cực xấu. Một thực tế mà các độc giả yêu chuộng tử vi có thể chứng nghiệm ngay: Thử thu thập lá số của những bậc chân tu, bạn sẽ thấy nhiều người có lá số rất xấu. (Trong khoa tướng cũng vậy, rất nhiều bậc chân tu có tướng xấu như đầu dơi tai chuột, mắt tam giác hoặc mắt lươn ti hí, vân vân...) Bởi sao? Xin thưa vì lá số xấu tất nhiên bị đời bạc đãi, khinh bỉ v.v... tức là dễ lâm vào cảnh "cùng". Mà đã "cùng" thì có thể "biến" để trở thành tốt đẹp. Nên kẻ dâm đãng bất chính lại thường là kẻ có hoàn cảnh thuận lợi nhất để hiểu ra rằng mọi sắc hương đều là giả dối, trong khi đó bậc anh hùng đứng đắn lại có thể bị khổ sở đọa đày bởi nhan sắc mỹ nhân.

Tóm lại, đời sống duyên nghiệp trùng trùng, không thể nào dùng tử vi để mà suy ra được.

Nhưng nếu thế thì nghiên cứu tử vi làm gì? Để trả lời câu hỏi này cần nắm vững cái lý của bài toán số mạng.

Số mạng như một dòng sông đa hình vạn trạng. Dòng sông số mạng có khúc rộng, khúc hẹp, chỗ nông, chỗ sâu. Có chỗ gần bờ bóng râm nước mát, có chỗ nhiều đá lốc xoáy chập chùng. Khoa tử vi làm hai việc. Nó cho biết người được xem số thuộc loại người gì, và người ấy ở đoạn sông nào vào lúc nào.

Lấy thí dụ thứ nhất là mệnh cư Mùi có Tử Phá, đương nhiên quan lộc có Liêm Tham hãm địa ở Hợi, tài bạch có Vũ Sát ở Mão, huynh đệ có Thiên Cơ ở Ngọ, trong khi phu thê ở Tỵ và phụ mẫu ở Thân đều vô chính diệu. Bấy nhiêu đủ đoán ngay rằng người này hiếu động, và cuộc sống có nhiều biến chuyển to lớn.

www.tuviglobal.com

Đây ví như một người liều lĩnh bơi ở một khúc sông chảy xiết. Giả như "nguyện dữ lực vi", tức tài nghệ kém cỏi, thì rất dễ thất bại rồi sinh ra bất đắc chí. Ngược lại, nếu tài nghệ cao thì có thể làm chuyện đội đá vá trời. Nhưng bất luận thành hay bại, vẫn khó thoát cảnh lên voi xuống chó, nên muốn có đời sống gia đình yên ổn hạnh phúc thật là khó lắm.

Lại lấy thí dụ thứ hai là mệnh cư Mão có Thiên Đồng, tất nhiên quan lộc có Thiên Cơ ở Mùi, tài bạch có Cự Môn ở Hợi, huynh đệ có Thất Sát ở Dần, phụ mẫu có Vũ Khúc ở Thìn, phu thê có Thiên Lương ở Sửu. Bởi tất cả các sao trừ Cơ Lương đều miếu vượng, có thể đoán ngay đời của người này dễ bình yên, tối thiểu là sau khi rời bỏ gia đình ra ngoài cuộc đời. Đây ví như người biết bơi lội lại được khúc sông lặng sóng, rất dễ vẫy vùng.

Cái lý chi tiết của tử vi rất nhiều, nên chỉ tạm đưa ra vài trường hợp như thế. Nhưng kết luận chính là: Mặc dù tử vi không thể cho ta biết kết quả, nó cho ta biết ta có bản chất thế nào, và bối cảnh mà ta sẽ phải đương đầu ra sao. Tức là nó cho ta "biết mình, biết địch". Tôn tử có câu "biết mình biết người, trăm trận trăm thắng". Đó là lý do tại sao ta nên nghiên cứu tử vi.

Nay xin trở lại vấn đề đã bắt đầu từ bài trước, tức là cái lý của cung mệnh và cung thân.

Cái lý khai sinh của cung Dần

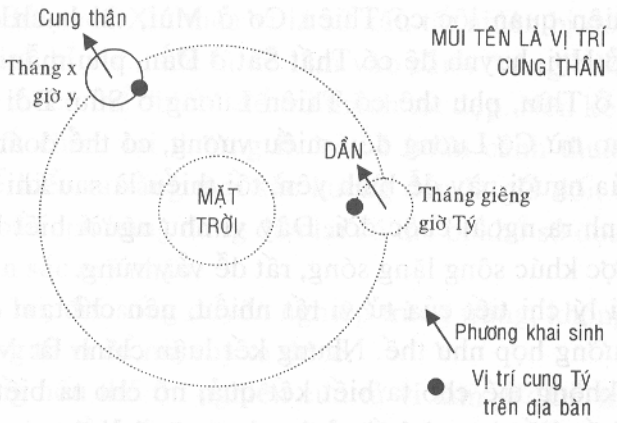
Vì mỗi cung của địa bàn đại diện một phương, ta sẽ dùng cả hai danh từ "cung" và "phương" để chỉ các cung trên địa bàn.

Từ bài trước, ta đã biết là cung thân luôn luôn trùng với phương khai sinh. Tháng giêng giờ Tý cung khai sinh ở phương Dần nên sinh tháng giêng giờ Tý tất cung thân

www.tuviglobal.com

phải cư ở Dần. Nhưng tại sao ở Dần mà không ở một trong 11 phương còn lại?

Để trả lời câu hỏi này ta phải trở lại cái lý của địa bàn. Xét trên căn bản địa bàn thì khởi điểm phải là cung Tý. Vì địa bàn ứng với cả tháng lẫn giờ, phản ứng tự nhiên của ta là đặt phương khai sinh là phương Tý và gọi tháng Tý (tức tháng 11 ta bây giờ) là tháng một.



Hình 1: Vì cung thân luôn luôn trùng với phương khai sinh, tháng giêng giờ Tý cung khai sinh ở phương Dần nên sinh tháng giêng giờ Tý tất cung thân phải cư ở Dần. Nhưng tại sao ở Dần mà không ở một trong 11 phương còn lại?

Ở một thời xa xưa, người ta ăn tết trước chúng ta hai tháng, chính vì cho rằng tháng Tý là tháng khai sinh. Rồi các nhà làm lịch xưa khám phá là đặt giờ như vậy thì được, nhưng tháng lại không hợp lý; vì sự khai sinh của địa bàn phải ứng với sự hồi sinh của vũ trụ. Vũ trụ trong phạm vi của chúng ta tức là trái đất. Sau tháng 11 là tháng 12, nhưng tháng 12 ứng với Sửu, thuộc âm, không hợp với tính khai sinh thuộc dương. Vì vậy, để phù hợp với tiết khí

www.tuviglobal.com

và lý âm dương phải khởi tháng 1 ở Dần là cung dương đầu tiên theo sau Tý.

Hiện tại ngôn ngữ Việt vẫn còn phản ảnh lối đặt tháng truyền thống. Nhiều cụ già vẫn gọi tháng 11 ta là "tháng Một", từ đó mới có danh từ "Một Chạp" để chỉ tháng 11 và 12 ta. Tháng 1 ta thì được gọi là tháng Giêng để tránh lập lại chữ "tháng một".

Vì tháng và giờ có tính tương đương trên địa bàn, cả hai đều phải khởi từ cung Tý mà đi. Gọi cung Tý là tháng Tý, tính đến tháng khai sinh (tức tháng Dần) tất đến cung Dần, rồi gọi cung Dần là giờ Tý tính đến giờ khai sinh (tức giờ Tý) tất cũng vẫn ở cung Dần. Do đó Dần là cung (hoặc phương) khai sinh của vũ trụ. Cần nói rõ thêm là phương này được định cho tháng Giêng giờ Tý vì đây là thời điểm khai sinh của vũ trụ.

Nhân đây cũng xin mở dấu ngoặc rằng lý khai sinh của cung Dần rất hiển nhiên khi ta xét vấn đề theo quan điểm ngũ hành. Các độc giả đã nghiên cứu thuyết ngũ hành đều biết cung Dần ứng với dương mộc. Mộc là hành duy nhất (của ngũ hành) có tượng ứng với sự sống (thảo mộc[1]), dương lại ứng với sự đột phá, nên Dần quả là cung thích hợp nhất với tính khai sinh của vũ trụ. Đây là một trường hợp đáp số của thuyết ngũ hành không những đúng mà còn rất dễ hiểu so với thuyết âm dương.

Ý nghĩa liên hệ của mệnh và thân

Quý độc giả bỏ sót chương 3 chỉ cần nhớ rằng:

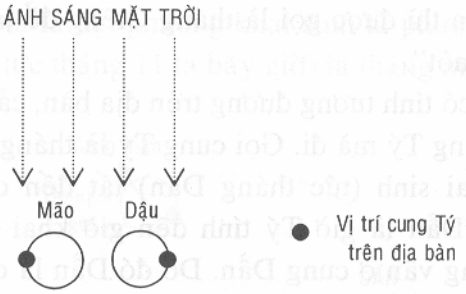
-Cung thân luôn luôn trùng với phương khai sinh của vũ trụ (tức phương Dần của tháng giêng giờ Tý).

-Giờ tương đương là giờ mà ảnh hưởng của mặt trời trên trái đất y hệt như giờ thật. Có 6 cặp giờ tương đương: Tý-Tý, Sửu-Hợi, Dần-Tuất, Mão-Dậu, Thìn-Thân, Tỵ-

www.tuviglobal.com

Mùi, Ngọ-Ngọ. Thí dụ: Sinh giờ Mão thì giờ tương đương là Dậu, sinh giờ Dậu thì giờ tương đương là Mão.

-Cung mệnh là cung thân tính bằng giờ tương đương thay vì giờ thật.



Hình 2: Nếu chỉ so với mặt trời, hoàn cảnh của địa bàn vào giờ Mão và giờ Dậu hoàn toàn đối xứng nhau; tức là tương đương nhau. Ta nói Mão Dậu là một cặp giờ tương đương. Có tổng cộng 6 cặp giờ tương đương.

(Độc giả có thể chứng nghiệm rằng đi thuận theo giờ tương đương y hệt như đi nghịch theo giờ thật. Vì thế cách an cung thân là tháng thuận giờ thuận, cách an cung mệnh là tháng thuận giờ nghịch.)

Vì cung thân luôn luôn hướng về một phương cố định trong vũ trụ, ảnh hưởng của vũ trụ trên cung thân là một hằng số. Nghĩa là cung thân chỉ hàm chứa biến số của mặt trời mà thôi. Cung mệnh chịu ảnh hưởng mặt trời y hệt như cung thân, lại tùy giờ mà ở các phương khác nhau so với vũ trụ. Hóa ra nó hàm chứa cả hai biến số: Vũ trụ mà mặt trời!

Nói cách khác cung mệnh hàm chứa ảnh hưởng của toàn thể vũ trụ (mặt trời và phần còn lại của vũ trụ bên ngoài mặt trời), trong khi cung thân chỉ hàm chứa ảnh

www.tuviglobal.com

hưởng của mặt trời mà thôi (và tính chất khai sinh cố định của vũ trụ). Đây là lý do tại sao cung mệnh quan trọng hơn cung thân, và khi xem tử vi ta coi cung mệnh là chính, cung thân là phụ.

Vậy tại sao không chỉ xem cung mệnh và bỏ hẳn cung thân, mà lại xem thêm cung thân sau tuổi 30 làm gì? Xin thưa vì cung thân bao hàm tính khai sinh của vũ trụ. Đời sống cũng như một cuộc phiêu lưu. Người phiêu lưu đi xa bao nhiêu rồi cũng có lúc phải trở về quê cũ, thế nên sau tuổi thơ và thanh niên đầy xung động, vận mạng của con người sẽ "tìm về chốn khai sinh", tức là trở về với cung thân. Nhưng như các đồng hương đã định cư ở một nơi khác rồi trở về thăm Việt Nam đều thấy rõ, kẻ phiêu lưu trở về cố hương mang tâm tình khác hẳn kẻ mãi mãi ở quê hương. Kẻ trở về có ý muốn tìm gốc gác, và có thể xúc động rơi lệ khi đi ngang con đường cũ, thấy lại mái nhà xưa; nhưng vì đời đã đổi khác, nên sau một số ngày thăm viếng sẽ lại thấy bức xúc, muốn trở lại đời phiêu lãng của mình. Đời phiêu lãng ấy tức là cung mệnh[2].

Cho nên sau tuổi 30 (có người cho là sau 36) cần chú ý cung thân, nhưng cung mệnh vẫn phải coi là chính.

Tính hợp xung của mệnh thân

Các độc giả tinh ý hẳn đã biết rằng khoảng cách giữa hai cung mệnh thân luôn luôn y hệt khoảng cách giữa giờ sinh và giờ tương đương. Vì lý do này ta có hai hoàn cảnh sau đây:

Sinh giờ dương, tức các giờ Tý Dần Thìn Ngọ Thân Tuất, mệnh và thân luôn luôn ở thế tam hợp (tức cùng cung hoặc tam hợp với nhau).

www.tuviglobal.com

Sinh giờ âm, tức các giờ Sửu, Mão, Tỵ, Mùi, Dậu, Hợi, mệnh và thân luôn luôn ở thế xung (xung chiếu hoặc cách nhau hai cung).

Từ tên gọi có thể thấy ngay là "hợp" thường tốt hơn "xung". Thế nên sinh giờ dương cuộc đời dễ thuận lợi hơn sinh giờ âm. Cái lý này dẫn đến hai cặp sao tương phản là Tả Hữu và Hình Riêu mà ta sẽ bàn đến sau này.

San Jose 18 tháng 7, 2003
Đằng Sơn

CHÚ THÍCH

1. Kim tượng kim loại, thủy tượng nước, hỏa tượng lửa, thổ tượng đất đều là những vật thể "chết", chỉ có mộc tượng cây cối thảo mộc là ứng với sự sống.

2. Nói cách khác "mệnh" là phần biểu lộ bên ngoài, "thân" là phần tiềm ẩn bên trong của con người. Lúc trẻ người ta xung động thì làm sao phần tiềm ẩn thể hiện ra được? Do đó dưới ba mươi tuổi cung thân không đáng kể. Sau ba mươi tuổi vẫn không thể bỏ cung mệnh vì dù tuổi tác có làm cho người ta bớt xung động đi nữa thì phần xung động vẫn còn.

www.tuviglobal.com

Chương 5

Cơ sở khoa học của 12 cung Tử Vi

Truyền thuyết Trần Đoàn

Nguồn gốc khoa tử vi không mấy rõ rệt. Theo tài liệu còn để lại, người đầu tiên giới thiệu tử vi đến với làng mệnh lý là ông Trần Đoàn, hiệu Hi Di. Cũng theo tài liệu, ông Trần Đoàn nói đây là "một môn học đã có sẵn từ lâu" mà không hề nhận là người phát minh ra nó. Tuy nhiên, thuyết cho rằng Trần Đoàn đã phát minh ra tử vi không phải là vô căn cứ, vì, như quý độc giả sẽ thấy rõ trong loạt bài này, tử vi là một ứng dụng hết sức chặt chẽ của thuyết âm dương; và đã nói về người nắm vững cốt tủy của thuyết âm dương kể tử sau Khổng Tử thì không ai có thể qua mặt Trần Đoàn.

Như mọi nhân vật quan trọng khác của lịch sử Trung Hoa, Trần Đoàn có rất nhiều giai thoại ly kỳ. Nhân đây xin kể lại hai giai thoại, coi như truyện trà dư tửu hậu cho vui.

Giai thoại thứ nhất là chuyện hai vua chạy giặc. Lúc ấy là thế kỷ thứ mười, thuộc đời ngũ đại[1] (tiếp sau nhà Đường). Bốn phương anh hùng nổi lên cát cứ, lập nước này nước kia, đánh nhau liên miên không dứt. Một ngày kia Trần Đoàn thấy một bà mẹ đang chạy loạn gánh hai cái thúng, trong mỗi thúng có một đứa con trai còn nhỏ. Ông bèn vuốt râu cười ha hả rằng:

-Thiên hạ sắp thái bình rồi!

Rồi ông bảo người đàn bà:

-Bà kia. Nhớ cẩn thận nhé. Bà đang gánh hai vua đấy.

www.tuviglobal.com

Nghe thế bà mẹ cũng như những người đang chạy loạn với bà không hiểu gì cả. Sau này hai cậu bé ấy là Tống Thái Tổ (Triệu Khuông Dẫn) và vua Tống Thái Tôn.

Giai thoại thứ nhì là chuyện Tống Thái Tổ mất núi. Chuyện kể rằng Tống Thái Tổ Triệu Khuông Dẫn khi còn nhỏ là một cậu bé rất rắn mắt. Một lần kia cậu đánh cờ độ với một ông già. Biết cậu muốn giở trò "ăn thiệt thua giả" ông già đề nghị là nếu cậu thua chỉ phải trả ông một hòn núi. Cậu bé Triệu Khuông Dẫn tưởng là ông già cao tuổi hóa lẫn, vui vẻ nhận lời ngay. Kết cuộc cậu thua, rồi quên bẵng chuyện ấy. Ai ngờ khi thống nhất thiên hạ thành Tống Thái Tổ ông già đến triều đình đòi núi. Thế là Tống Thái Tổ đành nhượng một hòn núi (hình như là núi Hoa Sơn) cho ông già và các đệ tử của ông tu hành. Quan quân nhà Tống không bao giờ được xâm phạm hòn núi ấy. Ông già ấy dĩ nhiên là Trần Đoàn.

(Lại có giai thoại khác, nói người đánh cờ với Trần Đoàn là mẹ Triệu Khuông Dẫn. Nhưng thiết nghĩ giai thoại nguyên thủy –Triệu Khuông Dẫn đánh cờ- đáng tin hơn).

Cuộc cách mạng tử vi

Các độc giả nghiên cứu tử vi hẳn đã từng nghe qua một bài thiệu quan trọng bắt đầu bằng bốn câu như sau:[2]

Hi Di ngưỡng quan thiên thượng tinh
Phát minh đẩu số thôi nhân mệnh
Bất y ngũ tinh yếu quá tiết
Chỉ luận niên nguyệt nhật thời sinh

Dịch nghĩa là: Ông Hi Di –tức Trần Đoàn- nhìn lên các vì sao trên trời rồi đặt ra khoa tử vi để đoán số mệnh con người. Khác với các khoa dựa trên ngũ tinh cần phải biết tiết khí, tử vi chỉ luận năm tháng ngày giờ sinh mà thôi.

www.tuviglobal.com

Từ bốn câu giới thiệu này, ta hiểu ý tác giả muốn nói tử vi là một cuộc cách mạng mệnh lý, bứt phá khỏi cái ràng buộc của ngũ tinh.

Nhưng "ngũ tinh" ám chỉ gì? Xin thưa là ngũ hành kim mộc thủy hỏa thổ. Trước khi tiếp tục, phải mở ngay một dấu ngoặc ở đây, vì bốn chữ "bất y ngũ tinh" rất có thể khiến ta tưởng lầm ngũ hành hoàn toàn không có vai trò gì trong tử vi. Thực ra, bốn chữ này ám chỉ những khoa mệnh lý dựa trên ngũ hành đã lưu hành và được nhiều người biết trước khi tử vi ra đời, và ta có thể đoán một cách khá chắc chắn rằng đối tượng chính của hai chữ "ngũ tinh" là khoa tử bình[3].

Vì người Việt chúng ta không mấy quen thuộc với khoa tử bình, tôi xin trình bày rõ hơn một chút về khoa này. Khoa tử bình cũng dựa trên năm tháng ngày giờ sinh, nhưng sự tương tự giữa nó và tử vi dừng ở đó, vì tử bình đặt căn bản trên can và chi. Tính ra tổng cộng tử bình có 4x2=8 tiểu yếu tố (bốn can và bốn chi của năm tháng ngày giờ sinh). Do đó tử bình còn được gọi là khoa "bát tự". Thỉnh thoảng cũng có người dùng tên "tứ trụ" (vì bốn yếu tố năm, tháng, ngày, giờ là bốn cột trụ của tử bình)

Điểm rất đáng chú ý là tử bình coi ngày là yếu tố quan trọng nhất của tứ trụ. Lý do tại sao sẽ được trình bày trong quyển "mệnh lý hoàn toàn khoa học" nên tôi sẽ không bàn ở đây. Ngay lập tức ta thấy tử bình có một trở ngại rất thực tế, vì muốn biết can chi của ngày chỉ có cách xem lịch. Nhưng còn một vấn đề thứ hai, trầm trọng hơn nữa. Vì chu kỳ can chi của năm, tháng, ngày, giờ đều là 60 cả, nên khi ngày lập lại thì giờ cũng lập lại.

Vì năm là yếu tố dài nhất, can chi của năm, ngày, giờ trùng nhau là chuyện thường; những khi ấy số mệnh chỉ khác biệt ở tháng mà thôi. Tháng ứng với vị trí mặt trời,

www.tuviglobal.com

và vị trí mặt trời ảnh hưởng đến tiết khí; nên các nhà tử bình tiền phong khám phá ra rằng phải coi tiết khí là chủ yếu. Vì thế trong tử bình can chi của tháng phải dựa theo tiết khí, không thể chỉ dựa vào âm lịch mà tính được. Vấn đề là tiết khí không chiều theo ngày, nên rất có thể 2:33 giờ chiều ngày x chính là lúc tiết khí thay đổi. Kết quả là can chi của ngày cũng phải dựa theo tiết khí. Có thể thấy việc định bát tự trong tử bình là một bài toán khá phức tạp.

Tử vi thì sao? Theo hai câu đầu của bài thiệu đã dẫn, cuộc cách mạng tử vi bắt đầu bằng nền tảng thiên văn. Các thiên thể gần gũi chúng ta nhất gồm có mặt trời, mặt trăng, và ngũ tinh (Kim tinh Venus, Mộc tinh Jupiter, Thủy tinh Mercury, Hỏa tinh Mars, Thổ tinh Saturn). Ta đã biết mặt trời và mặt trăng hoàn toàn ứng hợp với địa bàn. Trong quyển "mệnh lý hoàn toàn khoa học" tôi sẽ chứng minh rằng chu kỳ tuần hoàn giữa Mộc tinh và trái đất là 12 năm, giữa Thổ tinh và trái đất là một số năm chia chẵn cho 6, giữa ba hành tinh còn lại với trái đất là ba số năm khác nhau, nhưng đều chia chẵn cho 4.

Vì chu kỳ tuần hoàn giữa Mộc tinh và trái đất là 12 năm, ta có thể coi mỗi cung trên địa bàn ứng với một vị trí của Mộc tinh. Chu kỳ của Thổ tinh chia chẵn cho 6 nên nó ứng với vị trí xung chiếu. Chu kỳ của ba hành tinh kia chia chẵn cho 4 nên chúng ứng với vị trí tam hợp.

Tóm lại, xét trên căn bản của luật tam phương tứ chính của tử vi thì địa bàn không những đã ứng với hai yếu tố tháng và giờ như chúng ta đã biết, mà nó cũng vô tình ứng hợp với yếu tố năm. Năm dĩ nhiên bao hàm tháng và giờ. Từ dữ kiện này có thể suy ra rằng trong 4 yếu tố năm tháng ngày giờ thì năm quan trọng hơn cả.

Tử vi lấy năm là chính nên chỉ cần các yếu tố sau đây:

www.tuviglobal.com

-Can của năm
-Chi của năm
-Chi của tháng âm lịch
-Ngày âm lịch (từ 1 đến 30)
-Chi của giờ

Vì cả 5 yếu tố đều có thể được xác định một cách tương đối dễ dàng, tử vi tiện lợi hơn tử bình rất nhiều. Dĩ nhiên, tiện lợi không phải là yếu tố quyết định. Giá trị sau cùng của mọi môn số mệnh là sự tương ứng giữa lời đoán và sự thật. Trong một tập sau tôi sẽ trình bày lý do tại sao trên mặt này tử vi cũng ăn đứt khoa tử bình[5].

Bàn triết lý tử vi số này đến đây tạm đủ, nay xin trở lại với bài toán tử vi. Đề tài lần này là: Cái lý nằm sau 12 cung tử vi.

Cơ bản kiến thức về 12 cung tử vi

Như đã trình bày trong các bài trước, cách định cung mệnh như sau: Gọi cung Dần là tháng giêng, đi theo chiều thuận tính mỗi cung một tháng, đến tháng sinh dừng lại gọi là giờ Tý, đi theo chiều nghịch tính mỗi cung một giờ, đến giờ sinh dừng lại, an cung Mệnh.

Mọi sách tử vi đều ghi rõ là khởi từ cung mệnh đi theo chiều thuận thì sẽ được 12 cung liên tiếp nhau, như sau: Mệnh, Phụ Mẫu (sinh), Phúc Đức (phúc), Điền Trạch (điền), Quan Lộc (quan), Nô Bộc (nô), Thiên Di (di), Tật Ách (tật hoặc ách), Tài Bạch (tài), Tử Tức (tử), Phu Thê (phối hoặc tùy nam nữ mà gọi "thê" hoặc "phu"), Huynh Đệ (bào).

Nhưng tại sao 12 cung tử vi lại được an theo thứ tự này? Sau đây ta sẽ trả lời câu hỏi đó.

www.tuviglobal.com

Lý của 6 cường cung

Từ các bài trước, ta biết:

-Tam hợp là cùng nhóm, hỗ trợ nhau.

-Xung chiếu là khác nhóm nhưng có liên hệ mạnh mẽ, hoặc đối nghịch hoặc bổ khuyết cho nhau.

Hai cung tam hợp của cung mệnh dĩ nhiên phải có liên hệ mật thiết với mệnh. Nói cách khác hai cung tam hợp của cung mệnh phải cho ta một hình ảnh mặc dù tóm lược nhưng khá đầy đủ về số mệnh của ta. Vậy thì hai cung tam hợp của mệnh là gì? Xin thưa phải là tiền tài và sự nghiệp, bởi đây là hai yếu tố áp đảo trong bài toán số mệnh của con người. Tóm lại, hai cung tam hợp của mệnh phải là Tài Bạch (Tài) và Quan Lộc (Quan).

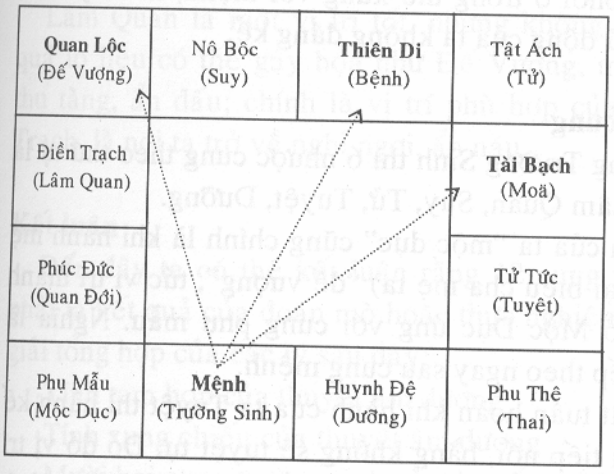
Nhưng nếu đi theo chiều thuận từ mệnh thì gặp Tài trước hoặc Quan trước? Để giải quyết vấn đề này, ta phải dùng đến ngũ hành. Nhắc lại ngũ hành là lời giải gần đúng của bài toán âm dương, nên trong trường hợp này có chỗ đắc dụng. Một kết quả của ngũ hành là vòng trường sinh, gồm 12 cung theo thứ tự Trường Sinh, Mộc Dục, Quan Đới, Lâm Quan, Đế Vượng, Suy, Bệnh, Tử, Mộ, Tuyệt, Thai, Dưỡng. Vị trí Trường Sinh dĩ nhiên ứng với mệnh, do đó Đế Vượng và Mộ là hai cung tam hợp. Đế Vượng là trạng thái phát triển tột đỉnh, Mộ là trạng thái thu tàng; nên có thể thấy ngay rằng Đế Vượng ứng với quan lộc, Mộ ứng với Tài. Tóm lại, đi theo chiều thuận thì vòng tam hợp là Mệnh, Quan, Tài.

Cung xung chiếu với mệnh thì sao? Vì nó tương đương với mệnh, lại hoặc đối kháng hoặc bổ sung cho mệnh; nó chính là cái hoàn cảnh mà ta gặp phải khi ra khỏi cái vỏ an toàn của mệnh. Bởi vậy, cung xung chiếu của mệnh phải là Thiên Di (Di). Thiên Di ứng với vị trí Bệnh của vòng Trường Sinh.

www.tuviglobal.com

Đến đây ta đã được 4 cung. Nhắc lại 12 cung địa bàn gồm có 6 cung dương và 6 cung âm, và mệnh tài quan di luôn luôn cùng dương hoặc cùng âm, không bao giờ có ngoại lệ. Do đó phải có thêm hai cung cùng lý âm dương với mệnh và có ảnh hưởng lớn đến đời của ta.

Vì quan lộc ứng với Đế Vượng, cung xung chiếu của nó là Thai. Thai có nghĩa "bào thai", một kết quả tự nhiên của đời sống vợ chồng; thế nên đây là vị trí thích hợp của cung phu thê. Kiểm soát bằng lẽ xung chiếu, ta thấy quả nhiên quan lộc và phu thê vừa tương phản vừa bổ sung nhau. Tương phản vì quan lộc là sự nghiệp ở ngoài đời, phu thê là đời sống trong gia đình. Bổ sung vì sự nghiệp thường ảnh hưởng đến đời sống vợ chồng, và đời sống vợ chồng là một yếu tố lớn ảnh hưởng đến sự nghiệp.



Sự tương ứng giữa 12 cung tử vi và vòng Trường Sinh

Còn cung xung chiếu Tài Bạch, tức vị trí Quan Đới, ứng với cung nào của tử vi? Chúng ta đều biết chỉ có hai cách để được hưởng cảnh giàu sang, một là được tặng tài sản hai là may mắn (dù có tài và chịu khó bao nhiêu cũng

www.tuviglobal.com

thế). Nhưng được tặng tài sản nghĩa là may mắn rồi, nên may mắn và tài sản có liên quan hết sức mật thiết với nhau. May mắn là một yếu tố không ai giải thích được, nhưng vì theo lý âm dương mọi sự đều phải tuân theo nhân quả, cái nhân của sự may mắn (hoặc xui xẻo) được gọi bằng tên chung là "phúc đức", có ý bao gồm mọi yếu tố mà không ai có thể lường được. Người Việt có câu "hay không bằng hên", nên có hiểu tại sao phúc đức được coi là một trong hai cung quan trọng nhất của tử vi (cung kia là cung mệnh).

Mệnh tài quan và Di phúc phối được gọi chung là 6 cường cung, nhưng cần phân biệt:

Mệnh tài quan ở trong thế tam hợp với mệnh, là ba yếu tố mà ta tương đối có phần chủ động.

Di phúc phối ở trong thế xung với mệnh, là ba yếu tố mà phần chủ động của ta không đáng kể.

Sáu nhược cung

Theo vòng Trường Sinh thì 6 nhược cung theo thứ tự là Mộc Dục, Lâm Quan, Suy, Tử, Tuyệt, Dưỡng.

Khi hành của ta "mộc dục" cũng chính là khi hành mẹ (tức hành đại biểu cha mẹ ta) "đế vượng", tức vị trí mạnh nhất. Do đó Mộc Dục ứng với cung phụ mẫu. Nghĩa là phụ mẫu tiếp theo ngay sau cung mệnh.

Theo luật tuần hoàn khi hành của ta Tuyệt thì hành kế tiếp ta phải tiếp nối, bằng không sẽ tuyệt tự. Do đó vị trí Tuyệt ứng với cung Tử Tức (vị trí 10 tính từ cung mệnh theo chiều thuận).

Khi hành của ta Dưỡng thì ta ví như một bào thai đang được dưỡng nuôi trong bụng mẹ, chính là thời của các anh chị em ta. Do đó vị trí Dưỡng ứng với cung Huynh Đệ (vị

www.tuviglobal.com

trí 12 tính từ cung mệnh theo chiều thuận, chính là cung bên cạnh mệnh.)

Nô bộc và huynh đệ có tương quan mật thiết vì một số những tương quan của ta với đời sống bên ngoài ở tuổi thiếu niên và thanh niên thường thông qua các anh chị em. Bởi vậy nô bộc là cung xung chiếu huynh đệ (vị trí Suy của vòng Trường Sinh).

Chỉ còn lại hai vị trí là Lâm Quan và Tử. Ta sẽ xét Tử trước.

Tử là "chết", một trạng thái rất xấu cho hành của ta. Đây là vị trí xung chiếu phụ mẫu. Thân thể ta do cha mẹ tạo thành, nên ta phải chịu mọi yếu tố di truyền, kể cả bệnh tật. Ngoài ra, ở tuổi ấu thơ ta hoàn toàn lệ thuộc cha mẹ nên họa phúc của ta lúc ấy có liên quan mật thiết đến cha mẹ. Do đó Tử là vị trí thích hợp của cung Tật Ách.

Lâm Quan là một vị trí tốt, nhưng không phải cái tốt quá lộ liễu có thể gây họa như Đế Vượng, mà là cái tốt thu tàng, ẩn dấu; chính là vị trí phù hợp của cung Điền Trạch, là nơi ta trở về nghỉ ngơi, ẩn náu.

Kết luận

Đến đây ta có thể kết luận rằng 12 cung tử vi không phải là kết quả của đoán mò hoặc thực nghiệm, mà là bài giải tổng hợp của các lý sau đây:

-Tính tam hợp của thuyết âm dương

-Tính xung chiếu của thuyết âm dương

-Mười hai cung trường sinh của thuyết ngũ hành

Ý nghĩa của 12 cung tử vi đã được bàn đến nhiều trong các sách tử vi nên sẽ không được lập lại ở đây. Tuy nhiên, cần nhắc lại rằng từ cái lý của 12 cung, ta chứng thực được một kinh nghiệm lâu đời, rằng phúc đức quả là một trong hai cung quan trọng nhất của tử vi.

www.tuviglobal.com

Với lá số mệnh thân tốt, phúc đức có thể là nguyên nhân khiến lá số trở thành xấu xa. Trái lại, với lá số mệnh thân xấu, phúc đức có thể là yếu tố cứu giải, tạo nên cảnh "tuyệt xứ phùng sinh". Đây là một điểm mà quý độc giả nghiên cứu tử vi cần nhất tâm chú ý.

San Jose 25 tháng 7, 2003
Đằng Sơn

CHÚ THÍCH

1.) Trong thời ngũ đại, nước ta là Giao Châu lệ thuộc nhà Nam Hán. Nhờ Ngô Quyền phá quân Nam Hán trên Bạch Đằng Giang năm 938 mà nước ta mới dành được độc lập thành một quốc gia tự chủ.

2.) Bằng phép tỷ giảo ngôn ngữ, ta có thể đoan chắc bài thiệu này được viết sau thời Trần Đoàn rất xa, có lẽ đến mấy trăm năm. Tại sao vậy? Xin thưa vì từ bố cục rõ ràng tác giả muốn sử dụng thể thơ thất ngôn, muốn thế ba chữ cuối của các câu 1, 2, 4 tức "tinh", "mệnh", và "sinh" phải hòa vần và điệu với nhau. Trong âm Hán Việt, ba chữ này hòa vần nhưng không hòa điệu, vì "tinh" và "sinh" âm bằng, "mệnh" âm trắc. Nhưng nếu đọc theo âm (trẹo trọ) của tiếng quan thoại thì lại có thể gượng xem là hòa điệu (tinh đọc là "tsinh", sinh là "sâng", mệnh tùy hoàn cảnh có thể là "mính", "mỉnh", hoặc "minh"). Sau khi nhà Minh dời đô sang Bắc Kinh, tiếng quan thoại mới dần dần trở thành tiêu chuẩn. Từ đó có thể suy rằng bài thiệu này được làm sớm nhất vào thời nhà Minh, tức là sau thời của Trần Đoàn mấy trăm năm.

3.) Danh từ "ngũ tinh" ở đây quả ám chỉ môn học mà bây giờ ta gọi là Tử Bình, Bát Tự, hoặc Tứ Trụ. Theo tài liệu để lại thì thời Ngũ Đại khoa ngũ tinh chỉ mới dùng năm tháng và ngày thôi. Đời Tống, tức là sau thời Trần Đoàn và sau khi khoa Tử Vi ra đời, ông Dư Tử Bình mới thêm yếu tố giờ; giúp khoa "ngũ tinh" có bát tự như ngày nay.

www.tuviglobal.com

4.) Mặc dù gọi là "bát tự", thực ra khoa tử bình chỉ có 6 yếu tố độc lập thôi, vì can của tháng lệ thuộc can của năm, và can của giờ lệ thuộc can của ngày.

5.) Xét thoáng qua thì Tử Bình có vẻ "khoa học" hơn Tử Vi, lời đoán của Tử Bình cũng có vẻ "chính xác" hơn Tử Vi. Nhưng đó chỉ là xét thoáng qua. Chính xác hơn nên nói rằng nền tảng của Tử Bình thô sơ hơn nên phần lý luận giản dị hơn và sắc nét hơn. Cái giá phải trả dĩ nhiên là sự giản lược nếu không muốn nói là nghèo nàn về dữ kiện. Ngoài ra, vì hoàn toàn dựa trên tính sinh khắc của ngũ hành, Tử Bình cho ta cảm tưởng rằng số mệnh của con người đã định sẵn bởi bát tự không thay đổi được. Kết quả này không phù hợp với thực tế vì ai cũng biết rằng hai người cùng năm tháng ngày giờ sinh đời sống có thể khác xa nhau một trời một vực.

www.tuviglobal.com

Chương 6

So sánh 12 cung tử vi tây phương và đông phương

Tử vi có khoa học không?

Theo khoa học tây phương, mọi hiện tượng trong vũ trụ đều tuân theo luật "nhân quả trực tiếp", nghĩa là một hiện tượng chỉ có thể xảy ra khi có một "lực" nào đó tác dụng, và lực này phải đo được bằng phương pháp khoa học. Cũng theo khoa học tây phương, trong vũ trụ chỉ có 4 lực căn bản:

-Lực vạn vật hấp dẫn, gọi tắt là lực hấp dẫn (gravitational force).

-Lực điện từ (electromagnetic force).

-Lực nguyên tử mạnh, gọi tắt là lực mạnh (strong nuclear force hoặc là strong force).

-Lực nguyên tử yếu, gọi tắt là lực yếu (weak nuclear force hoặc là weak force).

Vài thí dụ của luật "nhân quả trực tiếp":

-Trái đất quay quanh mặt trời do tác dụng của lực hấp dẫn.

-Địa bàn quay đúng hướng nhờ lực điện từ.

-Bom nguyên tử tàn phá kinh khủng vì nó phóng thích lực mạnh.

-Các chất như uranium, plutonium có tính phóng xạ do ảnh hưởng của lực yếu.

Gần đây, một số nhà nghiên cứu mệnh lý đông cũng như tây phương cố giải thích rằng nền tảng của các khoa mệnh lý là lực hấp dẫn và lực điện từ. Theo ý kiến của

www.tuviglobal.com

tôi, lối giải thích này không thỏa đáng; bởi mặc dù mọi thiên thể đều có lực hấp dẫn và lực điện từ, hai lực này đều giảm rất nhanh với khoảng cách. Nếu lực hấp dẫn và lực điện từ quả là cái "nhân" của số mệnh thì –dựa theo dữ kiện khoa học- ta sẽ phải kết luận ảnh hưởng của ngũ tinh (Kim tinh Venus, Mộc tinh Jupiter, Thủy tinh Mercury, Hỏa tinh Mars, Thổ tinh Saturn) không đáng kể so với trái đất, mặt trời, và mặt trăng[1].

Vấn đề nếu bỏ ngũ tinh đi thì bài toán số mệnh sẽ sai lầm hết sức đáng kể. Xét riêng khoa tử vi đông phương, trọng tâm của loạt bài này, ngũ tinh chính là lý do cho phép ta áp đặt yếu tố năm vào địa bàn, để luận rằng "năm" là đơn vị quan trọng nhất trong bốn đơn vị năm, tháng, ngày, giờ. Hiển nhiên, tử vi không bỏ ngũ tinh được.

Ngắn gọn, "lực" không thể nào là nền tảng của tử vi!

Nhưng theo luật "nhân quả trực tiếp" của khoa học thì "lực" là tác nhân duy nhất của mọi hiện tượng, nên phủ nhận vai trò của lực có khác nào nhìn nhận rằng tử vi phản khoa học? Đây là một vấn đề hết sức to lớn, một bế tắc phải được giải quyết, bằng không tử vi sẽ không thể nào thoát khỏi vị trí "huyền học" của nó để trở thành một môn khoa học.

Có thể nào tử vi không dựa trên "lực" mà vẫn là một khoa học được không? Để trả lời câu hỏi này, tôi xin nhấn mạnh rằng thực ra "lực" không phải là nền tảng tất yếu của khoa học. Nó được nghĩ là tất yếu chỉ vì các hiện tượng liên quan đến lực là đối tượng dễ khảo sát bằng phương pháp hiện đại của khoa học. Xét một cách rốt ráo, khoa học không gì khác hơn là một hệ lý luận chặt chẽ. Hệ lý luận ấy dĩ nhiên phải bắt đầu bằng một số tiền đề.

www.tuviglobal.com

Có một tiền đề ít được để ý, đó là "vạn vật phải tuân theo một quy luật chung". Tiền đề này rất hiển nhiên vì nếu vạn vật không tuân theo một quy luật chung thì các hiện tượng sẽ xảy ra một cách hỗn loạn, và khoa học sẽ chỉ còn là một danh từ vô nghĩa.

Các độc giả tinh ý sẽ nhận ra rằng tiền đề này chỉ là một dạng khác của tiền đề "vạn vật đồng nhất thể" của triết học Á đông[2]. Tử vi, một sản phẩm của Á đông, tất nhiên thỏa tiền đề "vạn vật đồng nhất thể" (VVĐNT).

Vì con người là một đơn vị hiện hữu, toàn thể vũ trụ cũng là một đơn vị hiện hữu; cả hai đều phải thỏa VVĐNT; mà đã thỏa VVĐNT thì hai bên phải "tương ứng" với nhau.

Nhưng thế nào là "tương ứng"? Cách giải thích giản dị nhất là đưa thí dụ. Một mạch điện và một hệ thống nước rõ ràng là hai thực thể không có liên hệ "nhân quả trực tiếp" với nhau, nhưng lại có liên hệ "tương ứng" vì điện thế V của mạch điện tương ứng với khác biệt áp suất Delta(p), điện lượng q của mạch điện tương ứng với lưu lượng (cũng ký hiệu là q) của hệ thống nước vân vân... Nhờ đó mặc dù mạch điện và hệ thống nước là hai thực thể khác nhau, ta có thể sử dụng các luật đã biết của ngành điện để suy ra hòan cảnh của hệ thống nước, và ngược lại.

Khoa tử vi sử dụng năm tháng ngày giờ để luận mệnh không phải vì năm tháng ngày giờ "gây ra" vận mệnh con người, mà vì năm tháng ngày giờ giúp ta xác định hoàn cảnh địa lý và thiên văn trong phút giây con người ra đời. Hoàn cảnh địa lý và thiên văn cũng không "gây ra" vận mệnh con người. Chúng chỉ là những dữ kiện của vũ trụ ứng với lúc con người ra đời. "Ứng" đây nghĩa là "tương ứng". Theo luật VVĐNT mỗi hoàn cảnh của vũ trụ phải

www.tuviglobal.com

tương ứng với một loại người, một loại diễn trình trong đời sống.

Bởi vậy việc tử vi xử dụng các yếu tố địa lý, thiên văn để suy ra vận mệnh con người cũng khoa học y như sử dụng tính chất của mạch điện để suy ra tính chất của hệ thống nước vậy.

Tóm lại, tiền đề của tử vi hoàn toàn thỏa tính khoa học. Còn tử vi có thành công trong mục đích của nó hay không thì phải kiểm nghiệm kết quả. Về mặt này, tối thiểu theo kinh nghiệm của tôi và một số thân hữu trong làng nghiên cứu thì tử vi hết sức thành công.

Triết lý tử vi chương này đến đây đã đủ, nay xin trở lại bài toán tử vi, bàn tiếp 12 cung.

Mười hai cung tử vi tây phương

Khoa tử vi tây phương[3] cũng có 12 cung ứng với 12 loại sự kiện, tương tự như tử vi đông phương (gọi ngắn gọn là "tử vi" trong loạt bài này).

Nhưng cái lý của 12 cung tử vi tây phương hoàn toàn dựa trên bản tính của vòng hoàng đạo (zodiac), bắt đầu bằng chùm sao Aries (Dương Cưu), rồi theo thứ tự Taurus (Kim Ngưu), Gemini (Song Nam), Cancer (Bắc Giải), Leo (Hải Sư), Virgo (Xử Nữ), Libra (Thiên Xứng), Scorpio (Hổ Cáp), Sagittarius (Nhân Mã), Capricorn (Miên Dương), Aquarius (Bảo Bình), Pisces (Song Ngư). Bởi vậy ý nghĩa 12 cung tử vi tây phương là:

Cung 1 chịu ảnh hưởng tính cá nhân độc đoán của Aries nên cho ta biết bản chất của ta (self).

Cung 2 chịu ảnh hưởng bảo thủ, quý trọng tài sản của Taurus nên ứng với Tài Bạch (Money).

www.tuviglobal.com

Cung 3 chịu ảnh hưởng tính hòa đồng nghệ sĩ của Gemini nên ứng với khuynh hướng và khả năng truyền thông (Communication).

Cung 4 chịu ảnh hưởng của Cancer yếu đuối cần tìm nơi ẩn náu, nên ứng với chỗ ở của ta, tức là cung Điền Trạch (Home).

Cung 5 chịu ảnh hưởng của Leo, biểu tượng là con sư tử, chúa của các loài thú, ví như một ông vua cao quý tha hồ có tam cung lục viện, do đó ứng với sự sáng tạo và tình dục (Creativity and Sex).

Cung 6 chịu ảnh hưởng của Virgo, bản chất bảo thủ nhưng lại dễ hòa theo đám đông, nên ứng với tương quan ngoài xã hội. Xưa là cung nô bộc, nay được tin là dính líu đến sức khỏe và khuynh hướng phục vụ tha nhân (Health and Service).

Cung 7 chịu ảnh hưởng khuynh hướng trọng quân bằng của của Libra nên ứng với những liên hệ bổ sung bù trừ có ảnh hưởng lâu dài, gồm có đồng chí và vợ chồng (Partnership and Marriage).

Cung 8 chịu ảnh hưởng của Scorpio nên ứng với sự chết và sự hồi sinh (Death and Regeneration).

Cung 9 chịu ảnh hưởng của Sagittarius nên ứng với sinh hoạt trí tuệ và những cuộc phiêu lưu (Mental Exploration and Long Distance Travel).

Cung 10 chịu ảnh hưởng của Capricorn, đại biểu thực tế và tham vọng, nên ứng với sự nghiệp và chỗ đứng trong xã hội (Career and Public Standing).

Cung 11 chịu ảnh hưởng cởi mở của Aquarius nên ứng với tình bạn, hy vọng, ước mơ (Friendship, Hope, Wishes).

Cung 12 chịu ảnh hưởng tính bí ẩn của Pisces nên ứng với những bí mật, xót xa, và đau đớn, kể cả khuynh hướng

www.tuviglobal.com

tự gây đau khổ cho mình (Secrets, Sorrows, and Self Undoing.)

So sánh hai khoa tử vi tây phương và đông phương, ta thấy chỉ có các cung 1 (mệnh), 4 (điền trạch), 6 (nô bộc), và 8 (tật ách và sự chết) là hơi tương ứng. Vậy khoa nào đáng tin cậy hơn? Muốn trả lời câu hỏi này ta cần đào sâu hơn cái lịch sử khá mơ hồ của khoa tử vi.

Trước tử vi đã có một khoa tương tự do "Quả Lão tinh tông" đề xướng. Để phân biệt ta sẽ gọi khoa này là tiền tử vi. Bằng phép tỷ giảo, ta có thể đoan chắc rằng tiền tử vi chịu ảnh hưởng rất nặng của tử vi tây phương[4].

Người viết cho rằng khoa tử vi chính là do khoa tiền tử vi cải cách lại mà ra. Cuộc cải cách này được đặt trên nền tảng của thuyết âm dương (và dĩ nhiên ngũ hành, một cách tính gần đúng của âm dương).

Không phải cuộc cải cách nào cũng thành công. Nhưng riêng trong trường hợp tử vi thì đây là một bước tiến nhảy vọt, với kết quả là khoa tiền tử vi bị đẩy vào quên lãng, gần như không được ai biết đến nữa.

Theo người viết được biết, chưa ai thành công trong việc dùng tử vi tây phương để đoán vận mạng con người. Về mặt này, khoa tử vi ăn đứt, với độ chính xác có lẽ phải trên 70%. Cho nên ta có thể nói một cách khá chắc chắn rằng cách an 12 cung của tử vi đông phương (tức "tử vi" trong loạt bài này) hợp lý hơn tử vi tây phương./

San Jose 31 tháng 7, 2003
Đằng Sơn

Chú thích

1.) Ảnh hưởng hấp dẫn và điện từ của ba hành tinh còn lại (Thiên Vương Tinh, Hải Vương Tinh, Tử Vương Tinh) còn yếu

www.tuviglobal.com

hơn ngũ tinh nữa, vậy thì tại sao ba hành tinh này lại hết sức quan trọng trong khoa chiêm tinh tây phương? Từ đó có thể thấy rằng "lực" không thể nào là nền tảng của các khoa số mệnh liên quan đến thiên văn.

2.) Tiền đề "vạn vật đồng nhất thể" là một phát kiến vĩ đại mà người Á đông chúng ta có quyền hãnh diện. Rất tiếc nó đã bị huyền hoặc hóa quá độ nên ít ai để ý đến cái khoa học tính tất yếu của nó. Một trong những triết gia đã huyền hoặc hóa tiền đề "vạn vật đồng nhất thể" đến mức cực điểm là Đổng Trọng Thư đời Hán.

3.) Tử vi tây phương còn gọi là chiêm tinh tây phương vì hoàn toàn dựa trên vị trí của mặt trăng, mặt trời, và các hành tinh trong thái dương hệ.

4.) Quả lão tinh tông cũng được xem là một phái của ngũ tinh, tức khoa mệnh lý dựa trên năm tháng ngày sau này được thêm giờ và cải đổi thành Tử Bình (còn gọi là bát tự hoặc tứ trụ). Khi bài này được viết ở Đài Loan vẫn còn bán sách dạy cách xem số mệnh theo "Quả Lão tinh tông".

www.tuviglobal.com

Chương 7

Nguồn gốc của Tuần và Triệt

Triết lý 1: Tử vi và bài toán tương lai

Trong một bài trước, tôi đã đưa một thí dụ có thực để dẫn chứng rằng hai người có cùng lá số có thể có hai đời sống hoàn toàn khác nhau. Trong bài trước tôi lại nói rằng tử vi (đông phương) hơn tử vi tây phương vì nó có thể đoán tương lai với xác suất đúng trên 70%. Vậy phải chăng tôi đã đưa ra hai luận cứ mâu thuẫn? Xin thưa rằng hai luận cứ trên không mâu thuẫn nhau. Nhưng vì hiểu lầm khó tránh, nên trong bài này tôi xin giải thích rõ ràng hơn.

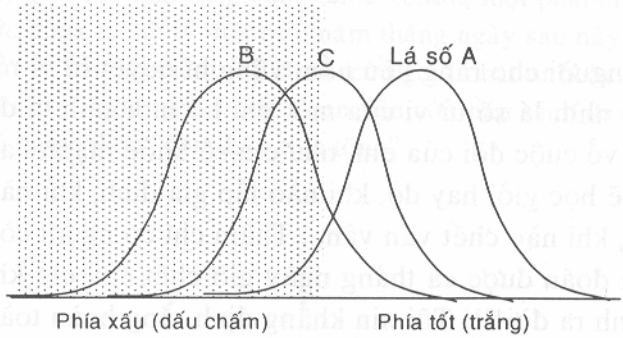
Một số người cho rằng nếu nắm vững bí quyết tử vi rồi thì chỉ cần nhìn lá số tử vi của một em bé mới sinh ta đã biết tất cả về cuộc đời của em, như em sẽ khỏe mạnh hay bệnh tật, sẽ học giỏi hay dở, khi nào lập gia đình, khi nào có con cái, khi nào chết vân vân... Thậm chí có người còn tin là tử vi đoán được cả tháng ngày giờ chết của em khi em mới sinh ra đời!!!! Tôi xin khẳng định rằng hoàn toàn không có những chuyện đó. Bởi nếu cuộc đời quả là đinh đóng cột y hệt như những gì đã định trên lá số tử vi thì trên thế giới phải có khoảng 10 ngàn George W. Bush, khoảng 10 ngàn Saddam Hussein. Khỏi cần dài dòng cũng biết điều này không đúng!!

Khi cầm một lá số A trong tay, điều duy nhất ta biết là một loại khuynh hướng. Nếu loại khuynh hướng ấy nói chung là "tốt" thì nếu ta làm một cuộc đại thống kê, gom tụ đời sống của thật nhiều người có lá số A ta sẽ thấy nhiều đời tốt hơn đời xấu. Trái lại, nếu lá số B chứa

www.tuviglobal.com

khuynh hướng "xấu" thì nếu ta gom tụ đời sống của thật nhiều người có lá số B, ta sẽ thấy nhiều đời xấu hơn đời tốt. Nói tóm lại, lá số xấu đời có thể tốt, và ngược lại.

Vì lá số tốt cuộc đời có thể xấu, và lá số xấu cuộc đời có thể tốt (xem hình 1) nên đời của hai người cùng lá số có thể hoàn toàn khác nhau. Nếu ta chỉ có lá số trên tay mà không có thêm dữ kiện nào khác tất nhiên ta phải đoán cầu âu (theo xác xuất) là A tốt B xấu. Lối đoán này đúng trong đa số trường hợp và sai trong một thiểu số trường hợp. Nhưng nếu xui xẻo gặp lá số C, nửa tốt nửa xấu, thì dù đoán xấu hoặc tốt ta cũng chỉ đúng trong khoảng 50% trường hợp, chẳng hơn gì thảy một đồng tiền (xem hình 1).



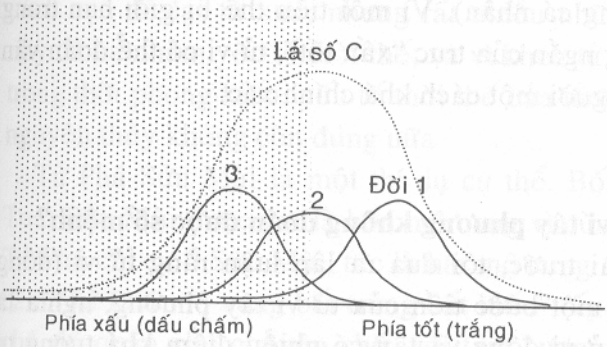
Hình 1: Lá số A tốt chỉ có nghĩa đa số cuộc đời tốt, vẫn có một thiểu số cuộc đời xấu. Lá số B xấu chỉ có nghĩa đa số cuộc đời xấu, vẫn có một thiểu số cuộc đời tốt. Nhưng nếu chỉ xét lá số thì buộc lòng phải đoán cầu âu là A tốt, B xấu. Xui xẻo gặp lá số C (nửa xấu nửa tốt) thì cách đoán cầu âu chẳng hơn gì thảy một đồng tiền.

Rất may cho giới nghiên cứu tử vi, vì đời người tương đối ngắn, nên ngoại trừ những hoàn cảnh ngoại lệ hết sức hiếm hoi, đời của mỗi người sẽ bị giới hạn trong một phần phạm vi tốt xấu của lá số[1], như trong hình 2. Cho nên bí

www.tuviglobal.com

quyết đầu tiên của tử vi là phải "cá nhân hóa" lá số. Nói một cách khái quát như trong trường hợp của hình 2 thì phải định xem người muốn xem ứng với đời 1, 2, hoặc 3.

Nhưng làm sao biết đời một người ứng với 1, 2, hoặc 3? Xin thưa phải dựa vào những dữ kiện cá nhân hoàn toàn nằm ngoài lá số tử vi. Quan trọng nhất của dữ kiện loại này là bối cảnh xã hội nơi con người sinh ra và lớn lên. Bối cảnh xã hội dĩ nhiên bao gồm cả thời thế.



Hình 2: Lá số C xấu tốt khó phân, nhưng đời 1 hiển nhiên tốt (nhiều tốt ít xấu), đời 2 tốt xấu lẫn lộn, đời 3 hiển nhiên xấu (nhiều xấu ít tốt). Người đoán tử vi phải tìm thêm dữ kiện để xác định cuộc đời người muốn xem là trường hợp nào (1, hoặc 2, hoặc 3).

Trở lại hình 2, mặc dù đại thể (lá số) xấu tốt khó phân, đời 1 hiển nhiên tốt (dữ ít lành nhiều), đời 3 hiển nhiên xấu (lành ít dữ nhiều), đời 2 tốt xấu khó phân (dữ lành khó định). Nên nếu ta biết đời một người ứng với 1, thì có thể đoán khá chắc chắn là tốt, ứng với 3 khá chắc chắn là xấu.

Mặc dù đời 2 tốt xấu khó phân, không có nghĩa là tử vi không đoán được gì cả. Một khám phá lớn của thuyết âm dương là cuộc đời có tính "động". Tính động tùy hoàn cảnh cá nhân mà mạnh yếu khác nhau. Từ xấu đổi thành

www.tuviglobal.com

trung tính hoặc tốt rất khó; từ tốt đổi thành trung tính tương đối dễ, thành xấu khó hơn; từ trung tính đổi thành xấu hoặc tốt đều dễ. Đây chính là cảnh gần mực thì đen gần đèn thì sáng; gần tốt sẽ tốt, gần xấu sẽ xấu. Nên hiểu hoàn cảnh hiện tại thì vẫn đoán được hoàn cảnh tương lai cho đời 2.

Tóm lại, bài toán tử vi được giải bằng cách bắt đầu với đại thể (lá số), rồi dùng dữ kiện để thu nhỏ lại thành tiểu thể (đời sống cá nhân). Vì mỗi tiểu thể bị giới hạn trong một khoảng ngắn của trục "xấu tốt", tử vi có thể đoán vận mệnh con người một cách khá chính xác.

Triết lý 2:

Tại sao tử vi tây phương không đoán được số mệnh?

Trong bài trước, tôi đưa ra lập luận rằng tử vi (đông phương) là một bước tiến của tử vi tây phương, nghĩa là hai ngành tử vi đông và tây có nhiều điểm khá tương tự nhau. Vậy nếu tử vi đông phương đoán được số mệnh như tôi vừa trình bày thì tại sao tử vi tây phương lại không? Xin trả lời: Vì tử vi tây phương bị kẹt trong thuyết tứ nguyên tố.

Tôi sẽ chứng minh rằng thuyết tứ nguyên tố chỉ có thể có tương quan hai chiều trong quyển "mệnh lý hoàn toàn khoa học"; ở đây chỉ xin giải thích thế nào là tương quan hai chiều. Tương quan hai chiều có nghĩa là hai bên ở cùng một trạng thái như nhau. Thí dụ khi ta nói "anh A và anh B đánh nhau" là ta nói đến tương quan hai chiều, vì câu này có nghĩa "anh A đánh anh B và anh B đánh anh A". Nhưng câu hỏi quan trọng hơn trong bài toán số mệnh là "A thắng B hay A thua B?" Độc giả có thể thấy ngay rằng "thắng" và "thua" là hai tương quan một chiều. Vì tử

www.tuviglobal.com

vi tây phương thiếu tương quan một chiều, nó không thể nào đoán được số mệnh[2].

Triết lý 3: Cách cục và lẽ công bằng của tạo hóa

Từ trên, hẳn độc giả đã thấy muốn đoán tử vi cho chính xác phải nắm vững nền tảng khoa học của các cách cục rồi thêm yếu tố thời thế vào. Đây là một điểm rất quan trọng, vì cách coi tử vi thông thường là chiếu theo những cách cục để lại từ xưa; nhưng rất nhiều những cách cục này đã bao hàm yếu tố thời thế; và vì khoa tử vi phát triển trong thời phong kiến, yếu tố thời thế của những cách cục nguyên thủy không còn đúng nữa.

Tử Phá Sửu Mùi là một thí dụ cụ thể. Bốn cung Thìn Tuất Sửu Mùi được gọi là bốn mộ cung vì cùng thuộc thổ. Tử Phá chỉ cư ở Sửu Mùi, tức là hai mộ cung. Phú tử vi có câu "Tử Phá mộ cung bất trung bất hiếu", ấy bởi vì trong chế độ quân chủ chuyên chế, với tam cương ngũ thường áp đặt cứng ngắc lên mọi người, bất cứ ai manh nha có khuynh hướng đi ngược lại truyền thống đều bị coi là phường phản loạn. Vì ngày nay thời thế đã khác, câu này không còn đúng nữa[3].

Trong thời nay ta chỉ có thể nói hai sao Tử Phá đại biểu khuynh hướng đi ngược lại xã hội, nên gặp lúc xã hội ổn định khó đắc ý (đời 3), ngược lại gặp cảnh hỗn loạn thì dễ đắc ý (đời 1 hoặc 2). Yếu tố dòng tộc cũng không thể coi thường. Nếu gia đình có truyền thống lễ giáo cứng ngắc và hữu hiệu, khuynh hướng chống xã hội có thể bị dập tắt từ nhỏ; nhưng nếu cứng ngắc và không hữu hiệu thì khuynh hướng chống đối lại càng mạnh mẽ. Nếu gia đình buông thả, thời thế lại hỗn mang thì khuynh hướng chống xã hội sẽ dễ phát huy, trở thành cảnh "sai một ly đi một

www.tuviglobal.com

dặm"; đúng thì thành anh hùng, sai thì thành du đãng v.v... (đời 2).

Cuối cùng, một vấn đề hơi ra ngoài phạm vi của khoa tử vi. Có người thắt mắc, nếu trời đất công bình thì tại sao lắm kẻ tàn ác lại được hưởng cảnh giàu sang, quyền quý, vợ đẹp con ngoan; lắm người tốt bụng lại đau khổ hết cả một đời. Quả thật, nếu chỉ nhìn trên căn bản phúc đức của cá nhân, thì tàn ác hay tốt lành nhiều khi chẳng dính líu gì đến cái xấu hoặc tốt đã được định đoạt bởi lá số tử vi và yếu tố thời thế. Nhưng tại sao ta không nhìn phúc đức như một trương mục tiết kiệm? Nếu trương mục rỗng hoặc còn thiếu nợ (có lẽ từ kiếp trước) thì chỉ bỏ vào đó một chút tiền (làm phúc) sao có thể gọi là giàu sang (đời tốt đẹp)? Nếu trương mục chứa đầy vàng ròng thì phung phí (làm ác) đã chắc gì sạt nghiệp (trả quả báo nhãn tiền)?

Nếu thí dụ trương mục tiết kiệm đúng (và tôi tin là nó đúng) thì bất luận đời ta xấu hay tốt, cứ gây phúc đức, làm việc thiện cho nhiều là thượng sách.

Bàn triết lý tử vi số này đến đây tạm đủ. Nay xin đưa một đề tài mới trong bài toán tử vi. Vấn đề vị trí của Tuần và Triệt.

Hai "sao" Tuần và Triệt[4]

Xét trên đề tài thì Tuần Triệt phù hợp hơn với tập 2. Tuy nhiên, người viết đã quyết định bàn hai "sao" này hơi sớm một chút vì chúng là nguồn của rất nhiều tranh cãi. Như làng Tử Vi Việt Nam xem Tuần Triệt rất trọng, trong khi đa số sách Tử Vi ở Đài Loan chẳng mấy chú trọng đến chúng. Lại có vấn đề "Triệt có bao giờ ở Tuất Hợi hay không?" cũng là một đề tài sôi nổi.

www.tuviglobal.com

Trong tập này ta sẽ tạm thời chỉ lưu tâm đến cái lý hình thành của Tuần Triệt, rồi trở lại với phần ý nghĩa và tầm quan trọng của chúng trong một tập sau.

Tuần là chữ tắt của "Tuần trung không vong", Triệt là chữ tắt của "Triệt lộ không vong"; nên hai sao này được gọi là hai sao "không vong". Khi cung X có Tuần hoặc Triệt, ta nói "cung x có Tuần án ngữ", "cung x có Triệt án ngữ", hoặc "cung x có không vong án ngữ".

Tuần và Triệt không phải là hai phát minh của khoa tử vi. Vì khoa ngũ tinh đã có Tuần Triệt, nên đúng nhất phải nói Tuần Triệt của tử vi là kết quả sự thái dụng Tuần Triệt của khoa ngũ tinh.

Cái lý nằm sau cách an Tuần

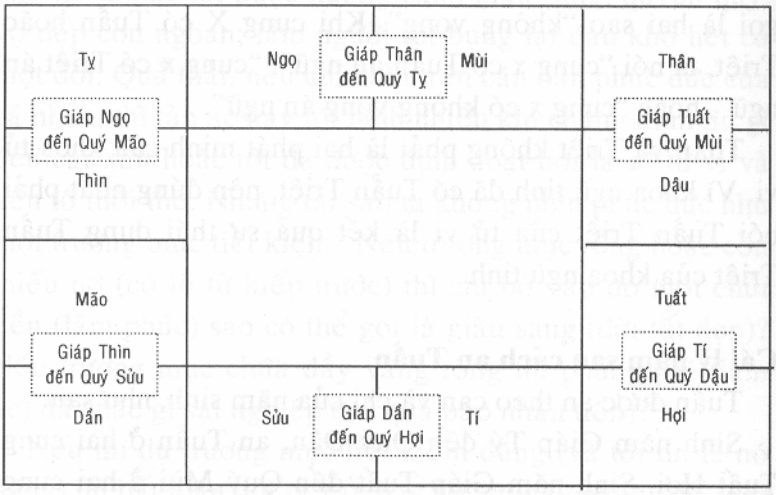
Tuần được an theo can và chi của năm sinh, như sau:

Sinh năm Giáp Tý đến Quý Dậu, an Tuần ở hai cung Tuất Hợi. Sinh năm Giáp Tuất đến Quý Mùi ở hai cung Thân Dậu. Sinh năm Giáp Thân đến Quý Tỵ ở hai cung Ngọ Mùi. Sinh năm Giáp Ngọ đến Quý Mão ở hai cung Thìn Tỵ. Sinh năm Giáp Thìn đến Quý Sửu ở hai cung Dần Mão. Sinh năm Giáp Dần đến Quý Hợi ở hai cung Tý Sửu.

Cái lý của cách an Tuần trong tử vi tương đối dễ hiểu. Vì tử vi đã chọn "năm" làm đơn vị thời gian quan trọng nhất, nên Tuần của tử vi phải an theo năm[5]. Nhận xét rằng lục thập hoa giáp (60 năm từ Giáp Tý đến Quý Hợi), tức đại chu kỳ của năm, được tạo thành bởi hai tiểu chu kỳ chập lại: Thiên Can chu kỳ 10 năm và địa chi chu kỳ 12 năm. Thứ tự của thiên can là Giáp Ất Bính Đinh Mậu Kỷ Canh Tân Nhâm Quý nên chu kỳ của thiên can bắt đầu ở Giáp, chấm dứt ở Quý. Vì địa bàn (tức bản đồ địa chi) có 12 cung mà thiên can chỉ có 10 nên khi dùng địa

www.tuviglobal.com

bàn để đại biểu năm chắc chắn phải có hai cung nằm ngoài chu kỳ của thiên can. Hai cung này là vị trí của Tuần, đại biểu hai vị trí có lý tính khác với 10 vị trí còn lại, tức là hai vị trí "khách lạ" của yếu tố năm.



Hình 3: Sáu vị trí của Tuần (luôn luôn chiếm hai cung nằm ngoài chu kỳ của thiên can)

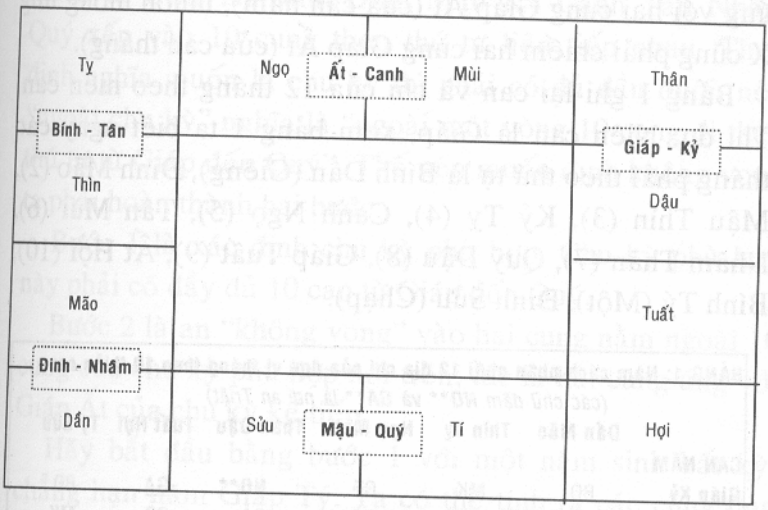
Từ đó suy ra cách an Tuần khá giản dị như sau: Bắt đầu bằng can chi của năm sinh. Gọi cung có cùng chi với năm sinh là cung có cùng can với năm sinh, đi theo chiều thuận cho tới khi gặp can Quý thì an Triệt ở hai cung kế tiếp (nghĩa là hai cung mang can Giáp và Ất). Thí dụ, sinh năm Mậu Ngọ tức là can Mậu chi Ngọ. Do đó khởi từ cung Ngọ gọi là can Mậu, đếm theo chiều thuận Mậu Kỷ Canh Tân Nhâm Quý thì gặp cung Hợi. Do đó an Tuần ở hai cung kế tiếp Hợi, tức là ở Tý và Sửu.

www.tuviglobal.com

Vấn nạn về cách an Triệt

Theo phương pháp truyền thống, Triệt được an theo can của năm sinh, như sau:

Sinh năm Giáp Kỷ an Triệt ở Thân Dậu, Ất Canh ở Ngọ Mùi, Bính Tân ở Thìn Tỵ, Đinh Nhâm ở Dần Mão, Mậu Quý ở Tý Sửu. Chú ý rằng Triệt không bao giờ ở hai cung Tuất Hợi[6].



Hình 4: Năm vị trí của Triệt (Tuất Hợi không bao giờ có Triệt)

Cách an này khiến ta dễ tưởng Triệt có liên quan trực tiếp với đơn vị năm. Thực ra không phải thế. Nguyên trong hệ thống định các đơn vị thời gian bằng can chi thì năm tháng ngày giờ đều có chu kỳ là lục thập hoa giáp (Giáp Tý đến Quý Hợi rồi lập lại mãi không ngừng). Vì 5 năm là 60 tháng, chu kỳ tháng cứ mỗi 5 năm lập lại một lần; kết quả là chỉ cần biết can của năm ta có thể suy ra can của 12 tháng trong năm đó. Vì năm bắt đầu ở Giáp Tý nên tháng cũng phải bắt đầu ở Giáp Tý (gọi là "tháng Một")[7], rồi tiếp theo là Ất Sửu (tháng Chạp), Bính Dần

www.tuviglobal.com

(tháng Giêng). Vì lý do thực tế năm phải bắt đầu ở tháng Dần (tháng giêng) thay vì tháng Tý (tháng một), nhưng cái lý của địa bàn không vì thế mà thay đổi.

Ta muốn dùng phương pháp tương tự như cách an Tuần (cho năm) để định một sao tương ứng cho tháng trên địa bàn. Tạm gọi sao này là X. Vì lý tương ứng, ta biết sao X phải chiếm hai cung liên tiếp nhau. Vì Tuần luôn luôn ứng với hai cung Giáp Ất (của can năm), muốn tương ứng X cũng phải chiếm hai cung Giáp Ất (của can tháng).

Bảng 1 ghi lại can và chi của 12 tháng theo niên can. Thí dụ: Niên can là Giáp, xem bảng 1 ta biết ngay các tháng phải theo thứ tự là Bính Dần (Giêng), Đinh Mão (2), Mậu Thìn (3), Kỷ Tỵ (4), Canh Ngọ (5), Tân Mùi (6), Nhâm Thân (7), Quý Dậu (8), Giáp Tuất (9), Ất Hợi (10), Bính Tý (Một), Đinh Sửu (Chạp).

BẢNG 1: Năm cách phân phối 12 địa chi của đơn vị tháng theo 10 thiên can
*(các chữ đậm **NQ**** và **GA**** là nơi an Triệt)*

CAN NĂM	Dần Mão	Thìn Tỵ	Ngọ Mùi	Thân Dậu	Tuất Hợi	Tý Sửu
Giáp Kỷ	BĐ	MK	CT	**NQ****	GA	BĐ
Ất Canh	MK	CT	**NQ****	GA	BĐ	MK
Bính Tân	CT	**NQ****	GA	BĐ	MK	CT
Đinh Nhâm	**NQ****	GA	BĐ	MK	CT	NQ
Mậu Quý	GA	BĐ	MK	CT	NQ	**GA****

Bảng 1 cũng ghi các vị trí an Triệt theo sách vở hiện tại. Ta nhận xét ngay rằng chỉ có hai niên can Mậu Quý là Triệt được an ở vị trí Giáp Ất (giống Tuần), còn lại đều được an ở vị trí Nhâm Quý. Vì lý do này có một số người cho rằng Triệt của niên can Mậu Quý cũng phải được an ở vị trí Nhâm Quý, tức là hai cung Tuất Hợi trên địa bàn.

Đây là một vấn nạn lớn của cách an Triệt, cần phải được giải quyết thỏa đáng.

www.tuviglobal.com

Cái lý nằm sau cách an Triệt

(ý kiến riêng của người viết)

Mục đích của người viết là chứng minh rằng cách an Triệt hiện tại hoàn toàn đúng.

Trước hết phải nhắc lại ý nghĩa nguyên thủy của "không vong". Hai cung "không vong" chỉ giản dị là hai cung nằm ngoài chu kỳ thiên can. Chu kỳ thiên can dĩ nhiên là Giáp Ất Bính Đinh Mậu Kỷ Canh Tân Nhâm Quý xếp vào 10 cung theo thứ tự liên tiếp nhau. Theo định nghĩa muốn là chu kỳ thì phải có đủ đầu đuôi, nên "ngoài chu kỳ" nghĩa là "ngoài một vòng 10 cung đi theo thứ tự từ Giáp đến Quý". Thế nên muốn định không vong ta phải hoàn thành hai bước:

Bước 1 là xác định chu kỳ phù hợp. Chu kỳ phù hợp này phải có đầy đủ 10 can từ Giáp đến Quý.

Bước 2 là an "không vong" vào hai cung nằm ngoài 10 cung của chu kỳ phù hợp nói trên; tức là hai cung ứng với Giáp Ất của chu kỳ kế tiếp.

Hãy bắt đầu bằng bước 1 với một năm sinh bất kỳ, chẳng hạn năm Giáp Tý. Ta có thể tính ra các cung ứng với tháng trên địa bàn là Bính Dần, Đinh Mão, Mậu Thìn, Kỷ Tỵ, Canh Ngọ, Tân Mùi, Nhâm Thân, Quý Dậu, Giáp Tuất, Ất Hợi, Bính Tý, Đinh Sửu. Chú ý rằng 12 cung này không chứa đủ một chu kỳ thiên can, mà chỉ chứa phần đuôi của một chu kỳ (Bính Dần đến Quý Dậu) và phần đầu của chu kỳ kế tiếp (Giáp Tuất đến Đinh Sửu).

Nhưng ta cần một chu kỳ đầy đủ. Muốn thế phải chọn một trong hai chu kỳ, tức chọn giữa chu kỳ có phần đuôi trên địa bàn hoặc chu kỳ có phần đầu trên địa bàn. Vì "phải có đầu mới có đuôi" chu kỳ có phần đầu trên địa bàn là lựa chọn hợp lý.

www.tuviglobal.com

Chọn như vậy rồi thì theo bảng 2 sẽ thấy là chu kỳ này bắt đầu ở Tuất và chấm dứt ở Mùi, nên hai cung Thân Dậu nằm ngoài chu kỳ, ứng với Giáp Ất của chu kỳ kế tiếp.

BẢNG 2: Lý do tại sao Triệt an ở Giáp Ất mà lại có vẻ như ở Nhâm Quý
(Nơi an Triệt luôn luôn theo sau một chu kỳ đủ 10 thiên can))

CHI / CAN	Dần Mão	Thìn Tỵ	Ngọ Mùi	Thân Dậu	Tuất Hợi	Tý Sửu
Giáp Kỷ	*BĐ* **MK**	*MK* **CT**	*CT* **NQ**	*NQ* **GA***	**GA**	**BĐ**
Ất Canh	*MK* **CT**	*CT* **NQ**	*NQ* **GA***	**GA**	**BĐ**	**MK**
Bính Tân	*CT* **NQ**	*NQ* **GA***	**GA**	**BĐ**	**MK**	**CT**
Đinh Nhâm	*NQ* **GA***	**GA**	**BĐ**	**MK**	**CT**	**NQ**
Mậu Quý	**GA**	**BĐ**	**MK**	**CT**	**NQ**	**GA***

Bước 2 thì chỉ giản dị là an Triệt vào hai cung Thân Dậu.

Lý luận tương tự cho các can khác, ta có các kết quả sau đây:

Niên can Giáp Kỷ: Tháng Giáp ở Tuất, đi hết chu kỳ được Quý ở Mùi, nên an Triệt ở hai cung ngoài chu kỳ là Thân Dậu.

Niên can Ất Canh: Tháng Giáp ở Thân, đi hết chu kỳ được Quý ở Tỵ, nên an Triệt ở hai cung ngoài chu kỳ là Ngọ Mùi.

www.tuviglobal.com

Niên can Bính Tân: Tháng Giáp ở Ngọ, đi hết chu kỳ được Quý ở Mão, nên an Triệt ở hai cung ngoài chu kỳ là Thìn Tỵ.

Niên can Đinh Nhâm: Tháng Giáp ở Thìn, đi hết chu kỳ được Quý ở Tý, nên an Triệt ở hai cung ngoài chu kỳ là Dần Mão.

Niên can Mậu Quý: Tháng Giáp ở Dần, đi hết chu kỳ được Quý ở Hợi, nên an Triệt ở hai cung ngoài chu kỳ là Tý Sửu.

Nhìn lại, đây chính là vị trí an Triệt theo cách hiện hành. Sở dĩ ta có cảm tưởng rằng có 4 trường hợp Triệt được an ở Nhâm Quý là vì Giáp Ất của chu kỳ sau trong 4 trường hợp này không nằm trong địa bàn, và trùng với vị trí Nhâm Quý của chu kỳ trước nằm trong địa bàn (xem các hình vuông trong bảng 2).

Tóm lại một khi đồng ý rằng chu kỳ thiên can phải có đầu rồi mới có đuôi thì cách an Triệt như hiện hành là hoàn toàn đúng.

San Jose 8 tháng 8, 2003
Viết lại ngày 11 tháng 5, 2004
Đằng Sơn

CHÚ THÍCH

1.) Mỗi đời sống là một tiểu hiện tượng nằm trọn vẹn trong một đại hiện tượng (lá số). Đây là một kết quả lý thú của luật đối xứng, mà ta thường biết tới bằng tên quen thuộc hơn là luật bù trừ. Muốn nắm vững nền tảng hoàn toàn khoa học của luật đối xứng, xin tìm đọc quyển "Symmetry and the End of Probability" (luật đối xứng và ngày tàn của khoa xác xuất) mà tôi vừa xuất bản *(chú thích thêm vào sau: Đó là khi bài này được viết)*. Quyển sách này đặt lại nền tảng của khoa học, kể cả khoa học tây phương. Dĩ nhiên tôi có thể sai nhưng nếu tôi

www.tuviglobal.com

đúng thì trong vòng 20 năm khoa học sẽ hoàn toàn thay đổi. Sách viết bằng tiếng Anh..

2.) Vì chỉ có tương quan 2 chiều, tử vi tây phương phải đoán cầu âu. Thí dụ trong trường hợp "A và B đánh nhau", phải suy diễn thêm rằng đánh nhau là một hoàn cảnh xấu, do đó bất lợi cho A. Nhưng đã chắc gì đánh nhau là hoàn cảnh xấu? Chẳng phải ước mơ của các tay đấu quyền Anh là được có trận đánh với đối thủ trứ danh để kiếm nhiều tiền sao? Chẳng phải chiến tranh là thời huy hoàng của các thiên tài quân sự hay sao? Kết quả mọi lời đoán của tử vi tây phương đều là võ đoán, do đó hầu hết đều tối nghĩa hoặc sai lầm.

3.) Cùng lý, ngày xưa thời phong kiến bảo thủ nên trọng Xương Khúc, ghét Kiếp Không. Địa Kiếp là khuynh hướng ngược đời nên bị sách cũ kết án là "tác sự sơ cuồng" (làm việc dại dột khùng điên) và Địa Không là khuynh hướng khác đời nên bị sách cũ kết án là "tác sự hư không" (làm việc không đâu, kiểu "lo bò trắng răng"). Thời nay trọng tiến bộ nên thích đổi thay, vì vậy Kiếp Không chưa chắc xấu, có khi lại là yếu tố cần thiết để tạo những bước tiến lớn trong xã hội. (Tuy thế có một điều vẫn đúng là Kiếp Không khó bình ổn, bởi ngay cả ngày nay khuynh hướng chung của con người vẫn là ngại đổi thay.)

4.) Tôi đã đặt chữ "sao" trong ngoặc kép vì từ cách an Tuần Triệt độc giả có thể thấy rằng Tuần Triệt không phải là hai sao, mà là hai hiện tượng chấn động xảy ra trong cung chúng đóng; ví như hai loại động đất.

5.) Trong khoa ngũ tinh có hai "sao" Tuần, một của năm một của ngày.

6.) Vì thấy rằng Tuất Hợi không có Triệt có vẻ không ổn, có trường phái giải quyết vấn đề bằng cách cho Triệt của hai can Mậu Quý chiếm luôn 4 cung Tuất Hợi Tý Sửu. Thí dụ: Xem trang 121 sách "Thần sát tùng thần pháp" của soạn giả Lương Tương Nhuận (nxb Vũ Lăng, Đài Bắc, 1985). Tiếc là sách này

www.tuviglobal.com

chỉ trình bày kết quả mà không đưa lý do nên ta chẳng biết kết quả dựa trên lý luận nào.

7.) "Tháng Một" (Tý) tức là tháng 11 ta bây giờ.

www.tuviglobal.com

Chương 8

Giải quyết vấn đề "Ngũ hành Cục số" I

Lời đầu: Tử vi đòi hỏi một số khái niệm cơ bản về thuyết ngũ hành. Trong quyển "Mệnh lý hoàn toàn khoa học" tôi sẽ giải thích cái lý dẫn đến thuyết ngũ hành. Tạm thời yêu cầu quý độc giả tin rằng ngũ hành có nền tảng khoa học và nắm vững những yếu quyết trình bày trong bài này.

Ngũ hành và hai vòng sinh khắc

Đầu tiên cần nhớ ngũ hành là Kim Mộc Thủy Hỏa Thổ.

Kế đến nhớ các tượng của ngũ hành: Kim có tượng là kim loại, Mộc có tượng cây, Thủy có tượng nước, Hỏa có tượng lửa, Thổ có tượng đất. (Chú ý: Tượng chỉ là một số vật thể tương ứng được đặt ra để dễ khảo sát hiện tượng. Thuyết ngũ hành không hề nói rằng vũ trụ chỉ có 5 loại vật thể căn bản.)

Ngũ hành có hai loại liên hệ chính. Sinh và khắc. Sinh là làm lợi. Khắc là làm hại. Từ có suy ra có 4 loại liên hệ: Một là sinh người ta, hai là được người ta sinh, ba là khắc người ta, bốn là bị người ta khắc.

Trong liên hệ sinh khắc, nếu lực lượng không quá chênh lệch ta có những hoàn cảnh sau đây:

(a) SINH: Sinh người ta ví như hoàn cảnh của một người mẹ lúc lâm bồn, mệt mỏi nhưng có thể có kết quả tốt (đứa con nối nghiệp mình). Sinh là cho mà không có nhận nên rất dễ tưởng là không tốt, nhưng vì lẽ bù trừ của tạo hóa, thế nào cũng được đền lại vào lúc khác. Thí dụ: Kim sinh thủy nghĩa là kim gặp thủy thì phải hy sinh cho

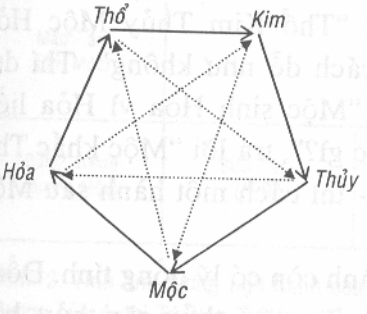
www.tuviglobal.com

thủy. Nếu kim mạnh thì tốt vì làm được phúc cho thủy mà bản thân mình chẳng đến nỗi mất mát, nhưng nếu kim yếu tất phải tức thời mệt mỏi.

(b) ĐƯỢC SINH: Được người sinh: Được người ta sinh hiển nhiên có lợi. Thí dụ: Thủy được kim sinh nên thủy gặp kim có lợi.

(c) KHẮC: Khắc người ta là ở thế thắng người ta. Trong cảnh đấu tranh thì có lợi, nhưng nếu là cảnh bổ sung, hợp tác cho nhau tất phải mệt mỏi vì không hợp "rơ" với nhau. Thí dụ: Kim khắc mộc nên kim phải đấu tranh với mộc thì dễ thắng, nhưng nếu hợp tác với mộc thì lại khó nên chuyện.

(d) BỊ KHẮC: Bị người ta khắc là ở thế thua người ta. Trong cảnh đấu tranh hết sức bất lợi, nếu là cảnh bổ sung, hợp tác cho nhau thì cũng chẳng làm nên cơm cháo gì. Thí dụ: Mộc bị kim khắc nên nếu mộc phải đấu tranh với kim thì dễ thua, nếu hợp tác với kim e phải chịu nhiều khuất tất mà chẳng tới đâu.



Hình 1: Vòng sinh khắc của ngũ hành. Vòng ngũ giác bên ngoài là vòng sinh, vòng ngôi sao bên trong là vòng khắc.

Cách nhớ: Vòng sinh liên tục, vòng khắc cách 1, theo thứ tự Thổ Kim Thủy Mộc Hỏa (Thổ).

Sau đây là mẹo để nhớ hai vòng sinh khắc:

VÒNG SINH:

Đất chứa mỏ kim loại nên Thổ (đất) sinh Kim (kim loại).

www.tuviglobal.com

Kim loại chảy thành chất lỏng nên Kim (kim loại) sinh Thủy (nước, tức chất lỏng).

Nước nuôi cây nên Thủy (nước) sinh Mộc (cây).

Cây dưỡng lửa nên Mộc (cây) sinh Hỏa (lửa).

Lửa cháy sinh ra tro, trở về đất nên Hỏa (lửa) sinh Thổ (đất).

VÒNG KHẮC

Kiếm thép chém đứt cây nên Kim (thép) khắc Mộc (cây).

Rễ của cây xâm lấn đất nên Mộc (cây) khắc Thổ (đất).

Đất cản không cho nước chảy tự do nên Thổ (đất) khắc Thủy (nước).

Nước dập tắt lửa nên Thủy (nước) khắc Hỏa (lửa).

Lửa đốt chảy thép nên Hỏa (lửa) khắc Kim (thép).

(Cần chú ý rằng đây chỉ là cách nhớ mẹo, không phải là cái lý thâm sâu của ngũ hành. Cần viết thế để tránh trường hợp một số độc giả vội vàng cho rằng thuyết ngũ hành hàm hồ hoặc phản khoa học.)

Riêng các độc giả không muốn suy nghĩ bận óc thì chỉ cần nhớ câu thiệu sau đây: "Thổ Kim Thủy Mộc Hỏa thành vòng, sinh liền khắc cách dễ như không". Thí dụ: Hỏi "Mộc sinh gì?", trả lời "Mộc sinh Hỏa vì Hỏa liền theo Mộc"; lại hỏi "Mộc khắc gì?", trả lời "Mộc khắc Thổ vì –theo vòng tròn ngũ hành- thì cách một hành sau Mộc là Thổ".

Ngoài lý sinh khắc, ngũ hành còn có lý đồng tính. Đồng tính là khi kim gặp kim, mộc gặp mộc, thủy gặp thủy, hỏa gặp hỏa, thổ gặp thổ. Đồng tính không có vấn đề sinh hoặc khắc, nên xét theo lẽ trung dung, tức là tính theo đường dài, lại là tốt đẹp nhất.

Khi lực lượng chênh lệch, liên hệ sinh khắc tạo ra những kết quả khá phức tạp. Xin xem thêm chú thích 1.

www.tuviglobal.com

Lý ngũ hành của thập nhị địa chi

Theo thuyết ngũ hành thì mọi thực thể đều phải mang tối thiểu một hành (và có khi nhiều hơn). Thiên can, địa chi vì thế đều có tính ngũ hành. Xin bàn địa chi trước.

Địa chi tức 12 cung địa bàn. Ngũ hành chỉ có 5, thêm yếu tố âm dương vào cũng chỉ được 10; nên không thể nào chia các hành đều cho 12 chi được. Do đó tối thiểu một hành phải khác với các hành còn lại. Trong loạt bài này, tôi chỉ xin trình bày -mà không giải thích lý do- rằng thổ là hành trung dung của bốn hành còn lại. Vì tính chất đặc biệt này, thổ được chọn là hành ngoại lệ, chiếm 4 cung Thìn Tuất Sửu Mùi.

<table>
<tr><td>Tỵ - âm
(dương Hỏa)</td><td>Ngọ - dương
(âm Hỏa)</td><td>MÙI - âm
(THỔ)</td><td>Thân - dương
(dương Kim)</td></tr>
<tr><td>THÌN - dương
(THỔ)</td><td colspan="2" rowspan="2"></td><td>Dậu - âm
(âm Kim)</td></tr>
<tr><td>Mão - âm
(âm Mộc)</td><td>TUẤT - dương
(THỔ)</td></tr>
<tr><td>Dần - dương
(dương Mộc)</td><td>SỬU - âm
(THỔ)</td><td>Tý - dương
(âm Thủy)</td><td>Hợi - âm
(dương Thủy)</td></tr>
</table>

Hình 2: Tính âm dương ngũ hành của thập nhị địa chi (chú ý rằng lý âm dương của 4 chi Tý Ngọ Tỵ Hợi phản lại lý âm dương của ngũ hành).

Vị trí của thổ (Thìn Tuất Sửu Mùi) chia 8 cung còn lại thành bốn cặp: Dần Mão, Tỵ Ngọ, Thân Dậu, Hợi Tý. Từ lý âm dương có thể thấy là mỗi cặp này phải ứng với một hành.

www.tuviglobal.com

Địa bàn –như chúng ta biết- là bản đồ địa lý ứng với bắc bán cầu, do đó:

Tý ứng với phương Bắc, có vùng bắc cực lạnh lẽo băng giá, hiển nhiên thuộc thủy. Suy ra Hợi Tý cùng thuộc thủy. Ngọ ứng với phương Nam, có xích đạo nóng bức, hiển nhiên thuộc hỏa. Suy ra Tỵ Ngọ thuộc Hỏa.

Mão ứng với phương Đông, là phương mặt trời mọc nuôi dưỡng sự sống. Dậu ứng với phương Tây, là phương mặt trời lặn báo hiệu sự chết. Giữa hai hành còn lại là Mộc và Kim thì phải chọn Mộc ứng với sự sống, Kim với sự chết; do đó Dần Mão thuộc Mộc, Thân Dậu thuộc Kim.

Nhưng vì lý âm dương, cần phân biệt sự khác biệt giữa Thủy Hỏa và Mộc Kim. Dương phải đi trước âm, do đó Hợi và Tỵ là cung âm nhưng lại thuộc dương Thủy và dương Hỏa, Tý Ngọ là cung dương nhưng lại thuộc âm Thủy và âm Hỏa. Nghĩa là bốn cung Hợi Tỵ Tý Ngọ nghịch lý âm dương với ngũ hành. Bốn cung Dần Thân Mão Dậu thì khác hẳn. Dần Thân là cung dương hợp với dương Mộc dương Kim, Mão Dậu là cung âm hợp với âm Mộc và âm Kim; nên bốn cung Dần Thân Mão Dậu hợp lý âm dương với ngũ hành. Tóm lại, Thủy Hỏa trái lý âm dương với địa bàn, Mộc Kim cùng lý.

Sự khác biệt này dẫn đến cách "Lộc Mã giao trì", một cách hết sức quan trọng của tử vi, mà tôi sẽ trình bày trong một bài ở tương lai.

Lý ngũ hành của thập thiên can.

Ta đã biết mỗi "địa chi" ứng với một phương vị trên mặt đất. Vì địa chi không hoàn toàn ứng hợp với ngũ hành, nếu thuyết ngũ hành hợp lý (và trong loạt bài này yêu cầu độc giả tạm chấp nhận là nó hợp lý) tất phải có một thực thể phản ảnh ngũ hành một cách trọn vẹn. Thực

www.tuviglobal.com

thể này dĩ nhiên phải thỏa thuyết âm dương nữa. Lý luận này dẫn đến khái niệm "thiên can" (nghĩa đen là "gốc trời" để đối lại "địa chi" tức "nhánh đất"). Có thể thấy "thiên can" là một kết quả trừu tượng của luận lý âm dương ngũ hành.

Muốn thỏa cả âm dương (số 2) lẫn ngũ hành (số 5) thì phải dùng bội số nhỏ nhất của 2 và 5, tức 10. Từ đó mà sinh ra chu kỳ tuần hoàn dựa trên số 10. Vì âm dương, ngũ hành, đều là cái lý của vũ trụ, tức là cái lý của "trời", nên chu kỳ này được gọi là "thập thiên can". Theo thứ tự thập thiên can là Giáp Ất Bính Đinh Mậu Kỷ Canh Tân Nhâm Quý.

Vì thập thiên can là sản phẩm nhân tạo, ta chỉ việc dùng lý để an bài chúng theo cách tự nhiên nhất. Cách tự nhiên nhất (gọi là "thuận lý" nhất) để định tính ngũ hành cho thập thiên can là đặt nó thành 5 cặp dương-âm, mỗi cặp sinh ra cặp kế tiếp. Trung dung ứng với trung ương, do đó hai can trung ương phải thuộc thổ. Từ đó suy ra Mậu Kỷ thuộc thổ. Chi tiết hơn Mậu thuộc dương thổ, Kỷ thuộc âm thổ. Các hành còn lại chỉ việc điền vào theo chỗ trống theo vòng sinh của ngũ hành, cho ta kết quả chi tiết như sau:

Giáp là dương mộc, Ất là âm mộc
Bính là dương hỏa, Đinh là âm hỏa
Mậu là dương thổ, Kỷ là âm thổ
Canh là dương kim, Tân là âm kim
Nhâm là dương thủy, Quý là âm thủy.

Thập thiên can là cái lý dẫn đến các sao Lộc Tồn Kình Đà Đại Tiểu Hao Khôi Việt Quan Phúc và một số sao phụ của khoa tử vi mà người viết sẽ lần lượt giới thiệu trong bộ sách này.

www.tuviglobal.com

Lý tương ứng của can chi và ngũ hành nạp âm

Nay xét thử một năm sinh, như Giáp Tý chẳng hạn. Năm sinh này do hai yếu tố tạo thành, thiên can Giáp và địa chi Tý. Một thí dụ dễ hiểu, khi một cặp vợ chồng sinh ra đứa con, tất đứa con phải mang đặc tính di truyền của cả hai người nhưng lại là một thực thể khác hẳn cả hai. Suy ra tính ngũ hành của Giáp Tý là kết quả phối hợp của tính ngũ hành của Giáp và của Tý, nhưng lại khác với cả hai.

BẢNG 1: Bảng phân phối ngũ hành nạp âm theo can và chi

CAN: / CHI		Giáp Ất	Bính Đinh	Mậu Kỷ	Canh Tân	Nhâm Quý
Tý Sửu	Ngọ Mùi	K	T	H	O	M
Dần Mão	Thân Dậu	T	H	O	M	K
Thìn Tỵ	Tuất Hợi	H	O	M	K	T

Cách nhớ: KTHOM (thuộc lòng)

Ký hiệu: K=Kim, T=Thủy, H=Hỏa, O=Thổ, M=Mộc

Giáp Tý chỉ là một trong 60 kết quả, gọi là lục thập hoa giáp, do thập thiên can và thập nhị địa chi hợp lại mà thành. Tính ngũ hành của lục thập hoa giáp gọi là "ngũ hành nạp âm" vì cái lý của chúng tình cờ phù hợp với cái lý của ngũ âm Cung Thương Giốc Chủy Vũ. Trong bài này tôi sẽ chỉ trình bày như thế; xin hứa sẽ đi vào chi tiết nhiều hơn trong quyển "mệnh lý hoàn toàn khoa học". Xin quý độc giả cứ tạm tin là ngũ hành nạp âm có cơ sở khoa học, chứ không phải là kết quả của một sự áp đặt hàm hồ.

Về mẹo nhớ ngũ hành nạp âm, cần phải ghi nhận công lao của ông Vu Thiên Nguyễn Đắc Lộc[2]. Ông dùng các ký hiệu K=Kim, T=Thủy, H=Hỏa, O=Thổ, M=Mộc. Với các ký hiệu này chu kỳ của ngũ hành nạp âm đi tuần hoàn

www.tuviglobal.com

(ngang cũng như dọc) theo thứ tự khá dễ nhớ KTHOM (xem bảng 1).

Khi dùng năm sinh để luận số mệnh con người, chỉ biết can hoặc chi không đủ, mà phải phối hợp can và chi. Chẳng hạn khi ta nói "Anh A mạng Hỏa" ý ta muốn nói ngũ hành nạp âm của anh A là hỏa. Nghĩa là trong bài toán số mệnh, con người được coi là kết quả phối hợp của thiên can và địa chi. Điều này có ý nghĩa gì? Để dễ hiểu, ta có thể nói con người do trời (thiên can) và đất (địa chi) tạo thành nên mang cả can lẫn chi. Nhưng thực ra, trên căn bản khoa học, việc dùng cả can lẫn chi để luận mệnh chỉ là một cách xác nhận rằng giữa con người và bối cảnh (đại biểu bằng thiên can địa chi) có sự tương ứng theo đòi hỏi của thuyết "vạn vật đồng nhất thể" như tôi đã trình bày trong bài trước; còn chuyện con người có thực sự do trời đất sinh ra hay không thì mỗi người có quyền tin hoặc không tin mà không hề ảnh hưởng gì đến bài toán số mệnh.

Bàn về thuyết ngũ hành thế là tạm đủ để đi vào một đề tài lớn của bài toán tử vi: Vấn đề cục và cục số.

Vai trò của ngũ hành cục và cục số trong tử vi

Nhắc lại từ một bài trước, một vấn nạn của các khoa mệnh lý chỉ dựa trên can chi (như tử bình chẳng hạn) là can và chi của ba đơn vị năm, ngày, và giờ rất dễ bị trùng nhau. Vì thế can chi của tháng phải đóng vai trò quyết định và tiết khí trở thành một yếu tố cực kỳ quan trọng.

Trong tử vi, mặc dù ngày chỉ tính từ 1 đến 30 và giờ chỉ tính địa chi không cần biết đến thiên can, ba đơn vị năm, ngày, giờ cũng dễ trùng nhau như tử bình vậy; nên tử vi phải có phát kiến mới để thoát ra khỏi cái vòng khó khăn

www.tuviglobal.com

của tiết khí. Phát kiến mới ấy là đặt lý âm dương ở vị trí trung tâm của bài toán số mệnh.

Một số độc giả sẽ thắc mắc: "Lý âm dương đã là nền tảng của triết lý Á Đông từ thiên cổ, thì đặt nó ở vị trí trung tâm của bài toán số mạng có gì là mới mẻ đâu?" Ấy vậy mà lại là mới mẻ mới kỳ. Nguyên vì các khoa đi trước tử vi đã đi quá sâu vào mê hồn trận ngũ hành[3], không thoát ra được nữa; nên trong các thuyết ấy lý âm dương chỉ còn là một chiếc bóng mờ. Đặt lý âm dương trở lại vào trọng tâm của bài toán số mệnh cũng y như trường hợp cậu bé nhìn ra là ông vua chỉ mặc quần áo lót trong truyện cổ tích "chiếc áo mới của nhà vua", tưởng giản dị nhưng thật ra là một cuộc cách mạng vô cùng to lớn.

Có thể tóm lược thế này: Các khoa trước tử vi coi ngũ hành là chính, âm dương là phụ; trái lại tử vi coi âm dương là chính, ngũ hành là phụ. Vì âm dương mới là nền tảng tối thượng, tối thiểu trên mặt thuần lý tử vi dễ chính xác hơn các khoa đi trước nó.

Hậu thế khó nhìn ra cuộc cách mạng âm dương của khoa tử vi vì nó vẫn chứa bóng dáng rất đậm của ngũ hành; nhưng cần nhắc lại rằng ngũ hành là lời giải gần đúng của bài toán âm dương, nên trong nhiều trường hợp vẫn có chỗ tiện dụng riêng của nó.

Một ứng dụng hiển nhiên của ngũ hành trong tử vi là cách an 14 chính tinh[4], vì muốn an 14 chính tinh phải định ra "ngũ hành cục" và "cục số".

Ngũ hành cục và cục số khái lược

Cách tính ngũ hành cục và cục số của tử vi như sau:

www.tuviglobal.com

BƯỚC 1: Định can của 12 cung

Coi Giáp= 1, Ất 2, Bính 3, Đinh 4, Mậu 5, Kỷ 6, Canh 7, Tân 8, Nhâm 9, Quý 10. Lấy số của niên can (tức can của năm sinh) nhân đôi cộng 1 rồi chỉ giữ lại hàng đơn vị thì được can của cung Dần; rồi từ đó cứ theo thứ tự tuần hoàn của 10 thiên can mà định can cho 11 cung còn lại theo thứ tự thuận chiều kim đồng hồ. Chú ý rằng hai cung Tý và Dần luôn luôn có cùng can, hai cung Sửu Mão cũng cùng can.

Thí dụ: Sinh năm Canh Thìn 2000 tất niên can là Canh = 7. Ta làm phép tính 7×2+1 = 15, chỉ lấy hàng đơn vị, được 5, tức là Mậu. Do đó 12 cung địa bàn bắt đầu từ Dần là Mậu Dần, Kỷ Mão, Canh Thìn, Tân Tỵ, Nhâm Ngọ, Quý Mùi, Giáp Thân, Ất Dậu, Bính Tuất, Đinh Hợi, Mậu Tý, Kỷ Sửu.

Các độc giả tinh ý hẳn đã nhận ra rằng cách định can kể trên coi 12 cung như 12 tháng. Ta sẽ trở lại điểm này sau.

BƯỚC 2: Định ngũ hành nạp âm theo can chi cung Mệnh

Từ các bài trước ta đã biết cách định cung mệnh như sau: Gọi cung Dần là tháng giêng đếm theo chiều thuận đến sáng sinh, dừng lại gọi là giờ Tý, đếm theo chiều nghịch đến giờ sinh, dừng lại an cung mệnh.

Biết vị trí cung mệnh rồi thì chỉ việc xem can chi của cung mệnh là gì, kế đó hoặc tính nhẩm theo phương pháp đã trình bày ở trên hoặc dùng bảng 1 mà định ngũ hành nạp âm.

Thí dụ: Sinh năm Canh Thìn, tháng 2, giờ Dần. Can của 12 cung đã được định ở bước 1. Theo cách an mệnh thấy mệnh ở Sửu, tức là Kỷ Sửu. Theo bảng 1, ngũ hành nạp âm của Kỷ Sửu là hỏa.

www.tuviglobal.com

BƯỚC 3: Định cục

Nạp âm của cung mệnh là gì thì cục là hành đó. Thí dụ: Tuổi Canh Thìn, sinh tháng 2 giờ Dần, mệnh an ở Kỷ Sửu, nạp âm thuộc Hỏa, nên cục là Hỏa, còn gọi là "Hỏa cục". Cục được dùng để định vòng sao Trường Sinh. Vòng sao này sẽ được bàn trong một số tới.

BƯỚC 4: Định cục số

Nhưng quan trọng hơn hết là từ thuyết ngũ hành, sau khi định cục ta lại suy ra được "ngũ hành cục số". Ngũ hành cục số được phối hợp với ngày sinh để định vị trí của 14 chính tinh, tức là 14 sao quan trọng nhất của khoa tử vi. Tôi sẽ bàn về cái lý của 14 chính tinh sau khi giải quyết xong cái lý của cục và cục số. Tạm thời yêu cầu quý độc giả thuộc lòng những dữ kiện sau đây:

Cục thủy ứng với số 2, nên gọi là "Thủy Nhị Cục"
Cục mộc ứng với số 3, nên gọi là "Mộc Tam Cục"
Cục kim ứng với số 4, nên gọi là "Kim Tứ Cục"
Cục thổ ứng với số 5, nên gọi là "Thổ Ngũ Cục"
Cục hỏa ứng với số 6, nên gọi là "Hỏa Lục Cục"

Cái lý của cách định ngũ hành cục

Từ các bài trước ta đã biết rằng cung mệnh là cung quan trọng nhất của lá số tử vi vì nó bao gồm mọi yếu tố liên quan đến mặt trời cũng như phần còn lại của vũ trụ. Vì 14 chính tinh là 14 sao quan trọng nhất của tử vi, cái lý của chúng phải được bao hàm trong cung mệnh. Cung mệnh được an bằng tháng và giờ (tháng thuận giờ nghịch) nên phải đại biểu tháng hoặc giờ, nhưng tháng có cả can chi còn giờ chỉ có chi mà thiếu can nên cung mệnh phải coi như là mang đơn vị tháng. Đó là lý do tại sao khi định

www.tuviglobal.com

cục ta phải coi cung mệnh là một tháng, rồi dùng can năm để định can của nó, như đã trình bày ở trên.

Tóm lại, cục chính là ngũ hành nạp âm của tháng tương ứng với cung mệnh!

Vấn nạn "thủy nhị cục, hỏa lục cục"

Tháng bao gồm 29 hoặc 30 ngày. Cục đại biểu tháng nên phải có liên quan đến ngày sinh của ta, nhưng liên quan thế nào? Câu trả lời là liên quan qua "lý số", tức là những con số có cái lý nằm sau. Theo lý số, mỗi hành của ngũ hành có hai số tương ứng. Vì cục có tính ngũ hành, ta có thể định "lý số" cho cục, rồi dùng nó làm "đơn vị cộng hưởng", phối hợp với ngày sinh mà định vị trí 14 chính tinh.

Tôi sẽ giải thích cái lý cộng hưởng này trong bài tới, nhưng có ngay một vấn đề xin đưa ra để quý độc giả suy nghĩ cho vui.

Tạm thời độc giả chỉ cần biết những kết quả cơ bản sau đây của thuyết ngũ hành (mà tôi sẽ giải thích lý do trong quyển "mệnh lý hoàn toàn khoa học"):

Thủy ứng với hai số 1 và 6
Hỏa ứng với 2 và 7
Mộc ứng với 3 và 8
Kim ứng với 4 và 9
Thổ ứng với 5 và 10

Các số 1, 2, 3, 4, 5 gọi là số sinh; các số 6, 7, 8, 9, 10 gọi là số thành.

So những kết quả của thuyết âm dương với cục số ta thấy Mộc (3), Kim (4), Thổ (5) có sự tương ứng; nhưng Thủy và Hỏa có vẻ không ổn; bởi số ngũ hành của thủy là 1 và 6 lẽ ra phải là "thủy nhất cục" hoặc "thủy lục cục", tại sao là "thủy nhị cục"? Tương tự, số ngũ hành của hỏa

www.tuviglobal.com

là 2 hoặc 7 nên lẽ ra phải là "hỏa nhị cục" hoặc "hỏa thất cục", tại sao là "hỏa lục cục"?

Đây là một vấn nạn rất to lớn của tử vi. Mặc dù hầu hết các nhà nghiên cứu tử vi đều tuân theo bảng cục số tiêu chuẩn (thủy nhị cục, mộc tam cục, kim tứ cục, thổ ngũ cục, hỏa lục cục) vì thấy nó chính xác, hiện nay ở Đài Loan có một thiểu số (rất nhỏ) các nhà tử vi lập dị dùng "thủy nhất cục" và "hỏa nhị cục". Họ bảo rằng như vậy với đúng với thuyết ngũ hành.

Trong số tới tôi sẽ giải thích tại sao thiểu số này chắc chắn sai, và các cục số tiêu chuẩn mới là chính xác.

San Jose 22 tháng 8, 2003
Đằng Sơn

CHÚ THÍCH

1.) Khi lực lượng của hai bên không quân bình, lý sinh khắc có thể trở thành rất phức tạp. Hai trường hợp tương đối dễ suy luận là

a-Yếu mà sinh mạnh thì kiệt quệ (như mẹ nhỏ con đẻ con quá to).

b-Khắc đối phương mà đối phương đắc thế thì bị khắc ngược lại (như mèo lạc giữa rừng chuột cống).

Bốn trường hợp sau đây phức tạp hơn, cần chú ý:

c-Vượng bị khắc lại tốt: Theo lý căn bản của ngũ hành thì bị khắc là xấu, nhưng có khi bị khắc lại tốt. Đại khái như sau: "Kim thường sợ hỏa khắc nhưng kim vượng được hỏa luyện thành khí; hỏa thường sợ thủy khắc nhưng hỏa vượng được thủy thì mới phấn chấn; thủy thường sợ thổ khắc nhưng thủy vượng được thổ cản thành hồ; thổ thường sợ mộc khắc nhưng thổ vượng phải nhờ có mộc mới thông; mộc thường sợ kim khắc nhưng mộc vượng phải nhờ kim mới thành cột trụ."

d-Vượng phải sinh cho người cũng có thể là tốt vì như vậy là tản bớt sức đi, khỏi lo bị sung sức quá độ mà vọng động.

www.tuviglobal.com

e-Quá yếu so với kẻ sinh ra mình lại xấu: Theo lý căn bản của ngũ hành thì được sinh là tốt, nhưng lại có khi được sinh mà xấu. Đại khái như sau: "Kim thích được thổ sinh nhưng thổ nhiều quá thì kim bị chôn vùi; thổ thích được hỏa sinh nhưng hỏa nhiều quá thì thổ bị khô cháy; hỏa thích được mộc sinh nhưng mộc mạnh quá thì hỏa không cháy nổi; mộc thích được thủy sinh nhưng thủy nhiều quá thì mộc nổi trôi; thủy thích được kim sinh nhưng kim nhiều quá thì thủy đục ngầu."

f- Quá yếu so với kẻ khắc mình có thể giải quyết bằng cách phục tùng theo thì không bị xấu nữa.

Bốn trường hợp (c) (d) (e) (f) rất phổ thông trong khoa ngũ tinh (nay là Tử Bình hoặc Bát Tự) nhưng ít khi là yếu tố quyết định trong Tử Vi. Ấy bởi vì trong Tử Vi âm dương là chính, ngũ hành chỉ đóng vai phụ. Tuy vậy, người nghiên cứu Tử Vi muốn đạt mức thâm sâu vẫn không thể nào không nắm vững các trường hợp này; nhất là khi luận các cách xấu tốt liên quan đến bộ tam minh Đào Hồng Hỉ.

2.) Xem sách "Tử Vi dưới mắt khoa học", Vu Thiên Nguyễn Đắc Lộc, nhà xuất bản Hồng, Saigon 1974.

3.) Tại sao các khoa số mệnh trước tử vi lại quá lậm vào ngũ hành. Xin thưa vì ngũ hành là đặc tính áp đảo của thiên can và cũng là lời giải giản dị nhất cho bài toán địa chi, mà các khoa trước tử vi lại coi can chi là chủ yếu. Điểm cách mạng của tử vi là nhấn mạnh tính "phương vị tương đối" của địa chi, nhờ đó ngũ hành chỉ còn chiếm vai trò thứ yếu trong địa chi. Vai trò của ngũ hành cũng bị giảm bớt trong thiên can nhờ bốn sao hóa Lộc Quyền Khoa Kỵ. Tôi sẽ bàn thêm các đề tài này khi đến lúc.

4.) Mười bốn chính tinh được chia thành hai chùm sao. Chùm Tử Vi gồm 6 sao là Tử Vi, Liêm Trinh, Thiên Đồng, Vũ Khúc, Thái Dương, Thiên Cơ. Chùm Thiên Phủ gồm 8 sao: Thiên Phủ, Thái Âm, Tham Lang, Cự Môn, Thiên Tướng, Thiên Lương, Thất Sát, Phá Quân. Mười bốn chính tinh là phát kiến to lớn của khoa tử vi. Trong loạt bài này quý độc giả sẽ thấy rằng

www.tuviglobal.com

nhờ 14 chính tinh mà tử vi có thể đặt lý âm dương trở lại vị trí trung tâm của bài toán mệnh lý.

www.tuviglobal.com

Chương 9

Giải quyết vấn đề "Ngũ hành Cục số" 2

Triết lý 1:

Vai trò của lý "tuần hoàn" trong cuộc cách mạng tử vi

Nhắc lại từ các bài trước, trong loạt bài này tôi yêu cầu quý độc giả tạm chấp nhận rằng ngũ hành không gì khác hơn là một phép tính gần đúng của âm dương. Tôi sẽ chứng minh luận đề này trong quyển sách "mệnh lý hoàn toàn khoa học".

Điểm cách mạng của tử vi so với các khoa đi trước nó – cũng dựa trên năm tháng ngày giờ sinh- là nó lấy lý cộng hưởng và tuần hoàn làm căn bản. Trong một số trước của loạt bài này, tôi đã bàn đến lý cộng hưởng phương vị và chứng minh rằng nó dẫn đến luật tam phương tứ chính của tử vi[1]. Sau này độc giả sẽ thấy rằng lý cộng hưởng cũng là nền tảng của các cách cục.

Còn lý tuần hoàn từ đâu ra? Xin thưa nó chỉ là một áp dụng của cái lý lớn "vạn vật đồng nhất thể" bao trùm mọi hiện tượng trong vũ trụ này[2]. Thử so sánh đời sống con người với những hiện tượng trong trời đất ta sẽ thấy ngay có nhiều tương ứng. Trời đất có xuân hạ thu đông, trăng có tròn có khuyết, đời người có sinh trưởng suy diệt. Người phát minh ra tử vi[3] hiển nhiên đã nhìn ra điều đó. Bài toán tử vi vì thế đặt trọng tâm vào tính tuần hoàn của các thiên thể theo cái nhìn của một quan sát viên trên mặt đất.

Một khi nhìn ra sự quan trọng của tính tuần hoàn, ta thấy ngay một khuyết điểm lớn của các khoa mệnh lý đi

www.tuviglobal.com

trước tử vi. Các khoa này lấy lục thập hoa giáp làm căn bản cho cả bốn đơn vị năm tháng ngày giờ. Vì chu kỳ của lục thập hoa giáp là 60, trong khi chu kỳ trung bình của mặt trăng là 29.53 ngày, cứ 60 ngày –tức một lục thập hoa giáp- lại sai đi khoảng một ngày so với chu kỳ của mặt trăng. Chu kỳ giờ thì cứ 5 ngày (60 tiếng ta) lập lại một lần, nên cũng chịu lây cái sai của chu kỳ giờ.

Tử vi giải quyết vấn đề này một cách ổn thỏa bằng cách bỏ hẳn lục thập hoa giáp khi xét đơn vị ngày, chỉ xem ngày là tiểu đơn vị trong chu kỳ của mặt trăng (tức chu kỳ tháng). Thế nên trong tử vi, ngày không có can chi, chỉ tính từ 1 đến 29 hoặc 30.

Mỗi ngày tự nó cũng là một chu kỳ[4], nên tử vi xem giờ là tiểu đơn vị của ngày. Vì can của giờ phải lệ thuộc vào can của ngày, đã bỏ lục thập hoa giáp của ngày thì không có lý do gì để tính can của giờ nữa, do đó tử vi bỏ thời can (can của giờ), chỉ tính thời chi, tức là giờ Tý, giờ Sửu, giờ Mão, vân vân...

Kế tiếp ta xét năm và tháng. Tháng lệ thuộc vào năm nên ta khởi đầu với năm. Chu kỳ tuần hoàn của Mộc tinh (Jupiter) là 11.86 năm, tính chẵn thành 12 năm để phù hợp với 12 cung địa bàn như đã giải thích trong một bài trước đây thì phải 86 năm mới sai một năm. Nhận xét rằng 86 năm là một thời gian rất dài, đủ để cho thời thế đổi khác. Vì thời thế là một yếu tố thuộc đại thể (ảnh hưởng đến nhiều người), cố ép nó vào bài toán tử vi thì chỉ làm bài toán thêm phức tạp mà chưa chắc đã đạt độ chính xác cần thiết, cách giải quyết giản dị nhất là tạm bỏ nó ra ngoài bài toán tử vi rồi tùy trường hợp mà tính thêm vào khi xem số[5].

Ta biết hai lá số tử vi của hai người sinh cùng tháng, ngày, giờ cách nhau 60 năm, 120 năm, 180 năm v.v... sẽ y

www.tuviglobal.com

hệt như nhau. Khoa tử vi không hề nói rằng hai người ấy có cuộc đời y hệt như nhau, mà chỉ nói rằng số mệnh của hai người ấy có LÝ TÍNH giống hệt nhau. Muốn đoán chính xác phải thêm hoàn cảnh cá nhân, trong đó dĩ nhiên phải có yếu tố thời thế nữa.

Với lục thập hoa giáp, đơn vị năm có cả can lẫn chi. Tháng âm lịch tự nó đã thỏa yếu tố tuần hoàn của cả mặt trời lẫn mặt trăng (bằng cách thêm tháng nhuận). Can tháng lại có thể tính từ can năm, nên tử vi trên lý thuyết chỉ giữ can năm nhưng thực ra có thêm cả can tháng. Điểm khác biệt với các khoa đi trước nó là vì lý tuần hoàn của mặt trăng, tử vi không thể coi tiết khí là căn bản để định tháng, mà phải coi lúc 00:00 giờ ngày mùng một là ngày bắt đầu của một tháng mới. Bởi vậy mới nói tử vi "bất y ngũ tinh yếu quá tiết" (không cần biết tiết khí như các khoa số mệnh dựa trên ngũ hành đi trước nó, thường gọi chung là ngũ tinh.)

Tóm lại, việc tử vi chỉ dùng năm (can và chi), tháng, ngày, giờ không phải là lập dị, mà là kết quả tất yếu của một lý luận hết sức chặt chẽ dựa trên lý tuần hoàn.

Triết lý 2: Tử vi tìm về âm dương như thế nào?

Các khoa trước tử vi hoàn toàn dựa trên lục thập hoa giáp nên phải coi ngũ hành là trọng yếu. Chẳng hạn khi xét một người sinh năm Mậu Tý, các cách xem trước tử vi sẽ bàn như sau:

Can (yếu tố "thiên"): Mậu thuộc thổ

Chi (yếu tố "địa"): Tý thuộc thủy

Nạp âm (yếu tố "nhân"): Mậu Tý thuộc hỏa

Nghĩa là trời hại đất (thổ khắc thủy), đất hại người (thủy khắc hỏa), người giúp trời (hỏa sinh thổ). Tôi sẽ không đi vào thêm chi tiết, chỉ cốt đưa thí dụ cho thấy

www.tuviglobal.com

rằng những cách xem số trước tử vi bị giam trong mê hồn trận ngũ hành, muốn thoát ra cũng không được.

Để thoát khỏi mê hồn trận ngũ hành, tử vi vẫn coi niên can là yếu tố "thiên" và niên chi là yếu tố "địa"; nhưng thay vì dùng luận lý ngũ hành, nó định phương vị cho các yếu tố này, rồi dùng lý cộng hưởng phương vị và cộng hưởng sao (tức là cách cục) để định tốt xấu.

Sau này quý độc giả sẽ thấy rằng tử vi có 3 vòng sao: Vòng Lộc Tồn đại biểu "thiên", vòng Thái Tuế đại biểu "địa", vòng Tràng Sinh đại biểu "nhân". Vì cung mệnh đại biểu cái "mệnh" của ta, nó chính là nền tảng của "nhân".

Tóm lược lại:

Niên can (can của năm) cho vòng Lộc Tồn, đại biểu "thiên".

Niên chi (chi của năm) cho vòng Thái Tuế, đại biểu "địa".

Nguyệt chi (chi của tháng) và thời chi (chi của giờ) cho vị trí cung mệnh, ứng với một tháng của năm sinh và đại biểu "nhân".

Mệnh nạp âm (nạp âm của cung mệnh) cho vòng Tràng Sinh, cũng đại biểu "nhân".

Nhưng như vậy vẫn còn lại một đơn vị chưa kể là ngày sinh. Vì ngày là tiểu đơn vị của tháng, ta phải móc nối ngày vào tháng, và vì tử vi chỉ coi ngày như một con số, yếu tố móc nối phải là "lý số" của tháng. Nhưng "lý số" của tháng là gì? Xin thưa chính là "cục số" của cung mệnh, vì cung mệnh ứng với tháng, mà cục số thì không gì khác hơn là ngũ hành lý số của cung mệnh.

Tử vi phối hợp ngày sinh với cục số, rồi dùng lý âm dương để định một tập hợp sao mà ta gọi là 14 chính tinh. Kế đó, tử vi lại phối hợp lý âm dương với niên can để

www.tuviglobal.com

định ra bốn sao hết sức quan trọng là Hóa Lộc, Hóa Quyền, Hóa Khoa, Hóa Kỵ. Bằng phương pháp này, trọng tâm của bài toán số mệnh được chuyển từ ngũ hành (thiên can và cục số) sang lý âm dương, giúp tử vi hoàn thành cuộc cách mạng của nó.

Tôi sẽ trở lại các đề tài này sau. Tạm thời xin dừng phần triết lý ở đây để tiếp tục vấn đề ngũ hành cục số đã bắt đầu từ bài trước.

Ngũ hành nạp âm và vấn nạn thủy nhị cục, hỏa lục cục

Như đã trình bày trong bài trước, cục số của tử vi được định theo ngũ hành nạp âm của cung mệnh:

Hành thủy cục số là 2, gọi là "thủy nhị cục"

Hành mộc cục số là 3, gọi là "mộc tam cục"

Hành kim cục số là 4, gọi là "kim tứ cục"

Hành thổ cục số là 5, gọi là "thổ ngũ cục"

Hành hỏa cục số là 6, gọi là "hỏa lục cục"

Theo thuyết ngũ hành thì lý số của thủy là 1 và 6, hỏa 2 và 7, mộc 3 và 8, kim 4 và 9, thổ 5 và 10; nên mộc kim thổ đặt cục số là 3, 4, 5 tương đối hợp lý; nhưng thủy 2 hỏa 6 quả thật là khó hiểu.

Tại sao tử vi dùng "thủy nhị cục", "hỏa lục cục"? Vì thủy ứng với 1 và 6, hỏa 2 và 7, nhiều người đã thử "thủy nhất cục", "thủy lục cục", "hỏa nhị cục", "hỏa thất cục" và đều thấy không đúng bằng "thủy nhị cục" và "hỏa lục cục". Nghĩa là trên căn bản thực nghiệm, "thủy nhị cục" và "hỏa lục cục" có vẻ đúng, nhưng tại sao đúng?

Một số nghiên cứu gia Đài Loan và Hồng Kông giải thích rằng đây là vấn đề của "thể và dụng". Họ nói trong trường hợp tử vi, ngũ hành nạp âm là "thể" cục số là "dụng". Thể và dụng khác nhau nên cục (tức dụng) của thủy phải lấy lý số của hỏa, và ngược lại. Lý luận này

www.tuviglobal.com

không những gượng ép mà còn hàm hồ nữa. Hãy dùng phép tỷ giảo. Tạm bỏ hành đặc biệt là thổ ra ngoài, ta có thủy hỏa xung nhau, nhưng kim mộc cũng xung nhau. Vậy tại sao cục của kim không lấy số của Mộc và ngược lại để cho ta "Kim tam cục" và "mộc tứ cục"?

Tôi xin đề nghị một lời giải khác cho vấn nạn này.

Để khỏi lẫn lộn, tôi sẽ phân biệt hai loại ngũ hành. Ngũ hành nguyên thủy tôi sẽ gọi là "đơn hành", gồm đơn kim, đơn mộc, đơn thủy, đơn hỏa, đơn thổ. Ngũ hành nạp âm tôi sẽ gọi là "nạp hành", gồm có nạp kim, nạp mộc, nạp thủy, nạp hỏa, nạp thổ.

Tôi xin thưa ngay rằng ngũ hành nạp âm không được nghiên cứu thấu đáo nên người ta cứ tưởng luật của nạp hành y hệt như luật của đơn hành. Ông tổ tử vi hiển nhiên biết rõ là có sự khác biệt giữa hai loại ngũ hành, nhưng ông chỉ truyền bí quyết qua môn tử vi mà không giải thích, nên mới gây ra vấn nạn cục số. Viết rõ thế để độc giả hiểu rằng những điều sắp trình bày chỉ là cái bí mật đã thất truyền của nạp hành, không phải là ý kiến của riêng tôi. Tôi chỉ là người may mắn tái khám phá ra cái bí mật đã thất truyền ấy.

Về luật sinh khắc, không có lý do gì để nạp hành khác đơn hành, nên luật sinh khắc của hai loại ngũ hành giống nhau.

Về các đặc tính khác của hai loại ngũ hành ta phải dùng phép tỷ giảo. Thứ tự thuận lý (tức thuận chiều thời gian) của đơn hành là vòng sinh: Kim thủy mộc hỏa thổ, viết tắt là KTMHO và gọi là thứ tự đơn hành.

Thứ tự thuận lý của nạp hành hiển nhiên phải là thứ tự của lục thập hoa giáp. Theo bảng 1 ta thấy:

Giáp Tý và Ất Sửu thuộc Kim

Bính Dần và Đinh Mão thuộc Hỏa

www.tuviglobal.com

Mậu Thìn và Kỷ Tỵ thuộc Mộc

Cho ta thứ tự Kim Hỏa Mộc, viết tắt là KHM và gọi là thứ tự 1.

BẢNG 1: Bảng phân phối ngũ hành nạp âm theo can và chi

CAN: / CHI	Giáp Ất	Bính Đinh	Mậu Kỷ	Canh Tân	Nhâm Quý
Tý Sửu / Ngọ Mùi	K	T	H	O	M
Dần Mão / Thân Dậu	T	H	O	M	K
Thìn Tỵ / Tuất Hợi	H	O	M	K	T

Cách nhớ: KTHOM (thuộc lòng)

Ký hiệu: K=Kim, T=Thủy, H=Hỏa, O=Thổ, M=Mộc

Vì Ngọ Mùi tính như Tý Sửu, Thân Dậu như Dần Mão, Tuất Hợi như Thìn Tỵ; đến Tỵ là vòng tuần hoàn của chi đã chấm dứt, muốn tính tiếp vòng ngũ hành ta phải trở lại đầu chu kỳ của chi bằng M (Mộc), tức là Nhâm Tý Quý Sửu (hoặc Nhâm Ngọ Quý Mùi). Thứ tự là:

Nhâm Tý Quý Sửu thuộc Mộc

Giáp Dần và Ất Mão thuộc Thủy

Bính Thìn và Đinh Tỵ thuộc Thổ

Cho ta thứ tự Mộc Thủy Thổ, viết tắt là MTO và gọi là thứ tự 2.

Phối hợp thứ tự 1 và thứ tự 2, ta được thứ tự nạp hành KHMTO.

So sánh thứ tự đơn hành (KTMHO) và thứ tự nạp hành (KHMTO) ta thấy nạp hành chỉ khác đơn hành ở chỗ là H (Hỏa) và T (Thủy) hoán vị nhau. Dữ kiện này có nghĩa, trừ hai vòng sinh khắc không kể, vai trò của hỏa trong nạp hành y hệt như vai trò của thủy trong đơn hành. Tương tự, vai trò của thủy trong nạp hành y hệt như vai trò của hỏa trong đơn hành. Ta đã biết lý số của đơn thủy là 1 và 6, của đơn hỏa là 2 và 7. Từ đó suy ra lý số của nạp thủy phải là 2 và 7, của nạp hỏa 1 và 6. Thế nên thủy cục phải

www.tuviglobal.com

là "thủy nhị cục" hoặc "thủy thất cục", hỏa cục phải là "hỏa nhất cục" hoặc "hỏa lục cục".

Đến đây có thể nói vấn nạn thủy nhị cục, hỏa lục cục đã được giải quyết thỏa đáng cho làng tử vi. Nhưng trên căn bản khoa học thuần lý, vẫn còn một câu hỏi: Tại sao "thủy nhị cục" thay vì "thủy thất cục", "hỏa lục cục" thay vì "hỏa nhất cục"?

Lý âm dương của cục số

Gọi cục số là C và ngày sinh là N, mục tiêu của chúng ta là đi tìm một quy luật hợp lý để nối kết C và N vào địa bàn thập nhị chi. Vì C là một đặc tính của cung mệnh, yếu tố nối kết phải là một phần tử hết sức quan trọng của bài toán tử vi. Bởi vậy C và N được dùng để định vị trí sao Tử Vi, tức là sao quan trọng nhất của khoa tử vi.

Tỵ 4C	Ngọ 5C	Mùi 6C	Thân 7C
Thìn 3C			Dậu 8C
Mão 2C			Tuất 9C
Dần C	Sửu 12C	Tý 11C	Hợi 10C

Hình 1: Vị trí các bội số của cục số trên địa bàn

Như đã bàn trong các bài trước, cung Dần là vị trí khai sinh của địa bàn. Ngày 1 là ngày đầu tiên của tháng nên có ý nghĩa khai sinh. Do đó khuynh hướng tự nhiên của chúng ta là cho ngày 1 ứng với cung Dần. Nhưng làm thế không ổn bởi nếu ngày 1 luôn luôn ở cung Dần thì cục C làm sao có thể coi là quan trọng? Do đó cách hợp lý hơn là cho ngày C ứng với cung Dần, nghĩa là ngày C an sao Tử Vi ở Dần. Cách an này khiến C có ý nghĩa của một đơn vị, với các ngày tương ứng là C, 2C, 3C, 4C v.v... Ngày C đã an ở Dần rồi, thì muốn thuận lý phải an các

www.tuviglobal.com

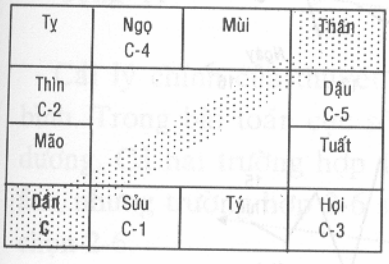
đơn vị liên tục vào các cung liên tục; tức là ngày 2C ở Mão, 3C ở Thìn, 4C ở Tỵ v.v...

Còn các ngày không phải là bội số của C thì sao? Ta đã biết ngày C ở Dần là một cung dương. Nếu C là ngày chẵn tất C-2, C-4, C-6 v.v... cũng là ngày chẵn; C-1, C-3, C-5 v.v... phải là ngày lẻ. Nghĩa là C-2, C-4, C-6 v.v... cùng lý âm dương với C; trong khi C-1, C-3, C-5 v.v... trái lý âm dương với C.

Ta nói C-2, C-4, C-6 v.v... thuận lý so với C; C-1, C-3, C-5 v.v... nghịch lý so với C.

Thuận lý thì phải chuyển theo chiều kim đồng hồ và chiếm cung cùng lý âm dương với C. Từ đó suy ra C-2 phải ở Thìn, C-4 ở Ngọ, C-6 ở Thân v.v...

Nghịch lý thì phải chuyển ngược chiều kim đồng hồ và chiếm cung trái lý âm dương với C. Từ đó suy ra C-1 phải ở Sửu, C-3 ở Hợi, C-5 ở Dậu v.v...

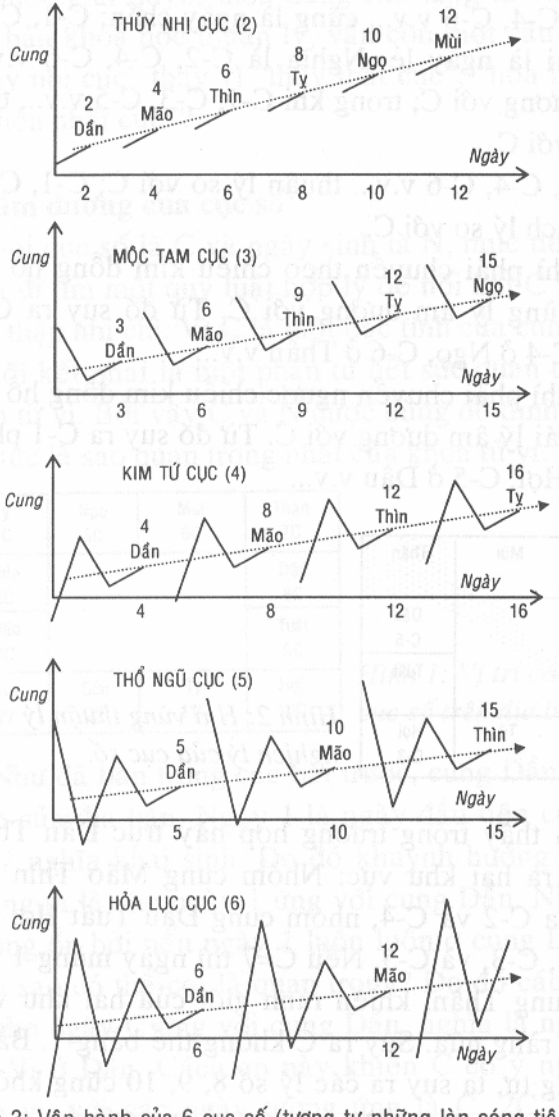


Hình 2: Hai vùng thuận lý và nghịch lý của cục số.

Nhìn lại ta thấy trong trường hợp này trục Dần Thân chia địa bàn ra hai khu vực: Nhóm cung Mão Thìn Tỵ Ngọ Mùi chứa C-2 và C-4, nhóm cung Dậu Tuất Hợi Tý Sửu chứa C-1, C-3, và C-5. Nếu C=7 thì ngày mùng 1 tức C-6 phải ở cung Thân, khiến ranh giới của hai khu vực không còn rõ ràng nữa. Suy ra C không thể bằng 7. Bằng suy luận tương tự, ta suy ra các lý số 8, 9, 10 cũng không thể là cục số; nghĩa là chỉ còn lại các số từ 1 đến 6.

www.tuviglobal.com

Ngũ hành chỉ có 5 nên phải loại một số nữa. Xét lý đối xứng thì phải bỏ 1 hoặc 6. Nếu bỏ 1 thì còn lại từ 2 đến 6, bỏ 6 thì còn lại từ 1 đến 5.



Hình 3: Vận hành của 6 cục số (tương tự những làn sóng tiệm tiến)

www.tuviglobal.com

Nếu từ 1 đến 5

C	Thuận lý	Nghịch lý
1	C	---
2	C	C-1
3	C, C-2	C-1
4	C, C-2	C-1, C-3
5	C, C-2, C-4	C-1, C-3
Cộng	9	6

Nếu từ 2 đến 6

C	Thuận lý	Nghịch lý
2	C	C-1
3	C, C-2	C-1
4	C, C-2	C-1, C-3
5	C, C-2, C-4	C-1, C-3
1	C, C-2, C-4	C-1, C-3, C-5
Cộng	11	9

Cái lý chính của thuyết âm dương là âm dương quân bình. Trong bài toán cục số nghịch lý là âm, thuận lý là dương. Cả hai trường hợp 1-5 và 2-6 dương đều trội hơn âm, nhưng trường hợp 2-6 sai số nhỏ hơn 1-5, do đó phải chọn 2-6.

Tóm lại, sau khi phối hợp ngũ hành nạp âm với âm dương ta được kết quả:

Thủy: Lý số 2 và 7, phải bỏ 7 còn lại 2; nên là "Thủy Nhị Cục"

Mộc: Lý số là 3 và 8, phải bỏ 8 còn lại 3; nên là "Mộc Tam Cục"

Kim: Lý số là 4 và 9, phải bỏ 9 còn lại 4; nên là "Kim Tứ Cục"

www.tuviglobal.com

Thổ: Lý số là 5 và 10, phải bỏ 10 còn lại 5; nên là "Thổ Ngũ Cục"

Hỏa: Lý số là 1 và 6, phải bỏ 1 còn lại 6; nên là "Hỏa Lục Cục"

Tức là y hệt các sách tử vi tiêu chuẩn. Điểm khác biệt là nhờ nắm vững cái lý nằm sau bí quyết của các cục, ta biết chắc rằng các thuyết "thủy nhất cục", "thủy lục cục", "hỏa nhị cục", "hỏa thất cục" đều sai, nhờ đó ta không phải bận tâm kiểm chứng chúng nữa.

San Jose 29 tháng 8, 2003
Đằng Sơn

CHÚ THÍCH

1.) Luật tam phương tứ chính: Khi xem một cung phải xem thêm hai cung tam hợp (tức là tam phương); thêm một cung xung chiếu, cộng lại thành bốn cung (tức là tứ chính).

2.) Tôi đã giải thích tại sao lý "vạn vật đồng nhất thể" là nguyên lý khoa học tối thượng trong một bài trước.

3.) Có thể tin là ông Hi Di Trần Đoàn.

4.) Chu kỳ ngày cũng tương ứng với đời người (nửa đêm về sáng như lúc mang thai, bình minh như lúc mới sinh, buổi sáng lúc trưởng thành, giữa trưa lúc cực tráng, buổi chiều lúc suy yếu, buổi tối khi lìa bỏ cõi đời), bởi vậy nó cũng là một đơn vị tuần hoàn trong bài toán tử vi.

5.) Ta thấy thêm một lần nữa rằng lá số tử vi không phải là một bản án không thể dời đổi, mà chỉ là một bản dữ liệu, tùy hoàn cảnh cá nhân mà biến dạng khác nhau.

www.tuviglobal.com

Chương 10

MƯỜI BỐN CHÍNH TINH I

Nguồn gốc 4 sao to Âm Dương Tử Phủ

Triết lý: Tại sao tử vi không bỏ hẳn ngũ hành?

Từ cách định cục số như đã trình bày trong hai bài trước, có thể thấy tử vi là một bài toán rất chi li, tương tự như một bài toán kỹ sư thời nay vậy. Người làm toán phải biết khi nào xử dụng phép tính căn bản, khi nào sử dụng phép tính gần đúng. Phép tính căn bản của tử vi là lý âm dương, phép tính gần đúng của tử vi là lý ngũ hành.

Nhân đây xin nói thoáng qua lý do tại sao thuyết ngũ hành chỉ có thể là một thuyết gần đúng.

Theo thuyết ngũ hành, vạn sự trong vũ trụ đều có thể quy về 5 tính chất gọi là kim mộc thủy hỏa thổ. Năm tính chất này dĩ nhiên phải liên hệ với nhau. Trong bài toán ngũ hành chỉ có hai loại liên hệ chính là sinh và khắc. Sinh người là làm lợi cho người, khắc người là làm hại cho người. Được sinh thì có lợi, bị khắc rất nguy nan. Dĩ nhiên còn có cấp độ nhiều ít, tỷ như mặc dù mèo là khắc tinh của chuột, mèo con chưa chắc đã "khắc" nổi chuột cống.

Nhưng dù du di biến đổi bao nhiêu thì hai tính sinh khắc vẫn là tương quan một chiều. Lấy thí dụ trường hợp hai người yêu nhau; "yêu nhau" là tương quan hai chiều làm sao có thể dùng lý sinh khắc mà luận được? Đời còn muôn vàn những tương quan hai chiều khác. Tóm lại, vì chỉ có hai tương quan sinh khắc, thuyết ngũ hành chắc chắn thiếu sót.

Ta có thể tin chắc rằng ông tổ tử vi đã biết rõ khuyết điểm kể trên của thuyết ngũ hành, vậy tại sao ông vẫn giữ

www.tuviglobal.com

ngũ hành trong tử vi mà không bỏ hẳn nó đi? Xin trả lời. Thứ nhất vì bỏ ngũ hành thì bài toán tử vi trở thành quá phức tạp, mà chưa chắc lời giải đã chính xác hơn vì trong tiền đề đã có sai số là thiếu yếu tố thời thế rồi. Thứ hai vì trên đời này vẫn có những lúc chỉ có tương quan một chiều mà thôi; như trường hợp hai võ sĩ đánh nhau trên đài hoặc hai người kiện nhau ra tòa.

Cái độc đáo của khoa tử vi là thay vì nhắm mắt áp dụng ngũ hành như các khoa đi trước, nó chỉ áp dụng ngũ hành khi tương quan một chiều đóng vai chính yếu.

Bắt đầu bằng liên hệ giữa con người và "ông trời". Vì con người không rõ "ông trời" có quyền năng như thế nào, liên hệ giữa con người với "ông trời" không thể nào là tương quan hai chiều, mà phải là tương quan một chiều. Trên căn bản khoa học, "ông trời" chẳng gì khác hơn là những yếu tố hiện hữu trong vũ trụ nhưng ngoài khả năng quan sát của chúng ta. Khoa học tây phương có một khuyết điểm trầm trọng là cái gì không quan sát được thì coi như không có. Khoa học Á đông (đã bị thất truyền và vì vậy nhiều người tưởng là chưa từng hiện hữu) làm được hơn như vậy là nhờ cái lý "vạn vật đồng nhất thể". Mặc dù chẳng biết "ông trời" bản chất ra sao, ta vẫn có thể áp dụng lý "vạn vật đồng nhất thể" để suy ra liên hệ giữa "ông trời" và con người.

Vì thập thiên can là kết quả của một suy luận phối hợp cả hai yếu tố âm dương và ngũ hành, ta có quyền tin nó là công thức đúng để luận ra tương quan giữa "ông trời" với con người. Bởi vậy thay vì bỏ thập thiên can, tử vi tìm chỗ thích hợp để sử dụng nó.

Nhưng áp dụng thập thiên can thì phải chấp nhận lục thập hoa giáp là chu kỳ tuần hoàn. Từ bài trước ta đã biết lục thập hoa giáp không thích hợp cho ngày và giờ vì nó

www.tuviglobal.com

"trái cựa" với tính tuần hoàn của mặt trăng. Năm không có chu kỳ tuần hoàn rõ rệt nên lục thập hoa giáp không gây cảnh "trái cựa", do đó đơn vị năm chính là nơi mà thập thiên can đóng vai chính yếu. Quý độc giả nghiên cứu tử vi hẳn biết niên can (can của năm) quyết định vị trí của Lộc Tồn, Kình Đà, Khôi Việt; đều là những sao hết sức quan trọng trong bài toán tử vi.

Công tâm mà nói thì những sao vừa kể đã có mặt trong các khoa đi trước tử vi, nên nếu chỉ có thế thì tử vi vẫn chưa để được coi là một cuộc cách mạng. Sở dĩ ta có "cuộc cách mạng tử vi" vì khoa tử vi đã thành công trong việc xử dụng 14 chính tinh và tứ hóa Lộc Quyền Khoa Kị để phản ảnh luận lý âm dương.

Tôi xin bắt đầu với cái lý của 14 chính tinh.

Ghi ơn nhà dịch lý Đài Loan Tạ Phồn Trị

Ngay từ khi khoa tử vi ra đời, cái lý nằm sau 14 chính tinh đã là một bí mật tưởng là vĩnh viễn không ai giải được. Không ngờ năm 1995 ông Tạ Phồn Trị, một dịch lý gia Đài Loan, cho ra đời quyển "Dịch Kinh dữ Tử Vi đẩu số" (Kinh dịch và tử vi đẩu số)[1]. Quyển này chứa lời giải của ông Trị cho nhiều vấn nạn, trong đó có lý do tại sao tử vi lại có 14 chính tinh. Xét trên nền tảng khoa học thì lối trình bày của ông Trị vẫn quá huyền hoặc, nhưng xin thú thực rằng khi tình cờ được đọc quyển sách này của ông vào năm 1996, tôi sung sướng đến mức bàng hoàng. Có thể nói rằng, nếu không có quyển sách của ông Trị làm đuốc soi đường thì tôi đã không thể nào đi bước đầu tiên vào khu rừng tử vi để có thể bạo gan viết loạt bài này hầu quý độc giả hôm nay. Mặc dù chưa từng được gặp ông Trị, tôi xin tự nhận mình là một người tiếp nối công trình của ông và xin mang ơn ông đã có công viết quyển sách hết

www.tuviglobal.com

sức quan trọng này, vì nó đã trả lời rất nhiều thắc mắc của tôi về khoa tử vi.

Để khỏi lẫn lộn tôi xin ghi rõ đâu là khám phá của ông Tạ Phồn Trị, và đâu là phần bổ túc của tôi; nhưng cần nhấn mạnh rằng công lao tái khám phá cái bí mật của 14 chính tinh phải được coi là của ông Trị.

Cái lý của hai sao Thái Âm Thái Dương

(theo ông TạPhồn Trị)

Hãy thử tưởng tượng bạn là một nhà thiên văn học. Vào một ngày đã định trong tháng X, đúng giờ Y bạn dùng viễn vọng kính nhìn lên bầu trời. Câu hỏi là cũng vào ngày đã định tháng tiếp đó, tức X+1, bạn phải nhìn lên bầu trời vào giờ nào để thấy phần vũ trụ ngoài thái dương hệ vẫn như cũ? Câu trả lời: Giờ Y-1. Tổng quát hơn, muốn phần vũ trụ ngoài thái dương hệ không đổi so với tháng X giờ Y, thì bạn phải quan sát vào tháng X+n giờ Y-n, với n là một số nguyên dương hoặc âm.

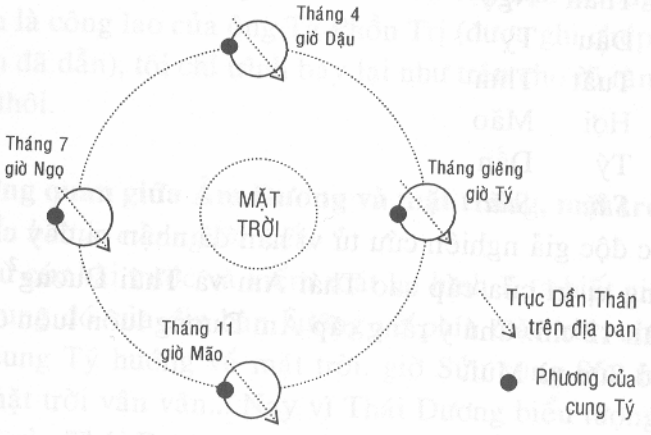
Nay đặt X= tháng giêng, Y= giờ Tý, ta có những hoàn cảnh sau đây:

Bảng 1: Tháng và giờ để vũ trụ không đổi

Tháng	**Giờ**
Giêng	Tý
2	Hợi
3	Tuất
4	Dậu
5	Thân
6	Mùi
7	Ngọ
8	Tỵ
9	Thìn
10	Mão

www.tuviglobal.com

11 Dần
Chạp Sửu



Hình 1: Bắt đầu với tháng Giêng giờ Tý, khi tháng và giờ đi nghịch chiều nhau phương hướng của địa bàn sẽ không đổi so với vũ trụ. Ngược lại, một quan sát viên đứng ở một vị trí cố định trên trái đất sẽ thấy rằng hoàn cảnh của vũ trụ (ngoài thái dương hệ) hoàn toàn không đổi. Lý "giờ tháng nghịch chiều" được đại biểu bằng hai sao Âm và Dương. Tóm lại, Âm Dương đại biểu 12 cặp tháng giờ để giữ địa bàn ở phương vị (so với vũ trụ) y hệt như tháng Giêng giờ Tý.

Kế tiếp, vì tháng Giêng ứng với cung Dần, ta cho Giêng = Dần, 2=Mão, 3=Thìn v.v... rồi đặt tháng=Âm, giờ=Dương thì được bảng sau đây:

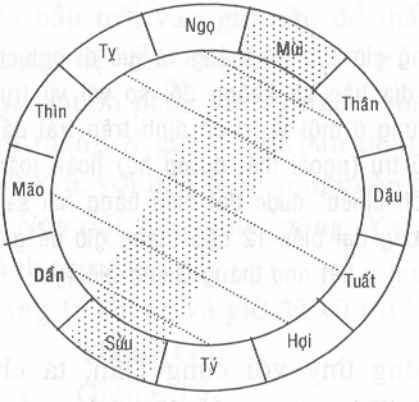
Bảng 2: Âm Dương trên bản đồ địa chi

Âm	**Dương**
Dần	Tý
Mão	Hợi
Thìn	Tuất
Tỵ	Dậu

www.tuviglobal.com

Ngọ	Thân
Mùi	*Mùi*
Thân	Ngọ
Dậu	Tỵ
Tuất	Thìn
Hợi	Mão
Tý	Dần
Sửu	*Sửu*

Các độc giả nghiên cứu tử vi hẳn đã nhận ra đây chính là bảng vị trí của cặp sao Thái Âm và Thái Dương[2] trên địa bàn 12 chi. Chú ý rằng cặp Âm Dương luôn luôn đồng cung ở Sửu và Mùi.



Hình 2: Những vị trí tương ứng của cặp sao Âm Dương (luôn luôn đối xứng qua trục nối hai cung Sửu Mùi).

Vậy thì Âm Dương là một cặp sao nhân tạo (đúng hơn là hai phương vị) được đặt ra để hoàn cảnh của vũ trụ ở mọi lúc đều y hệt như thời điểm khai sinh (tháng Giêng giờ Tý). Nhưng tại sao cần giữ cho hoàn cảnh của vũ trụ giống thời điểm khai sinh? Xin thưa vì tử vi dựa vào thời điểm khai sinh của con người để luận mệnh nên, vì lý tương ứng, nó phải móc nối lá số với thời điểm khai sinh

www.tuviglobal.com

của vũ trụ. Cặp Âm Dương giúp nó hoàn thành công việc đó.

Tái khám phá cái lý khai sinh của cặp Âm Dương hoàn toàn là công lao của ông Tạ Phồn Trị (được ghi chép trong sách đã dẫn), tôi chỉ trình bày lại như trên cho rõ ràng hơn mà thôi.

Tương quan giữa Âm Dương và mặt trăng, mặt trời
(phần bổ túc của người viết)

Từ các bài trước và kiểm soát lại hình 1, ta biết giờ nào thì cung đó của địa bàn hướng về phía mặt trời; như giờ Tý cung Tý hướng về mặt trời, giờ Sửu cung Sửu hướng về mặt trời vân vân... Nay vì Thái Dương biểu tượng giờ, vị trí của Thái Dương trên địa bàn chính là vị trí hướng về phía mặt trời. Cái tên "Thái Dương" vì vậy hết sức có lý và có thể dịch nôm na là "mặt trời" mà không sai chạy. Mặt trời có uy lực nhất vào giờ Ngọ, chính là một cung dương trên địa bàn. Đặc điểm này dẫn đến vài tính chất của Thái Dương mà tôi sẽ trở lại trong một chương khác.

"Thái Âm" biểu tượng tháng tức là hoàn cảnh của mặt trăng. Chúng ta đều biết rằng trăng đẹp nhất vào dịp trung thu, tức rằm tháng 8 ta. Tháng 8 ta ứng với cung Dậu, chính là một cung âm trên địa bàn. Đặc điểm này dẫn đến vài tính chất của Thái Âm mà tôi sẽ trở lại trong một chương khác.

Điểm lý thú là sau khi xem Thái Âm là ảnh hưởng của mặt trăng, Thái Dương của mặt trời ta không cần xét Âm theo tháng, Dương theo giờ; mà có thể xét cả hai hoặc chỉ theo giờ, hoặc chỉ theo tháng. Thí dụ chỉ xét theo tháng thì tháng 7 ta là lúc uy lực của mặt trời ghê gớm nhất (dù trên lý thuyết đã quá mùa hạ), hoàn toàn ứng hợp với Thái Dương cư Ngọ. Chỉ xét theo giờ thì giờ Hợi là lúc mặt

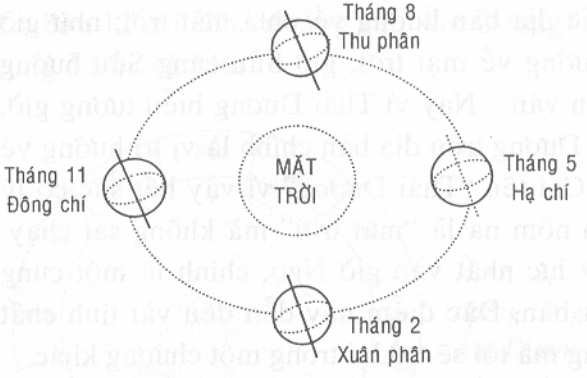
www.tuviglobal.com

trăng huy hoàng nhất, hoàn toàn ứng hợp với Thái Âm cư Hợi.

Vì lý do đó, mặc dù làng tử vi xưa nay có thói quen coi hai sao Âm Dương là mặt trăng, mặt trời và luận ảnh hưởng tốt xấu của chúng theo giờ (mà không cần biết đến tháng), kết quả vẫn đạt đủ mức chính xác.

Cái lý của hai sao Tử Vi Thiên Phủ

(ý kiến riêng của người viết)[3]



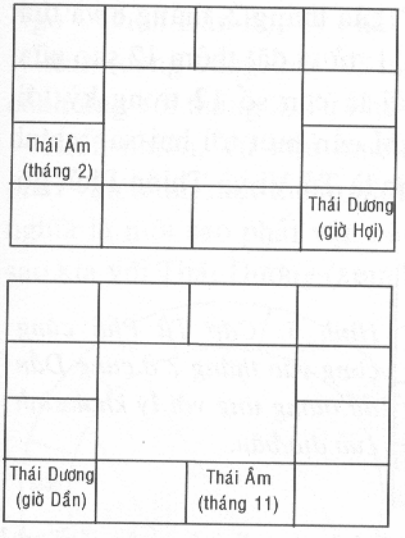
Hình 3: Hoàn cảnh điều hòa của trái đất ứng với tháng 2 (tiết xuân phân) và tháng 8 (thu phân). Hoàn cảnh cực đoan của trái đất ứng với tháng 5 (Hạ chí) và tháng 11 (Đông chí).
Chú ý rằng hình vẽ chỉ đúng cho bắc bán cầu.

Mặc dù hoàn cảnh của vũ trụ ngoài thái dương hệ luôn luôn giống thời điểm khai sinh, vì thời tiết thay đổi theo mặt trời mà mỗi cặp tháng giờ (tức mỗi vị trí của cặp sao Âm Dương) ứng với một hoàn cảnh khác nhau trên mặt đất. Gọi hoàn cảnh của vũ trụ ngoài thái dương hệ là ngoại cảnh, của trái đất là nội cảnh; ngoại cảnh đã được diễn tả bằng cặp Âm Dương rồi, còn nội cảnh thì sao?

www.tuviglobal.com

Muốn trả lời câu hỏi này ta phải áp dụng luận lý âm dương vào trái đất.

Từ hình 3, ta thấy hoàn cảnh của trái đất ôn hòa nhất vào tháng 2 ta (thuộc tiết Xuân phân) và tháng 8 ta (thuộc tiết Thu phân); cực đoan nhất vào tháng 5 ta (thuộc tiết Hạ chí) và tháng 11 ta (thuộc tiết Đông chí). Ta hãy thử xét cặp sao Âm Dương xem chúng có thể hiện những đặc tính ấy không.



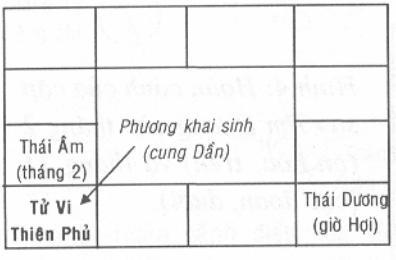
Hình 4: Hoàn cảnh của cặp sao Âm Dương vào tháng 2 (ôn hòa, trên) và tháng 11 (cực đoan, dưới).

Xem hình 4 ta thấy tháng 2 Thái Dương ở Hợi. Vì Thái Dương đại biểu giờ nên Thái Dương ở Hợi đại biểu giờ Hợi. Giờ Hợi là giờ cuối cùng trong một ngày, ngay trước nửa đêm. Nói là cực đoan thì may ra được, chứ bảo là "ôn hòa" thì vô lý lắm. Cũng hình 4 vào tháng 11 Thái Dương ở Dần tức là ứng với lúc tảng sáng. Nói là ôn hòa thì được, chứ bảo là "cực đoan" cũng vô lý lắm. Tóm lại cặp Âm Dương chỉ diễn tả được hoàn cảnh khai sinh của vũ trụ mà không phản ảnh đúng những thay đổi của địa cầu.

www.tuviglobal.com

Nhắc lại nền tảng của tử vi là thuyết âm dương, theo đó mọi hiện tượng trên đời này đều là giả tướng được tạo ra bởi những phân phối khác nhau của âm và dương. Tổng thành số của bài toán tử vi vì vậy luôn luôn là zéro. Từ nền tảng này, **tử vi có một phương pháp giải quyết rất giản dị mà vô cùng hữu lý mỗi khi bài toán tử vi bị thiếu quân bằng, đó là đặt thêm một số "sao" để tổng thành số của âm dương là zero.**

Để phản ảnh tính "ôn hòa" của tháng 2, tháng 8 và tính cực đoan của tháng 5, tháng 11; tử vi đặt thêm 12 sao nữa. Tôi sẽ giải thích tại sao phải là con số 12 trong kỳ tới. Trong kỳ này quý độc giả chỉ cần biết tới hai sao chính yếu trong 12 sao thêm đó, tức là Tử Vi và Thiên Phủ, gọi tắt là cặp Tử Phủ.



Hình 5: Cặp Tử Phủ cùng cung vào tháng 2 ở cung Dần để tương ứng với lý khai sinh của địa bàn.

Ta thường nghe câu "đời có ly hợp", câu này ám chỉ "hợp" tốt đẹp hơn "ly". Cặp Tử Phủ được đặt theo lý ấy[4]. Tóm lại ta muốn Tử Phủ "hợp" trong hoàn cảnh ứng với tháng 2, tháng 8; và "ly" trong hoàn cảnh ứng với tháng 5, tháng 11. Vì chưa rõ sao nào phải ở đâu ta tạm gọi chúng là X và Y, với X là sao chính, Y là sao phụ.

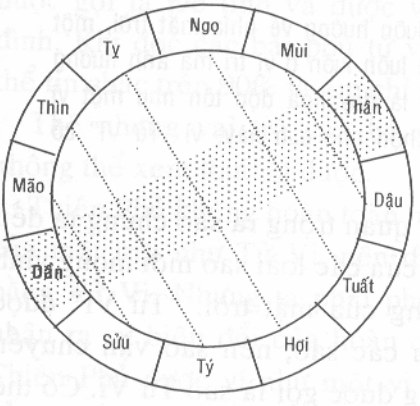
Vì cung Dần là phương khai sinh của địa bàn, và khai sinh là hoàn cảnh tốt đẹp, ta suy ra sao chính của cặp Tử Phủ, tức sao X phải khai sinh ở Dần. Hoàn cảnh tương ứng là tháng 2, vì tháng 2 ta ứng với tiết xuân phân (Spring

www.tuviglobal.com

Equinox), trời đất thái hòa. Suy ra sao X ở Dần khi Thái Âm ở Mão (tháng 2) và Thái Dương ở Hợi (giờ Hợi).

Còn sao Y thì sao? Vì đòi hỏi "hợp", Y tất phải ở thế tam hợp với X, nghĩa là Y phải ở một trong ba cung Dần (cùng cung), Ngọ (tam hợp), Tuất (tam hợp). Trong ba phải chọn một, thì tất phải chọn Dần, tại sao thế? Xin thưa vì nếu chọn Ngọ thì câu hỏi sẽ là "tại sao không chọn Tuất", chọn Tuất thì câu hỏi sẽ là "tại sao không chọn Ngọ". Chọn Dần hợp lý nhất vì Dần khác hai cung kia về lý tính (cùng cung thay vì tam hợp). Tóm lại trong hoàn cảnh ứng với tháng 2, Tử Phủ đồng cung ở Dần.

Hiển nhiên, Tử Phủ muốn đóng trọn vai trò thì cũng phải vận hành một thuận một nghịch như cặp Âm Dương, nghĩa là một sao phải vận hành cùng chiều với Thái Âm, sao kia với Thái Dương (xem hình 6).

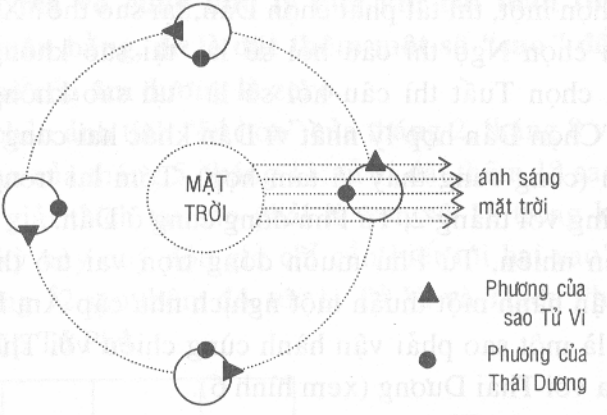


Hình 6: Cặp sao Tử Phủ phải vận hành ngược chiều nhau nên luôn luôn đối xứng qua trục Dần Thân.

Nhưng sao nào theo Thái Âm, sao nào theo Thái Dương? Nhận xét rằng khi Thái Dương ở Hợi thì cặp Tử Phủ ở Dần. Thái Dương ứng với phương của mặt trời. Khi mặt trời chiếu thẳng vào Hợi thì cung Dần[5] vì thẳng góc

www.tuviglobal.com

với Hợi sẽ không bị ảnh hưởng; nói cách khác cung Dần hoàn toàn thoát khỏi ảnh hưởng của mặt trời. Tổng quát hơn, vì một trong hai sao của cặp Tử Phủ chuyển theo cùng chiều với Thái Dương, nên bất luận Thái Dương ở đâu, sao này luôn luôn thoát khỏi ảnh hưởng của mặt trời.



Hình 7: Vì Thái Dương luôn luôn hướng về phía mặt trời, một trong hai sao của cặp Tử Phủ luôn luôn ở vị trí mà ảnh hưởng mặt trời không đáng kể, tức là duy ngã độc tôn như một vì chúa tể. Tên "Tử Vi" được chọn cho sao này, vì "Tử Vi" có nghĩa là sao chúa tể.

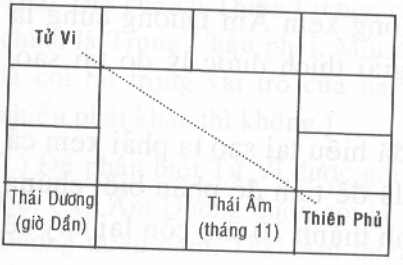
Ảnh hưởng của mặt trời quan trọng ra sao chúng ta đều biết rõ, nên chỉ có chúa tể của các loài sao mới mong vĩnh viễn không chịu ảnh hưởng của mặt trời. "Tử Vi" được định nghĩa là chúa tể của các sao, nên sao vận chuyển cùng chiều với Thái Dương được gọi là sao Tử Vi. Có thể thấy Tử Vi là sao quan trọng nhất của khoa tử vi ngay từ cách thành lập của nó!!!

Sao kia (tức sao vận chuyển theo Thái Âm) dĩ nhiên phải là Thiên Phủ.

Sau khi đã quy định là Tử Vi vận chuyển cùng chiều với Thái Dương, Thiên Phủ cùng chiều với Thái Âm thì

www.tuviglobal.com

trong hai hoàn cảnh cực đoan của tháng 5 và tháng 11 cặp Tử Phủ sẽ ở tình trạng hoàn toàn phân ly, tức là ở hai cung xung chiếu nhau (xem hình 7), nên phản ảnh chính xác hoàn cảnh của địa cầu.



Hình 7: Hoàn cảnh cực đoan của tháng 11 ta (tiết đông chí) được diễn tả chính xác bằng tính xung chiếu của cặp sao Tử Vi và Thiên Phủ.

Tổng luận bốn sao Âm Dương Tử Phủ

(ý kiến riêng của người viết)

Tử Vi là sao quan trọng nhất của khoa tử vi nên thường được gọi là Đế tinh và được ví như ông vua trong triều đình. Khi đọc các bài phú tử vi mà thấy chữ "Đế" ta có thể tin chắc trên 90% là ám chỉ sao Tử Vi.

Thế nhưng vai trò của ba sao Phủ Âm Dương cũng không thể xem thường được.

Thiên Phủ không hoàn toàn nằm ngoài vòng ảnh hưởng của mặt trời như Tử Vi, nên dĩ nhiên không quan trọng bằng Tử Vi. Nhưng ta phải phối hợp nó với Tử Vi mới nhận ra sự biến đổi của hoàn cảnh của trái đất, bởi vậy Thiên Phủ được ví như một vị phó vương, một loại phó tổng thống, không quyền nhưng nếu thiếu nó thì Tử Vi cũng kém hẳn ý nghĩa đi. Do đó Thiên Phủ cũng được coi là một "đế tinh".

Hai sao Âm Dương phối hợp với nhau để bảo tồn hoàn cảnh khai sinh của vũ trụ bên ngoài thái dương hệ, vai trò này dĩ nhiên cũng hết sức quan trọng. Ta có thể ví hai sao này như hai lãnh chúa địa phương, tức trên một nghĩa nào

www.tuviglobal.com

đó cũng là hai đế tinh. Chỉ có điểm khác là không lý gì để phân cặp Âm Dương ra chính và phó như cặp Tử Phủ.

Hầu hết các sách tử vi Việt Nam chỉ coi Tử Phủ là đế tinh, Âm Dương thì không. Nhưng một vài sách tử vi thuộc Trung Châu phái[6] ở Hồng Kông xem Âm Dương cũng là đế tinh[7], mặc dù họ không giải thích được lý do tại sao, chỉ là trước bày nay làm.

Giờ hy vọng quý độc giả đã hiểu tại sao ta phải xem cả bốn sao Âm Dương Tử Phủ là đế tinh để phân biệt chúng với 10 sao còn lại. Cái lý hình thành 10 sao còn lại này sẽ được trình bày trong chương tới.

San Jose 5 tháng 9, 2003
Đằng Sơn

CHÚ THÍCH

1.) Sách "Dịch Kinh dữ Tử Vi đẩu số" (kinh Dịch và tử vi đẩu số), Tạ Phồn Trị, tự xuất bản, Cao Hùng, Đài Loan, 1995.

2.) Thái Âm Thái Dương gọi tắt là Âm Dương, và cũng gọi là cặp Nhật Nguyệt (Nhật là Dương, Nguyệt là Âm).

3.) Ông Tạ Phồn Trị cũng có giải thích cái lý hình thành của cặp sao Tử Phủ trong sách đã dẫn ở (1). Tiếc là lập luận của ông quá huyền hoặc nên người viết mạn phép không trình bày trong bài này.

4.) Đây chỉ là một lựa chọn của người sáng lập ra tử vi để đời sau dễ hiểu cái lý của khoa này hơn. Thực ra có thể an bài ngược lại mà bài toán vẫn không đổi. Nhưng nếu an bài ngược thì cách diễn giải cũng phải thay đổi khác đi, và sẽ phức tạp hơn. Khi phải chọn giữa một cách giải phức tạp và một cách giải đơn giản -vì quy tắc "dao cạo Occam" của triết lý khoa học- ta phải chọn cách giải đơn giản. Cho Tử Phủ đồng cung ở Dần là cách đơn giản nhất, vì thế được chọn.

www.tuviglobal.com

5.) Chi tiết hơn thì cả hai cung Dần Thân đều tránh khỏi ảnh hưởng của mặt trời, nhưng ở đây ta chỉ chú ý đến cung Dần vì cung này ứng với sự khai sinh.

6.) Theo chỗ hiểu biết của người viết, trước cuộc cách mạng Thái Tuế của cụ Thiên Lương, cách xem Tử Vi của người Việt chính là Trung Châu phái. Một đặc điểm của Trung Châu phái là coi rất trọng vai trò của hai sao Tuần và Triệt (trong khi nhiều phái khác thì không.)

7.) Để phân biệt Tử Vi được gọi là Bắc đế, Thiên Phủ là Nam Đế. Cặp Âm Dương được gọi là hai "trung thiên đế tinh"; Thái Dương thiên nam, Thái Âm thiên bắc. Tôi sẽ giải thích cái lý nằm sau những sự phân biệt này trong những bài sắp tới.

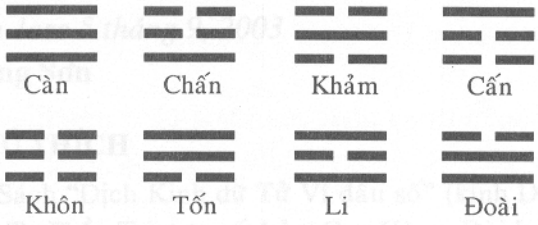
www.tuviglobal.com

Chương 11

MƯỜI BỐN CHÍNH TINH II
Nguồn gốc mười sao còn lại

Triết lý: Nền tảng đã thất truyền của bát quái

Muốn hiểu tử vi, không thể nào không biết một chút về bát quái. Bát quái là tám thực thể đại biểu của thuyết âm dương. Mỗi quái được tạo bởi ba vạch liền (dương) hoặc đứt (âm).



Hình 0: Bát Quái. Bốn quái nam trên, bốn quái nữ dưới.

Tôi xin thưa ngay là nền tảng của bát quái đã hoàn toàn bị thất truyền, nhưng nhờ một kỳ duyên tôi đã tái khám phá ra cái nền tảng thất truyền ấy. Tôi sẽ trình bày nền tảng của bát quái trong ba quyển sách chưa xuất bản "Mệnh lý hoàn toàn khoa học", "thuyết âm dương hoàn toàn khoa học", và "kinh Dịch hoàn toàn khoa học". Chỉ cần đọc một trong ba quyển này là độc giả có thể tự tin đã nắm vững cái nền tảng (đã thất truyền) của bát quái.

Tạm thời, yêu cầu độc giả đừng bận tâm gì đến những điều được viết về bát quái trong các sách âm dương hoặc dịch lý hiện hành, bởi hầu hết các sách này đều thiếu sót hoặc sai lầm trầm trọng. Và vì không đủ giấy mực để đi

www.tuviglobal.com

vào chi tiết, trong loạt bài này tôi yêu cầu độc giả cố nhớ những điều sau đây:

1.) Bát quái là tám thực thể hiện hữu của thuyết âm dương (cũng như ngũ hành Kim Mộc Thủy Hỏa Thổ là 5 thực thể hiện hữu của thuyết ngũ hành hoặc Đất Nước Gió Lửa là bốn thực thể hiện hữu của thuyết Tứ Nguyên.)

2.) Mỗi quái có ba tính chất. Mỗi tính chất hoặc âm hoặc dương.

3.) Tính chất thứ nhất là "căn tính", gồm có động (dương) và tĩnh (âm). Cách định căn tính rất giản dị. Cứ xem lần vạch dưới cùng. Vạch dưới cùng dương thì "động", vạch dưới cùng âm thì "tĩnh". Thí dụ: Li vạch dưới cùng dương nên "động", Khảm vạch dưới cùng âm nên tĩnh. Kết quả: Càn Chấn Li Đoài động, Khôn Tốn Khảm Cấn tĩnh.

4.) Tính chất thứ hai là "bản tính", gồm có nam tính (dương) và nữ tính (âm). Cách định bản tính cũng rất giản dị. Cứ xem vạch nào có tổng số lẻ thì căn tính theo vạch ấy. Thí dụ: Li có một vạch âm (đứt) hai vạch dương (liền), nghĩa là số vạch âm lẻ, do đó căn tính của Li là "nữ". Cùng lý, Khảm có một vạch dương, nghĩa là số vạch dương lẻ; do đó Khảm căn tính là "nam". Kết quả: Càn Khảm Cấn Chấn là "nam", Tốn Li Khôn Đòai là "nữ".

5.) Tính chất thứ ba là "năng tính", gồm có "trung" (dương) và "ngoại" (âm). Cách định năng tính cũng rất giản dị. Quái nào đối xứng qua trung tâm là "trung", bằng không đối xứng là ngoại. Thí dụ: Càn đối xứng qua trung tâm nên là quái "trung", Chấn không đối xứng nên là quái ngoại. Quái trung có nhiều uy lực hơn quái ngoại. Kết quả: Càn Khôn Li Khảm là quái trung, Chấn Tốn Cấn Đoài là quái ngoại.

www.tuviglobal.com

Tổng kết:

Càn: Nam trung động
Khôn: Nữ trung tĩnh
Khảm: Nam trung tĩnh
Li: Nữ trung động
Chấn: Nam ngoại động
Tốn: Nữ ngoại tĩnh
Cấn: Nam ngoại tĩnh
Đoài: Nữ ngoại động

Dĩ nhiên những kết quả này đã thất truyền nên chưa từng có sách nào nói tới. Các độc giả tinh ý sẽ nhận ra rằng "căn tính" thường bị nhận lầm là tiên thiên bát quái, "bản tính" bị nhận lầm là hậu thiên bát quái. Vì hai sự lầm lẫn này mà có vấn nạn "tiên hậu thiên bát quái" khiến kẻ hậu học nghiên cứu thuyết âm dương tưởng như lạc vào mê hồn trận.

Bàn về thuyết âm dương thế là tạm đủ cho nền tảng tử vi. Nay xin bàn tiếp đề tài đã bắt đầu từ chương trước: Nguồn gốc của 14 chính tinh.

Tại sao tử vi có 14 chính tinh?

Chương trước tôi đã bàn cái lý hình thành của 4 đế tinh Âm Dương Tử Phủ. Để tiếp tục, chương này tôi xin bàn cái lý hình thành của 10 chính tinh còn lại. Cần nói ngay rằng lý luận căn bản dẫn đến sự hình thành của 10 chính tinh còn lại này hoàn toàn là công lao của ông Tạ Phồn Trị[1], tôi chỉ làm công việc duy nhất là bớt phần huyền hoặc và tăng khoa học tính của những điều ông Trị trình bày trong quyển sách của ông.

Nhìn lại hoàn cảnh của tháng 2, ta thấy cặp Âm Dương ở thế tam hợp, Tử Phủ cùng cung cũng là thế tam hợp.

www.tuviglobal.com

Nghĩa là cặp Âm Dương hỗ trợ nhau, cặp Tử Phủ cũng hỗ trợ nhau. Đây là một sự an bài rất hợp lẽ âm dương vì tháng 2 ứng với tiết xuân phân khi bắc bán cầu ở trong cảnh thái hòa tươi đẹp.

Thái Âm (tháng 2)			
Tử Vi Thiên Phủ			Thái Dương (giờ Hợi)

Hình 1: Hoàn cảnh của 4 đế tinh vào tháng 2, thuộc tiết xuân phân, khi trái đất trong cảnh thái hòa.

Nhưng địa bàn còn 9 cung trống nên vẫn chưa diễn tả đủ cảnh thái hòa tươi đẹp của tháng 2. Từ đó suy ra phải đặt vào mỗi cung trống tối thiểu một sao để tạo sự quân bình; và vì thuyết âm dương đòi hỏi số chẵn, nên không thể chỉ thêm 9 sao (vào 9 cung trống) mà phải thêm 10 sao; cộng với 4 đế tinh thành 14 chính tinh.

Ta phải ngừng lại ngay đây để ngỏ lời thán phục ông Tạ Phồn Trị. Ai cũng biết tử vi có 14 chính tinh. Nhưng tại sao 14 mà không phải là một con số khác, chẳng hạn như 12, 16? Chỉ bằng lý luận âm dương đơn giản như trên, ông Trị đã giải quyết vấn nạn hết sức to lớn này một cách vô cùng thỏa đáng.

Vị trí hình thành của 14 chính tinh (theo ông Tạ Phồn Trị)

Đến đây tôi yêu cầu quý độc giả tạm chấp nhận một số kết quả của thuyết âm dương. Tôi sẽ luận chi tiết những kết quả này trong hai quyển "mệnh lý hoàn toàn khoa học" và "thuyết âm dương hoàn toàn khoa học":

-Thứ tự thuận lý của bát quái trên địa bàn là Càn Khảm Cấn Chấn Tốn Ly Khôn Đoài[2].

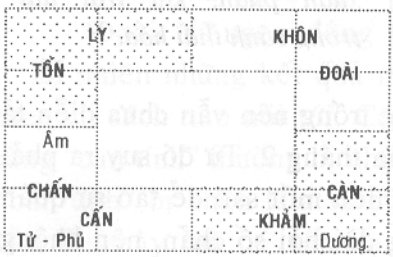
www.tuviglobal.com

-Ba cung Tuất Hợi Tý thuộc phạm vi của hai quái Càn (động) Khảm (tĩnh).

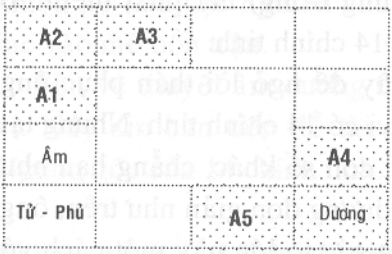
-Ba cung Sửu Dần Mão thuộc phạm vi của hai quái Cấn (tĩnh) Chấn (động).

-Ba cung Thìn Tỵ Ngọ thuộc phạm vi của hai quái Tốn (tĩnh) Ly (động).

-Ba cung Mùi Thân Dậu thuộc phạm vi của hai quái Khôn (tĩnh) Đoài (động).



Hình 2: Vị trí tương ứng của bát quái trên 12 cung địa bàn.



Hình 3: Vị trí của 5 chính tinh âm (A1 đến A5) trong hoàn cảnh của tháng 2.

Theo lý bát quái thì cặp xung chiếu Càn Tốn có tính chất trái ngược nhau vì Càn động Tốn tĩnh, cặp xung chiếu Khảm Ly cũng trái ngược vì Khảm tĩnh Ly động. Trong khi đó cặp xung chiếu Chấn Đoài tương hợp vì cùng động, cặp xung chiếu Khôn Cấn cũng tương hợp vì cùng tĩnh. Nhưng từ căn bản phương vị thì hai cặp Càn Khảm và Tốn Ly xung chiếu nên tạo thành một nhóm tương đương. Tương tự hai cặp Cấn Chấn và Khôn Đoài xung chiếu nên cũng tạo thành một nhóm tương đương.

Tổng hợp tất cả lại ta suy ra:

www.tuviglobal.com

1. Nhóm cung xung chiếu Tuất Hợi Tý và Thìn Tỵ Ngọ vì tương ứng với Càn Khảm và Tốn Ly nên là một nhóm, nhưng hàm chứa tính trái nghịch.
2. Nhóm cung xung chiếu Sửu Dần Mão và Mùi Thân Dậu vì tương ứng với Cấn Chấn và Khôn Đoài nên cũng là một nhóm, và hàm chứa tính tương đồng.

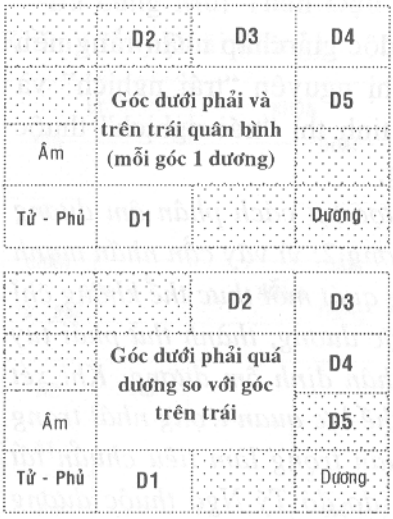
Tôi lại phải yêu cầu quý độc giả chấp nhận rằng nếu áp dụng lý âm dương vào nhị nguyên "trái nghịch" và "tương đồng" của các chính tinh thì "trái nghịch" thuộc âm, "tương đồng" thuộc dương.

(Chú ý: Lý này có vẻ ngược lại cách phân âm dương trên địa bàn đã bàn trong chương 2; vì vậy cần nhấn mạnh lại rằng trong trường hợp tổng quát mỗi thực thể không chỉ có đơn thuần một tính âm hoặc dương, thành thử phải tùy theo mục đích khảo sát mà phân định âm dương. Khi xét địa bàn, Tý Ngọ đại biểu hai thế lực quan trọng nhất trong vũ trụ là thủy và hỏa. Lấy quan trọng làm tiêu chuẩn tất "quan trọng" ứng với dương, do đó Tý Ngọ thuộc dương mặc dù hai cung này trái nghịch nhau. Mão Dậu ảnh hưởng kém hẳn Tý Ngọ nên thuộc âm mặc dù hai cung này có tính bình hòa. Khi xét chính tinh ta chú trọng đến cộng hưởng của chúng. Hai sao trái nghịch cộng hưởng ắt cực đoan, tương ứng với hiện tượng xấu. Hiện tượng xấu ứng với âm; do đó "trái nghịch" thuộc âm. Hai sao tương đồng cộng hưởng ắt nhẹ nhàng, tương ứng với hiện tượng tốt. Hiện tượng tốt ứng với dương, do đó "tương đồng" thuộc dương.)

Chính tinh dương phức tạp hơn. Vì 5 sao mà chỉ có 4 cung trống nên chắc chắn 1 sao phải mượn chỗ của nhóm âm. Chỉ có hai cách hợp lý: Cách thứ nhất là sao D2 mượn cung Ngọ của nhóm âm (hình 4 trên), cách thứ hai là sao

www.tuviglobal.com

D5 mượn cung Tuất của nhóm âm (hình 4 dưới). Nhưng từ tên ta đã có thể đoán Thái Dương là một sao dương. D5 mượn cung Tuất thì nhóm âm Tuất Hợi Tý có đến 2 sao dương, trong khi nhóm âm Thìn Tỵ Ngọ không có sao dương nào cả. Thế là thiếu quân bình. D2 mượn cung Ngọ thì mỗi nhóm có một sao dương, thế là quân bình.



Hình 4: Hai cách an bài 5 chính tinh dương (D1 đến D5) trong cảnh thái hòa của tháng 2 ta. Bằng lý âm dương phải chọn cách thứ nhất.

Khi phải lựa chọn giữa quân bình và thiếu quân bình, lý âm dương bảo ta quân bình mới đúng. Kết luận D2 mượn cung Ngọ là cách an bài đúng.

Mười chính tinh âm dương kể trên dĩ nhiên là sao tưởng tượng, không dính líu gì đến những vì sao có thật trên bầu trời. Thế nhưng có lẽ để hậu thế dễ hình dung, ông tổ tử vi đã mượn 10 vì sao có thật trên trời để đặt cho các sao này. Phương pháp của ông là lấy 5 sao trong nhóm bắc đẩu thất tinh làm 5 sao âm và 5 sao trong nhóm nam đẩu lục tinh làm 5 sao dương.

Nhóm bắc đẩu thất tinh có 7 sao, tạm bỏ ra hai sao Lộc Tồn và Văn Khúc (sẽ mượn tên sau này) thì còn lại 5 sao

www.tuviglobal.com

theo thứ tự là Tham Lang, Cự Môn, Liêm Trinh, Vũ Khúc, Phá Quân. Do đó theo thứ tự của hình 3:

Tham Lang là sao A1, cư Thìn

Cự Môn là sao A2, cư Tỵ

Liêm Trinh là sao A3, cư Ngọ

Vũ Khúc là sao A4, cư Tuất

Phá Quân là sao A5, cư Tý

<table>
<tr><td>Tỵ
CỰ MÔN (bắc)</td><td>Ngọ
LIÊM TRINH (bắc)
THIÊN TƯỚNG (nam)</td><td>Mùi
THIÊN LƯƠNG (nam)</td><td>Thân
THẤT SÁT (nam)</td></tr>
<tr><td>Thìn
THAM LANG (bắc)</td><td colspan="2" rowspan="2"></td><td>Dậu
THIÊN ĐỒNG (nam)</td></tr>
<tr><td>Mão
THÁI ÂM (đế)</td><td>Tuất
VŨ KHÚC (bắc)</td></tr>
<tr><td>Dần
TỬ VI (đế)
THIÊN PHỦ (đế)</td><td>Sửu
THIÊN CƠ (nam)</td><td>Tí
PHÁ QUÂN (bắc)</td><td>Hợi
THÁI DƯƠNG (đế)</td></tr>
</table>

Hình 5: Vị trí hình thành của 14 chính tinh (ứng với tháng 2, cảnh thái hòa)

Nhóm nam đẩu lục tinh có 6 sao, tạm bỏ ra Văn Xương (sẽ mượn tên sau này) thì còn lại 5 sao theo thứ tự là Thiên Cơ, Thiên Tướng, Thiên Lương, Thiên Đồng, Thất Sát. Nếu xếp theo thứ tự từ D1 đến D5 thì Thiên Đồng đi trước Thất Sát, nhưng sau này ta sẽ thấy rằng sao D4 luôn luôn ở vị trí thứ 7 tính từ Thiên Phủ; vì Thất Sát có chữ "thất" là số 7, để dễ nhớ khoa tử vi đảo lộn vị trí của hai sao Thiên Đồng và Thất Sát. Kết quả là:

Thiên Cơ là sao D1, cư Sửu

Thiên Tướng là sao D2, cư Ngọ

www.tuviglobal.com

Thiên Lương là sao D3, cư Mùi
Thất Sát là sao D4, cư Thân
Thiên Đồng là sao D5, cư Dậu.
Ta có kết quả sau cùng như hình 5.

Như tôi đã nhấn mạnh trong bài trước, cái lý nằm sau 14 chính tinh đã là một bí mật từ khi khoa tử vi ra đời. Không hiểu 14 chính tinh từ đâu ra thì không thể nào khoa học hóa nền tảng của khoa tử vi. Vì thế công lao của ông Tạ Phồn Trị, người tái khám phá ra cái lý của 14 chính tinh, thật hết sức to lớn.

Phân định hai chùm sao Tử Vi và Thiên Phủ
(ý kiến của người viết)

Ta đã biết Tử Vi vận hành cùng chiều với Thái Dương, Thiên Phủ cùng chiều với Thái Âm. Mười sao còn lại cũng phải thuộc một trong hai nhóm. Vì tính chất quan trọng của cặp Tử Phủ, ta nói mười 14 chính tinh được phân làm hai chùm sao: Chùm Tử Vi gồm các sao vận hành cùng chiều với Tử Vi, chùm Thiên Phủ gồm các sao vận hành cùng chiều với Thiên Phủ[3].

Để định sao nào thuộc chùm nào, ta lý luận rằng hoàn cảnh của tháng 5 (cực đoan) phải nghịch lại hoàn cảnh của tháng 2 (bình hòa). Tháng 2 bình hòa nên 14 sao ở thế quân bình nhất, tức là mọi cung đều có sao. Tháng 5 cực đoan nên 14 sao phải ở thế bất quân bình nhất; tức là số cung trống cũng như số cung có hai sao đều đạt mức tối đa.

Vì các sao cùng cung trong tháng 2 phải xung chiếu trong tháng 5, và ngược lại, từ hình 5 ta có ngay các kết quả sau cho hoàn cảnh tháng 5:

www.tuviglobal.com

-Thiên Đồng cùng cung Thái Âm vì hai sao này xung chiếu nhau trong tháng 2.

-Cự Môn cùng cung Thái Dương.

-Tham Lang cùng cung Vũ Khúc.

-Thất Sát cùng cung với Tử Vi hoặc Thiên Phủ.

-Thiên Lương cùng cung Thiên Cơ.

-Liêm Trinh xung chiếu Thiên Tướng vì hai sao này cùng cung trong tháng 2.

Từ những dữ kiện này, lý âm dương giúp ta suy luận ra các kết quả sau đây:

Thiên Đồng muốn cùng cung với Thái Âm thì phải chuyển ngược chiều Thái Âm. Suy ra Thiên Đồng thuộc nhóm Tử Vi (cùng chiều Thái Dương).

Cự Môn muốn cùng cung Thái Dương thì phải chuyển ngược chiều Thái Dương, suy ra Cự Môn thuộc nhóm Thiên Phủ (cùng chiều Thái Âm).

Tham Lang chỉ có thể cùng cung Vũ Khúc ở Sửu hoặc Mùi. Nếu ở Sửu hóa ra cung Mùi lạc lõng (cung trống giữa hai cung có hai sao). Do đó Tham Vũ phải đồng cung ở Mùi. Muốn vậy Tham Lang phải vận chuyển cùng chiều với Thiên Phủ, Vũ Khúc cùng chiều Tử Vi. Suy ra Tham Lang thuộc nhóm Thiên Phủ, Vũ Khúc nhóm Tử Vi.

Thiên Tướng là sao dương mượn cung nhóm âm dĩ nhiên phải chiều theo sự an bài của sao cùng cung với nó trong tháng 2 là Liêm Trinh và xung chiếu với nó trong tháng 2 là Phá Quân. Liêm Trinh phát sinh ở Ngọ thuần hỏa nên thích hợp với Thái Dương, trong khi Phá Quân ở Tý thuần thủy thích hợp với Thái Âm. Do đó suy ra Liêm Trinh thuộc nhóm Tử Vi (vận chuyển theo chiều Thái Dương), Phá Quân thuộc nhóm Thiên Phủ (vận chuyển theo Thái Âm). Thiên Tướng phải xung chiếu Liêm Trinh

www.tuviglobal.com

trong tháng 5, muốn thế nó phải phải cùng nhóm với Phá Quân, tức là cũng thuộc nhóm Thiên Phủ.

Ta có hoàn cảnh tạm thời như hình 6:

Chỉ còn lại 3 sao chưa rõ chùm là Thiên Cơ, Thiên Lương, và Thất Sát. Chú ý rằng cả ba sao này đều là nam đẩu. Nhìn hình 7 ta thấy chùm Thiên Phủ có ba bắc đẩu là Tham Lang, Cự Môn, Phá Quân và một nam đẩu là Thiên Tướng. Đòi hỏi âm dương bắt nam bắc phải quân bình, mà muốn quân bình thì phải thêm hai nam đẩu nữa. Hai nam đẩu Cơ Lương phải cùng cung trong tháng 5, nên chỉ một sao có thể thuộc chùm Thiên Phủ. Muốn có đủ hai nam đẩu thì Thất Sát phải thuộc chùm Thiên Phủ. Nghĩa là Thất Sát cùng cung với Tử Vi trong tháng 5.

<table>
<tr><td>Tỵ
THIÊN PHỦ (đế)</td><td>Ngọ
THIÊN ĐỒNG (nam)
THÁI ÂM (đế)</td><td>Mùi
VŨ KHÚC (bắc)
THAM LANG (bắc)</td><td>Thân
THÁI DƯƠNG (đế)
CỰ MÔN (bắc)</td></tr>
<tr><td>Thìn</td><td rowspan="2" colspan="2"></td><td>Dậu
THIÊN TƯỚNG (nam)</td></tr>
<tr><td>Mão
LIÊM TRINH (bắc)
PHÁ QUÂN (bắc)</td><td>Tuất</td></tr>
<tr><td>Dần</td><td>Sửu</td><td>Tí</td><td>Hợi
TỬ VI (đế)</td></tr>
</table>

Hình 6: Hoàn cảnh tháng 5 (chưa kể ba sao Thiên Cơ, Thiên Lương, Thất Sát)

Hai sao Cơ Lương (cùng là nam đẩu) chỉ có thể cùng cung ở Thìn hoặc Tuất. Nếu Cơ Lương ở Thìn thì tam hợp với Cự Môn là bắc đẩu, ở Tuất thì tam hợp với Thiên Đồng là nam đẩu. Trong hoàn cảnh cực đoan của tháng 5,

www.tuviglobal.com

độ bất quân bình phải cực đại, như có thể thấy qua bốn bắc đẩu ở thế tam hợp là Liêm Phá (ở Mão) và Vũ Tham (ở Mùi). Từ đó suy ra Cơ Lương phải cùng cung ở Tuất để tam hợp với nam đẩu Thiên Đồng (để cho độ bất quân bình cực đại). Mà Cơ Lương muốn cùng cung ở Tuất thì Cơ phải thuộc chùm Tử Vi, Lương phải thuộc chùm Thiên Phủ.

Hoàn cảnh sau cùng được ghi trong hình 7.

<table>
<tr><td>Tỵ

THIÊN PHỦ (đế)</td><td>Ngọ
THIÊN ĐỒNG (nam)

THÁI ÂM (đế)</td><td>Mùi
VŨ KHÚC (bắc)

THAM LANG (bắc)</td><td>Thân
THÁI DƯƠNG (đế)

CỰ MÔN (bắc)</td></tr>
<tr><td>Thìn</td><td colspan="2" rowspan="2">Trục
tương đương</td><td>Dậu

THIÊN TƯỚNG (nam)</td></tr>
<tr><td>Mão
LIÊM TRINH (bắc)

PHÁ QUÂN (bắc)</td><td>Tuất
THIÊN CƠ (nam)

THIÊN LƯƠNG (nam)</td></tr>
<tr><td>Dần</td><td>Sửu</td><td>Tí</td><td>Hợi
TỬ VI (đế)

THẤT SÁT (nam)</td></tr>
</table>

Hình 7: Vị trí 14 chính tinh trong hoàn cảnh tháng 5 (bất quân bình tối đa). Chùm Tử Vi ở hàng trên, chùm Thiên Phủ ở hàng dưới.

Tóm lược lại, bằng lý âm dương ta suy ra tử vi phải có đúng 14 chính tinh, phân thành hai chùm sao:

Chùm Tử Vi: Gồm Tử Vi (đế tinh), Thiên Cơ (nam đẩu), Thái Dương (đế tinh), Vũ Khúc (bắc đẩu), Thiên Đồng (nam đẩu), Liêm Trinh (bắc đẩu). Tổng cộng 6 sao, gồm hai đế tinh, hai bắc đẩu, hai nam đẩu.

Chùm Thiên Phủ: Gồm Thiên Phủ (đế tinh), Thái Âm (đế tinh), Tham Lang (bắc đẩu), Cự Môn (Bắc Đẩu),

www.tuviglobal.com

Thiên Tướng (nam đẩu), Thiên Lương (nam đẩu), Thất Sát (nam đẩu), Phá Quân (bắc đẩu. Tổng cộng 8 sao, gồm hai đế tinh, ba bắc đẩu, ba nam đẩu.

Tính nam bắc của 4 đế tinh

Như đã nhấn mạnh từ bài trước, làng tử vi Việt Nam (nói rõ hơn là đa số các Tử Vi gia Việt Nam) chỉ coi Tử Phủ là đế tinh, nhưng từ lý hình thành thì Âm Dương cũng phải được coi là đế tinh. Đã coi bắc đẩu là âm, nam đẩu là dương thì muốn hoàn thành bài toán âm dương ta phải định tính nam bắc cho 4 đế tinh nữa.

Bốn đế tinh được chia đều cho hai chùm sao. Chùm Tử Vi gồm Tử Vi và Thái Dương, chùm Thiên Phủ gồm Thiên Phủ và Thái Âm.

Xét tính nam bắc thì phải coi Thái Dương thuộc nam vì Thái Dương ứng với mặt trời, mà phương nam ứng với xích đạo là nơi thịnh của mặt trời.

Thái Âm vì đi đôi với Thái Dương nên phải thuộc bắc.

Thái Dương và Tử Vi cùng thuộc chùm sao Tử Vi, vì Thái Dương đã thuộc nam, để âm dương quân bình Tử Vi phải thuộc bắc. Tương tự, vì Thái Âm thuộc chùm Thiên Phủ và thuộc bắc, để âm dương quân bình Thiên Phủ phải thuộc nam.

Kiểm soát lại:

Bắc (7 sao): Tử Vi, Thái Âm, Tham Lang, Cự Môn, Liêm Trinh, Vũ Khúc, Phá Quân

Nam (7 sao): Thiên Phủ, Thái dương, Thiên Cơ, Thiên Tướng, Thiên Lương, Thất Sát, Thiên Đồng.

Riêng các đế tinh, để rõ ràng hơn ta có thể định như sau:

Tử Vi là nam bắc đế tinh (cai quản cả bầu trời), thiên bắc

www.tuviglobal.com

Thiên Phủ là nam bắc đế tinh, thiên nam.

Thái Âm là trung thiên đế tinh (cai quản một phần trời), thiên bắc

Thái Dương là trung thiên đế tinh, thiên nam.

Cách phân định như trên cho cặp Tử Phủ khá quen thuộc với làng tử vi Việt Nam. Cách phân định như trên cho cặp Âm Dương chỉ thấy trong một số sách thuộc Trung Châu phái ở Hồng Kông và Đài Loan. Tuy nhiên, một vài sách Tử Vi Việt Nam có nhắc thoáng qua rằng Âm là âm trung thiên chủ tinh, Dương là dương trung thiên chủ tinh; nên theo thiển ý ở một thời điểm nào đó trong quá khứ Âm Dương đã được tối thiểu một vài phái Tử Vi Việt Nam coi là đế tinh.

Đặc tính của 14 chính tinh

Sau khi đã định vị và luật chuyển biến của 14 chính tinh rồi, câu hỏi kế tiếp là những đặc tính của các sao này do đâu mà có. Rõ ràng hơn, vì đâu dám nói Tham Lang có tính đào hoa, Thiên Lương có tính thày đời, Thiên Đồng có tính hay thay đổi, Tử Vi ứng với uy quyền, Thiên Phủ như kho tài sản, Thái Âm ứng với điền sản v.v... như các sách Tử Vi đã ghi chép lại?

Độc giả sẽ thấy rằng **những đặc tính của 14 chính tinh là kết quả tích lũy của một bài toán tiệm tiến. Mỗi lần giải một phần của bài toán Tử Vi ta lại suy ra một vài đặc tính, khi giải xong toàn thể bài toán mới suy ra hết những đặc tính của 14 chính tinh.**

Cho tới hiện tại đại khái ta đã biết những đặc tính sau:

-Tử Phủ Âm Dương đều là đế tinh, có nghĩa 4 sao này đều ứng với vai trò thủ lĩnh. Từ đó ta suy ra một điều tiên quyết: Rằng nếu mệnh hoặc thân có các sao này cư trong

www.tuviglobal.com

cung thì chủ quan tính cao, dù bên ngoài có hòa nhã bao nhiêu thì bản chất vẫn là "hòa nhi bất đồng", ít chịu nghe theo quan điểm của người khác.

-Tử Vi là đế tinh quyền uy nhất, vì là sao duy nhất luôn luôn nằm ngoài vòng ảnh hưởng của mặt trời (tức lực lượng có ảnh hưởng lớn nhất trong thái dương hệ). Dùng tượng thời xưa ta có thể ví Tử Vi như hoàng đế, nắm hết quyền uy của chính phủ trung ương.

-Thiên Phủ phải phối hợp chặt chẽ với Tử Vi để phản ảnh tính tuần hoàn của bốn mùa trên mặt đất. Vì Tử Vi đã chiếm mất vị trí quyền uy nhất, Thiên Phủ phải phối hợp chặt chẽ với Tử Vi thì còn quyền uy gì nữa? Thế nên tính "đế" của Thiên Phủ nghĩa là "vua bù nhìn". Nhưng vua bù nhìn của trung ương vẫn là vị trí cao quý, không có thực quyền nhưng vẫn được các lãnh chúa địa phương nể mặt.

-Thái Dương luôn luôn phản ảnh liên hệ giữa trái đất với mặt trời, nên đại biểu ảnh hưởng dương (dễ thấy) của vũ trụ trên mặt đất. Tính "đế" của Thái Dương vì vậy có thể ví như quyền uy của một lãnh chúa địa phương. "Dương" có nghĩa hiển hiện ra ngoài nên Thái Dương bình thường chủ "quý", ứng với công danh, là sao phù hợp cho người muốn làm chính trị.

-Thái Âm luôn luôn phản ảnh liên hệ giữa trái đất và phần vũ trụ ngoài thái dương hệ, nên đại biểu ảnh hưởng âm (khó thấy) của vũ trụ trên mặt đất. Tính "đế" của Thái Âm cũng có thể ví như quyền uy của một lãnh chúa địa phương. "Âm" có nghĩa tàng ẩn bên trong nên Thái Âm bình thường chủ "phú", ứng với tài sản, là sao phù hợp cho người muốn làm thương mại.

-Thiên Tướng là sao mượn chỗ (phát sinh cùng chỗ với Liêm Trinh) nên chỉ có bề ngoài mà thiếu thực chất. Nói theo danh từ nhà phật thì mọi thể hiện của Thiên Tướng

www.tuviglobal.com

đều chỉ là "giả tướng"; nên ứng với sự tu hành trong một số hoàn cảnh.

-Thất Sát không đến nỗi phải mượn chỗ như Thiên Tướng, nhưng là thường tinh mà vĩnh viễn xung chiếu đế tinh Thiên Phủ thì làm sao thoát khỏi ảnh hưởng của chính phủ trung ương?

Những đặc tính trên đây hoàn toàn phù hợp với các sách tử vi truyền thống, nhưng còn thiếu sót rất nhiều. Ta sẽ từ từ bổ sung thêm cho đầy đủ trong các bài tới.

San Jose 12 tháng 9, 2003
Đằng Sơn

CHÚ THÍCH

1.) Sách "dịch kinh dữ tử vi đẩu số" (kinh Dịch và Tử Vi đẩu số), Tạ Phồn Trị, tự xuất bản, Cao Hùng, Đài Loan, 1995.

2.) Thứ tự này thường được gọi là thứ tự hậu thiên của bát quái, nhưng cái tên "hậu thiên bát quái" rất dễ gây hiểu lầm. Tôi sẽ giải thích tại sao có "thứ tự hậu thiên bát quái" trong rất nhiều quyển sách khác. Độc giả chỉ cần biết đây là thứ tự đúng của bát quái trên địa bàn.

3.) Ta cũng có thể gọi hai chùm sao là chùm Thái Dương và chùm Thái Âm, nhưng làng Tử Vi xưa nay đã có thói quen gọi hai chùm này là chùm Tử Vi và chùm Thiên Phủ vì cặp Tử Phủ quan trọng hơn cặp Âm Dương. Để tôn trọng truyền thống, ta sẽ tiếp tục gọi hai chùm này là chùm Tử Vi và chùm Thiên Phủ.

www.tuviglobal.com

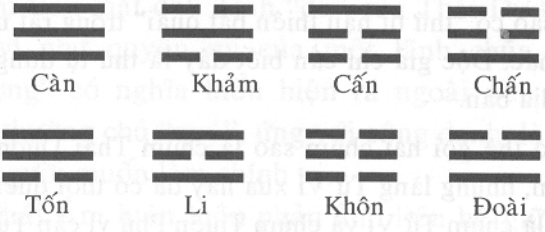
Chương 12

MƯỜI BỐN CHÍNH TINH III
Tính ngũ hành của 14 chính tinh

Triết lý: Tính ngũ hành của bát quái

Như đã trình bày trong chương 1, âm dương là lý thuyết hoàn chỉnh nhất để giải bài toán số mệnh. Thế nhưng việc áp dụng thuyết âm dương đôi khi rất phức tạp, thành thử phải dùng phép tính gần đúng để giản dị hóa vấn đề. Ngũ hành là một phép tính gần đúng của thuyết âm dương nên mặc dù khoa tử vi đặt căn bản trên âm dương, ta vẫn thấy bóng dáng rất đậm của ngũ hành.

Từ căn bản (gần đúng) của thuyết ngũ hành mà xét thì, vì vạn sự đều phải mang tính ngũ hành, bát quái dĩ nhiên cũng thế.



Hình 0: Bát Quái. Bốn quái nam trên, bốn quái nữ dưới. (theo thứ tự trên địa bàn)

Để định tính ngũ hành của bát quái, ta có bốn nhận xét sơ khởi:

Ngọ thuộc hỏa, trong phạm vi quái Li, nên Li thuộc hỏa.

Tý thuộc thủy, trong phạm vi quái Khảm, nên Khảm thuộc thủy.

www.tuviglobal.com

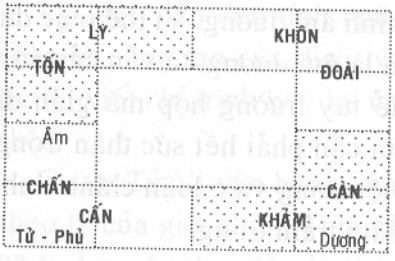
Mão thuộc mộc, trong phạm vi quái Chấn, nên Chấn thuộc mộc.

Dậu thuộc kim, trong phạm vi quái Đoài, nên Đoài thuộc kim.

Còn lại bốn quái là Cấn Khôn và Càn Đoài.

Nhận xét rằng ngũ hành có 5, mà bát quái có 8, nên không thể nào phân phối ngũ hành đồng đều cho 8 quái được. Cách phân phối cân đối nhất là cho hai hành chỉ có một quái (2 x1=2) và ba hành còn lại mỗi hành hai quái (3x2=6).

Nhưng hai hành chỉ có một quái là hai hành nào? Xin thưa phải là hỏa và thủy vì hỏa và thủy là hai hành có vị trí tương ứng rõ rệt trên địa bàn (hỏa ứng với xích đạo thuộc chính nam tức cung Ngọ, thủy ứng với bắc cực thuộc chính bắc tức cung Tý). Bởi vậy Li là quái duy nhất thuộc Hỏa, Khảm là quái duy nhất thuộc thủy.



Hình 2: Vị trí tương ứng của bát quái trên 12 cung địa bàn.

Ta đã biết Đoài thuộc kim, nay cần tìm thêm một quái thuộc kim nữa. Vì lý liên tục, quái này chỉ có thể là Khôn hoặc Càn (xem hình 2). Nhưng kim mang tính nhọn sắc sát phạt không hợp với Khôn vốn có tượng mẹ, tiềm tàng nhu thuận. Hiển nhiên kim hợp hơn với Càn vốn có tượng cha, hiển hiện quyết liệt. Kết luận Càn thuộc kim.

Đoài Càn đối xứng Chấn Tốn qua trung tâm địa bàn. Đoài Càn đã cùng mang một hành, thì muốn cân xứng

www.tuviglobal.com

Chấn Tốn cũng phải cùng hành. Vì Chấn thuộc mộc, suy ra Tốn thuộc mộc.

Chỉ còn lại hành thổ và hai quái Khôn Cấn. Suy ra Khôn Cấn cùng thuộc thổ.

Tóm lại, bát quái có tính ngũ hành như sau:

Kim: Càn và Đoài

Mộc: Chấn và Tốn

Thủy: Khảm

Hỏa: Li

Thổ: Khôn và Cấn

Vì những kết quả này sẽ được sử dụng để luận tính ngũ hành của 14 chính tinh, yêu cầu các độc giả đặc biệt chú ý và nếu có thể được nên cố học thuộc lòng.

Vai trò của ngũ hành trong việc luận chính tinh

Ngũ hành chỉ là một phép tính gần đúng nhưng nó có ưu điểm là giản dị hơn phép tính âm dương. Vì thế mặc dù cái lý chính của 14 chính tinh là âm dương, ta vẫn cần suy ra lý ngũ hành của chúng để tùy trường hợp mà giản dị hóa bài toán tử vi. Dĩ nhiên ta cần phải hết sức thận trọng khi áp dụng ngũ hành, đặc biệt trong việc luận chính tinh, bằng không rất dễ phạm sai lầm trầm trọng.

Chiều vận hành của tháng và giờ

Như đã luận từ một bài trước, trên địa bàn chiều "thuận lý" không gì khác hơn là chiều thời gian. "Thuận" hiển nhiên là dương, "nghịch" là âm; nhưng khi xét tháng và giờ riêng rẽ nhau thì không có lý do gì để nói tháng âm giờ dương hoặc ngược lại; do đó –khi xét riêng rẽ- cả tháng lẫn giờ đều phải chuyển theo chiều thuận.

www.tuviglobal.com

Từ chương 10, ta biết biểu tượng phối hợp của giờ là Thái Dương, của tháng là Thái Âm và hai sao này vận chuyển ngược chiều nhau. Từ chương 11 ta đã biết muốn giữ hoàn cảnh của vũ trụ y như lúc khai sinh thì nếu tháng tăng giờ phải giảm, giờ tăng tháng phải giảm. Đây là lý "nguyệt thời nghịch chuyển", tức tháng và giờ phải đồng thời vận hành nghịch chiều nhau để bảo trì hoàn cảnh của vũ trụ.

Nhắc lại, "thuận lý" có nghĩa là đi thuận chiều thời gian. Tăng tháng giảm giờ là đi thuận chiều thời gian, nhưng giảm tháng tăng giờ là ngược chiều thời gian. Do đó, khi phối hợp tháng và giờ với nhau thì "thuận lý" trong Tử Vi nghĩa là tháng thuận giờ nghịch.

Lý ngũ hành của chùm sao Tử Vi
(theo ông Tạ Phồn Trị)

Lý luận dẫn đến tính ngũ hành của chùm Tử Vi hoàn toàn là công lao của dịch lý gia Đài Loan Tạ Phồn Trị[1], người viết chỉ trình bày lại cho lớp lang, hệ thống hơn mà thôi.

Chùm Tử Vi vận hành cùng chiều với Thái Dương nên theo lý của giờ, chùm Thiên Phủ vận hành cùng chiều với Thái Âm nên theo lý của tháng. Nhưng hai chùm sao này không thể tách rời nhau được, do đó ta phải áp dụng lý đồng thời của tháng và giờ, tức là "tháng thuận giờ nghịch".

Chùm Tử Vi theo lý giờ nên vận hành nghịch mặc dù bản chất dương. Nhưng "bản chất dương" nghĩa là lý ngũ hành của nó (chùm Tử Vi) phải tương ứng với vận hành thuận lý trên địa bàn của bốn quái dương, tức Càn Khảm Cấn Chấn.

www.tuviglobal.com

Vì Càn thuộc kim, Khảm thủy, Cấn thổ, Chấn mộc nên nếu ta định được bốn sao ứng với Càn Khảm Cấn Chấn thì định được ngay tính ngũ hành của bốn sao đó. Nhưng vì chùm Tử Vi có 6 sao, trước hết ta phải loại ra hai sao đã có sẵn tính ngũ hành. Rất may hai sao Thái Dương và Liêm Trinh thỏa điều kiện này.

<table>
<tr><td>Tỵ</td><td>Ngọ
LIÊM TRINH
(Hỏa)</td><td>Mùi</td><td>Thân</td></tr>
<tr><td>Thìn</td><td colspan="2" rowspan="2"></td><td>Dậu
THIÊN ĐỒNG
Khảm (Thủy)</td></tr>
<tr><td>Mão</td><td>Tuất
VŨ KHÚC
Càn (Kim)</td></tr>
<tr><td>Dần
TỬ VI
Cấn (Thổ)</td><td>Sửu
THIÊN CƠ
Chấn (Mộc)</td><td>Tí</td><td>Hợi
THÁI DƯƠNG
(Hỏa)</td></tr>
</table>

Hình 3: Theo lý "giờ nghịch", Vũ Khúc, Thiên Đồng, Tử Vi, Thiên Cơ ứng với bốn quái Càn, Khảm, Cấn, Chấn nên mang các hành kim, thủy, thổ, mộc.

Thái Dương: Đại biểu phương của mặt trời, hiển nhiên thuộc hỏa.

Liêm Trinh: Như trong chương 11, ta biết Liêm Trinh được đặt vào chung nhóm với Thái Dương vì nó phát xuất ở Ngọ, là chính vị của quái Li, nên ngay từ cách phân nhóm ta biết Liêm Trinh phải ứng với quái Li, tượng hỏa. Tóm lại Liêm Trinh thuộc hỏa.

Còn lại bốn sao: Thiên Cơ, Tử Vi, Thiên Đồng, Vũ Khúc. Như đã bàn trong chương 11, Thiên Cơ là sao đầu tiên khi an nhóm nam đẩu theo chiều thuận, nên theo lý

www.tuviglobal.com

"giờ nghịch" phải là sao cuối cùng khi ta vận hành nghịch chiều. Tóm lại thứ tự "giờ nghịch" là Vũ Khúc, Thiên Đồng, Tử Vi, Thiên Cơ (xem hình 3). Từ đó suy ra:

Vũ Khúc mang hành của Càn nên thuộc kim.

Thiên Đồng mang hành của Khảm nên thuộc thủy.

Tử Vi mang hành của Cấn nên thuộc thổ.

Thiên Cơ mang hành của Chấn nên thuộc mộc.

Đây chỉ mới là kết luận sơ khởi. Vì ngũ hành là một phép tính gần đúng nên ta sẽ kiểm nghiệm lại và sửa chữa nếu cần thiết.

Lý ngũ hành của chùm sao Thiên Phủ

(theo ông Tạ Phồn Trị với sự bổ khuyết của người viết)

Lý luận tương tự trường hợp chùm sao Tử Vi, ta phải định bốn sao ứng với Tốn Li Khôn Đoài và cho bốn sao này ứng với mộc (hành của Tốn), hỏa (hành của Li), thổ (hành của Khôn), kim (hành của Đoài). Vì chùm Thiên Phủ có 8 sao, trước hết ta phải định tính ngũ hành của bốn sao bằng những cách khác.

Thiên Phủ phát xuất cùng cung với đế tinh Tử Vi, lại mang thân phận là phó vương của Tử Vi, nên cũng mang hành thổ như Tử Vi.

Thái Âm là phản đề âm dương của Thái Dương. Vì Thái Dương thuộc hỏa, Thái Âm phải thuộc thủy.

Phá Quân được chọn vào cùng chùm sao với Thái Âm vì nó phát xuất ở Tý là chính vị của quái Khảm thuộc thủy; nên Phá Quân thuộc thủy.

Thiên Tướng phát xuất cùng vị trí với Liêm Trinh (hỏa), nhưng lại trong chùm Thiên Phủ nên vĩnh viễn xung chiếu Phá Quân, hợp lý nhất là mượn hành thủy của Phá Quân, ví như kẻ dùng lý "thủy thắng hỏa" để lấn đất của Liêm Trinh.

www.tuviglobal.com

Còn lại bốn sao theo chiều thuận là Tham Lang, Cự Môn, Thiên Lương, Thất Sát. Vì chùm Thiên Phủ theo lý "tháng thuận" nên đây cũng chính là thứ tự phân phối bốn hành của các quái Tốn Ly Khôn Đoài (xem hình 4). Từ đó suy ra:

<table>
<tr><td>Tỵ
CỰ MÔN
Li (Hỏa)</td><td>Ngọ
THIÊN TƯỚNG
(Thủy)</td><td>Mùi
THIÊN LƯƠNG
Khôn (Thổ)</td><td>Thân
THẤT SÁT
Đoài (Kim)</td></tr>
<tr><td>Thìn
THAM LANG
Tốn (Mộc)</td><td colspan="2" rowspan="2"></td><td>Dậu</td></tr>
<tr><td>Mão
THÁI ÂM
(Thủy)</td><td>Tuất</td></tr>
<tr><td>Dần
THIÊN PHỦ
(Thổ)</td><td>Sửu</td><td>Tí
PHÁ QUÂN
(Thủy)</td><td>Hợi</td></tr>
</table>

Hình 4: Theo lý "tháng thuận", Tham Lang, Cự Môn, Thiên Lương, Thất Sát ứng với bốn quái Tốn Li Khôn Đoài nên mang các hành mộc hỏa thổ kim.

Tham Lang mang hành của Tốn nên thuộc mộc.

Cự Môn mang hành của Li nên thuộc hỏa.

Thiên Lương mang hành của Khôn nên thuộc thổ.

Thất Sát mang hành của Đoài nên thuộc kim.

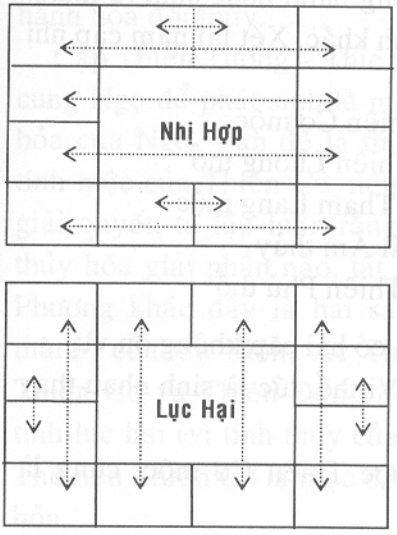
Đây cũng chỉ mới là kết luận sơ khởi. Vì ngũ hành là một phép tính gần đúng nên ta cần kiểm nghiệm lại và sửa chữa nếu cần thiết.

www.tuviglobal.com

Kiểm nghiệm lại lý ngũ hành của 14 chính tinh
(ý kiến của người viết)

Ta đã sử dụng một phần thuyết âm dương để suy ra tính ngũ hành sơ khởi của 14 chính tinh. Để kiểm nghiệm lại kết quả, ta cũng sẽ lại sử dụng thuyết âm dương.

Vì 6 cung dưới của địa bàn (tức Tuất Hợi Tý Sửu Dần Mão) ứng với 4 quái dương Càn Khảm Cấn Chấn, trong khi 6 cung trên (tức Thìn Tỵ Ngọ Mùi Thân Dậu) ứng với 4 quái âm Tốn Li Khôn Đoài, lý âm dương của bát quái dẫn đến hai tính chất: Nhị hợp và lục hại. Nhị hợp giúp đỡ nhau, lục hại làm hại nhau. Hai tính chất này rất dễ nhớ: Hai cung đối xứng ngang nhị hợp, hai cung đối xứng dọc lục hại. Kết quả:



Hình 4: Các cung nhị hợp (trên) và lục hại (dưới) trên 12 cung địa bàn

Nhị hợp: Gồm 6 cặp ngang là Tý Sửu, Dần Hợi, Mão Tuất, Thìn Dậu, Tỵ Thân, Ngọ Mùi.

Lục hại: Gồm 6 cặp dọc là Tuất Dậu, Hợi Thân, Tý Mùi, Sửu Ngọ, Dần Tỵ, Mão Thìn.

www.tuviglobal.com

Khi kiểm soát lại 14 chính tinh, ta khám phá là bất chấp vị trí ở đâu, năm cặp sao sau đây luôn luôn ở thế nhị hợp:

Phá Quân (thủy) - Thiên Cơ (mộc)
Liêm Trinh (hỏa) - Thiên Lương (thổ)
Tham Lang (mộc) - Thiên Đồng (thủy)
Thái Âm (thủy) - Vũ Khúc (kim)
Thái Dương (hỏa) – Thiên Phủ (thổ)

Ba cặp sao sau đây luôn luôn ở thế lục hại:
Tử Vi (thổ) – Cự Môn (hỏa)
Thái Dương (hỏa) – Thất Sát (kim)
Thiên Cơ (mộc) – Thiên Tướng (thủy)

Muốn "nhị hợp" thì phải đồng hành hoặc sinh ra nhau. Muốn "lục hại" thì phải có hành khắc. Xét lại năm cặp nhị hợp ta thấy khá ổn vì:

Phá Quân thủy sinh được Thiên Cơ mộc
Liêm Trinh hỏa sinh được Thiên Lương thổ
Thiên Đồng thủy sinh được Tham Lang mộc
Vũ Khúc kim sinh được Thái Âm thủy
Thái Dương hỏa sinh được Thiên Phủ thổ

Nhưng trong ba cặp lục hợp có hai cặp không ổn vì:

Cự Môn hỏa sinh được Tử Vi thổ, tức là sinh nhau thay vì hại nhau.

Thiên Tướng thủy sinh được Thiên Cơ mộc, cũng là sinh nhau thay vì hại nhau.

Để giải quyết vấn đề này, ta phải sử dụng tính "đới" của ngũ hành. Đới có nghĩa là "có nhuốm tính chất của", như "thủy đới hỏa" nghĩa là bản chất thủy nhưng mang thêm tính hỏa. Có độc giả sẽ thắc mắc "Thủy hỏa xung khắc nhau, nếu đã là thủy làm sao lại đới hỏa được?" Xin trả lời rằng, trái với suy nghĩ thường tình của chúng ta, đời

www.tuviglobal.com

này có rất nhiều tính chất mâu thuẫn ở cùng chỗ với nhau. Một thí dụ từ tiểu thuyết là nhân vật Hoàng dược sư của võ lâm ngũ bá, hành sử khi tốt khi xấu chẳng biết đâu mà lường. Một khi đã chấp nhận rằng mỗi hành có thể đới thêm hành khác, bất chấp hợp xung, thì có thể giải quyết ổn thỏa vấn đề lục hại.

Cặp lục hại Cự Môn – Tử Vi: Vì Tử Vi là đế tinh, hành của nó thuần thổ hợp lý, bởi thổ là hành tổng hợp của bốn hành còn lại, ví như "hành vua" của các hành. Cự Môn hiện chỉ có hành hỏa, nên phải đới thêm thủy (bị thổ của Tử Vi khắc) hoặc mộc (khắc được thổ của Tử Vi). Bởi Tử Vi phải mạnh hơn Cự Môn, ta suy ra Cự Môn phải đới thủy để bị tính thổ của Tử Vi khắc. Tức là Cự Môn mang hành hỏa đới thủy.

Cặp Thiên Tướng – Thiên Cơ: Thiên Tướng mượn được cung Ngọ để phát sinh là nhờ mang hành thủy khắc được hỏa của Ngọ. Vấn đề là tính thủy của Thiên Tướng sinh tính mộc của Thiên Cơ, nên chưa thỏa tính "lục hại". Để giải quyết, ta lập luận rằng tính hỏa của Cự Môn đã bị thủy hóa giải phần nào, tất hỏa phải tản đi phương khác. Phương khác đây là hai sao tam hợp (trong vị trí hình thành) của Cự Môn, tức Thiên Cơ và Thiên Đồng. Cho Thiên Cơ và Thiên Đồng đới hỏa thì Tướng và Cơ thỏa tính lục hại (vì tính thủy của Tướng hại tính hỏa của Cơ.) Thế nên Thiên Cơ là mộc đới hỏa, Thiên Đồng là thủy đới hỏa.

Nhưng giải quyết xong lục hại lại sinh ra cảnh bất quân bình giữa các sao nhị hợp. Trước đây Tham Lang mộc được Thiên Đồng thủy làm lợi. Nay vì Thiên Đồng đới hỏa, Tham Lang mộc sinh hỏa thành ra yếu bớt đi. Để bù lại ta giải quyết bằng cách cho Tham Lang đới thủy (để thủy sinh mộc cho tính mộc mạnh hơn, bù cho sự mất mát

www.tuviglobal.com

vì phải sinh hỏa của Thiên Đồng.) Tức là Tham Lang thuộc mộc đới thủy.

Nhưng cho Tham Lang đới thủy, thì phải cho hành phản lại thủy, tức hành hỏa, ở phương tam hợp để thủy hỏa triệt tiêu nhau. Tam hợp của Tham Lang là Phá Quân và Thất Sát. Phá Quân đã thuần thủy nên Thất Sát phải mang thêm tính hỏa; nghĩa là Thất Sát là kim đới hỏa. Chú ý rằng tính lục hại của cặp Thái Dương – Thất Sát không bị ảnh hưởng khi ta thêm tính hỏa cho Thất Sát, vì tính hỏa của Thái Dương vẫn khắc tính chất chính của Thất Sát (kim).

Còn cặp nhị hợp Thiên Cơ - Phá Quân thì sao? Trước Thiên Cơ chỉ thuộc mộc nên được thủy của Phá Quân sinh. Cho Thiên Cơ thêm tính hỏa không tạo thành vấn đề vì mặc dù thủy của Phá Quân khắc hỏa của Thiên Cơ, nhưng nó lại sinh tính mộc của Thiên Cơ, rồi tính mộc của Thiên Cơ sinh được tính hỏa. Hoàn cảnh có rắc rối hơn nhưng không đổi bao nhiêu.

Phân biệt tính âm dương ngũ hành của các sao

Nhắc lại từ chương 11, mười bốn chính tinh được phân làm hai loại: Bắc đẩu tinh gọi là "âm", nam đẩu tinh gọi là "dương". Tổng kết lại, 14 chính tinh được phân phối theo âm dương ngũ hành như sau:

Kim (2): Vũ Khúc âm, Thất Sát dương (đới hỏa)

Mộc (2): Tham Lang âm (đới thủy), Thiên Cơ dương (đới hỏa)

Thủy (4): Thái Âm âm, Phá Quân âm, Thiên Tướng dương, Thiên Đồng dương (đới hỏa)

Hỏa (3): Thái Dương dương, Liêm Trinh âm, Cự Môn âm (đới thủy)

www.tuviglobal.com

Thổ (3): Tử Vi âm, Thiên Phủ dương, Thiên Lương dương.

Vì ngũ hành chỉ là một phép tính gần đúng, ta phải xét xem có cần điều chỉnh gì không. Tiêu chuẩn tối hậu cho việc xét đoán này dĩ nhiên là thuyết âm dương.

Xét trên lý âm dương thì bảng trên đây vẫn chưa ổn lắm vì số hành hỏa và số hành thổ đều lẻ trong khi lý âm dương đòi hỏi số chẵn. Ngũ hành chỉ là một thuyết gần đúng nên có sai số không phải là chuyện lạ lùng; nhưng khi gặp bài toán có sai số câu hỏi tự nhiên của chúng ta là có cách nào để giảm sai số hay không.

Thường thường, khi một bài toán đã sai thì giảm sai số một nơi tất phải tăng sai số ở nơi khác, nên phải cân nhắc sao cho sai số toàn bộ đạt mức cực tiểu.

Ta giảm ngay được sai số nếu cho hỏa và thổ đều thỏa số chẵn. Có hai cách: Giảm một thổ tăng một hỏa cho thổ thành 2, hỏa thành 4; hoặc tăng một thổ giảm một hỏa cho thổ thành 4, hỏa thành 2.

Có thể giảm một thổ không? Vì hỏa hiện có 1 dương hai âm, sao biến từ thổ thành hỏa phải là sao dương để tổng số của hỏa thành 2 âm hai dương. Như vậy sao đổi từ thổ sang hỏa phải là Thiên Phủ hoặc Thiên Lương, nhưng từ cách hình thành Thiên Phủ phải là thổ, không thể thay đổi được; nên muốn giảm một thổ thì phải coi Thiên Lương là hỏa. Nhắc lại hiện trạng của 5 cặp sao nhị hợp là:

Liêm Trinh hỏa sinh Thiên Lương thổ
Thái Dương hỏa sinh Thiên Phủ thổ
Thiên Đồng thủy sinh Tham Lang mộc
Phá Quân thủy sinh Thiên Cơ mộc
Vũ Khúc kim sinh Thái Âm thủy

www.tuviglobal.com

Ta thấy các tương quan đều là "sinh" cả. Nếu đổi Thiên Lương thành hỏa thì cặp thứ nhất trở thành "Liêm Trinh hỏa đồng Thiên Lương hỏa" là khác biệt với bốn cặp còn lại; vậy là gượng ép quá. Kết luận đổi Thiên Lương thành hỏa không ổn.

Không thể giảm một thổ thì phải giảm một hỏa. Vì nhóm hỏa hiện có 1 dương 2 âm, sao giảm phải là sao âm, tức là Liêm Trinh hoặc Cự Môn. Liêm Trinh đại biểu chính vị của quái Li, lại khởi từ Ngọ là vị trí huy hoàng nhất của mặt trời; hiển nhiên phải thuộc hỏa; nên chỉ có cách duy nhất là đổi Cự Môn từ hỏa ra thổ.

<table>
<tr><td>Tỵ
CỰ MÔN
(thổ đối thủy)</td><td>Ngọ
LIÊM TRINH (hỏa)
THIÊN TƯỚNG (thủy)</td><td>Mùi
THIÊN LƯƠNG (thổ)</td><td>Thân
THẤT SÁT
(kim đối hỏa)</td></tr>
<tr><td>Thìn
THAM LANG
(mộc đối thủy)</td><td rowspan="2"></td><td></td><td>Dậu
THIÊN ĐỒNG
(thủy đối hỏa)</td></tr>
<tr><td>Mão
THÁI ÂM
(thủy)</td><td></td><td>Tuất
VŨ KHÚC
(kim)</td></tr>
<tr><td>Dần
TỬ VI (thổ)
THIÊN PHỦ (thổ)</td><td>Sửu
THIÊN CƠ
(mộc đối hỏa)</td><td>Tí
PHÁ QUÂN
(thủy)</td><td>Hợi
THÁI DƯƠNG
(hỏa)</td></tr>
</table>

Hình 5: Tính ngũ hành của 14 chính tinh
(sau khi đã cho Cự Môn là thổ đối thủy)

Đổi Cự Môn từ hỏa ra thổ dĩ nhiên có sai số nên cần xét xem sai số có đáng kể không. Tính hỏa của Cự Môn bị mất đi đã được san qua Thiên Đồng (đối hỏa) và Thiên Cơ (đối hỏa) nên không tạo sai số lớn. Thế lục hại với Tử Vi (thổ) cũng không bị ảnh hưởng vì liên hệ khắc với thổ

www.tuviglobal.com

của Tử Vi là do tính đới thủy của Cự Môn mà ra, chỉ cần cho Cự Môn đới thủy như cũ thì không có vấn đề.

Ngoài ra, đổi sang thổ đới thủy vẫn giữ được phần nào bản chất động của hỏa vì thổ khắc thủy tạo thành mâu thuẫn nội tại, do đó dễ xung động. Hơn nữa, thổ do hỏa sinh ra, thủy là kẻ thù của hỏa. Nên cho thổ đóng vai chính, thủy đóng vai phụ (đới thủy) và bị thổ khắc, thì hỏa không có mặt mà ảnh hưởng của nó vẫn có thể coi là còn tồn tại vậy.

Tóm lại cho Cự Môn là thổ đới thủy thì sai số toàn bộ nhỏ hơn hỏa đới thủy. Quyết định như vậy rồi thì kết quả sau cùng của 14 chính tinh là:

Kim (2): Vũ Khúc âm kim, Thất Sát dương kim (đới hỏa)

Mộc (2): Tham Lang âm (đới thủy), Thiên Cơ dương (đới hỏa)

Hỏa (2): Liêm Trinh âm, Thái Dương dương

Thủy (4): Thái Âm âm, Phá Quân âm, Thiên Tướng dương, Thiên Đồng dương (đới hỏa)

Thổ (4): Tử Vi âm, Cự Môn âm (đới thủy), Thiên Phủ dương, Thiên Lương dương

Cả năm nhóm ngũ hành đều thỏa lý số chẵn của âm dương, lại không tạo ra mâu thuẫn đáng kể (trừ việc bỏ hẳn hành hỏa của Cự Môn), nên xét từ mục tiêu chính là giảm thiểu sai số toàn bộ của 14 chính tinh thì đây là một tiến bộ to lớn; và là kết quả sau cùng của chúng ta.

Vài bất đồng với các tài liệu có sẵn

Tính âm dương ngũ hành của 14 chính tinh đã bị thất truyền, người trước để lại ra sao, đời sau chỉ biết như vậy. Cho nên mặc dù đại bộ phận tương đồng, tùy trường phái mà bao giờ cũng có vài khác biệt.

www.tuviglobal.com

Thí dụ, theo một chi nhánh của Trung Châu phái[2] mà ông Vương Đình Chi (Hồng Kông) là tiêu biểu[3] thì Thiên Cơ thuộc âm (thay vì dương), Tham Lang thuộc dương (thay vì âm), Thất Sát thuộc âm (thay vì dương), Phá Quân thuộc dương (thay vì âm). Tổng cộng lại có 4 điểm bất đồng với bài này (nhưng có thể kể là 3 vì Cơ và Tham phải một dương một âm, nên khác cả hai mà coi như chỉ khác có một thôi. Ngoài ra cần chú ý rằng cách an bài của Trung Châu phái HK khiến hai sao kim cùng âm, sao thủy thì 3 dương một âm; đều là mất quân bình âm dương).

Lại thí dụ, đa số sách tử vi Việt Nam cho rằng Tử Vi thuộc dương, Thiên Phủ thuộc âm, Tham Lang hành chính là thủy; tức là bất đồng với Trung Châu phái Hồng Kông và bài viết này. Lại có sách cho là Thất Sát thuộc âm, Cự Môn hành thủy vân vân...

Tính cả âm dương và ngũ hành thì 14 chính tinh có tổng cộng 28 tính chất. Vì chỉ khác biệt vài tính chất, ta có quyền tin rằng hệ thống suy luận của bài này chính là hệ thống nguyên thủy của người nghĩ ra khoa tử vi. Nói cách khác, ta có quyền tin rằng các tài liệu được lưu truyền đã bị tam sao thất bổn, và kết quả của bài này mới đúng.

Nhưng quan trọng hơn cả là ta không có phương pháp nào để biết các tài liệu lưu truyền là sai hoặc đúng, trong khi đó các bậc thức giả có thể dựa vào nền tảng khoa học được trình bày rành rẽ mà sửa sai bổ túc các kết quả của bài này. Đó là ưu điểm tối thượng của khoa học và là lý do tại sao loạt bài này mang tên "Tử Vi hoàn toàn khoa học".

www.tuviglobal.com

Áp dụng lý ngũ hành của 14 chính tinh

Chính tinh tùy vị trí trên địa bàn mà "miếu vượng" (tốt) hoặc "hãm" (xấu). Cái lý miếu hãm của chính tinh cũng là một bí mật chưa được giải quyết. Một số người xem tử vi cho rằng muốn biết chính tinh miếu hoặc hãm thì phải xét lý "ngũ hành sinh khắc chế hóa" giữa hành của chính tinh và hành của cung nó đóng. Nhưng như đã trình bày trong chương 1, phương pháp này dẫn đến nhiều kết quả sai lầm. Tôi sẽ bàn kỹ cái lý miếu hãm của 14 chính tinh trong một bài khác, tạm thời chỉ xin khẳng định rằng trong bài toán miếu hãm, ngũ hành chỉ đóng một vai trò rất khiêm nhượng mà thôi.

Nhưng nếu vậy thì bỏ quá nhiều công lao để tính ra lý ngũ hành của 14 chính tinh làm gì? Câu trả lời lại là "tương ứng". Như độc giả đã biết, năm sinh là yếu tố quan trọng nhất của tử vi, và từ năm sinh ta có "ngũ hành nạp âm" của năm sinh, một kết quả độc đáo của thuyết ngũ hành.

Ngũ hành nạp âm đã được bàn trong một bài trước nên người viết sẽ không lập lại ở đây. Nhưng hiển nhiên trên mặt số mệnh thì "ngũ hành nạp âm" của năm sinh đại biểu một phương diện của ta. Mười bốn chính tinh, vì là 14 sao quan trọng nhất của tử vi, hiển nhiên cũng đóng vai trò đại diện ta, nhưng trên một phương diện khác. Muốn biết hai phương diện quan trọng này hòa hợp hoặc mâu thuẫn nhau, cách dễ dàng nhất là dùng lý ngũ hành.

Ngũ hành nạp âm của năm sinh thường được gọi là bản mệnh. Có thể ví bản mệnh là ta, chính tinh thủ mệnh là người đại biểu hoặc cộng tác với ta trong bài toán số mệnh. Tương quan lâu dài nhất xảy ra khi bản mệnh và chính tinh thủ mệnh đồng hành (vì như hai mà một). Chính tinh thủ mệnh sinh bản mệnh cũng tốt, nhưng không hoàn

www.tuviglobal.com

hảo vì như vậy có nghĩa chính tinh và bản mệnh là hai thực thể khác nhau; thế nào cũng có lúc "trái cựa". Bản mệnh sinh chính tinh là ta bị mệt mỏi, có tốt cũng kém rồi. Ta khắc chính tinh thì làm sao yên ổn được, nên xấu. Xấu nhất dĩ nhiên là chính tinh khắc bản mệnh, ví như có kẻ mưu toan hãm hại ở cạnh bên mình.

Một thí dụ là lá số của ông Tony Blair, đương kim thủ tướng Anh trong khi bài này được viết. Ông Blair sinh lúc 6:10 giờ sáng ngày 6 tháng 5, 1953 ở Edinburg nước Anh. Tính ra âm lịch địa phương là giờ Mão ngày 24 tháng 3 năm Quý Tỵ. Mệnh của ông lập ở Sửu có Thiên Tướng độc thủ, thân cư Thiên Di ở Mùi có Tử Vi Phá Quân đồng cung. Vì Quý Tỵ bản mệnh thủy (Trường Lưu thủy) nên hai sao Thiên Tướng (thủy) và Phá Quân (thủy) rất hợp với ông Blair, giúp ông dễ nên đại sự; trong khi Tử Vi (thổ) thì không vì thổ khắc thủy[4].

Tính chất 14 chính tinh luận đến đây vẫn còn nhiều thiếu sót, nhưng như đã có lần trình bày trước đây, tính chất của 14 chính tinh là kết quả tiệm tiến của nhiều bài toán. Giải xong tất cả những bài toán này ta mới hiểu 14 chính tinh một cách toàn vẹn. Từ chương tới ta tạm bước sang một bài toán khác, bài toán ấy dĩ nhiên cũng đóng góp một cách tiệm tiến vào đặc tính của 14 chính tinh.

San Jose 19 tháng 9, 2003
Đằng Sơn

CHÚ THÍCH

1.) Sách "dịch kinh dữ tử vi đẩu số" (kinh Dịch và Tử Vi đẩu số), Tạ Phồn Trị, tự xuất bản, Cao Hùng, Đài Loan, 1995.

2.) Bằng phép tỷ giảo có thể tin rằng làng tử vi Việt Nam (trừ vòng Thái Tuế là một tái khám phá của cụ Thiên Lương) là

www.tuviglobal.com

một chi nhánh của Trung Châu phái. Đặc điểm của Trung Châu phái là coi trọng hai sao Tuần Triệt.

3.) Sách "Tử Vi Đẩu Số Giảng Nghĩa", nguyên tác Lục Bân Triệu, Vương Đình Chi bổ chú, ấn hành lần thứ mười lăm, 1995, nhà xuất bản Bách Ích, Hồng Kông.

4.) Nhưng thổ chứa cả 4 hành còn lại, nên bất luận bản mệnh có hành gì, với thời gian ảnh hưởng của Tử Vi càng ngày càng trở nên quan trọng.

www.tuviglobal.com

Chương 13

Các phụ tinh tháng và giờ I
Nguồn gốc Tả Hữu Xương Khúc

Tại sao phải có 4 phụ tinh Tả Hữu Xương Khúc?

Khoa Tử Vi là một áp dụng của lý tương ứng giữa đời sống con người và các hiện tượng thiên nhiên. Khi áp dụng lý tương ứng vào bốn mùa xuân hạ thu đông, khoa Tử Vi suy ra bốn phụ tinh hết sức quan trọng là Hóa Lộc, Hóa Quyền, Hóa Khoa, Hóa Kỵ; thường được gọi chung là tứ Hóa. Như đã trình bày từ một chương trước đây, mười bốn chính tinh và tứ Hóa giúp khoa Tử Vi đặt thuyết âm dương trở lại vào trung tâm bài toán mệnh lý.

Trong các chương sau ta sẽ khám phá ra rằng muốn giải bài toán Tứ Hóa, ngoài 14 chính tinh ra ta cần phải có thêm hai cặp sao, một cặp mang tính dương, một cặp mang tính âm. Đây chính là lý do tại sao Tử Vi phải đặt ra 4 sao Tả Hữu Xương Khúc!

Từ lâu giới nghiên cứu Tử Vi đã biết Tả Hữu Xương Khúc là bốn sao hết sức quan trọng, nhưng lý do tại sao Xương Khúc Tả Hữu có mặt trong bài toán Tử Vi thì chưa thấy ai nói đến hoặc đề ra lý do thỏa đáng. Tái khám phá ra rằng Tả Hữu Xương Khúc là hai cặp sao tất yếu để giải bài toán Tứ Hóa là công trình to lớn của dịch lý gia Đài Loan Tạ Phồn Trị[1]. Ta sẽ trình bày cái lý của ông Tạ Phồn Trị khi khảo sát tứ Hóa, tạm thời trong bài này ta sẽ giả sử rằng Tả Hữu Xương Khúc quả cần thiết cho bài toán Tử Vi, rồi suy ra cách an hai cặp sao này.

www.tuviglobal.com

Chưa giải bài toán tứ Hóa mà đã bàn về Tả Hữu Xương Khúc có vẻ như đặt cái cày trước con trâu, nhưng nếu không bàn về Tả Hữu Xương Khúc bây giờ thì khi sang tứ Hóa sẽ có quá nhiều vấn đề cần giải quyết, khiến bài toán Tử Vi trở thành rối rắm như mớ bòng bong. Đó là lý do tại sao người viết quyết định luận Tả Hữu Xương Khúc trước.

Lý "tháng thuận giờ nghịch" của cung mệnh và 14 chính tinh

Khi áp dụng vào những vận trình trên địa bàn, thuyết âm dương phân ra hai trường hợp: Thuận lý và nghịch lý. Thuận lý vận hành theo chiều kim đồng hồ, nghịch lý vận hành ngược lại. Vì địa bàn chính là một đồ biểu của giờ và tháng, thuận lý chỉ giản dị là "thuận chiều thời gian", nghịch lý là "nghịch chiều thời gian". Ta đã biết đòi hỏi thiên văn bắt buộc tháng và giờ phải đi nghịch chiều nhau.

Đơn vị tăng giảm của tháng và giờ đều là số 1. Giảm một tháng thì dù tăng hết 12 giờ vẫn là đi ngược chiều thời gian. Tăng một tháng thì dù giảm 12 giờ vẫn là đi thuận chiều thời gian. Vì vậy khi tháng giờ phải xét chung với nhau thì "thuận lý" nghĩa là "tháng thuận giờ nghịch". Ta đã biết cung mệnh và chính tinh đều theo lý "tháng thuận giờ nghịch". Lý "tháng thuận giờ nghịch" có vẻ trái với lý bình thường của thuyết âm dương nên quý độc giả rất cần hiểu rõ căn cơ này để khỏi hoang mang.

Lý bình thường của thuyết âm dương, mà nhiều độc giả chắc đã biết, là giờ thuận (vì thuộc dương), tháng nghịch (vì thuộc âm). Ta sẽ thấy đây là lý nằm sau hai sao Tả Phụ và Văn Xương.

www.tuviglobal.com

Cơ sở tháng và giờ của Tả Hữu Xương Khúc

Tả Hữu Xương Khúc phải ở vị trí kém hơn 14 chính tinh nên để phân biệt ta sẽ gọi ngay chúng là phụ tinh. Tuy nhiên, muốn góp mặt với 14 chính tinh trong bài toán Tứ Hóa thì Tả Hữu Xương Khúc vẫn phải có một số lý tính tương đồng với 14 chính tinh. Vì 14 chính tinh được thành lập bằng 4 yếu tố là niên can, tháng, ngày, giờ, ta suy ra Tả Hữu Xương Khúc cũng phải được thành lập từ 4 yếu tố này, nhưng không nhất thiết phải là cả 4 yếu tố.

Câu hỏi là phải chọn yếu tố nào? Vì hai cặp sao này được đặt ra để thỏa đòi hỏi của tứ Hóa, ta đã biết một cặp phải ứng với âm, một cặp phải ứng với dương. Trong năm tháng ngày giờ thì chỉ có tháng và giờ là hàm chứa tính tương đương của âm dương. Suy ra hai cặp sao này phải ứng với tháng và giờ.

Lý "giờ thuận" và "tháng nghịch" của sao giờ và sao tháng

Người viết rất tiếc là buộc lòng phải dùng ngôn ngữ toán học vì không biết làm sao để giải thích giản dị hơn mà vẫn nhấn mạnh được tính tất yếu của cách an hai sao Tả Phụ và Văn Xương. Điểm may mắn là bài giải hai sao này chỉ cần phương trình bậc nhất. Các độc giả không thích toán học có thể bỏ qua phần này và chỉ ghi nhận kết quả.

Gọi giờ sinh là G theo thứ tự 1, 2, 3, 4..., tháng sinh là T theo thứ tự Tý là 1, Sửu là 2, Dần là 3..., rồi cũng gọi các cung theo thứ tự Tý 1, Sửu 2, Dần 3 v.v... thì vị trí cung mệnh M thỏa công thức:

$$M = 3+T-G \bmod 12 \qquad (1)$$

www.tuviglobal.com

Chữ "mod 12" là một ký hiệu toán học, có nghĩa là dư số dương sau khi chia cho 12.

Thí dụ 1: Tháng giêng, giờ Hợi thì T=1, G=12, tính ra M= 3+1-12 = -8. Muốn ra dư số dương phải cộng thêm 12, rồi chia cho 12 và lấy dư số. Kết quả là M=4 nên là cung Mão.

Thí dụ 2: Tháng 11, giờ Sửu thì T=11, G=2; tính ra M= 3+11-2 =12. Chia cho 12 được dư số là 0 (hoặc 12) nên là cung Hợi.

Để khỏi rối mắt, ta sẽ hiểu ngầm "mod 12" và chỉ viết (1) như sau:

$$M = 3+T-G \qquad (2)$$

Ta đã biết trên địa bàn tháng và giờ phải biến đổi từng cung một (mỗi giờ một cung, mỗi tháng một cung). Ngoài ra, tháng và giờ phải vận chuyển nghịch chiều nhau. Với hai dữ kiện này, ta có thể định nghĩa hai sao S_X và S_X trên địa bàn như sau:

$$S_X = S_{X0} + aT \qquad (3)$$

$$S_Y = S_{Y0} + bG \qquad (4)$$

với S_{X0} và S_{Y0} lần lượt là vị trí ban đầu của S_X và S_Y, hai số a và b thì chỉ có thể là 1 (thuận chiều thời gian) hoặc -1 (nghịch chiều thời gian). Một quan sát viên nhìn từ cung mệnh sẽ thấy hai sao này thỏa các công thức:

$$[S_X]_M = S_{X0} + aT - M = (S_{X0} -3)+ (a-1)T + G \qquad (5)$$

$$[S_Y]_M = S_{Y0} + bG - M = (S_{Y0} -3)+(b+1)G - T \qquad (6)$$

với $[S_X]_M$ và $[S_Y]_M$ lần lượt là vị trí của S_X và S_X nếu nhìn từ cung mệnh.

Công thức (5) và (6) hiện lệ thuộc vào bốn biến số a, b, G, T. Vì không có lý do gì để T và G cùng có mặt trong (5) hoặc cùng có mặt trong (6), nên hai điều kiện phải thỏa là:

$$a-1 = 0 \text{ nghĩa là } a = 1 \qquad (7)$$

www.tuviglobal.com

b+1=0, nghĩa là b = -1 (8)

Với kết quả là trên địa bàn hai công thức (3) và (4) giản lược thành:

$S_X = S_{X0} + T$ (9)

$S_Y = S_{Y0} - G$ (10)

Và nếu nhìn từ cung mệnh thì (5) và (6) giản lược thành:

$[S_X]_M = (S_{X0} -3) + G$ (11)

$[S_Y]_M = (S_{Y0} -3) - T$ (12)

Nghĩa là:

-Trên địa bàn S_X phải chuyển thuận theo tháng (phương trình 9), nhưng nhìn từ cung mệnh sẽ thấy S_X chuyển thuận theo giờ (phương trình 11).

-Trên địa bàn S_Y phải chuyển nghịch theo giờ (phương trình 10), nhưng nhìn từ cung mệnh sẽ thấy S_Y chuyển nghịch theo tháng (phương trình 12).

Cung mệnh đại biểu người được xem số, nên cái nhìn từ cung mệnh chính là ảnh hưởng thực tế của hai sao S_X và S_Y trong bài toán tử vi. Nói cách khác, trên căn bản vận mệnh thì S_X là sao giờ (mặc dù được an theo tháng trên địa bàn), và S_Y là sao tháng (mặc dù được an theo giờ trên địa bàn). Để ghi nhận những dữ kiện này, ta thay X=G (giờ), Y=T (tháng). Các công thức từ (9) đến (12) trở thành:

$S_G = S_{G0} + T$ (13)

$S_T = S_{T0} - G$ (14)

$[S_G]_M = (S_{G0} -3) + G$ (15)

$[S_T]_M = (S_{T0} -3) - T$ (16)

Điểm đáng chú ý là hai phương trình thực tế của bài toán Tử Vi, tức (15) và (16), tuân theo lý giờ thuận và tháng nghịch. Hai lý này vốn quen thuộc hơn lý "tháng thuận giờ nghịch" (mà ta đã xử dụng trong việc an cung

www.tuviglobal.com

mệnh và xác định vị 14 chính tinh) nên không cần phải giải thích thêm nữa.

Cái lý nằm sau cách an Tả Phụ và Văn Xương

Mệnh ứng với ta, Quan Lộc với sự phát triển của ta, và Tài Bạch với sự thu thập của ta nên lấy Mệnh làm chuẩn thì Quan Lộc là trạng thái thịnh vượng dương, Tài Bạch là trạng thái thịnh vượng âm của Mệnh. Theo ngôn ngữ của vòng Trường Sinh thì Mệnh là vị trí Trường Sinh, Quan là vị trí Đế Vượng thuận chiều kim đồng hồ, và Tài là vị trí Đế Vượng nghịch chiều kim đồng hồ.

Mộc là hành duy nhất của ngũ hành tương ứng với sự sống (sự sống của thảo mộc), so sánh âm dương thì dĩ nhiên dương tương ứng với sự sống hơn là âm. Suy ra dương mộc là biểu tượng mạnh mẽ nhất của sự sống. Biểu tượng mạnh mẽ nhất của sự sống là trạng thái "đế vượng". Dương mộc chỉ có chi Dần, nên Dần ứng với "đế vượng".

Vì cung Mệnh là chủ thể chính yếu, sao giờ phải phản ảnh cung Mệnh. Muốn thế, vào giờ Dần sao giờ phải ở vị trí vượng của cung Mệnh theo chiều kim đồng hồ; tức là ở cung Quan Lộc. Lý luận tương tự cho tháng, vào tháng Dần sao tháng phải ở vị trí vượng của cung Mệnh nghịch chiều kim đồng hồ, tức là cung Tài Bạch (xem hình 1).

Cho Mệnh=0 thì $[S_G]_M$ = Quan = 4, $[S_T]_M$ = Tài = -4, G= 3 (giờ Dần), T= 1 (tháng Dần). Với những điều kiện này, các công thức (13) đến (16) trở thành:

$$S_G = 4+T \quad (17)$$

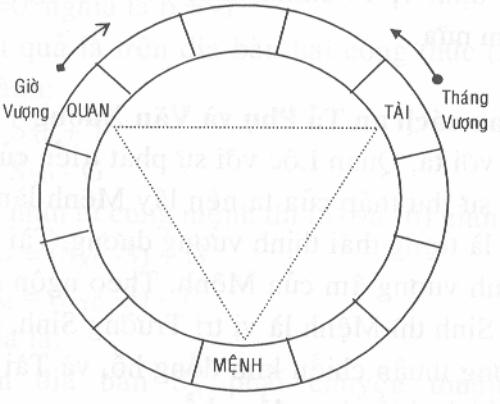
$$S_T = 12-G \quad (18)$$

$$[S_G]_M = 1 + G \quad (19)$$

$$[S_T]_M = 9 - T \quad (20)$$

Độc giả có thể kiểm chứng để thấy rằng S_G có hai cách an tương đương nhau, như sau:

www.tuviglobal.com



Hình 1: Trong trạng thái Đế Vương, sao giờ phải ở cung Quan Lộc, sao tháng phải ở cung Tài Bạch; đây là hai mấu chốt dẫn đến cách an Tả Phụ và Văn Xương.

Cách 1: Áp dụng công thức (17). Từ cung Thìn gọi là tháng Giêng, đếm theo chiều thuận đến tháng sinh an S_G.

Cách 2: Áp dụng công thức (19): Từ cung Phúc Đức gọi là giờ Tý, đếm theo chiều thuận đến giờ sinh an S_G.

Cách thứ nhất là phương pháp tiêu chuẩn để an Tả Phụ. Cách thứ hai là phương pháp an Tả Phụ theo trường phái Thiên Lương. Suy ra, sao giờ S_G chính là sao Tả Phụ.

S_T cũng có hai cách an tương đương, như sau:

Cách 1: Áp dụng công thức (18). Từ cung Tuất gọi là giờ Tý, đếm theo chiều nghịch đến giờ sinh an S_T.

Cách 2: Áp dụng công thức (20): Từ cung Tài Bạch gọi tháng Giêng, đếm theo chiều nghịch đến tháng sinh an S_T.

Cách thứ nhất là phương pháp tiêu chuẩn để an Văn Xương. Cách thứ hai là phương pháp an Văn Xương theo trường phái Thiên Lương. Suy ra, sao tháng S_T chính là sao Văn Xương.

www.tuviglobal.com

Từ trước đến nay, ta chỉ học thuộc lòng cách an Tả Phụ và Văn Xương; bây giờ ta biết thêm rằng cách an này không phải là một lựa chọn tùy hứng bất kỳ, mà là một đòi hỏi toán học tất yếu.

Tả Phụ và Văn Xương nhìn từ địa bàn

Thay vì nhìn từ cung mệnh mà nhìn từ địa bàn, cách an hai sao Tả và Xương vẫn phải hợp lý. Ta hãy thử kiểm soát lại xem có đúng thế không.

Ta đã biết giờ khai sinh ở Tý, tháng khai sinh ở Dần (tháng Giêng) nên khi xét tháng giờ cùng một lúc thì hai cung này là khởi điểm cặp chính tinh Thái Dương (giờ) và Thái Âm (tháng). Bây giờ ta muốn định hai cặp phụ tinh, một cặp chỉ theo tháng sinh mà bất chấp giờ sinh, một cặp chỉ theo giờ sinh mà bất chấp tháng sinh.

Nhớ rằng nhìn từ địa bàn thì Tả Phụ là sao tháng, bất chấp giờ. Theo lý khai sinh muốn bất chấp giờ ta chỉ cần chọn:

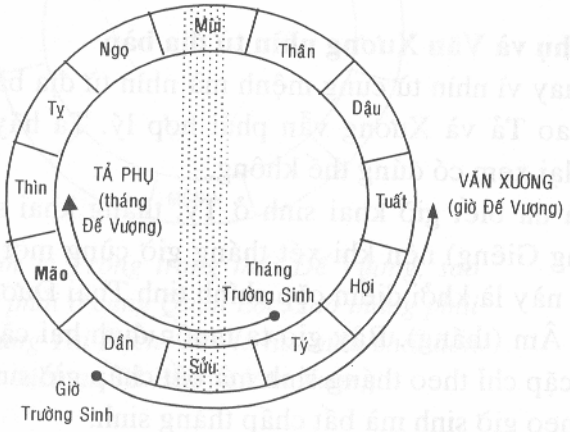
Giờ = giờ khai sinh

tức là giờ Tý. Thế nên sao tháng (bất chấp giờ) phải lấy cung Tý làm nền tảng để tính đi. Trên lý ngũ hành, ta nói Tý là vị trí trường sinh của tháng. Ba cung chính yếu của vòng Trường Sinh là Trường Sinh, Đế Vượng, và Mộ; trong đó ứng với giai đoạn huy hoàng nhất của hành là vị trí mạnh hơn cả. Để ghi nhận dữ kiện này, ta an sao Tả Phụ vào vị trí Đế Vượng của tháng, tức là cung Thìn (xem hình 2). Theo lý "tháng thuận", cách an Tả Phụ như sau: Bắt đầu từ cung Thìn, gọi là tháng Giêng, đếm theo chiều thuận đến tháng sinh, dừng lại an Tả Phụ.

Lập luận tương tự ta thấy sao giờ phải khởi từ tháng khai sinh, tức tháng giêng, hay là cung Dần trên địa bàn và đi nghịch để định sao chính ở vị trí Đế Vượng, cho ta

www.tuviglobal.com

sao Văn Xương ở cung Tuất vận hành nghịch. Chi tiết hơn, cách an Văn Xương là: Bắt đầu từ cung Tuất, gọi là giờ Tý, đi theo chiều nghịch đến giờ sinh dừng lại, an Văn Xương.



Hình 2: Xét tháng coi giờ là Tý, xét giờ coi tháng là Dần (Giêng). Gọi hai cung này là Trường Sinh, dùng lý tháng thuận giờ nghịch đến Đế Vượng thì an được Tả Phụ cho tháng và Văn Xương cho giờ.

Tóm lại, lấy địa bàn làm chuẩn thì cách an Tả Phụ và Văn Xương vẫn có lý như thường. Điểm này hết sức quan trọng, vì kế tiếp đây ta sẽ thấy rằng bài toán âm dương tối hậu phải được đặt trên chuẩn điểm là địa bàn mà không phải là cung mệnh.

Cái lý nằm sau cách an Hữu Bật và Văn Khúc

Cung Mệnh giúp ta suy ra cách an hai sao Tả và Xương, nhưng tính rốt ráo thì chuẩn điểm của bài toán âm dương phải là địa bàn mà không phải cung Mệnh. Ấy bởi vì tiền đề của bài toán tử vi là tổng số âm dương cộng lại thành zéro. Tiền đề này chỉ đúng cho một quan sát viên

www.tuviglobal.com

khách quan; mà muốn khách quan thì không thể nào nhìn từ cung Mệnh được, vì cung này theo định nghĩa đã chủ quan rồi.

Như ta sẽ thấy sau này, bài toán tứ Hóa đòi hỏi ta phải có hai cặp sao, tức là bốn sao để phụ vào với 14 chính tinh. Vì mới có hai sao là Tả và Xương, ta phải suy ra thêm hai sao nữa.

Từ chuẩn điểm là địa bàn mà xét thì vì Tả an theo tháng sinh và Xương an theo giờ sinh, hai sao này không có liên hệ gì với nhau. Như vậy chưa đủ để diễn tả tính âm dương của tháng giờ vốn được đại biểu bằng hai sao Âm Dương luôn luôn đối xứng qua trục Sửu Mùi.

Cách giải quyết rất giản dị.

Thứ nhất, đặt thêm sao Hữu Bật luôn luôn đối xứng với Tả Phụ qua trục Sửu Mùi. Muốn thế chỉ việc cho Hữu Bật khởi ở Tuất (tức cung xung chiếu của Thìn) và đi theo chiều nghịch của tháng. Kiểm soát lại ta thấy quả nhiên trong mọi lá số Tả Phụ và Hữu Bật luôn luôn đối xứng qua trục Sửu Mùi. Đây chính là cách an Hữu Bật theo sách vở. Từ tên rõ nghĩa, Tả Hữu là một cặp sao phù tá hết sức quan trọng trong tử vi.

Thứ hai, cùng lý với Hữu Bật, ta đặt ra sao Văn Khúc luôn luôn đối xứng Văn Xương qua trục Sửu Mùi. Cách an Văn Khúc là: Bắt đầu từ cung Thìn gọi là giờ Tý, đi theo chiều thuận đến giờ sinh dừng lại, an Văn Khúc. Đây chính là cách an Văn Khúc theo sách vở. Xương Khúc cũng là một cặp sao phù tá hết sức quan trọng trong tử vi.

Phân biệt lý âm dương của Tả Hữu Xương Khúc

Từ cách an sao có thể thấy ngay rằng Tả Phụ là sao chính, Hữu Bật là sao phụ. Theo ngôn ngữ âm dương, ta

www.tuviglobal.com

nói nếu chỉ xét Tả Hữu thì Tả thuộc dương, Hữu thuộc âm.

Chỉ xét từ lý hình thành có thể thấy Văn Xương là sao chính, Văn Khúc là sao phụ. Theo ngôn ngữ âm dương ta nói nếu chỉ xét Xương Khúc thì Xương thuộc dương, Khúc thuộc âm.

Nhưng nếu so sánh cặp Tả Hữu và cặp Xương Khúc thì cặp nào âm, cặp nào dương? Để trả lời câu hỏi này ta chỉ cần so sánh là hai sao chính là Tả Phụ và Văn Xương. Tả đại biểu giờ, ứng với dương, nên Tả Hữu là cặp sao dương; Xương đại biểu tháng, ứng với âm; nên Xương Khúc là cặp sao âm.

Các đặc tính của Tả Hữu Xương Khúc sẽ được bàn trong một bài khác. Tạm thời những kiến thức khai triển trong bài này đủ cho ta bắt đầu giải bài toán tứ Hóa.

San Jose 26 tháng 9, 2003
Viết lại 8 tháng 3, 2004
Đằng Sơn

Chú thích

1. "Dịch kinh dữ Tử Vi đẩu số" (kinh Dịch và Tử Vi đẩu số), Tạ Phồn Trị, tự xuất bản, Cao Hùng, Đài Loan, 1995
2. Xem sách "Kinh Dịch hoàn toàn khoa học", Đằng Sơn.

www.tuviglobal.com

Chương 14

NGUỒN GỐC CỦA TỨ HÓA 1
Lý âm dương của Hóa Lộc và Hóa Quyền

Sinh thành trụ diệt và xuân hạ thu đông

Đời sống tiêu biểu của con người có bốn điểm biến quan trọng là Sinh, Thành, Trụ, Diệt.

Sinh bao gồm lúc sinh ra và thời thơ ấu, là khi được trời đất và người (cha mẹ) ban cho sự sống.

Thành ứng với thời thanh niên và phần đầu của tuổi trung niên, là khi đã tự mình lo được cho mình, lập gia đình, sinh con cái, có sự nghiệp vân vân...

Trụ ứng với đoạn cuối tuổi trung niên, manh nha tuổi già; là khi con người đã hết đà phát triển, nhưng bù lại nhờ dạn dày kinh nghiệm mà biết nhìn cuộc đời bằng đôi mắt khôn ngoan, bình thản. Ngoài ra, nhờ sức khỏe chưa đến độ suy nhược lắm mà được hưởng thành quả mà mình đã gặt hái trong giai đoạn đã qua.

Diệt ứng với tuổi già và cái chết; là khi thân thể suy nhược rõ rệt, muốn làm gì cũng khó, sinh bệnh, rồi chết.

Mục đích của Tử Vi là luận về đời sống của con người nên bốn điểm biến Sinh Thành Trụ Diệt phải được diễn tả trên địa bàn tử vi. Vì lá số tử vi ứng với 12 tháng, mà 12 tháng thì chia ra bốn mùa xuân hạ thu đông:

Mùa xuân vạn vật hồi sinh.
Mùa hạ vạn vật cường tráng.
Mùa thu vạn vật thu tàng.
Mùa đông vạn vật suy kiệt.

Bằng phép tương ứng, có thể thấy ngay rằng
Xuân ứng với Sinh

www.tuviglobal.com

Hạ ứng với Thành
Thu ứng với Trụ
Đông ứng với Diệt

Vì Tử Vi là một ngành học dựa trên phép tương ứng, ta có thể đoán trước là nó sẽ diễn tả Sinh Thành Trụ Diệt bằng bốn mùa xuân hạ thu đông.

Xuân hạ thu đông thể hiện thành
Lộc Quyền Khoa Kỵ qua thiên can

Trong một chương sau ta sẽ thấy 14 chính tinh có 12 cách phân phối khác nhau, ứng với 12 giai đoạn của vòng Trường Sinh. Lấy vị trí sao Tử Vi làm mốc thì 12 giai đoạn này là:

Giai đoạn	Vị trí Tử Vi
Trường Sinh	Dần (Tử Phủ)
Mộc Dục	Mão (Tử Tham)
Quan Đới	Thìn (Tử Tướng)
Lâm Quan	Tỵ (Tử Sát)
Đế Vượng	Ngọ (độc thủ)
Suy	Mùi (Tử Phá)
Bệnh	Thân (Tử Phủ)
Tử	Dậu (Tử Tham)
Mộ	Tuất (Tử Tướng)
Tuyệt	Hợi (Tử Sát)
Thai	Tý (độc thủ)
Dưỡng	Sửu (Tử Phá)

Ta dùng chữ "thời" để chỉ 12 giai đoạn này; như giai đoạn Đế Vượng là "thời Đế Vượng", giai đoạn Bệnh là "thời Bệnh" vân vân...

Vì mỗi lá số chỉ ứng với một "thời" của 14 chính tinh, muốn thỏa điều kiện tuần hoàn của khoa tử vi, mỗi "thời" của 14 chính tinh phải ứng với một chu kỳ tuần hoàn

www.tuviglobal.com

Nhưng vì mỗi "thời" của 14 chính tinh chỉ ứng với 1/12 của chu kỳ Trường Sinh mà thôi; nên mỗi "thời" phải ứng với một chu kỳ khác.

Có ba chu kỳ tự nhiên là năm (chu kỳ gồm 12 tháng), tháng (chu kỳ gồm 29 hoặc 30 ngày), và ngày (chu kỳ gồm 12 giờ). Hiển nhiên 12 cung địa bàn chỉ ứng với 1 năm và 1 ngày, nên đầu tiên ta phải loại tháng ra ngoài. Kế tiếp, như đã lập luận trong nhiều bài trước, giữa năm và ngày thì tử vi coi trọng năm. Kết luận chu kỳ tuần hoàn hợp lý nhất là đơn vị năm (tức mỗi năm là một chu kỳ).

Nhắc lại rằng, vị trí của 14 chính tinh lệ thuộc bốn yếu tố là tháng và giờ (để định cung mệnh) thiên can (can của năm sinh), và ngày. Cả ba yếu tố tháng giờ và thiên can hợp lại cho cục số, cho nên niên can khác nhau mà cục số giống nhau là chuyện rất thường. Cục số phối hợp với ngày sinh cho ta vị trí 14 chính tinh, nên nói rộng hơn thì niên can khác nhau mà chính tinh có cùng vị trí cũng là chuyện rất thường. Tóm lại trong phép định vị trí 14 chính tinh, niên can chỉ đóng một vai trò bình đẳng với tháng, ngày.

Nhưng ta đã biết năm là yếu tố quan trọng nhất của bài toán tử vi. Niên can đại biểu năm nên vai trò của nó không thể chỉ bình đẳng với tháng ngày. Nghĩa là ngoài công dụng xác định vị trí các chính tinh, niên can còn phải có một công dụng rất quan trọng khác cũng dính líu đến chính tinh mới hợp lý. Đó là lý do tại sao khoa tử vi dùng niên can làm biến số để đặt ra bốn sao, gọi là "tứ hóa": Lộc Quyền Khoa Kỵ ứng với bốn giai đoạn sinh thành trụ diệt và bốn mùa xuân hạ thu đông.

Giới nghiên cứu tử vi đều biết niên can là yếu tố xác định tứ hóa, nhưng chẳng ai giải thích rõ tại sao không dùng niên chi, nguyệt can chẳng hạn. Phần lý luận khá

www.tuviglobal.com

dông dài trên đây đã thiết lập nền tảng khoa học của sự lựa chọn này. Đồng thời, nó cũng giúp ta hiểu rõ ý nghĩa của tứ Hóa:

Hóa Lộc: Ứng với mùa xuân, vạn vật hồi sinh, cây cối đâm chồi, nẩy lộc, trời tươi mát. Đại biểu sự sinh sản và trưởng thành; nói chung là tính "sinh". Một biến đổi khiến người ta vui tươi, rất tốt đẹp so hoàn cảnh suy thoái của mùa đông.

Hóa Quyền: Ứng với mùa hạ, vạn vật cường tráng, cây cối cứng cáp, trời nóng bức. đại biểu sự phát triển mạnh mẽ trở thành cực thịnh; nói chung là tính "thành". Một biến đổi khiến người ta hăng hái, có khi quá đáng, rất mạnh mẽ so với sức sống còn phôi thai của mùa xuân.

Hóa Khoa: Ứng với mùa thu, vạn vật bình lặng. Cây ngả màu rụng lá, trời êm ả thanh trong. Đại biểu một sự điều chỉnh, một trạng thái yên vui pha lẫn với dấu hiệu tàn tạ; nói chung là tính "trụ". Một biến đổi nhẹ nhàng, khiến người ta thư thái, nhưng không thể gọi là mạnh mẽ như hai mùa xuân và hạ.

Hóa Kỵ: Ứng với mùa thu, vạn vật xác xơ. Cây trụi lá, trời âm u đen tối. Đại biểu một bước lùi rõ rệt, dẫn đến sự diệt vong; nói chung là tính "diệt". Một biến đổi khiến người ta âu sầu lo ngại, rất mạnh mẽ nhưng là cái mạnh mẽ của sự tàn phá, sự chết.

Tính ngũ hành của tứ hóa

Chưa cần biết tứ hóa phải an như thế nào, ta vẫn có thể suy ra tính ngũ hành của chúng. Kết quả sơ khởi dựa trên bốn mùa và bốn phương của địa bàn giản dị là:

Hóa Lộc ứng với mùa xuân, tức hai vị trí Dần Mão trên địa bàn, nên thuộc hành mộc.

www.tuviglobal.com

Hóa Quyền ứng với mùa hạ, tức hai vị trí Tỵ Ngọ, nên thuộc hành hỏa.

Hóa Khoa ứng với mùa thu, tức hai vị trí Thân Dậu, nên thuộc hành kim.

Hóa Kỵ ứng với mùa đông, tức hai vị trí Hợi Tý, nên thuộc hành thủy.

Nhưng đây chỉ là kết quả sơ khởi. Vì ngũ hành là một phép tính gần đúng, mỗi khi làm xong phép tính sơ khởi ta lại phải kiểm nghiệm, điều chỉnh lại để giảm sai số. Trong trường hợp tứ hóa, ta lý luận như sau:

Hóa Lộc: Vì mộc là hành duy nhất ứng với sự sống (của thảo mộc), chọn hành mộc là tuyệt hảo, không cần điều chỉnh. Tuy nhiên, vì Lộc cho người ta vị trí tốt đẹp, vị trí tốt đẹp lại ứng với trung ương nên cũng có thể xem hóa Lộc đới thổ (vì thổ đại biểu trung ương).

Hóa Quyền: Trong đời này, quyền bính là trạng thái phát triển mạnh mẽ nhất. Hành hỏa hợp lý cho quyền bính, nhưng chưa đầy đủ vì trong năm hành thì thổ thuộc trung ương, mà trung ương trong dịch lý ứng với quyền bính; vì thế ta điều chỉnh bằng cách thêm hành thổ cho hóa Quyền. Kết luận: Hóa Quyền hành Hỏa đới thổ.

Hóa Khoa: Ứng với giai đoạn "trụ" của cuộc đời là lúc người ta có thể hồi tâm, bình thản, đi chậm lại hưởng thụ những cái hay đã bỏ sót trong thời Sinh (hóa Lộc) và Thành (Hóa Quyền). Kim là hành tự nhiên của mùa thu nên một số sách cho rằng hóa Khoa hành Kim.

Nhưng theo thiển ý kim đại biểu sát khí không hợp với tính nhu hòa của hóa Khoa. Chỉ có hai hành tương đối nhẹ nhàng là mộc và thủy. Hóa Khoa không thể mang hành mộc vì mộc là hành xung chiếu của kim trên địa bàn. Cho hóa Khoa mang hành thủy không thôi cũng không ổn vì thủy thịnh nghĩa là kim đã tuyệt rồi. Để giải quyết vấn đề

www.tuviglobal.com

ta thêm hành thổ, vì thổ sinh được kim và cản bớt sự tràn lan của thủy để ra một ý nghĩa tổng hợp tương đối bình hòa. Kết quả: Hóa Khoa hành thủy đới thổ.

Hóa Kỵ: Ứng với sự tàn phá, sự chết, hóa Kỵ mang hành thuần thủy là hợp lý, với sự hiểu biết rằng thủy đây ví như bão tố, hoặc như nước đại dương nhận chìm mọi sự sống.

Vì hành kim (ứng với sát khí) hoàn toàn vắng bóng trong tứ hóa, có độc giả sẽ hỏi tại sao không cho Kỵ là thủy đới kim? Vấn đề là mặc dù kim sinh được thủy, sự có mặt của kim cũng có nghĩa thủy chưa phát triển mạnh lắm, thành ra sai với ý nghĩa thủy cực mạnh của hóa Kỵ.

Kết quả sau cùng:

Hóa Lộc: Mộc (hoặc mộc đới thổ)

Hóa Quyền: Hỏa đới thổ

Hóa Khoa: Thủy đới thổ

Hóa Kỵ: Thủy

Mặc dù kết quả trên đây có vài bất đồng với một số sách vở, điểm chính là nền tảng lý luận được đặt trên suy luận khoa học, nên có thể cải tiến nếu có phát kiến mới.

Cái hay của lý ngũ hành là nó giúp ta dễ luận độ tốt xấu khi tứ hóa phối hợp với nhau. Nhưng đây là chuyện về sau, khi ta bàn đến cách cục.

Cách an Tứ Hóa và vấn nạn Canh Mậu Nhâm Quý

Hầu hết các sách tử vi Việt Nam dạy cách an tứ hóa theo bài "thiệu" sau đây:

Giáp Liêm Phá Vũ Dương

Ất Cơ Lương Tử Nguyệt

Bính Đồng Cơ Xương Liêm

Đinh Nguyệt Đồng Cơ Cự

Mậu Tham Nguyệt Hữu Cơ

www.tuviglobal.com

Kỷ Vũ Tham Lương Khúc
Canh Nhật Vũ Âm Đồng
Tân Cự Nhật Khúc Xương
Nhâm Lương Vi Phụ Vũ
Quý Phá Cự Âm Tham

(Chú thích tại chỗ: Nguyệt là Thái Dương, Nhật là Thái Âm, Hữu là Hữu Bật, Phụ là Tả Phụ).

Chẳng hạn can Mậu, vì "Mậu Tham Nguyệt Hữu Cơ" chiếu theo thứ tự Lộc Quyền Khoa Kỵ ta biết sinh năm Mậu thì Tham Lang hóa Lộc, Thái Âm hóa Quyền, Hữu Bật hóa Khoa, Thiên Cơ hóa Kỵ.

Bài thiệu trên đây cũng quan trọng như một bài cửu chương. Ngay cả sau này khi đã nắm vững nguyên lý nằm sau cách an tứ hóa, độc giả sẽ khám phá rằng học thuộc lòng vẫn là cách tiện lợi hơn cả.

Thế nhưng, có lẽ rất ít ai trong giới tử vi Việt Nam biết rằng khi bài này được viết bảng Tứ Hóa kể trên không còn được làng tử vi ngoài Việt Nam nhất luật tuân theo nữa. Đại khái tình hình hiện tại như sau:

Mọi trường phái (mà người viết đã biết qua) đều đồng ý cách an Hóa Lộc và Hóa Quyền như bảng trên đây là đúng.

Hóa Khoa và Hóa Kỵ của can Canh là đề tài tranh luận sôi nổi nhất. Có nhiều thuyết khác nhau:

Âm Đồng (Âm hóa Khoa, Đồng hóa Kỵ): Cách này y hệt bảng Tứ Hóa nêu trên, là cách được đa số theo.

Phủ Đồng (Phủ hóa Khoa, Đồng hóa Kỵ: Một số nhỏ người theo.

Phủ Tướng (Phủ Hóa Khoa, Tướng Hóa Kỵ): Một số rất nhỏ người theo.

Đồng Âm (Đồng hóa Khoa, Âm hóa Kỵ): Một số rất nhỏ người theo.

www.tuviglobal.com

Đồng Tướng (Đồng hóa Khoa, Tướng hóa Kỵ): Một số rất nhỏ người theo.

Tướng hóa Kỵ: Tức là chỉ Tướng hóa Kỵ là khác truyền thống thôi. Cách này cũng rất ít người theo; nhưng trong đó có vài nhân vật kiệt liệt, như Phan Tử Ngư tiên sinh của Đài Loan.

Về các can khác ta thấy có:

Ông Vương Đình Chi, Trung Châu phái Hồng Kông, chủ trương can Mậu Thái Dương hóa Khoa (thay vì Hữu Bật), can Nhâm Thiên Phủ hóa Khoa (thay vì Tả Phụ).

Ông Tạ Phồn Trị, một dịch lý gia Đài Loan, chủ trương can Quý Thiên Đồng hóa Khoa (thay vì Thái Âm).

Vì sách tử vi bằng chữ Hán rất nhiều, đọc không xuể, rất có thể còn một số ý kiến bất đồng nữa mà người viết chưa được dịp thấy qua.

Những quan điểm bất đồng này hiện nay vẫn bị coi là ý kiến thiểu số. Nhưng vì khoa tử vi vừa trải qua một giai đoạn trăm hoa đua nở kéo dài hơn hai mươi năm ở Đài Loan, Hồng Kông và đang bước vào giai đoạn đãi lọc; mỗi một quan điểm bất đồng là một triệu chứng cho thấy khoa tử vi sẽ càng ngày càng phân hóa, và rất có thể rời xa thay vì tiến lại gần cái gốc đúng của nó.

Bởi thế rất cần phải truy nguyên cách định tứ hóa bằng phương pháp khoa học.

Lại phải tạ ơn ông Tạ Phồn Trị

Nhưng làm sao truy nguyên cách định tứ hóa, trong khi khoa tử vi đã ra đời hơn ngàn năm trước, và từ lúc khởi đầu, ngoại trừ người phát minh ra khoa tử vi, đã chẳng ai biết Tứ Hóa từ đâu ra?

Lại một lần nữa người viết phải cúi cầu tạ ơn dịch lý gia Đài Loan Tạ Phồn Trị*. Cái bí mật ngàn năm của tứ

www.tuviglobal.com

Hóa tưởng sẽ vĩnh viễn chôn vùi với thời gian; không ngờ ông lại khai quật lên được. Mặc dù người viết có vài tiểu tiết bất đồng với ông, nhưng phải nhìn nhận ngay rằng nếu không có ông đốt đuốc mở đường, người viết đã chẳng có gì để dựa chân đi tới. Ông Trị đã có công tái khám phá cái nguyên ủy của 14 chính tinh (như đã trình bày trong nhiều bài trước), lại có công tái khám phá cái lý nằm sau cách an tứ Hóa. Vậy là nhờ ông mà cái nền của tòa nhà Tử Vi cuối cùng đã được bồi đắp kiên cố. Công lao ấy đối với làng tử vi thế giới thật là vĩ đại không tưởng tượng được; và không chỉ đời nay mà còn nhiều đời sau nữa.

Ngoại trừ những phần đề rõ là ý kiến bổ sung hoặc ý kiến phản đối của người viết, lý luận dẫn đến cách an tứ Hóa hoàn toàn là công lao của ông Tạ Phồn Trị. Người viết chỉ trình bày lại cho có mạch lạc và hợp với phương pháp khoa học hơn mà thôi.

Cái lý nằm sau cách an Hóa Lộc Hóa Quyền

(theo ông Tạ Phồn Trị)*

Ý NGHĨA CỦA "HÓA"

Trước hết ta cần xác định "hóa" có nghĩa gì.

Xin trả lời rằng "hóa" ứng với lý "cùng tắc biến" của dịch. Cảnh chết chóc của mùa đông kéo dài mãi tất phải đến lúc "cùng", mới "biến" ra sự sống phôi thai của mùa xuân; cái biến này ứng với hóa Lộc. Sự sống phôi thai của mùa xuân kéo dài mãi phải đến lúc "cùng", mới "biến" thành cái cường tráng của mùa hạ, ứng với hóa Quyền. Cái cường tráng của mùa hạ kéo dài mãi phải đến lúc "cùng", mới "biến" thành sự ngừng bước nhàn du của mùa thu; ứng với hóa Khoa. Nhưng ngừng bước nhàn du mãi

www.tuviglobal.com

phải đến lúc "cùng", mới "biến" thành cảnh chết chóc của mùa đông, ứng với hóa Kỵ.

PHỦ TƯỚNG SÁT KHÔNG HÓA

Tóm lại, hóa có nghĩa là "vì gặp cảnh cùng mà biến hóa". Nhưng muốn biến hóa thì phải có khả năng biến hóa mới được. Nhận xét rằng trong 14 chính tinh có ba chính tinh rất đặc biệt là Thiên Phủ, Thiên Tướng, và Thất Sát (Phủ Tướng Sát). Ta sẽ thấy rằng ba sao này không có khả năng biến hóa.

Từ cách hình thành ta đã biết Phủ là sao phụ của Tử Vi.

Thiên Tướng và Phá Quân vĩnh viễn xung chiếu. Phá Quân là sao tự có bản sắc (đại diện tính thuần thủy của cung Tý). Tướng là sao mượn chỗ, ngay cả hành thủy cũng mượn của Phá Quân. Cho nên, bất luận Thiên Tướng giữ vai trò gì, trên căn bản âm dương phải coi là sao phụ của Phá Quân.

Thất Sát và Thiên Phủ vĩnh viễn xung chiếu. Nếu coi Thất Sát là sao tự có bản sắc thì phải coi Thiên Phủ là sao phụ của Thất Sát. Nhưng dĩ nhiên điều này sai, vì Thiên Phủ là đế tinh chẳng thể nào là sao phụ của Thất Sát được. Vì thế phải đổi ngược lại, suy ra Thất Sát là sao phụ của Thiên Phủ.

Tóm lại Thiên Phủ là sao phụ của Tử Vi, Thất Sát là sao phụ của Thiên Phủ, Thiên Tướng là sao phụ của Phá Quân.

Đã là phụ, tất chỉ biết tùy theo người, thì có bản sắc đâu để mà biến hóa? Bởi vậy ba sao Phủ, Sát, Tướng không hóa.

Lập luận này (của ông Tạ Phồn Trị) giúp ta biết ngay rằng các thuyết cho rằng Phủ hóa Khoa, Tướng hóa Kỵ

www.tuviglobal.com

vân vân là chắc chắn sai, tối thiểu trên căn bản của thuyết âm dương.

MẤU CHỐT CỦA LỘC QUYỀN

Ta nhận xét rằng mùa hạ chỉ là biến chuyển cực thịnh tất yếu từ mùa xuân, như người đang đói được cho ăn (Lộc) đến một lúc trở nên cường tráng (Quyền). Bằng phép tương ứng, ta suy ra hóa Lộc (ứng với mùa xuân) và hóa Quyền (ứng với mùa hạ) phải có liên hệ nhân quả với nhau.

Nói rõ ràng hơn, cái lý của Lộc Quyền là: Lộc đi trước, tất Quyền theo sau. Cái lý này có thể diễn tả bằng một mũi tên: Đầu mũi tên (đi trước) ứng với hóa Lộc, đuôi mũi tên (đi sau) ứng với hóa Quyền.

Vì tứ Hóa ứng với cảnh "cùng tắc biến", khởi điểm của chúng ta là cảnh "cùng" của 14 chính tinh. Cảnh cùng đây tất nhiên ứng với tháng 5 hoặc tháng 11, là khi các sao tụ hội tối đa. Vì hai hoàn cảnh này đối xứng qua trung tâm địa bàn, ta chỉ cần dùng một trong hai. Hình 1 ghi hoàn cảnh ứng với tháng 5.

Chú ý rằng hai cung Mão Dậu chịu ảnh hưởng bình đẳng của mặt trời. Thế nên, để xét lý cùng tắc biến ta có thể coi như hai sao Liêm Phá ở cung Dậu. Quyết định vậy rồi thì toàn thể 14 chính tinh kéo thành một chuỗi liên tục từ cung Tỵ đến cung Hợi.

Ta bắt đầu giải bài toán Quyền Lộc với can Giáp. Giáp thuộc mộc. Mộc sinh hỏa, tức là hỏa được mộc nuôi dưỡng, nên một sao thuộc hỏa hóa Lộc. Đồng thời, thủy sinh được mộc, nghĩa là thủy phải rất mạnh, nên một sao thuộc thủy hóa Quyền.

Vì Lộc Quyền là đầu và đuôi một mũi tên (ứng với sự liên tục), ta tìm kiếm trên địa bàn xem có hai sao Hỏa và

www.tuviglobal.com

Thủy gần nhau hay không. Rất may ta tìm ngay ra rằng cặp Liêm Phá thỏa điều kiện này vì Liêm thuần hỏa, Phá thuần thủy, hai sao lại cùng cung. Do đó ta kết luận: Năm Giáp Liêm Trinh hóa Lộc, Phá Quân hóa Quyền.

Nhưng đó chỉ là may mắn. Ngũ hành chỉ là một phép tính gần đúng, nếu ta tiếp tục sử dụng ngũ hành khi sang các can khác, cái nguy cơ của sai lầm sẽ hết sức to lớn. Vì vậy, ta xem kết quả tìm được cho can Giáp như là điều kiện ban đầu (initial conditions) của một bài toán cần phải giải bằng luận lý âm dương.

Luận lý âm dương cho ta biết rằng, muốn diễn tả đặc tính liên tục của cặp Lộc Quyền, ta chỉ việc vạch thêm các mũi tên theo thứ tự "hợp lý". Nhưng "hợp lý" có nghĩa gì? Xin thưa, phải thỏa các điều kiện sau đây:

Thứ nhất: Cung nào có hai sao tất phải có một mũi tên nối hai sao đó (bởi không có lý do gì để hai sao này không nối với nhau).

Thứ hai: Trừ trường hợp bất khả kháng, hai sao khác cung nhưng cùng mũi tên phải cùng chùm sao, nghĩa là sao thuộc chùm Tử Vi phải nối với sao thuộc chùm Tử Vi, sao thuộc chùm Thiên Phủ phải nối với sao thuộc chùm Thiên Phủ.

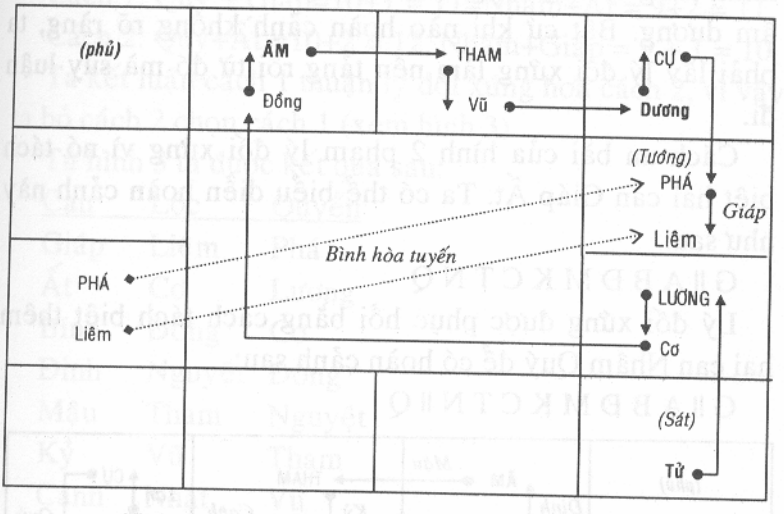
Thứ ba: Trừ trường hợp bất khả kháng, hai sao khác cung được nối với nhau phải ở hai cung kế cận nhau.

Thứ tư: Vì Quyền Lộc ứng với tính biến tốt đẹp. Tốt đẹp ứng với dương, dương ứng với chiều thuận, nên trừ trường hợp bất khả kháng mọi mũi tên phải theo chiều thuận (tức chiều kim đồng hồ trên địa bàn).

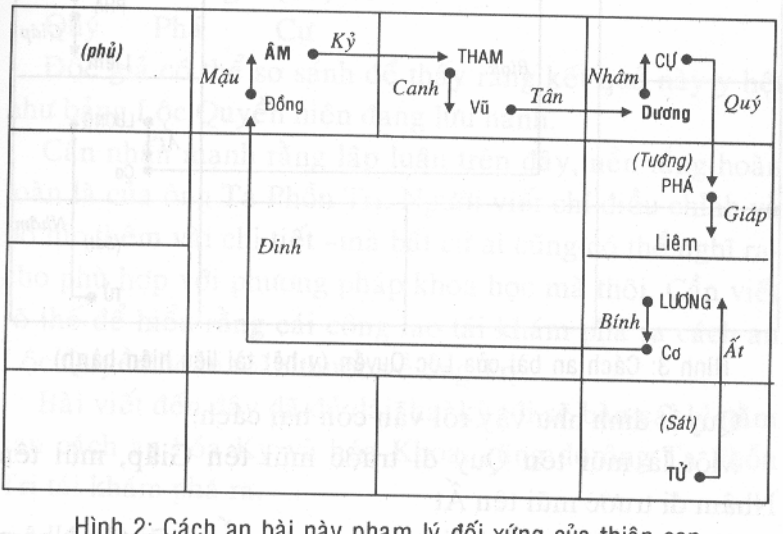
Vì Tử Vi là một sao lẻ (không có sao hóa thứ hai cùng cung), độc giả có thể kiểm nghiệm để thấy rằng chỉ có một cách an bài các mũi tên (xem hình 1).

www.tuviglobal.com

Đến đây, phản ứng tự nhiên của ta là đi lùi từ can Giáp, để được cách an bài Lộc Quyền như hình 2.



Hình 1: Hoàn cảnh cộng hưởng "cùng tắc biến" dùng để suy ra hóa Lộc và hóa Quyền.



Hình 2: Cách an bài này phạm lý đối xứng của thiên can

www.tuviglobal.com

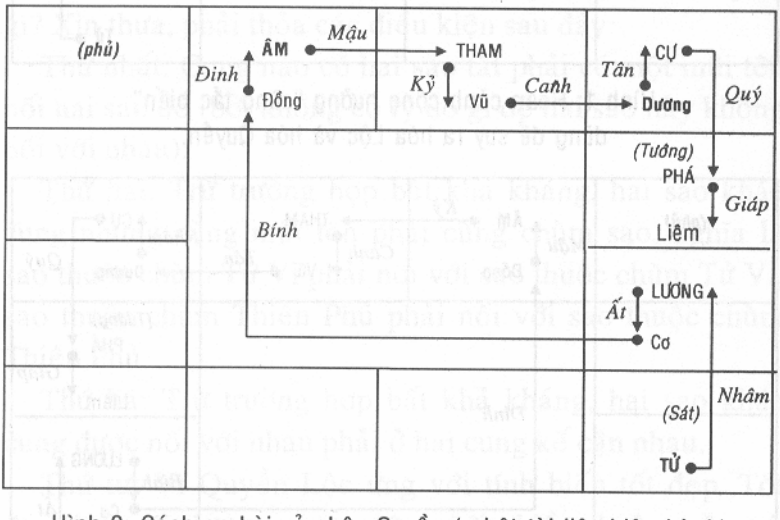
Thế nhưng cách này có một vấn đề, vì nó phạm lý đối xứng. Trong một quyển sách khác, người viết sẽ chứng minh rằng lý đối xứng là một đòi hỏi tất yếu của thuyết âm dương. Bất cứ khi nào hoàn cảnh không rõ ràng, ta phải lấy lý đối xứng làm nền tảng rồi từ đó mà suy luận đi.

Cách an bài của hình 2 phạm lý đối xứng vì nó tách biệt hai can Giáp Ất. Ta có thể biểu diễn hoàn cảnh này như sau:

G || A B Đ M K C T N Q

Lý đối xứng được phục hồi bằng cách tách biệt thêm hai can Nhâm Quý để có hoàn cảnh sau:

G || A B Đ M K C T N || Q



Hình 3: Cách an bài của Lộc Quyền (y hệt tài liệu hiện hành)

Quyết định như vậy rồi vẫn còn hai cách:

Một là mũi tên Quý đi trước mũi tên Giáp, mũi tên Nhâm đi trước mũi tên Ất

Hai là mũi tên Quý đi trước mũi tên Ất, mũi tên Nhâm đi trước mũi tên Giáp.

www.tuviglobal.com

Để giải quyết ta gọi Giáp là 1, Ất là 2, Bính là 3,... Nhâm là 9, Quý là 10.

Cách 1: Quý + Giáp=10+1 = 11=Nhâm+Ất = 9+2 = 11

Cách 2: Quý+Ất =10+2 = 12, Nhâm+Giáp = 9 + 1 = 10

Ta kết luận cách 1 thuận lý đối xứng hơn cách 2, vì vậy ta bỏ cách 2 chọn cách 1 (xem hình 3).

Từ hình 3 ta được kết quả sau:

Can	Lộc	Quyền
Giáp	Liêm	Phá
Ất	Cơ	Lương
Bính	Đồng	Cơ
Đinh	Nguyệt	Đồng
Mậu	Tham	Nguyệt
Kỷ	Vũ	Tham
Canh	Nhật	Vũ
Tân	Cự	Nhật
Nhâm	Lương	(Tử) Vi
Quý	Phá	Cự

Độc giả có thể so sánh để thấy rằng kết quả này y hệt như bảng Lộc Quyền hiện đang lưu hành.

Cần nhấn mạnh rằng lập luận trên đây, nền tảng hoàn toàn là của ông Tạ Phồn Trị. Người viết chỉ điều chỉnh và bổ túc thêm vài chi tiết –mà bất cứ ai cũng có thể nghĩ ra- cho phù hợp với phương pháp khoa học mà thôi. Cần viết rõ thế để hiểu rằng cái công lao tái khám phá ra cách an Lộc Quyền hoàn toàn thuộc về ông Trị.

Bài viết đến đây đã đủ dài, hai kỳ tới sẽ bàn cái lý nằm sau cách an hóa Kỵ và hóa Khoa, cũng do ông Tạ Phồn Trị tái khám phá ra.

San Jose 14 tháng 11, 2003

Đằng Sơn

www.tuviglobal.com

CHÚ THÍCH:

* Sách "Dịch kinh dữ tử vi đẩu số" (kinh Dịch và Tử Vi đẩu số), Tạ Phồn Trị, tự xuất bản, Cao Hùng, Đài Loan, 1995

www.tuviglobal.com

Chương 15

NGUỒN GỐC TỨ HÓA 2

Lý âm dương của cách an Hóa Kỵ

So sánh cái lý của Khoa Kỵ với Lộc Quyền

(theo ý ông Tạ Phồn Trị[1], với phần bổ túc của người viết)

Kỳ trước người viết đã trình bày cái lý dẫn đến hóa Lộc và hóa Quyền do ông Tạ Phồn Trị, một dịch lý gia Đài Loan, tái khám phá ra. Bây giờ xin trình bày cái lý dẫn đến hóa Kỵ.

Ông Tạ Phồn Trị[1] nhận xét là cái lý của Hóa Kỵ phải ngược lại cái lý của Lộc Quyền, nhưng ông không đào sâu lý do, có lẽ vì ông nghĩ rằng không cần thiết. Trong tinh thần khoa học, người viết đã mạn phép thêm phần lý luận sau đây để vấn đề được sáng tỏ hơn.

Trước hết cần nhắc lại rằng vì Lộc Quyền cùng ứng với biến đổi tốt đẹp nên được xét chung với nhau, thành hai bước liên tiếp như đầu và đuôi của một mũi tên (xem bài "Tứ Hóa 1"). Câu hỏi tự nhiên của ta là "Khoa Kỵ thì sao? Phải chăng chúng cũng hòa hợp thành hai bước như Lộc Quyền?" Để trả lời câu hỏi này, ta phải trở lại với bốn thể tương ứng của tứ Hóa, tức là bốn mùa xuân hạ thu đông.

Từ bài trước ta đã biết luật tương ứng là xuân Lộc, hạ Quyền, thu Khoa, đông Kỵ. Sau cảnh khắc nghiệt của mùa đông, ta đến trạng thái tươi tốt của mùa xuân (Lộc), rồi đến cực điểm là cái cường tráng của mùa hạ (Quyền). Kế theo là cái hòa hoãn của mùa thu (Khoa), và rồi trở lại cái điêu tàn khắc nghiệt của mùa đông (Kỵ). Hiển nhiên

www.tuviglobal.com

mùa xuân và mùa hạ là hai sự thăng tiến và mùa đông là sự đi lùi.

Nhưng còn mùa thu thì sao? Có phải là trạng thái đi lùi so với mùa hạ hay không? Quý độc giả sống ở nơi có bốn mùa sẽ biết ngay câu trả lời là "Không!" Bởi cái phát triển của mùa hạ có tính thái quá (quá nóng), khi trời giảm nhiệt độ vào mùa thu, thay vì có cảm giác thời tiết đi lùi, ta lại thấy một sự điều chỉnh tốt đẹp và dễ chịu. Tổng kết lại:

Mùa	Biến đổi	Hóa
Xuân	Tiến	Lộc
Hạ	Tiến	Quyền
Thu	Điều chỉnh	Khoa
Đông	Lùi	Kỵ

Có thể thấy rằng Lộc Quyền có cùng lý tính (cùng ứng với "tiến"), nhưng Khoa Kỵ thì không (Khoa "điều chỉnh", Kỵ "lùi"). Vì vậy:

-Thứ nhất, Khoa và Kỵ không thể xét chung với nhau, mà phải tách riêng ra.

-Thứ nhì, Kỵ ứng với "lùi" nên lý tính của nó phải tương phản với Lộc Quyền (ứng với "tiến").

Hóa Khoa sẽ được luận trong bài kế tiếp. Bài này chỉ chú trọng vào hóa Kỵ.

Cái lý nằm sau cách an Hóa Kỵ cho can dương

(theo ông Tạ Phồn Trị[1] với sự điều chỉnh của người viết)

Vì đều là biến đổi tốt đẹp, cái lý tổng hợp của hóa Lộc và hóa Quyền là "thuận lý". Vì "thuận lý" cho nên, như đã bàn trong bài trước, cái lý của Lộc Quyền có những đặc tính sau đây:

-Hai chùm sao Tử Phủ hòa hợp, nên được xét chung với nhau.

www.tuviglobal.com

-Hai yếu tố tháng giờ kết hợp làm một, nên phải lấy đơn vị lâu dài hơn làm ưu tiên[2]. Vì thuận lý nghĩa là "tháng thuận giờ nghịch". Lấy tháng làm ưu tiên thì thứ tự chính của Lộc Quyền đều thuận theo chiều kim đồng hồ.

Đã biết rằng Kỵ có lý tính hoàn toàn tương phản với Lộc và Quyền, ta suy ngay ra được những điều sau:

-Hai chùm sao Tử Phủ phân ly nên phải xét riêng rẽ.

-Hai yếu tố tháng giờ phân ly nên phải xét riêng rẽ. Vì thuận lý nghĩa là "tháng thuận giờ nghịch"; ta suy ra trong cái lý của hóa Kỵ thì "tháng nghịch" và "giờ thuận".

Nhắc lại là trong lý hóa Kỵ, hai yếu tố tháng giờ phải tách rời nhau. Vì Kỵ đại diện sự nghịch lý, tức là vô lý, tại các can dương sao dương phải hóa Kỵ. Nhưng thế nào là "sao dương", xin thưa là các sao trong chùm Tử Vi, vì chùm này theo lý của giờ, mà giờ thuộc dương. Lý luận tương tự, tại các can âm thì sao trong chùm Thiên Phủ hóa Kỵ.

Khi định Lộc Quyền mấu chốt của ta ở can Giáp là hai sao Hỏa Thủy cùng cung (tức Liêm Trinh thuần hỏa và Phá Quân thuần thủy). Vì Kỵ nghịch lại lý của Lộc Quyền, khởi điểm lý tưởng của chúng ta phải là hai sao Hỏa Thủy ở thế xung (tức là xung chiếu hoặc cách hai cung). Rất may, ta thấy Thái Dương (hỏa ở cung Thân) và Thái Âm (thủy ở cung Ngọ) thỏa điều kiện này.

Can Giáp thuộc dương. Suy ra Thái Dương hóa Kỵ ở Giáp. Bằng lý luận tương tự, Thái Âm hóa Kỵ ở Ất. Đây là hai điều kiện ban đầu (initial conditions) của hai vòng sao hóa Kỵ phân thành can dương và can âm.

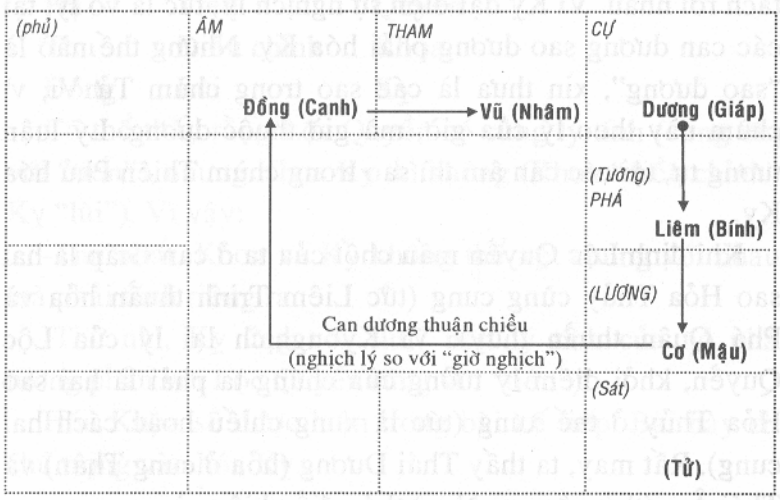
Để ngắn gọn, từ đây ta sẽ dùng danh từ "âm Kỵ" để chỉ hóa Kỵ của các can âm, và "dương Kỵ" để chỉ hóa Kỵ của các can dương.

Ta sẽ xét dương Kỵ trước.

www.tuviglobal.com

Dương Kỵ ứng với nhóm sao giờ do Tử Vi lãnh đạo. Nhóm này có 6 sao mà chỉ có 5 can, nên phải loại ra một sao không hóa Kỵ. Sự lựa chọn này tương đối giản dị, vì Tử Vi là sao cao quý nhất của khoa tử vi, nếu chỉ có một sao không hóa Kỵ thì sao đó phải là Tử Vi. Kết luận: Tử Vi không hóa Kỵ.

Loại Tử Vi rồi thì vì "thuận lý" của chùm Tử Vi nghĩa là đi nghịch chiều, "nghịch lý" phải là thuận chiều; nên ta khởi Giáp ở Thái Dương đi theo chiều thuận. Kết quả như sau: Giáp Thái Dương, Bính Liêm Trinh, Mậu Thiên Cơ, Canh Thiên Đồng, Nhâm Vũ Khúc.



Hình 1: Khởi hóa Kỵ can dương ở Thái Dương thì được Thái Dương hóa Kỵ ở Giáp. Vì Thái Dương thuận lý là ngược chiều kim đồng hồ, hóa Kỵ nghịch lý nên thuận chiều kim đồng hồ. Bỏ Tử Vi ra ngoài thì được 5 sao hóa y hệt như tài liệu hiện hành.

Độc giả có thể kiểm soát lại để thấy rằng cách an bài này đúng y hệt cách hiện đang lưu hành cho 5 dương Kỵ.

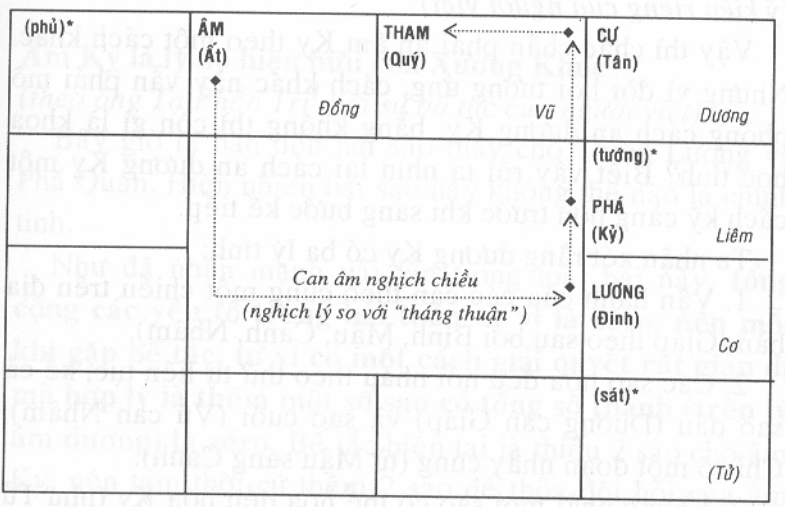
www.tuviglobal.com

Ta sẽ bàn thêm về tính "không hóa Kỵ" của Tử Vi ở cuối bài.

Vấn đề hóa Kỵ của can âm

(theo ông Tạ Phần Trị[1] với sự bổ túc của người viết)

Kế đến ta xét âm Kỵ. Âm Kỵ ứng với chùm Thiên Phủ gồm 8 sao, trừ đi Phủ Tướng Sát không hóa thì còn lại đúng 5 sao. Ta hãy thử áp dụng phương pháp tương tự trường hợp dương Kỵ cho âm Kỵ xem sao.



Hình 2: Áp dụng phương pháp y như can dương nhưng đi nghịch chiều ta được thứ tự như trên cho 5 hóa Kỵ của can âm. Nhưng cách này có vấn đề vì sao Cự Môn đã hóa Lộc ở can Tân, không thể cùng lúc hóa Kỵ được. Do đó phải tìm phương pháp khác.

Chùm Thiên Phủ theo lý của tháng, nên thuận lý là chiều thuận; do đó nghịch lý là chiều nghịch. Khởi Thái Âm ở can Ất rồi vận hành nghịch chiều ta được Ất-Thái Âm, Đinh-Thiên Lương, Kỷ-Phá Quân, Tân-Cự Môn, Quý-Tham Lang (xem hình 2).

www.tuviglobal.com

Thoạt nhìn tưởng là ổn thỏa nhưng xét lại với bảng Lộc Quyền ta thấy ngay một vấn đề lớn; bởi theo cách an này thì Cự Môn hóa Kỵ ở can Tân, nhưng ở can Tân Cự Môn đã hóa Lộc rồi (câu thiệu Lộc Quyền Khoa Kỵ cho can Tân là "Tân Cự Nhật Khúc Xương") Mỗi hóa đại diện một mùa nên một sao không thể ứng với hai hóa cùng một lúc. Tóm lại, âm Kỵ không thể an theo cách này được.

Tại sao Thiên Lương Phá Quân không hóa Kỵ?
(ý kiến riêng của người viết)[2]

Vậy thì chắc chắn phải an âm Kỵ theo một cách khác. Nhưng vì đòi hỏi tương ứng, cách khác này vẫn phải mô phỏng cách an dương Kỵ, bằng không thì còn gì là khoa học tính? Biết vậy rồi ta nhìn lại cách an dương Kỵ một cách kỹ càng hơn trước khi sang bước kế tiếp.

Ta nhận xét rằng dương Kỵ có ba lý tính:

1. Vận hành của các can theo cùng một chiều trên địa bàn (Giáp theo sau bởi Bính, Mậu, Canh, Nhâm).

2. Các sao hóa đều nối nhau theo thứ tự liên tục, kể cả sao đầu (Dương can Giáp) và sao cuối (Vũ can Nhâm). Chỉ có một đoạn nhảy cung (từ Mậu sang Canh).

3. Không phải mọi sao có thể hóa đều hóa Kỵ (như Tử Vi có thể hóa, nhưng lại không hóa Kỵ).

Bằng luật tương ứng âm dương, ta lập luận rằng ba lý tính này cũng phải ứng với âm Kỵ. Lý tính 3 cho phép ta loại bớt một vài chính tinh ra khỏi hàng ngũ âm Kỵ. Loại bớt chính tinh là một phương pháp nhiều hứa hẹn vì nó giúp ta thay đổi liên hệ giữa can và sao để tránh trường hợp một chính tinh đã hóa Lộc hoặc Quyền lại hóa Kỵ.

Nhưng vì tổng cộng chỉ 5 chính tinh có thể hóa Kỵ, mỗi một chính tinh bị loại ra khỏi hàng ngũ âm Kỵ phải được thay bằng một sao khác. Từ lý âm dương ta biết số sao

www.tuviglobal.com

thay phải là một bội số của 2. Vì không có lý do gì để số sao thay phải lớn hơn 2, ta kết luận số sao thay là 2. Tóm lại ta phải loại 2 chính tinh ra khỏi bài toán âm Kỵ và thay bằng 2 sao khác.

Hãy bàn chính tinh phải loại trước. Vì Thái Âm đã hóa Kỵ ở Ất, từ lý 2 ta thấy ngay rằng hai sao bị loại phải là Thiên Lương và Phá Quân. Nghĩa là Thiên Lương và Phá Quân không hóa Kỵ. Ta sẽ trở lại ý nghĩa của sự kiện này ở cuối bài.

Âm Kỵ là lý do hiện hữu của Xương Khúc

(theo ông Tạ Phồn Trị[1] với sự bổ túc của người viết)

Bây giờ ta bàn đến hai sao thay chỗ Thiên Lương và Phá Quân. Hiển nhiên hai sao này không thể nào là chính tinh.

Như đã nhấn mạnh vài lần trong loạt bài này, **tổng cộng các yếu tố trong bài toán tử vi là zéro, nên mỗi khi gặp bế tắc, tử vi có một cách giải quyết rất giản dị mà hợp lý là thêm một số sao có tổng số thành (trên lý âm dương) là zéro.** Bế tắc hiện tại là thiếu 2 sao cho âm Kỵ, nên tạm thời cứ thêm 2 sao để thỏa đòi hỏi của âm Kỵ đã rồi tính sau.

Âm Kỵ ứng với chùm Thiên Phủ, mà chùm Thiên Phủ mang tính "tháng" nên ta phải tìm hai sao có tính "tháng". Nhưng từ một bài trước, ta đã có hai sao có tính "tháng" rồi. Chúng chính là cặp sao Xương Khúc! Ta cũng đã bàn qua cách hình thành hai sao này và ý nghĩa của chúng, đồng thời giải thích theo kiểu "cái cày trước con trâu" là Tử Vi cần chúng để giải bài toán tứ Hóa. Giờ thì ta hiểu Xương Khúc phải có mặt để giúp Tử Vi giải quyết cái bế tắc của bài toán âm Kỵ!

www.tuviglobal.com

Xương Khúc Tả Hữu đều là kết quả của tứ Hóa!

(theo ông Tạ Phồn Trị[1] với sự bổ túc của người viết)

Nhưng tính "tháng" của chùm Thiên Phủ không độc lập, mà chỉ là phân nửa của tính "tháng thuận giờ nghịch" của toàn thể 14 chính tinh. Vì đòi hỏi quân bình âm dương của tháng và giờ, đã đặt ra Xương Khúc đại biểu tính "tháng" thì phải đặt thêm hai sao đại biểu tính "giờ" mới thỏa cái lý tổng hợp âm dương của tháng và giờ. Các độc giả tinh ý hẳn đã đoán được rằng cặp sao ứng với tính "giờ" chính là Tả Hữu.

Tái khám phá ra lý do hiện hữu của Xương Khúc Tả Hữu cũng là công của ông Tạ Phồn Trị[1]. Người viết đã khai triển thêm cho lớp lang hơn, nhưng không nằm ngoài cái lý mà ông Trị đã vạch ra. Cái lý này hết sức quan trọng, vì nó cho ta thấy rằng bài toán tử vi là một khai triển lớp lang của một tiền đề hết sức giản dị: Rằng mỗi cuộc sống tương ứng với một năm, tức một chu kỳ tuần hoàn của trời đất, với 4 điểm biến sinh thành trụ diệt ứng với bốn mùa xuân hạ thu đông (Lộc Quyền Khoa Kỵ). Nói cách khác, tử vi khởi từ cái gốc là 14 chính tinh và tứ hóa, tất cả mọi yếu tố khác chỉ là cành và lá để bài toán tổng hợp thỏa lý âm dương mà thôi.

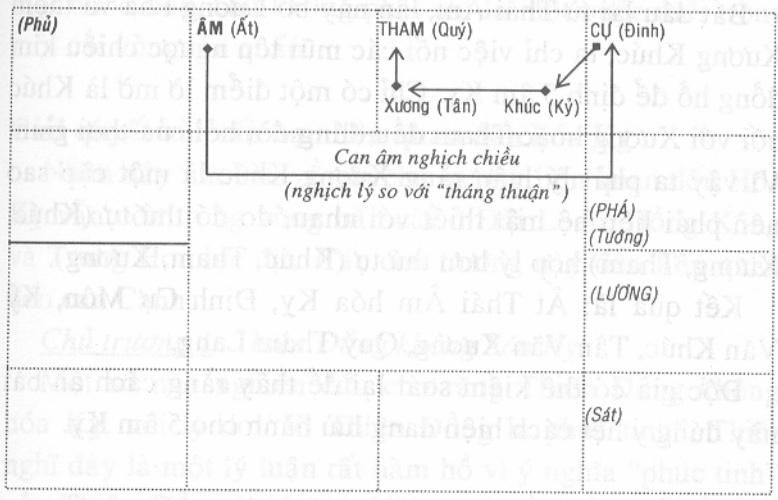
Cái lý nằm sau cách an Hóa Kỵ cho can âm

(theo ông Tạ Phồn Trị[1] với sự bổ túc của người viết)

Từ bài trước ta đã biết hoàn cảnh của 14 chính tinh -mà ta chọn để giải bài toán tứ Hóa- ứng với tháng 5 (đi thuận) hay là giờ Thìn (đi nghịch). Nhưng hai sao Xương Khúc cộng hưởng (cư cùng cung Mùi) không ở giờ Thìn mà ở giờ Mão, tức là sai biệt một giờ với hoàn cảnh cộng hưởng của chính tinh. Sở dĩ có sự sai biệt này là vì 14 chính tinh

www.tuviglobal.com

được khai sinh ở tháng 2 cho ứng với sự bình hòa của tiết xuân phân, trong khi đó thời điểm khai sinh của Xương Khúc ứng với thời điểm khai sinh của hai yếu tố tháng giờ, nên là tháng giêng.



Hình 3: Ở cuối giờ Mão, Xương (vận hành nghịch từ Tuất) vẫn ở trong cung Mùi nhưng thiên về bên trái, Khúc (vận hành thuận từ Thìn) thiên về bên phải. Chùm Thiên Phủ vì thuận hành nên đầu tháng 5 mọi sao đều thiên về bên trái các cung. Đi nghịch chiều từ Thái Âm ta được hóa Kỵ cho 5 can âm y hệt như tài liệu hiện hành.

Vậy thì có thể tạo tình trạng cộng hưởng cho cả chính tinh lẫn cặp Xương Khúc không? Xin trả lời là được, nếu ta coi tháng 5 là đầu tháng 5. Đầu tháng 5 ứng với đầu giờ Thìn nên giao thoa (tức là cộng hưởng) với cuối giờ Mão.

Phương pháp này đòi hỏi ta coi chiều ngang mỗi cung ứng với một tháng, một giờ thay vì là một thời điểm (với độ lâu là zéro). Các sao trong chùm Thiên Phủ ứng với đầu tháng 5 nên ở phía trái của các cung mà chúng trấn giữ. Ở cuối giờ Mão (tức thời điểm giao thoa với đầu

www.tuviglobal.com

tháng 5) vị trí tương ứng của Văn Xương (khởi từ Tuất vận hành nghịch theo giờ) là phía trái cung Mùi. Văn Khúc (khởi từ Thìn vận hành thuận theo giờ) cũng nằm trong cung Mùi, nhưng ở bên phải (xem hình 3).

Bắt đầu lại từ Thái Âm, lần này bỏ Lương Phá và thêm Xương Khúc, ta chỉ việc nối các mũi tên ngược chiều kim đồng hồ để định 5 âm Kỵ. Chỉ có một điểm lờ mờ là Khúc nối với Xương hoặc Tham đều đúng đòi hỏi của thời gian. Vì vậy ta phải lý luận rằng Xương Khúc là một cặp sao nên phải liên hệ mật thiết với nhau, do đó thứ tự (Khúc, Xương, Tham) hợp lý hơn thứ tự (Khúc, Tham, Xương).

Kết quả là: Ất Thái Âm hóa Kỵ, Đinh Cự Môn, Kỷ Văn Khúc, Tân Văn Xương, Quý Tham Lang.

Độc giả có thể kiểm soát lại để thấy rằng cách an bài này đúng y hệt cách hiện đang lưu hành cho 5 âm Kỵ.

Tổng lược kết quả bài toán hóa Kỵ

Tóm lược lại, kết quả của 10 hóa Kỵ là:

Can	Hóa Kỵ
Giáp	Dương
Ất	Âm
Bính	Liêm
Đinh	Cự
Mậu	Cơ
Kỷ	Khúc
Canh	Đồng
Tân	Xương
Nhâm	Vũ
Quý	Tham

Như đã nói trên, kết quả này hoàn toàn đồng ý với tài liệu để lại từ xưa và đến hiện tại vẫn được làng tử vi Việt Nam nhất luật coi là đúng. Điểm đáng nói là, vì đây là kết

www.tuviglobal.com

quả của lý luận, ta không sợ mối nguy tam sao thất bổn; và hễ nghi là sai thì chỉ việc kiểm soát lại phần lý luận và bổ túc, sửa chữa nếu cần thiết. Nhờ vậy ta có thể đoán trước là mỗi đổi thay, nếu có, của bài toán hóa Kỵ sẽ là một bước tiến, chứ không phải chỉ là một bước mới trong một cái vòng lẩn quẩn.

Giải quyết vài vấn nạn liên quan đến hóa Kỵ

Nhân đây xin bàn về vài chủ trương liên quan đến Hóa Kỵ vẫn còn trong vòng bàn cãi ở Đài Loan, Hồng Kông và Trung Hoa lục địa. Các chủ trương này đều liên quan đến can Canh.

Chủ trương 1: Thiên Đồng không hóa Kỵ!

Một số nhà nghiên cứu cho rằng Thiên Đồng không hóa Kỵ, với lý do "Vì Thiên Đồng là phúc tinh". Thiết nghĩ đây là một lý luận rất hàm hồ vì ý nghĩa "phúc tinh" của Thiên Đồng là do người xưa truyền lại. Nếu quả là một bí quyết đúng đi nữa thì vẫn phải định nghĩa rõ ràng "phúc" là gì trước khi luận một vấn đề lớn như cách an hóa Kỵ. Hầu hết các độc giả hẳn biết câu thành ngữ "Tái ông thất mã", bắt đầu từ một truyện kể của Hoài Nam Tử. Thay vì nhắc lại câu chuyện này, người viết chỉ xin trích đoạn kết "cố phúc chi vi họa, họa chi vi phúc, hóa bất khả cực, thâm bất khả trắc dã". Trần Trọng San tiên sinh dịch như sau: "Bởi vậy may là rủi, rủi là may, sự biến hóa không thể hiểu thấu, lẽ sâu xa không thể nào lường tính được"[3]. Đủ thấy không thể lập luận rằng Thiên Đồng không hóa Kỵ chỉ vì nó là phúc tinh.

Chủ trương 2: Can Canh Thái Âm hóa Kỵ

Chủ trương này có lẽ là kết quả của suy luận dựa trên kinh nghiệm cá nhân khởi từ niềm tin rằng Thiên Đồng không thể hóa Kỵ. Vì Thái Âm thuộc chùm Thiên Phủ,

www.tuviglobal.com

cách an này khiến Canh là can Dương duy nhất hóa Kỵ sao trong chùm Thiên Phủ. Có thể thấy rằng nó hoàn toàn phản lại nguyên lý tổng quát (can dương phải hóa Kỵ trong chùm Tử Vi) mà chúng ta đã trình bày trong bài này.

Chủ trương 3: Can Canh Thiên Tướng hóa Kỵ

Chủ trương này hiển nhiên là kết quả của suy luận dựa trên kinh nghiệm cá nhân, có lẽ cũng khởi từ niềm tin rằng Thiên Đồng không thể hóa Kỵ. Độc giả có thể tự chiêm nghiệm xem sao. Nhưng trên căn bản thuần lý cũng phải coi là sai (vì Thiên Tướng là phó tinh, không thể hóa).

Từ hóa Kỵ luận vài đặc tính của Tử Vi, Thiên Lương, Phá Quân

(ý kiến riêng của người viết)

Bài toán hóa Kỵ dẫn đến kết quả là ba sao Tử Vi, Thiên Lương, Phá Quân không hóa Kỵ. Vì "hóa" nghĩa là biến tính, nên sao không hóa Kỵ phải ứng với một trong hai trường hợp:

Trường hợp 1: Hoàn toàn không có cái nhân "Kỵ" tiềm ẩn trong bản chất, nên bất luận hoàn cảnh ra sao cũng không thể hóa Kỵ.

Trường hợp 2: Tính Kỵ đã hiển hiện ra ngoài, nên không có lý do gì để "hóa Kỵ" nữa.

TỬ VI: Vì là đế tinh có vị trí cao quý rồi không có lý do gì để đố kỵ, Tử Vi hiển nhiên ứng với trường hợp 1.

THIÊN LƯƠNG: Vì luôn luôn tam hợp với đế tinh Thái Âm, ví như kẻ mưu sĩ đã có chỗ dung thân, Thiên Lương cũng không có lý do gì để đố kỵ ai, nên cũng ứng với trường hợp 1.

www.tuviglobal.com

PHÁ QUÂN: Ta đã biết Phá Quân là thủ lãnh phe chống lại truyền thống, bản chất đã mang tính Kỵ là hợp lý; do đó Phá Quân ứng với trường hợp 2.

Vì không mang tính Kỵ, lại là đế tinh cao quý; Tử Vi có khả năng tạo phúc. Rất phù hợp với quan điểm để lại từ nghìn xưa, rằng "Tử Vi ở cung nào ban phúc cho cung đó", nghĩa là giúp cho cung đó dễ tốt đẹp hơn.

Suy luận tương tự, Thiên Lương tất cũng phải có khả năng tạo phúc. Nhưng Lương chỉ là một thường tinh, nếu cũng ở đâu tốt đó như Tử Vi thì không hợp lý; nên chỉ có một cách để Thiên Lương tạo phúc là giải những họa trong cung. Thành thử vì lẽ bù trừ, Thiên Lương có đặc tính trái khoáy là ở đâu thì nơi đó khó tránh khỏi họa, nhưng họa xảy ra rồi thì Thiên Lương lại ra tay cứu giải. Cứu giải được hay không dĩ nhiên còn lệ thuộc nhiều yếu tố khác[4].

Phá Quân căn bản đã mang tính Kỵ nên không tiện cư những cung liên hệ đến người như phu thê, huynh đệ, phụ mẫu, phúc đức. Đây là một đặc tính mà giới nghiên cứu tử vi theo kinh nghiệm đều biết là đúng; giờ thì ta hiểu tại sao.

San Jose 21 tháng 11, 2003
Đằng Sơn

CHÚ THÍCH:

1. Sách "Dịch kinh dữ tử vi đẩu số" (kinh Dịch và Tử Vi đẩu số, tiếng Hoa), Tạ Phồn Trị, tự xuất bản, Cao Hùng, Đài Loan, 1995

2. Ông Tạ Phồn Trị (sách dẫn ở đề mục 1) có bàn lý do tại sao Phá Quân và Thiên Lương không hóa Kỵ. Nhưng cái lý của ông

www.tuviglobal.com

rất huyền hoặc nên người viết mạn phép không trình bày trong bài này.

3. Sách "Hán Văn", trang 210, Trần Trọng San, nhà xuất bản Bắc Đẩu, 1991.

4. Đặc tính này đã được nhiều nhà nghiên cứu ghi nhận từ kinh nghiệm.

www.tuviglobal.com

Chương 16

NGUỒN GỐC CỦA TỨ HÓA 3
Lý âm dương của cách an Hóa Khoa

Nhìn lại ba hóa Lộc Quyền Kỵ

Trong hai kỳ trước, người viết đã trình bày lại những tái khám phá của dịch lý gia Đài Loan Tạ Phồn Trị[1] bằng ngôn ngữ khoa học cho hóa Lộc, hóa Quyền, hóa Kỵ. Những tái khám phá này của ông Trị hoàn toàn đồng ý với bảng tứ Hóa tiêu chuẩn của làng tử vi Việt Nam được lưu lại từ nghìn xưa (xem cột Lộc, Quyền, Kỵ của bảng dưới đây). Dữ kiện này giúp ta tin rằng Tử Vi quả có nền tảng khoa học.

BẢNG TỨ HÓA ĐƯỢC LƯU TRUYỀN

Can	Lộc	Quyền	Khoa	Kỵ
Giáp	Liêm	Phá	Vũ	Dương
Ất	Cơ	Lương	Tử	Nguyệt
Bính	Đồng	Cơ	Xương	Liêm
Đinh	Nguyệt	Đồng	Cơ	Cự
Mậu	Tham	Nguyệt	Hữu	Cơ
Kỷ	Vũ	Tham	Lương	Khúc
Canh	Nhật	Vũ	Âm	Đồng
Tân	Cự	Nhật	Khúc	Xương
Nhâm	Lương	Vi	Phụ	Vũ
Quý	Phá	Cự	Âm	Tham

(Chú thích tại chỗ: Nguyệt là Thái Dương, Nhật là Thái Âm, Hữu là Hữu Bật, Phụ là Tả Phụ).

www.tuviglobal.com

Người viết xin dừng lại một bước để nhận xét về những đóng góp của ông Trị trong bài giải của ba hóa Lộc Quyền Kỵ.

Về hai hóa Lộc Quyền, ông Trị có công rất lớn là khoa học hóa cách an hai hóa này. Nhờ đó kẻ hậu học không còn phải thắc mắc về nguồn gốc của chúng. Hiện nay làng tử vi thế giới không có dị nghị gì về cách an Lộc Quyền, nên chỉ xin nhận xét giản lược như thế.

Về hóa Kỵ, lý luận của ông Trị cho ta thêm một dữ kiện quan trọng để giải quyết vấn nạn can Canh. Theo lý luận của ông Trị thì hóa Kỵ của mọi can dương đều phải thuộc chùm sao dương, tức là chùm Tử Vi. Bài giải của ông cho ta Thiên Đồng hóa Kỵ ở can Canh (dương), y như tiêu chuẩn của làng tử Vi Việt Nam. Thiên Đồng dĩ nhiên thuộc chùm Tử Vi.

Như đã trình bày trong hai bài trước, trong khi loạt bài này được viết có một thiểu số mệnh lý gia ở Đài Loan và Hồng Kông cho rằng can Canh Thái Âm hóa Kỵ, một thiểu số khác lại cho rằng can Canh Thiên Tướng hóa Kỵ. Để vắn tắt ta sẽ gọi hai phái thiểu số này là Canh Âm Kỵ và Canh Tướng Kỵ.

Vì Thái Âm và Thiên Tướng đều thuộc chùm Thiên Phủ, tức là chùm sao âm, lý luận của ông Trị cho ta biết hai sao này không thể nào hóa Kỵ ở can Canh được. Nhưng vì mốc định tối hậu của mọi ngành khoa học là giá trị thực nghiệm, ta không thể bác bỏ ngay hai quan điểm dị biệt về can Canh nêu trên, mà phải xét xem chúng có giá trị thực nghiệm hay không.

Theo thiển ý, trường phái Canh Âm Kỵ khởi từ niềm tin rằng Thiên Đồng không thể hóa Kỵ (và có lẽ một lý do nữa sẽ bàn sau trong phần hóa Khoa). Tin như vậy rồi thì phải kết luận câu thiệu "Canh Nhật Vũ Âm Đồng" không

www.tuviglobal.com

đúng với nguyên bản. Vì đã đồng ý Lộc Quyền là đúng, người ta cho rằng Khoa Kỵ phải xếp ngược lại, thành ra "Canh Nhật Vũ Đồng Âm" mới đúng. Bài trước người viết đã giải thích tại sao quan điểm "Đồng không thể hóa Kỵ" không hợp lý. Quan điểm này đã không hợp lý thì luận cứ "can Canh Thái Âm hóa Kỵ" cũng chẳng còn gì là chắc chắn.

Trường phái Canh Tướng Kỵ khởi từ kinh nghiệm cá nhân của một số tử vi gia dạn dày kinh nghiệm từng coi nhiều lá số, trong đó có Phan Tử Ngư tiên sinh của Đài Loan. Các tử vi gia này nghi là Thiên Tướng hóa Kỵ vì họ thấy nhiều trường hợp đến hạn năm Canh có Thiên Tướng người ta dễ gặp xui xẻo. Vì theo cách xem truyền thống "Thiên Tướng là quý nhân tinh nhập hạn tốt đẹp", sự xui xẻo trong năm Canh hạn Thiên Tướng được giải thích bằng phép lưu tứ Hóa[2] sau khi thêm giả thuyết rằng Thiên Tướng hóa Kỵ ở can Canh.

Nhưng từ cách hình thành 14 chính tinh đã trình bày trước đây trong loạt bài này, có thể thấy rằng Thiên Tướng là sao yếu đuối nhất của nhóm 8 sao động (gồm Tử Phủ Liêm Vũ Tướng Sát Phá Tham). Nên "Thiên Tướng nhập hạn lẽ ra phải tốt" chỉ là một niềm tin được truyền lại từ nhiều đời, không nên vội coi là chân lý. Sau này độc giả sẽ thấy rằng hạn Thiên Tướng, nhất là Thiên Tướng độc thủ, hoàn cảnh thường rất mẫn cảm, sai một ly đi một dặm như không.

Vì không có đủ lý do để nói rằng Thái Âm hoặc Thiên Tướng hóa Kỵ ở can Canh, chúng ta phải trở về với luận lý, và đã trở về với luận lý thì phải nhìn nhận kết quả của ông Trị. Tóm lại, xét trên nền tảng khoa học thì lời giải cho hóa Kỵ của can Canh nói riêng, và cho tam hóa Lộc Quyền Kỵ của cả 10 can nói chung chính là kết quả mà

www.tuviglobal.com

người xưa truyền lại cho chúng ta. Trước đây chúng ta chỉ tin những kết quả này một cách mù quáng, nhưng bây giờ, nhờ vào lý luận của ông Trị, chúng ta có quyền nói rằng niềm tin của ta có cơ sở khoa học. Đây là một bước tiến lớn trong luận đề "Tử Vi hoàn toàn khoa học".

Vấn nạn hóa Khoa trong làng tử vi thế giới[3] hiện đại

Chuyển trọng tâm sang hóa Khoa, tức đề tài cuối cùng của tứ hóa, thì vấn đề không còn giản dị như Lộc Quyền Kỵ, vì có khá nhiều bất đồng giữa làng tử vi thế giới[3] và bảng hóa Khoa truyền thống hiện được làng tử vi Việt Nam tin cậy. Đầu mối của vấn đề là can Canh, có hai trường phái chống lại truyền thống, một cho rằng sao hóa Khoa là Thiên Đồng, phái kia cho sao hóa Khoa là Thiên Phủ.

Có nhiều lý do để người ta chống lại truyền thống ở can Canh, nhưng lý do dễ hiểu nhất là theo truyền thống thì Thái Âm hóa Khoa hai lượt, ở can Canh và ở can Quý. Coi lại toàn bảng ta không thấy sao nào khác có cùng tính hóa ở hai can, nên bằng lý luận tỷ giảo ta có quyền hồ nghi rằng hóa Khoa cho can Canh hoặc can Quý đã bị an sai. Cộng với niềm tin (mà chúng ta đã đả phá trước đây) rằng Thiên Đồng vì là phúc tinh nên không thể hóa Kỵ, cách giải quyết giản dị là đảo ngược thứ tự truyền thống của Khoa Kỵ để được Thiên Đồng hóa Khoa ở can Canh; đây là phái thứ nhất.

Phái thứ hai cũng dựa trên lý luận tỷ giảo để kết luận rằng Thái Âm chỉ có thể hóa Khoa một lần. Người ta tin Thái Âm không thể hóa Khoa ở can Canh có lẽ vì can này đã là trọng tâm của các cuộc bàn cãi trước đó. Phản ứng tự nhiên là thay Thái Âm bằng một sao có ít nhiều điểm

www.tuviglobal.com

tương đồng với Thái Âm. Sao ấy là Thiên Phủ vì Thiên Phủ và Thái Âm cùng là đế tinh, lại cùng là tài tinh[4].

Nhưng nếu Thiên Phủ chỉ hóa Khoa ở can Canh thì lẻ loi quá, vì như vậy nghĩa là nó chỉ xuất hiện đúng một lần trong bảng tứ hóa. Có lẽ vì suy nghĩ này mà ta có phái thứ ba, hiện được đại diện bởi Trung Châu phái Hồng Kông. Theo Trung Châu phái Hồng Kông, Phủ hóa Khoa hai lần ở can Canh (thay vì Thái Âm) và can Nhâm (thay vì Tả Phụ[5]). Nhưng bỏ Tả Phụ ra khỏi bảng hóa Khoa rồi thì không có lý do gì để giữ Hữu Bật, để giải quyết Trung Châu phái Hồng Kông cho Thái Dương (thay vì Hữu Bật) hóa Khoa ở can Mậu.

Tóm lại bảng hóa Khoa của Trung Châu phái Hồng Kông khác bảng hóa Khoa truyền thống ở ba can Mậu (Dương), Canh (Phủ), Nhâm (Phủ). Điểm ngộ nghĩnh là thay vì Thái Âm hóa Khoa hai lần như truyền thống, bây giờ ta có Thiên Phủ hóa Khoa hai lần; có thể gọi là một cảnh "mèo lại hoàn mèo". Đáng chú ý hơn là Thái Dương được thêm vào bảng hóa Khoa, trong khi cặp Tả Hữu bị loại hẳn ra ngoài, hoàn toàn không tham dự trong tứ Hóa.

Thay vì phê bình bảng hóa Khoa của Trung Châu phái Hồng Kông, chúng ta sẽ thiết lập bảng hóa Khoa bằng một luận cứ khoa học để độc giả tự kết luận. Nhưng trước khi sang phần kế tiếp cần mở dấu ngoặc rằng, khi bài này được viết, có một khuynh hướng rất mạnh ở Đài Loan chủ trương bỏ Quyền và Khoa, chỉ xét Lộc và Kỵ khi luận Tử Vi. Khuynh hướng giản lược hóa này khiến người ta không mấy chú tâm đến những thay đổi to lớn trong bảng hóa Khoa của Trung Châu phái Hồng Kông. Theo thiển ý, đây là một ngã quặt vô cùng nguy hiểm cho tương lai của khoa Tử Vi.

www.tuviglobal.com

Vài điều kiện mà cách an hóa Khoa phải thỏa
(theo ông Tạ Phồn Trị[1])

Hai bài trước ta biết Lộc Quyền, vì phản ảnh tính hỗ tương tiến bộ của mùa xuân và mùa hạ, nên các chính tinh phối hợp với nhau theo thứ tự thuận lý (thuận chiều kim đồng hồ), và thập thiên can cũng được khai triển theo thứ tự thuận lý (Giáp Ất Bính Đinh Mậu Kỷ Canh Tân Nhâm Quý), không phân biệt sao âm sao dương hoặc can âm can dương.

Bài trước ta biết hóa Kỵ, vì phản ảnh tính thoái hóa của mùa đông, nên các sao dương (chùm Tử Vi) chỉ đi với can dương (Giáp Bính Mậu Canh Nhâm), các sao âm (chùm Thiên Phủ và cặp Xương Khúc) chỉ đi với can âm (Ất Đinh Kỷ Tân Quý). Ngoài ra, cả hai nhóm âm dương đều vận chuyển nghịch lý.

Hóa Khoa phản ảnh tính nhẹ nhàng của mùa thu, nên không có tính tiến bộ của mùa xuân mùa hạ, cũng không có tính thoái hóa của mùa đông. Suy ra cách an hóa Khoa phải khác cách an Lộc Quyền Kỵ. Từ những gì chúng ta đã biết về Lộc Quyền Kỵ, ta suy ra cách an hóa Khoa phải thỏa hai điều kiện sau đây:

1. Thứ tự của các sao không nhất thiết thuận lý như Lộc Quyền, cũng không nhất thiết nghịch lý như Kỵ.

2. Sự phối hợp giữa can và sao không nhất thiết bất chấp âm dương như Lộc Quyền, cũng không nhất thiết phân biệt âm dương như Kỵ.

Trên đây là phần lý luận của ông Tạ Phồn Trị[1].

Lý âm dương trong cách an hóa Khoa
(ý kiến của người viết)

Phần này là lý luận bổ túc của người viết.

www.tuviglobal.com

Nhưng vì Tử Vi là một áp dụng của thuyết âm dương, cách an hóa Khoa dĩ nhiên cũng phải thỏa lý âm dương. Ngoài ra, để thỏa điều kiện "độc nhất" (uniqueness condition) của khoa học, cách an hóa Khoa phải là cách an hợp lý duy nhất. Cho nên ta phải tìm một cách an hóa Khoa có tính độc nhất, tính âm dương, đồng thời thỏa hai điều kiện đã đề ra ở dề mục trên.

Để định lý âm dương của hóa Khoa, ta nhận xét rằng thập thiên can được phân phối theo ngũ hành theo thứ tự như sau:

Giáp Ất thuộc mộc
Bính Đinh thuộc hỏa
Mậu Kỷ thuộc thổ
Canh Tân thuộc kim
Nhâm Quý thuộc thủy

Mộc và Hỏa đều có tính phát triển nên ứng với tính dương; kim có tính trì trệ, thủy có tính thoái hóa nên đều ứng với tính âm. Thổ là hành phối hợp bốn hành còn lại thì chia ra Mậu dương thổ, Kỷ âm thổ. Cho nên ta có thể phân biệt âm dương cho thập thiên can như sau:

Giáp Ất Bính Đinh Mậu thuộc dương,
Kỷ Canh Tân Nhâm Quý thuộc âm.

Cách phân biệt âm dương vừa trình bày khác với cách phân biệt âm dương của hóa Kỵ, và là cách phân biệt âm dương duy nhất khác với cách phân biệt âm dương của hóa Kỵ nên bắt buộc phải là cách phân biệt âm dương của hóa Khoa. Để dễ nhớ, ta gọi cách chia âm dương của hóa Kỵ là tiểu thể âm dương (5 âm và 5 dương xen kẽ nhau), của hóa Khoa là đại thể âm dương (5 dương theo sau bởi 5 âm).

Việc phải làm kế tiếp là định các sao âm để đi với can âm, và các sao dương để đi với can dương.

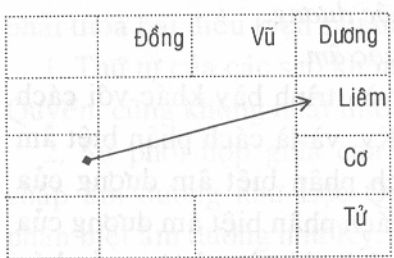
www.tuviglobal.com

Nhắc lại rằng khi an Lộc Quyền Kỵ âm và dương được định nghĩa là "ứng với tháng" và "ứng với giờ". Lý này có thể thấy rõ qua cặp Xương Khúc mà ta thêm vào trong nhóm sao âm khi an Hóa Kỵ. Sao chính của cặp Xương Khúc là Xương được an nghịch theo giờ, khi tính chung với lý "tháng thuận giờ nghịch" của chính tinh thì yếu tố giờ bị triệt tiêu nên còn lại tính "tháng"; do đó tính vào nhóm âm. Ta hãy thử xem có thể giữ lý này cho hóa Khoa được không.

Giữ lý âm dương của sao như cũ thì trong cảnh hội tụ của tháng 5 tất sáu sao dương (chùm Tử Vi) sẽ được an bài như hình 1. Ta thấy ngay ba vấn đề.

Thứ nhất, tương tự trường hợp hóa Kỵ, vì chỉ có 5 can mà có đến 6 sao nên phải loại một sao. Trong trường hợp hóa Kỵ ta biết là phải loại Tử Vi, vì Tử Vi là đế tinh cao quý nhất, không có lý do gì để hóa Kỵ. Trong trường hợp hóa Khoa ta chẳng biết nên loại sao nào cho đúng.

Thứ hai, vì hóa Kỵ nghịch lẽ thường nên ta suy ra can dương khởi đầu với Thái Dương (hóa Kỵ ở Giáp); còn hóa Khoa thì không có quy luật nào để định sao khởi đầu.



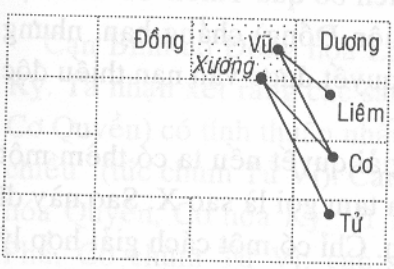
Hình 1: Vị trí 6 sao dương trong tháng 5 (sau khi dùng lý tương đương để chuyển Liêm Trinh từ Mão sang Dậu).

www.tuviglobal.com

Thứ ba, cũng vì hóa Kỵ nghịch lẽ thường, sau khi khởi can Giáp ở Thái Dương rồi chỉ việc chuyển thuận chiều kim đồng hồ (tức là nghịch lại lẽ giờ nghịch của chùm Tử Vi) là an được hết 5 hóa Kỵ. Nhưng hóa Khoa không nhất thiết nghịch lẽ như Kỵ, cũng không nhất thiết thuận lẽ như Lộc Quyền, vậy phải vận chuyển các can như thế nào?

Có thể thấy rằng nếu giữ cách phân âm dương như cũ thì mỗi người sẽ vì cảm nhận cá nhân mà an hóa Khoa khác nhau. Như vậy là phạm đòi hỏi "độc nhất", không thể gọi là khoa học được.

Dò thêm một bước nữa, ta thử định nghĩa dương là chiều của chùm Tử Vi, tức là "nghịch chiều". Với định nghĩa này và với lý luận như trường hợp hóa Kỵ, vì đầu tháng 5 và cuối giờ Mão cộng hưởng với nhau, ta có thêm sao Văn Xương ở cung Mùi cùng với Vũ Khúc (xem hình 2). Sự hiện diện của Xương khiến cung Mùi nhiều sao hơn các cung khác (2 thay vì 1).



Hình 2: Chọn "nghịch chiều" là lý cho nhóm sao dương (để lấy thêm Văn Xương) thì có triển vọng định được hóa Khoa cho 5 can dương, với lý là diễn trình dích dzắc.

Quan trọng hơn hết, cung Mùi là mộ địa, ứng với sự tụ tán của vạn vật, nên sự tụ tập của hai sao ở cung Mùi gợi ý cho ta một diễn trình dzích dzắc của hóa Khoa, với cung Mùi là điểm tụ và tán. Vì hóa Kỵ (ứng với tiểu thể âm dương) đã có diễn trình liên tục, cho hóa Khoa (ứng với đại thể âm dương) có diễn trình dzích dzắc là một suy

www.tuviglobal.com

diễn tự nhiên. Khi đã định được một diễn trình dzích dzắc hợp lý rồi thì một số sao sẽ tự nhiên bị loại ra khỏi bài toán hóa Khoa (tương tự trường hợp Thiên Lương và Phá Quân bị loại ra khỏi bài toán hóa Kỵ).

Bài giải hóa Khoa cho 5 can đại thể dương *(lập luận của người viết nhờ sự gợi ý của ông Tạ Phồn Trị[1])*

Vì Tử Vi đã không hóa Lộc Kỵ mà chỉ hóa Quyền, ta luận rằng nó phải hóa Khoa. Một diễn trình dzích dzắc khá tự nhiên và thỏa điều kiện này được trình bày trong hình 2. Diễn trình này cho ta: Giáp Tử Vi, Ất Văn Xương, Bính Thiên Cơ, Đinh Vũ Khúc, Mậu Liêm Trinh. Nhưng nó có hai vấn đề nghiêm trọng. Thứ nhất, yếu tố "độc nhất" khó thiết lập vì (Ất Văn Xương, Đinh Vũ Khúc) có thể thay bằng (Ất Vũ Khúc, Đinh Văn Xương) mà không có gì khác biệt rõ rệt. Thứ hai, ở Bính Thiên Cơ đã hóa Quyền rồi nên không thể hóa Khoa được. Ta có thể giải quyết vấn đề thứ hai bằng cách bỏ qua Thiên Cơ để được (Bính Thái Dương[6], Mậu Thiên Đồng) chẳng hạn, nhưng tựu chung ta vẫn không giải quyết được vấn nạn thiếu độc nhất của hai can Ất Đinh.

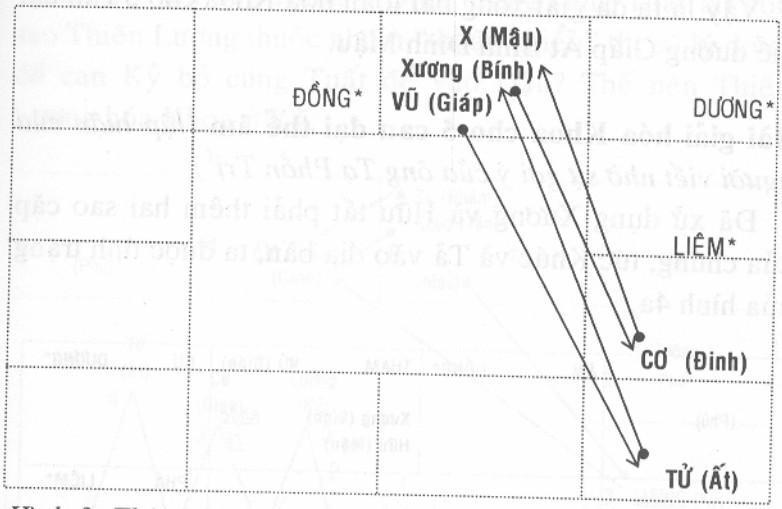
Cả hai vấn đề đều được giải quyết nếu ta có thêm một sao thứ ba ở cung Mùi, mà ta tạm gọi là sao X. Sao này dĩ nhiên không thể là chính tinh. Chỉ có một cách giải hợp lý độc nhất là ba can Giáp Bính Mậu hóa Khoa trong cung Mùi; bên ngoài thì Tử Vi hóa Khoa ở Ất, Thiên Cơ ở Đinh.

Như thế là hai can Ất Đinh đã giải xong, ta xét tiếp Giáp Bính Mậu.

Vũ là chính tinh nên khác với Xương và sao X. Giáp là đầu của thiên can phải khác các can còn lại. Sự phân biệt

www.tuviglobal.com

này cho phép ta dùng phép tương ứng để nối kết Vũ vào Giáp; kết quả Vũ Khúc hóa Khoa ở Giáp.



Hình 3: Thêm sao X cũng có lý "nghịch chiều", ta định được một diễn trình dzích dzắc hợp lý cho hóa Khoa của năm can đại thể dương Giáp Ất Binh Đinh Mậu.

Can Bính có Đồng hóa Lộc, Cơ hóa Quyền, Liêm hóa Kỵ. Ta nhận xét rằng các sao đã hóa của Bính (tức Đồng Cơ Quyền) có tính thuần nhất vì cùng thuộc nhóm "nghịch chiều" (tức chùm Tử Vi). Can Mậu có Tham hóa Lộc, Âm hóa Quyền, Cơ hóa Kỵ. Vì Tham Âm thuộc chùm Thiên Phủ, Cơ chùm Tử Vi; các sao đã hóa của Mậu không thuần nhất. Giữa Xương và sao X, ta phải chọn Xương cho can Bính, vì Xương là sao đại biểu tính "nghịch chiều" của cặp Xương Khúc, phù hợp với tính thuần nhất của ba sao còn lại. Kết quả là Xương hóa Khoa ở Bính, sao X hóa Khoa ở Mậu.

Nhưng sao X là sao gì? Ta biết rằng X cũng phải hàm chứa tính "nghịch chiều". Nhưng đây chính là đặc tính của

www.tuviglobal.com

sao Hữu Bật của cặp Tả Hữu ở cuối tháng 4. Tóm lại Hữu Bật hóa Khoa ở Mậu.

Vậy là ta đã giải xong bài toán hóa Khoa cho 5 can đại thể dương Giáp Ất Bính Đinh Mậu.

Bài giải hóa Khoa cho 5 can đại thể âm *(lập luận của người viết nhờ sự gợi ý của ông Tạ Phồn Trị[1])*

Đã xử dụng Xương và Hữu tất phải thêm hai sao cặp của chúng, tức Khúc và Tả vào địa bàn, ta được tình trạng của hình 4a.

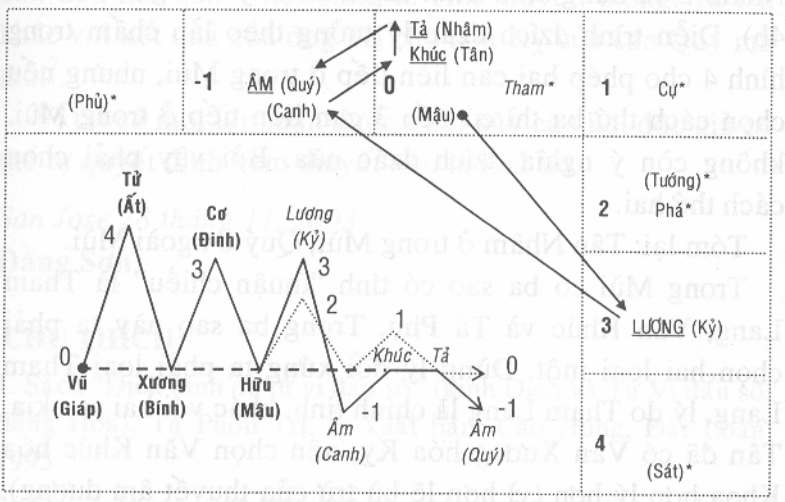
(Phủ)	ÂM ĐỒNG*	THAM VŨ (Giáp) Xương (Bính) Khúc Hữu (Mậu) Tả	CỰ DƯƠNG*
			PHÁ LIÊM* (Tướng)
			LƯƠNG CƠ (Đinh)
			(Sát) TỬ (Ất)

Hình 4a: Hoàn cảnh địa bàn sau khi thêm Xương Khúc Tả Hữu. Ứng với 5 can đại thể dương Giáp Ất Bính Đinh Mậu là các sao chữ đậm thuộc nhóm "nghịch chiều", với các sao không hóa Khoa có dấu ngôi sao. Các sao chữ thường ứng với 5 can thuộc đại thể âm Kỷ Canh Tân Nhâm Quý và thuộc nhóm "thuận chiều".

Để giải bài toán hóa Khoa cho 5 can đại thể âm, tức Kỷ Canh Tân Nhâm Quý, ta chỉ việc tiếp tục từ can Mậu, là can cuối của đại thể dương. Mậu ở trong cung Mùi nên

www.tuviglobal.com

Kỷ phải ở ngoài cung Mùi. Nếu theo đường dzích dzắc cũ thì Kỷ phải vào cung Dậu, nhưng trước đó cung Tuất có Thiên Cơ vừa hóa Khoa ở Đinh, trong cung Tuất lại còn sao Thiên Lương thuộc nhóm "thuận chiều" thì có lý do gì để can Kỷ bỏ cung Tuất để vào Dậu? Thế nên Thiên Lương hóa Khoa ở Kỷ.



Hình 4b: Trên và phải là diễn trình hóa Khoa của 5 can đại thể âm Kỷ Canh Tân Nhâm Quý trên địa bàn (sao không hóa có dấu ngôi sao). Đồ biểu ở dưới trái cho thấy tính dzích dzắc trong cách an hóa Khoa của thập thiên can (đường chấm là diễn trình lý tưởng, đường liền là diễn trình thật).

Nhưng Thiên Lương hóa Khoa là diễn trình dzích dzắc đã bị trật một cung. Nếu ta gọi cung Mùi là vị trí 0 thì Ngọ là -1, Thân +1, Dậu +2, Tuất +3, Hợi +4. Cho đến Mậu diễn trình dzích dzắc là 04030 nên ta dự đoán hai số tiếp là 2 (tức Dậu) và 0 (tức Mùi). Nhưng vì Lương hóa Khoa ở Kỷ, số tiếp là 3, thành thử muốn quân bình thì số tiếp nữa phải là -1 (vì 2+0=3-1). Cho nên can Canh không trở về Mùi (0) mà lùi thêm một cung vào Ngọ (-1). Ở đây chỉ có

www.tuviglobal.com

Thái Âm thuộc nhóm "thuận chiều", nên Thái Âm hóa Khoa ở Canh (xem hình 4b).

Sau Canh, Tân dĩ nhiên phải trở về Mùi. Nhâm Quý có ba cách, một là Nhâm ở ngoài Quý ở trong Mùi, hai là Nhâm ở trong Quý ở ngoài Mùi, ba là cả hai ở trong Mùi. Ta phải chọn cách thứ hai hoặc thứ ba vì như vậy can Nhâm thỏa đúng diễn trình dzích dzắc lý tưởng (xem hình 4b). Diễn trình dzích dzắc lý tưởng theo lần chấm trong hình 4 cho phép hai can liên tiếp ở trong Mùi, nhưng nếu chọn cách thứ ba thì có đến 3 can liên tiếp ở trong Mùi, không còn ý nghĩa dzích dzắc nữa. Bởi vậy phải chọn cách thứ hai.

Tóm lại: Tân Nhâm ở trong Mùi, Quý ở ngoài Mùi.

Trong Mùi có ba sao có tính "thuận chiều" là Tham Lang, Văn Khúc và Tả Phụ. Trong ba sao này ta phải chọn hai loại một. Dùng lý đối xứng ta phải loại Tham Lang, lý do Tham Lang là chính tinh, khác với hai sao kia. Tân đã có Văn Xương hóa Kỵ, nên chọn Văn Khúc hóa Khoa hợp lý hơn (vì hợp lẽ bù trừ của thuyết âm dương). Do đó Văn Khúc hóa Khoa ở Tân, Tả Phụ hóa Khoa ở Nhâm.

Còn lại can Quý. Ta biết Quý hóa Khoa ở ngoài Mùi. Nhưng cung ngoài Mùi trước đó đã là Ngọ (-1) nên theo lý dzích dzắc can Quý không thể vào cung lớn hơn -1, thành ra phải trở lại Ngọ. Ở Ngọ chỉ có Thái Âm có tính "thuận chiều" nên Thái Âm hóa Khoa ở Quý. Đây là lần thứ hai Thái Âm hóa Khoa.

So sánh với kết quả của ông Tạ Phồn Trị

Như đã trình bày ở phần đầu bài này, lập luận cơ bản dẫn đến cách an hóa Khoa là công lao của ông Tạ Phồn Trị. Nhưng ông Trị không phân biệt tiểu thể và đại thể âm

www.tuviglobal.com

dương cho thập thiên can, ông cũng không phân âm dương cho các sao, vì thế khi can Quý trở lại Ngọ có Thiên Đồng trong cung, ông bèn cho Thiên Đồng hóa Kỵ.

Bổ khuyết thêm tính đại thể âm dương của các can, rồi phối hợp với tính "thuận chiều" và "nghịch chiều" của các sao là quan điểm riêng của người viết. Quan điểm này dẫn đến kết quả y hệt bảng tứ Hóa truyền thống, và chỉ khác với kết quả của ông Trị cho hóa Kỵ của can Quý mà thôi[7].

Vì tất cả mọi lập luận được trình bày cặn kẽ, độc giả có thể tự quyết định xem thuyết nào là khả tín.

San Jose 28 tháng 11, 2003
Đằng Sơn

CHÚ THÍCH:

1. Sách "Dịch kinh dữ tử vi đẩu số" (kinh Dịch và Tử Vi đẩu số, tiếng Hoa), Tạ Phồn Trị, tự xuất bản, Cao Hùng, Đài Loan, 1995

2. Theo phép lưu tứ Hóa thông thường nhất thì khi xem niên hạn (mà làng tử vi Việt Nam thường gọi là tiểu hạn) phải an thêm lưu tứ Hóa vào lá số nguyên thủy để xem sao nào mạnh yếu trong năm đó. Lưu tứ Hóa được an theo niên can (can của năm); gọi là niên Hóa. Có phái lưu cả tứ hóa cho đại hạn, theo can của từng cung; gọi là đại hạn Hóa.

3. "Làng tử vi thế giới" đây có nghĩa làng tử vi ngoài đất nước Việt Nam và các cộng đồng Việt Nam. Có lẽ dễ hiểu hơn nếu người viết dùng danh từ "làng tử vi Trung Hoa". Rất tiếc danh từ này không chính xác, vì những bước phát triển rất to lớn của tử vi thế giới xảy ra hầu hết ở Đài Loan, và có một tỷ lệ rất đáng kể người Đài Loan không coi mình là người Trung Hoa.

www.tuviglobal.com

4. Cần ghi nhận là đầu thập niên 1990's người viết thuộc phái thứ hai. Sau khi đọc sách của ông Tạ Phồn Trị (đã dẫn ở đề mục 1) mới đổi quan điểm.

5. Chưa thấy ai giải thích nguyên lý nằm sau bảng hóa Khoa của Trung Châu phái Hồng Kông, nhưng ta có thể tin rằng những đổi thay này là kết quả của cảm ứng cá nhân hơn là lý luận chặt chẽ. Riêng trường hợp thay Tả Phụ bằng Thiên Phủ, người viết có giả thuyết như sau: Trong bảng tứ Hóa thì Tả Phụ được đọc tắt là "Phụ", thay bằng "Phủ" đọc không khác nhau bao nhiêu, nên một vị tiền bối nào đó trong Trung Châu phái cho rằng chữ nguyên thủy là "Phủ" rồi sau vì truyền khẩu mà người ta lộn sang thành "Phụ". Nghĩ thế rồi vị ấy bèn đổi lại thành "Phủ".

6. Bính Liêm Trinh không hóa Khoa được vì đã hóa Kỵ, do đó phải dời thêm một cung sang Thái Dương.

7. Đã phân ra đại thể và tiểu thể âm dương rồi phối hợp với tính thuận chiều và nghịch chiều của các sao thì không thể cho Thiên Đồng hóa Khoa ở Quý, vì Thiên Đồng thuộc nhóm sao dương (nghịch chiều) trong khi đó Quý thuộc nhóm can có đại thể âm.

www.tuviglobal.com

Chương 17

Mười bốn chính tinh IV

Từ tứ Hóa suy thêm tính chất 14 chính tinh

Tính "hóa" và "không hóa"
của chính tinh có ý nghĩa gì?

Khi giải bài toán tứ hóa, ta đã thấy có chính tinh hoàn toàn không hóa, có chính tinh không hóa Lộc, có chính tinh không hóa Quyền, có chính tinh không hóa Khoa, có chính tinh không hóa Kỵ, có chính tinh hiện diện trong cả 4 hóa. Điểm lý thú là ngoại trừ tiền đề "phụ tinh" dẫn đến kết quả ba chính tinh Phủ Tướng Sát hoàn toàn không hóa, tính "hóa" và "không hóa" của 11 chính tinh còn lại hoàn toàn là kết quả của hai luật "toàn không" và "cân xứng". Vậy thì tính hóa hoặc không hóa phải hàm chứa một ý nghĩa nào đó, giúp cho ta hiểu biết thêm về bản chất của các chính tinh một cách rõ ràng hơn.

Để có thể đào sâu vấn đề ta sẽ mượn ngôn ngữ của toán học để diễn tả tứ hóa. Giả sử một thực thể X có tính {L} tiềm ẩn bên trong. Một khi tính L lộ diện ra bên ngoài, ta nói "X hóa L".

Nếu X hoàn toàn không có bản sắc riêng biệt, chỉ như một người máy "chỉ đâu đánh đó" thì cho dù X biểu lộ tính L đi nữa, ta biết ngay chỉ là bị giật giây mà thôi; nên chẳng có lý do gì để nói "X hóa L". Đây là trường hợp thứ nhất X không thể hóa L.

Nếu X đã luôn luôn biểu lộ tính L ra ngoài rồi thì chẳng có lý do gì để nói "X hóa L". Đây là trường hợp thứ hai X không thể hóa L.

www.tuviglobal.com

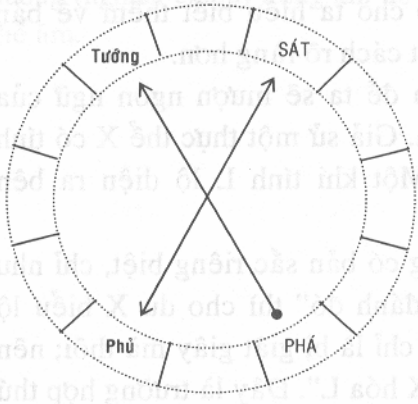
Nếu X bình thường không biểu lộ tính L, cũng không có tính {L} tiềm ẩn bên trong, thì chẳng thể nào X biểu lộ tính L được. Đây là trường hợp thứ ba X không hóa L.

Thành thử, bằng cách xét xem một chính tinh hóa hoặc không hóa, ta có thể suy ngược lại một số tính chất của chính tinh đó. Đây là một bước nữa trong diễn trình tiệm tiến, giúp ta xác định đặc tính của 14 chính tinh.

Ý nghĩa tính "không hóa" của Phủ Tướng Sát

Ta sẽ bắt đầu với trường hợp giản dị của ba sao hoàn toàn không hóa, tức Thiên Phủ, Thiên Tướng, và Thất Sát.

Ta đã lấy cái lý "phó tinh" để lập luận rằng Phủ Tướng Sát không hóa ngay từ khi bắt đầu bài toán tứ hóa. Một số độc giả hẳn không mấy bằng lòng với lập luận có phần hơi áp đặt đó. Bây giờ vì đã tương đối nắm vững ý nghĩa của tứ hóa, người viết xin thêm một số chi tiết hầu củng cố lập luận này.



Hình 1: Phủ Sát vĩnh viễn xung chiếu, Phá Tướng cũng vĩnh viễn xung chiếu. Nhưng trong bốn sao, chỉ một mình Phá Quân là có bản sắc độc lập. Ba sao còn lại đều ở thế bi động, nên hoàn toàn không hóa.

Phủ Tướng Sát có chung đặc điểm là vĩnh viễn xung chiếu với một sao khác: Phủ Sát vĩnh viễn xung chiếu nhau, Tướng vĩnh viễn xung chiếu Phá. Nhưng trong khi Phá có bản sắc độc lập (là đại biểu chính thức của tính

www.tuviglobal.com

thủy ở phương chính bắc, ứng với quái Khảm), Phủ Tướng Sát chỉ là ba yếu tố được đặt ra cho bài toán âm dương được vuông tròn mà thôi. Ta có thể thấy rõ điều này khi xét lại cách hình thành của Phủ Tướng Sát:

-Thiên Phủ là sao cặp của Tử Vi. Tử Vi có bản sắc riêng (ứng với vị trí không chịu ảnh hưởng của mặt trời), nên rõ ràng Thiên Phủ phải tùy theo Tử Vi mà chuyển vào những vị trí khác nhau để diễn tả hoàn cảnh trên mặt đất.

Ta có thể ví Thiên Phủ với chức phó tổng thống ở một quốc gia theo tổng thống chế đời nay. Phó tổng thống cao quý thật đấy, nhưng mọi biểu lộ đều phải nhất nhất theo tổng thống. Nói cách khác Thiên Phủ là một sao không có bản sắc độc lập; cho nên hoàn toàn không hóa.

-Sau khi an xong Âm Dương Tử Phủ chỉ còn 9 cung trống, nhưng vì đòi hỏi chẵn của thuyết âm dương mà phải thêm 10 sao. Kết quả là Thiên Tướng không có chỗ riêng, phải bị ép vào cùng cung với Liêm Trinh. Như vậy rõ ràng Thiên Tướng là sao thừa, chỉ vì đòi hỏi số chẵn mà có mặt, nên không thể có bản sắc riêng biệt.

Ta có thể ví Thiên Tướng như một vị quan bị triều đình giao một việc mà chẳng ai muốn làm, là coi chừng lãnh tụ đối lập Phá Quân. Thiên Tướng phải nhất nhất dựa theo động tác của Phá Quân mà tùy cơ ứng biến; cho nên hoàn toàn không hóa.

-Khi an Thất Sát thì vị trí của Thiên Phủ đã định rồi. Thiên Phủ có quyền uy vay mượn từ Tử Vi, Thất Sát lại vĩnh viễn xung chiếu Thiên Phủ thì làm sao thoát khỏi ảnh hưởng của Thiên Phủ mà đòi tự tung tự tác? Thế nên Thất Sát cũng không thể có bản sắc riêng biệt.

Ta có thể ví Thất Sát như một tướng của lãnh tụ phe chống đối Phá Quân, được giao trọng trách đối phó trực

www.tuviglobal.com

diện với chính phủ. Tương tự trường hợp Thiên Tướng, Thất Sát phải nhất nhất tùy cơ ứng biến; cho nên hoàn toàn không hóa.

Từ những lý này, ta suy ra thêm rằng Phủ Tướng (vì thường xuyên đối diện với phe chống đối) có khả năng dung hòa các sao cực đoan. Ngược lại, Thất Sát mặc dù thuộc phe chống đối nhưng vì vĩnh viễn liên hệ với đại diện phe nắm quyền là Thiên Phủ nên có khả năng dung hòa với phe nắm quyền.

Những dữ kiện này hoàn toàn phù hợp với cách xem Tử Vi truyền thống (Phủ Tướng gặp sát tinh vẫn không là phá cách. Thất Sát không ngại cùng cung với Tử Liêm Vũ).

Ý nghĩa đặc biệt của Liêm Đồng Phá

Ngoài Phủ Tướng Sát vĩnh viễn không hóa (trường hợp không hóa thứ nhất), các sao khác không hóa là:

Không hóa Lộc (1): Tử

Không hóa Quyền (1): Liêm

Không hóa Khoa (6): Đồng Nhật Cự Phá Tham Liêm

Không hóa Kỵ (3): Lương Tử Phá

Ta hãy thử xem chính tinh nào ứng với trường hợp không hóa thứ hai. Nói theo danh từ toán học, ta muốn tìm những chính tinh không hóa L vì đã luôn luôn biểu lộ tính L, nghĩa là những chính tinh có tính L từ nguyên thủy.

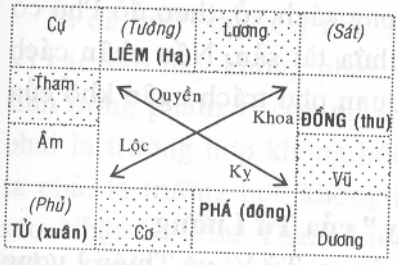
"Nguyên thủy" ứng với lúc sinh thành, nên ta phải nhìn lại hoàn cảnh sinh thành của 14 chính tinh. Với 4 cung thổ Thìn Tuất Sửu Mùi làm ranh giới, ta thấy rõ mùa xuân ứng với hai cung Dần Mão, hạ với Tỵ Ngọ, thu với Thân Dậu, và đông với Hợi Tý.

Vì một lý do đặc biệt, ta sẽ bàn các mùa hạ, thu, đông trước.

www.tuviglobal.com

Trong phạm vi mùa hạ có hai sao có thể hóa là Cự Môn và Liêm Trinh. Cự Môn hóa Quyền ở năm Quý nên không thể đã biểu lộ tính quyền. Vì Liêm Trinh không hóa Quyền, ta suy ra Liêm Trinh đã biểu lộ tính Quyền từ nguyên thủy.

Mùa thu tương đối giản dị vì chỉ có một sao có thể hóa là Thiên Đồng. Vì Thiên Đồng không hóa Khoa, ta suy ra Thiên Đồng đã biểu lộ tính Khoa từ nguyên thủy.



Hình 2: Bảng sơ lược lý do tại sao Tử Liêm Đồng Phá không hóa Lộc Quyền Khoa Kỵ.

Trong phạm vi mùa đông có hai sao có thể hóa là Thái Dương và Phá Quân. Thái Dương hóa Kỵ ở can Giáp nên không thể đã biểu lộ tính kỵ. Vì Phá Quân không hóa Kỵ, ta suy ra Phá Quân đã biểu lộ tính Kỵ từ nguyên thủy.

Mùa xuân được bàn trong đề mục kế tiếp

Tính tàng Lộc của Thiên Phủ

Trong phạm vi mùa xuân chỉ có hai sao có thể hóa là Tử Vi và Thái Âm. Thái Âm hóa Lộc ở năm Đinh nên không thể đã biểu lộ tính lộc. Vì Tử Vi không hóa Lộc, nếu theo cùng lập luận như ba mùa hạ thu đông tất ta phải kết luận Tử Vi đã biểu lộ tính Lộc từ nguyên thủy.

Nhưng nhìn kỹ lại ta thấy Liêm phát xuất ở Ngọ là chính vị của mùa Hạ, Đồng phát xuất ở Dậu là chính vị của mùa Thu, Phá phát xuất ở Tý là chính vị mùa đông; trong khi đó Tử Vi phát xuất ở Dần, thuộc mùa xuân nhưng không phải là chính vị (vì chính vị mùa xuân là

www.tuviglobal.com

Mão). Nên xét về lý tính, tính Lộc mà ta dành cho Tử Vi phải khác tính Quyền Khoa Kỵ dành cho ba sao Liêm Đồng Phá.

Mà khác biệt cũng phải, vì Liêm Đồng Phá chỉ là thường tinh, trong khi Tử Vi là đế tinh cao quý nhất, được Thiên Phủ phò tá. Ví Tử Vi như hoàng đế, ta sẽ thấy ngay vai trò biểu lộ tính Lộc phải là trọng trách của Thiên Phủ. Kết quả này hoàn toàn phù hợp với ý nghĩa truyền thống của Thiên Phủ được ghi rõ trong sách vở, theo đó Phủ có nghĩa là "lộc khố", tức kho chứa tài sản. Nếu nhân cách hóa thì Thiên Phủ là vị cao quan phụ trách ngân khố của quốc gia.

Ý nghĩa tính "không hóa Kỵ" của Tử Lương

Ta đã biết là ngoài Phá Quân ra, Tử Vi và Thiên Lương cũng không hóa Kỵ. Vì hai sao này không phải là phó tinh, cũng không phát sinh trong phạm vi mùa đông nên đây không thể là trường hợp không hóa thứ nhất hoặc thứ hai. Suy ra phải là trường hợp không hóa thứ 3. Nói cách khác, Tử Vi và Thiên Lương hoàn toàn không có tính kỵ tiềm ẩn bên trong. Dữ kiện này dẫn đến các tính chất sau đây của Tử và Lương mà chúng ta đã suy ra từ hai bài trước đây ("Lý âm dương nằm sau cách an hóa Kỵ"), nay ghi lại lần nữa để độc giả khỏi phải lục tìm tài liệu cũ:

Tử Vi: Vì không mang tính Kỵ, lại là đế tinh cao quý; Tử Vi có khả năng tạo phúc. Rất phù hợp với quan điểm để lại từ nghìn xưa, rằng "Tử Vi ở cung nào ban phúc cho cung đó", nghĩa là giúp cho cung đó dễ tốt đẹp hơn.

Thiên Lương: Suy luận tương tự, Thiên Lương tất cũng phải có khả năng tạo phúc. Nhưng Lương chỉ là một thường tinh, nếu cũng ở đâu tốt đó như Tử Vi thì không hợp lý; nên chỉ có một cách để Thiên Lương tạo phúc là

www.tuviglobal.com

giải những họa trong cung. Thành thử vì lẽ bù trừ, Thiên Lương có đặc tính trái khoáy là ở đâu thì nơi đó khó tránh khỏi họa, nhưng họa xảy ra rồi thì Thiên Lương lại ra tay cứu giải. Cứu giải được hay không dĩ nhiên còn lệ thuộc nhiều yếu tố khác.

Ý nghĩa tính "không hóa Khoa" của Nhật Cự Phá Tham Liêm

Ta đã biết Nhật Cự Phá Tham Liêm không hóa Khoa. Vì các sao này không phải là phó tinh, cũng không phát sinh trong phạm vi của mùa thu trên địa bàn, đây không phải là trường hợp không hóa thứ nhất hoặc thứ hai. Suy ra phải là trường hợp không hóa thứ ba. Nói cách khác 5 sao Nhật Cự Phá Tham Liêm hoàn toàn không có tính "Khoa" tiềm ẩn bên trong.

Vì khoa ứng với sự điều chỉnh để tìm về trung dung từ một trạng thái cực đoan, ta suy ra không tiềm ẩn tính "khoa" là thiếu khả năng trung dung; tức là cực đoan. Tóm lại 5 sao Nhật Cự Phá Tham Liêm đều có tính cực đoan.

Ý nghĩa tính "hoàn toàn hóa" của Cơ Nguyệt Vũ

Chỉ có 3 sao có thể hóa ra đủ Lộc Quyền Khoa Kỵ là Cơ Nguyệt Vũ. Có khả năng điều động cả bốn hóa thì phải có đủ loại khuynh hướng, từ hai đầu cực đoan cho đến trung dung. Nên Cơ Nguyệt Vũ là ba sao bao gồm đủ mọi khuynh hướng, từ hiền hòa đến dữ tợn, từ nhất trí đến lông bông; không gì thiếu cả.

San Jose 5 tháng 12, 2003
viết lại 28 tháng 1, 2004
Đằng Sơn

www.tuviglobal.com

CHÚ THÍCH

1.) Xem sách "Dịch kinh dữ Tử Vi đẩu số" (Kinh dịch và Tử Vi đẩu số), Tạ Phồn Trị, tự xuất bản, Cao Hùng, Đài Loan, 1995.

2.) Vì âm dương đều là hiện hữu, ta thử gọi chung là "sắc", rồi gọi không hiện hữu là "không". Luật "toàn không" bảo ta rằng mặc dù các tiểu hiện tượng có tính sắc, đại hiện tượng lại có tính không. Ý nghĩa này phù hợp lạ lùng với câu "sắc sắc không không" của nhà Phật.

www.tuviglobal.com

Chương 18

MƯỜI BỐN CHÍNH TINH V
Đặc tính của 8 sao động

Nhắc lại tính âm dương ngũ hành của 14 chính tinh

Từ một bài trước, ta suy ra tính ngũ hành của 14 chính tinh như sau:

Kim (2): Vũ Khúc âm, Thất Sát dương (đới hỏa)

Mộc (2): Tham Lang âm (đới thủy), Thiên Cơ dương (đới hỏa)

Hỏa (2): Liêm Trinh âm, Thái Dương dương

Thủy (4): Thái Âm âm, Phá Quân âm, Thiên Tướng dương, Thiên Đồng dương (đới hỏa)

Thổ (4): Tử Vi âm, Cự Môn âm (đới thủy), Thiên Phủ dương, Thiên Lương dương

Ta sẽ trở lại bảng này nhiều lần nên ghi rõ ra đây cho tiện lợi

Áp dụng lý âm dương vào bài toán hai sao cùng cung
(ý kiến riêng của người viết)

Có độc giả sẽ hỏi: "Tính âm dương của chính tinh có công dụng gì không?" Câu trả lời vội vàng có vẻ là "Không!" vì mặc dù nhiều sách giáo khoa dạy Tử Vi có ghi tính âm dương của chính tinh, ta rất ít khi thấy các tính chất này được xử dụng trong việc luận đoán.

Nhưng câu trả lời chính xác lại là "Có!" Một (tái) khám phá đắc ý của người viết là, với tính âm dương của chính tinh, ta sẽ tính ra được hai sao cùng cung xấu tốt ra sao

www.tuviglobal.com

cho đa số trường hợp (và những trường hợp còn lại không bị mâu thuẫn). Nay xin trình bày khám phá này.

Nhắc lại 14 chính tinh được phân chia âm dương như sau:

Âm (7): Tử Liêm Vũ Phá Tham Âm Cự

Dương (7): Phủ Tướng Sát Cơ Nhật Đồng Lương

A. Hai sao âm cùng cung: Chỉ nhóm động có cách này, gồm 6 trường hợp là Tử Phá và Vũ Tham (Sửu Mùi), Tử Tham và Liêm Phá (Mão Dậu), Liêm Tham và Vũ Phá (Tỵ Hợi).

Ta đã biết âm đại biểu sự cực đoan. Cực đoan phối hợp với cực đoan tất kết quả càng cực đoan hơn nữa. Trên căn bản thành quả, nếu không có yếu tố cứu giải phải coi là không tốt. Yếu tố cứu giải trong trường hợp này phải là 4 mộ cung Thìn Tuất Sửu Mùi, nơi mà mọi sự cực đoan bị giảm thiểu. Từ đó có thể hiểu tại sao trừ Tử Phá, Vũ Tham là hai cách ở Sửu Mùi thổ, các cách còn lại đều là xung động bất thường.

B. Hai sao dương cùng cung: Chỉ nhóm tĩnh có cách này, gồm 3 trường hợp là Cơ Lương (Thìn Tuất), Nhật Lương (Mão Dậu), và Đồng Lương (Dần Thân).

Ta đã biết dương đại biểu sự dung hòa. Từ đó có thể hiểu tại sao Cơ Lương, Nhật Lương, Đồng Lương đều là thượng cách. Riêng cách Nhật Lương vì có sao Thái Dương nên phải phân biệt là Mão tốt hơn Dậu vì Mão dương thịnh, Dậu dương suy.

C. Sao âm cùng cung sao dương: Âm cùng cung với dương là cực đoan phối hợp với dung hòa. Cả hai nhóm chính tinh động và tĩnh đều có cách này.

www.tuviglobal.com

-Đối với nhóm động hiển nhiên cách này ổn định hơn cách A (âm phối hợp âm), nên cũng tốt hơn. gồm 9 trường hợp là Tử Phủ và Vũ Tướng (Dần Thân), Tử Tướng và Liêm Phủ (Thìn Tuất), Liêm Tướng và Vũ Phủ (Tý Ngọ), Tử Sát (Tỵ Hợi), Liêm Sát (Sửu Mùi), Vũ Sát (Mão Dậu).

-Đối với nhóm tĩnh hiển nhiên cách này không ổn định bằng cách B (dương phối hợp dương) nên có cả tốt lẫn xấu. Gồm 6 trường hợp là Cự Nhật và Cơ Âm (Dần Thân), Âm Dương và Đồng Cự (Sửu Mùi), Đồng Âm (Tý Ngọ), và Cự Cơ (Mão Dậu).

Mặc dù bài tính âm dương trên đây không có lời giải cho một thiểu số trường hợp (như Đồng Cự và Cự Cơ vẫn chưa rõ tốt xấu), nó cho khá nhiều kết quả phù hợp với sách vở và kinh nghiệm nhưng chưa được giải thuyết thỏa đáng bằng lý luận. Chẳng hạn:

-Liêm Tham Tỵ Hợi: Tham thuộc mộc, Liêm thuộc hỏa vậy tại sao cách Liêm Tham lại xấu? Vả lại, Tỵ thuộc hỏa và Hợi thuộc thủy là hai cung tương phản, nếu Liêm Tham xấu ở một cung thì tại sao không tốt ở cung kia?

Bài giải của lý âm dương rất giản dị: Liêm Tham cùng âm (cùng xung động) nên là kết hợp không tốt.

-Vũ Phá Ty Hợi: Phá thuộc thủy sinh được Vũ thuộc kim, vậy tại sao cách Vũ Phá xấu? Vả lại, nếu xấu ở Tỵ sao không tốt ở Hợi hoặc ngược lại?

Bài giải của lý âm dương: Vũ Phá cùng âm (cùng xung động) nên là kết hợp không tốt.

Vân vân...

Bài toán hai sao cùng cung trên đây cho thấy thuyết âm dương quả chính xác hơn thuyết ngũ hành. Nhưng "chính xác" có cấp độ cao thấp khác nhau. Như ta đã thấy trong những bài toán kỹ sư, khi độ chính xác không cần

www.tuviglobal.com

cao lắm thì "giản dị" mới là tiêu chuẩn tiên quyết. Mặc dù chỉ là một phép tính gần đúng, ngũ hành giúp cho bài toán tử vi được giản dị hóa rất nhiều. Vì lý do đó trong loạt bài này người viết sẽ áp dụng ngũ hành bất cứ khi nào hoàn cảnh cho phép; nghĩa là bất cứ khi nào ngũ hành không mâu thuẫn với thuyết âm dương.

Tính "chính thống" của Liêm Tử Vũ và tính "phản loạn" của Sát Phá Tham

Trọng tâm của bài này là đặc tính của 8 sao thuộc nhóm động, tức là Liêm Tử Vũ Phủ Tướng Sát Phá Tham. Đây là một trường hợp mà phép tính ngũ hành hoàn toàn phù hợp với tính âm dương; nên ta sẽ dùng nó để giản dị hóa phần lý luận.

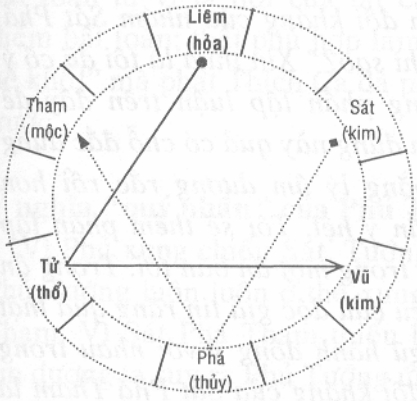
Đầu tiên, ta nhận ra rằng ba sao Liêm Tử Vũ (tức Liêm Trinh, Tử Vi, Vũ Khúc) vĩnh viễn chiếm 3 cung tam hợp theo thứ tự ngược chiều kim đồng hồ. Ba sao Sát Phá Tham (tức Thất Sát, Phá Quân, Tham Lang) cũng vĩnh viễn chiếm ba cung tam hợp, nhưng theo thứ tự thuận chiều kim đồng hồ. Hai thứ tự này ứng với cách hình thành của 14 chính tinh, vì Liêm Tử Vũ thuộc chùm Tử Vi, và chùm này đi nghịch; còn Sát Phá Tham thuộc chùm Thiên Phủ, và chùm này đi thuận.

Đáng chú ý hơn nữa, Liêm Tử Vũ theo thứ tự ngũ hành hỏa-thổ-kim, nghĩa là thứ tự sinh; Sát Phá Tham thứ tự ngũ hành là kim-thủy-mộc, cũng là thứ tự sinh. Xếp đầu với đầu, giữa với giữa, đuôi với đuôi của hai bộ tam hợp này ta được:

Liêm Trinh (hỏa) ứng với Thất Sát (kim)
Tử Vi (thổ) ứng với Phá Quân (thủy)
Vũ Khúc (kim) ứng với Tham Lang (mộc)

www.tuviglobal.com

Xét trên tính ngũ hành thì Liêm hỏa khắc Vũ kim, nhưng Tử Vi hợp với cả hai sao vì Liêm hỏa sinh được Tử thổ, và Tử thổ sinh được Vũ kim. Lãnh tụ phải sử dụng được nhiều loại thuộc hạ khác nhau, nên sự xung khắc giữa Liêm Vũ, và sự phù hợp của Tử Vi với cả hai sao cho ta thấy rõ Tử Vi là sao lãnh đạo, và Liêm Vũ là hai sao phù tá.



Hình 1: Bộ tam hợp Liêm Tử Vũ theo thứ tự ngũ hành sinh (hỏa-thổ-kim). Bộ tam hợp Sát Phá Tham cũng theo thứ tự ngũ hành sinh (kim-thủy-mộc).

Đây không phải là một khám phá mới lạ, vì trong cách hình thành của 14 chính tinh, ta đã biết Tử Vi là đế tinh cao quý hơn hết. Nhưng nó giúp ta suy ra Phá Quân là lãnh tụ của bộ ba Sát Phá Tham, vì nó là sao tương ứng của Tử Vi. Kiểm soát lại, Thất Sát kim khắc Tham Lang mộc, nhưng sinh được Phá Quân thủy, rồi Phá Quân thủy lại sinh được Tham Lang mộc; nghĩa là hai sao Sát Tham không hợp nhau, nhưng Phá hợp với cả hai.

Tính từng vị trí tương ứng một thì Liêm khắc Sát, Tử khắc Phá, Vũ khắc Tham; nghĩa là bộ ba Liêm Tử Vũ khắc bộ ba Sát Phá Tham. Tính khắc này cho ta biết Liêm Tử Vũ và Sát Phá Tham là hai phe kình chống nhau, và trong hoàn cảnh bình thường thì bộ ba Liêm Tử Vũ ở thế thượng phong, bộ ba Sát Phá Tham bị lép vế. Bộ ba Liêm Tử Vũ có Tử Vi là đế tinh cao quý nhất nên ứng với chính

www.tuviglobal.com

phủ (triều đình ngày xưa), suy ra Sát Phá Tham ứng với lực lượng chống chính phủ. Trong thời phong kiến ngày xưa, chống lại chính phủ là phản loạn rồi, vì thế Sát Phá Tham bị coi là "phản loạn" trong các sách tử vi truyền thống.

(Đến đây có độc giả sẽ hỏi "Ông đã nói ngũ hành chỉ một là phép tính gần đúng, vậy sao ông dám dùng ngũ hành để xác quyết đặc tính đối kháng của nhóm Sát Phá Tham? Lỡ kết quả này sai thì sao?" Xin thưa là tôi đã cố ý dùng thuyết ngũ hành trong phần lập luận trên đây để chứng minh rằng thuyết gần đúng này quả có chỗ đắc dụng của nó, vì nếu lập luận bằng lý âm dương rắc rối hơn nhiều nhưng kết quả thì vẫn y hệt. Tôi sẽ thêm phần lập luận bằng thuyết âm dương trong một ấn bản tới. Trong ấn bản đầu tiên này chỉ tạm yêu cầu độc giả tin rằng quả thật hai thuyết âm dương và ngũ hành đồng ý với nhau trong nhiều trường hợp, và tính đối kháng của Sát Phá Tham là một trong những trường hợp đó.)

Ý nghĩa bất bình ổn của Sát Phá Tham

Nhưng phân biệt "chính thống" và "phản loạn" là cái nhìn chủ quan của thời phong kiến. Khi xét từ căn bản thì "chính thống" chỉ có nghĩa "bình thường", và "phản loạn" chỉ có nghĩa "bất thường". Đồng ý rằng bình thường thì dễ ổn định, bất thường khó ổn định; nhưng thời nay thế giới cạnh tranh, có nhu cầu tiến bộ. Mọi tiến bộ đều đi kèm với sự bất ổn định; nên muốn định tốt xấu ta phải tùy trường hợp mà cân nhắc cẩn thận giữa hai yếu tố "ổn định" và "tiến bộ".

Hiển nhiên, dù xã hội biến đổi bao nhiêu thì "ổn định" vẫn là lý tưởng muôn đời của những tương quan giữa người với người. Thế nên –mặc dù có thể là yếu tố thành

www.tuviglobal.com

công trên sự nghiệp- Sát Phá Tham không tiện cư những cung diễn tả tương quan giữa ta và người thân, như phụ mẫu, phu thê, tử tức, huynh đệ, phúc đức, nô bộc.

Chỉ có một cách để Sát Phá Tham tránh các cung kể trên là chiếm tam hợp mệnh tài quan. Nhưng Sát Phá Tham chiếm mệnh tài quan thì đời sống của chính ta lại khó "bình thường". Thành thử một hệ luận quan trọng của bài toán tử vi là đời của tất cả mọi người đều phải có điểm bất toàn; thật phù hợp làm sao với nhận xét "Đời là bể khổ!" mà phật Thích Ca đã phát biểu hơn 2500 năm về trước.

Ý nghĩa "quý nhân" của Phủ Tướng

Vì Phủ xung chiếu Sát, Tướng xung chiếu Phá, hai sao Phủ Tướng luôn luôn ở thế xung chiếu với bộ ba Sát Phá Tham. Vì Sát Phá Tham thiếu bình ổn, từ lý tương phản âm dương ta suy ra Phủ Tướng ứng với sự bình ổn.

Từ bài toán tứ Hóa, ta đã suy ra Phủ là kho chứa tài nguyên. Có nguồn tài nguyên thì đời sống dễ ổn định, nên Phủ có khả năng phù trợ con người. Thiên Tướng vĩnh viễn ở vị trí tam hợp phía trước Thiên Phủ, tức là kẻ đồng hành phụ giúp Thiên Phủ thực hiện các công tác phù trợ. Từ đó có thể hiểu tại sao cặp Phủ Tướng được gọi là "quý nhân tinh".

Tính bình ổn của cách "Phủ Tướng triều viên"

Từ tính bình ổn của Phủ Tướng, ta có thể suy ra đặc tính của cách "Phủ Tướng triều viên", một cách quan trọng của Tử Vi. Theo sách vở, mệnh có Phủ Tướng triều viên thì khỏi phải lo cơm áo.

Trước hết cần xác định thế nào là "Phủ Tướng triều viên". Nếu tính Phủ là vị trí 1, thì Tướng luôn luôn là vị trí

www.tuviglobal.com

5 đếm theo chiều kim đồng hồ; nên Phủ Tướng vĩnh viễn tam hợp. "Phủ Tướng triều viên" nghĩa là tam hợp với cả Phủ lẫn Tướng mà không có Phủ Tướng trong cung, tức là ở vị trí 9 tính từ Thiên Phủ trở đi.

Mệnh đắc cách "Phủ Tướng triều viên" tất nhiên trong cung quan lộc có Phủ, trong cung Tài Bạch có Tướng. Quan Tài là hai yếu tố vật chất quan trọng nhất của cuộc đời mà được ổn định thì đời sống không thể nào quá lam lũ, khổ cực được.

Ngày xưa muốn được no cơm ấm áo là cả một vấn đề vì vậy lời bàn "Được cách Phủ Tướng triều viên thì khỏi phải lo cơm áo" xét ra rất có ý nghĩa. Ngày nay có thể đoán chung chung là Phủ Tướng triều viên giúp cho đời không bị biến động nhiều; là một cách tốt, tối thiểu ở bậc trung.

Như ta sẽ thấy trong phần kế tiếp, cách "Phủ Tướng triều viên" ở cung âm tất trong cung không có chính tinh, gọi là cách "vô chính diệu". Vì chính diệu là cái nền của khoa tử vi, cung nào vô chính diệu là cung ấy bị cảnh bấp bênh, tức là thiếu bình ổn. Thế nhưng đặc điểm của riêng những cung có Phủ Tướng triều viên là được tam hợp với hai sao đại biểu sự bình ổn (Phủ Tướng) nên vẫn được bình ổn hơn các trường hợp vô chính diệu khác.

Tính "giao tế" của Tham Lang

Các hoàn cảnh sau đây thỏa cách "Phủ Tướng triều viên":

Tý Ngọ có Tử Vi độc thủ (tam hợp là Liêm Phủ và Vũ Tướng, xung chiếu là Tham Lang)

Dần Thân có Liêm Trinh độc thủ (tam hợp là Vũ Phủ và Tử Tướng, xung chiếu là Tham Lang)

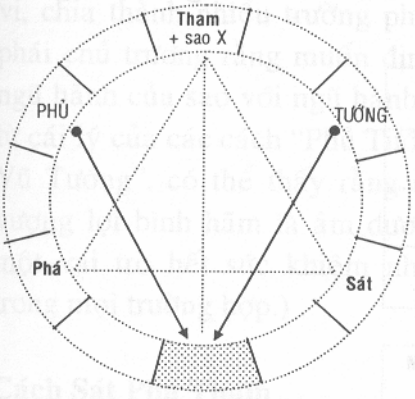
www.tuviglobal.com

Thìn Tuất có Vũ Khúc độc thủ (tam hợp là Tử Phủ và Liêm Tướng, xung chiếu là Tham Lang)

Sửu Mùi vô chính diệu (tam hợp là Phủ Tướng, xung chiếu là Vũ Tham)

Mão Dậu vô chính diệu (tam hợp là Phủ Tướng, xung chiếu là Tử Tham)

Tỵ Hợi vô chính diệu (tam hợp là Phủ Tướng, xung chiếu là Liêm Tham)



Hình 2: "Phủ Tướng triều viên" (cung có dấu chấm) nghĩa là tam hợp với Phủ Tướng và xung chiếu với Tham Lang. Dù vô chính diệu mà đắc cách này thì đời sống vẫn tương đối ổn định so với nhiều cách vô chính diệu khác.

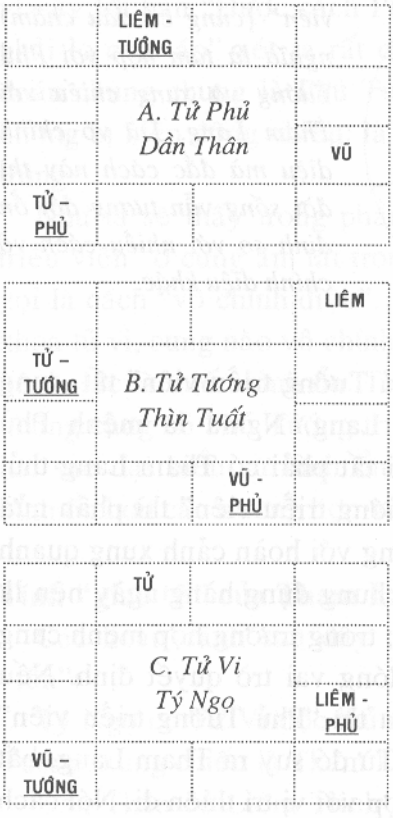
Tóm lại, đã đắc cách "Phủ Tướng triều viên" tất cung xung chiếu phải có Tham Lang. Nghĩa là mệnh Phủ Tướng triều viên thì thiên di tất phải có Tham Lang thủ. Trong các cách đắc "Phủ Tướng triều viên" thì phân nửa là vô chính diệu. Thiên Di ứng với hoàn cảnh xung quanh ta, với cuộc đời mà ta phải chung đụng hàng ngày nên là một cung hết sức quan trọng; trong trường hợp mệnh cung vô chính diệu thì thiên di đóng vai trò quyết định. Nếu Tham Lang cư Thiên Di xấu thì "Phủ Tướng triều viên" không thể là cách tốt được. Từ đó suy ra Tham Lang, bất luận bản chất xấu tốt, phù hợp với vị trí thiên di. Nói cách khác, sở trường của Tham Lang là giao tế.

www.tuviglobal.com

Kết luận này hoàn toàn phù hợp với ý nghĩa truyền thống của Tham Lang được ghi rõ trong sách vở.

Cách "Tử Phủ Vũ Tướng"

Ta đã biết tám sao động (Liêm Tử Vũ Phủ Tướng Sát Phá Tham) hoặc cùng ở cung dương, hoặc cùng ở cung âm. Ở cung dương, tất bộ ba Liêm Tử Vũ ở thế tam hợp với Phủ Tướng, tạo thành cách "Tử Phủ Vũ Tướng" (vì luôn luôn có bốn sao Tử Phủ Vũ Tướng tam hợp với nhau).



Hình 3: Các vị trí chính của cách "Tử Phủ Vũ Tướng". Cách này chỉ có thể xảy ra ở cung dương. (Chỉ trình bày 3 cách an sao, vì 3 cách còn lại chỉ là thế đối xứng qua trung tâm địa bàn).

www.tuviglobal.com

Sách vở để lại đều khen cách Tử Phủ Vũ Tướng là tốt, giờ ta hiểu lý do tốt là vì nền tảng bình ổn (Liêm Tử Vũ) được yếu tố bình ổn (Phủ Tướng) củng cố.

Cần mở một dấu ngoặc ở đây. Khi bàn độ xấu tốt của các chính tinh, tử vi dùng một số danh từ chuyên môn, gồm có miếu, vượng, lợi, bình, hãm. Từ đó mới có những câu như "Tử Vi cư hãm địa", "Tham Lang ở đây hãm", "Thiên Phủ ở đây bình hòa" vân vân... Các vị trí miếu hãm của 14 chính tinh là một vấn đề khá điên đầu của tử vi, chia thành nhiều trường phái khác nhau, trong đó có phái chủ trương rằng muốn định miếu hãm phải so sánh ngũ hành của sao với ngũ hành của cung nó đóng. Nhưng từ cái lý của các cách "Phủ Tướng triều viên" và "Tử Phủ Vũ Tướng", có thể thấy rằng nền tảng quyết định miếu vượng lợi bình hãm là âm dương, và ngũ hành chỉ đóng một vai trò hết sức khiêm nhượng (gần như vắng mặt trong mọi trường hợp.)

Cách Sát Phá Tham

Khi ở cung dương bộ ba bất bình ổn Sát Phá Tham tách ra khỏi nhóm 5 sao bình ổn (Liêm Tử Vũ Phủ Tướng), tạo thành cách "Sát Phá Tham". Đứng riêng nghĩa là "nước sông không đụng nước giếng", nên dù bất bình ổn vẫn có chỗ phát triển độc lập, không thể kết luận ngay là xấu. Tuy vậy cần chú ý rằng hai cung Dần Thân (dương) là tứ mã địa, tượng sự biến động. Sát Phá Tham bản chất đã bất ổn cư ở hai vị trí này nói chung là bất lợi, nếu có phát triển tốt đẹp thì cũng phải có điểm bất bình thường.

-Thất Sát cư Dần Thân ứng với hoàn cảnh phát sinh của 14 chính tinh, khi 14 sao được phân phối đều ra 12 cung. Không những thế Thất Sát lại chịu ảnh hưởng tốt đẹp và rất mạnh mẽ của hai đế tinh Tử Phủ xung chiếu. Nhờ vậy

www.tuviglobal.com

Thất Sát Dần Thân là cảnh tương đối may mắn. Nhưng đã là sao bất ổn lại cư ở mã địa tất phải có vấn đề, ta sẽ trở lại sau.

-Tham Lang cư Dần Thân thì xung chiếu chỉ có Liêm Trinh, ảnh hưởng tốt không đủ, do đó Tham Lang cư Dần Thân không thoát khỏi tính bất ổn của mã địa. Nhưng nếu Tham Lang cư mệnh ở Dần Thân tất thiên di là Liêm Trinh đắc Phủ Tướng triều viên; do đó bản thân chưa chắc xấu, vẫn có thể thành công khi ra ngoài đời. Tuy vậy, tính bất ổn sẽ phải phát tiết ở đâu đó. Một trường hợp đáng chú ý: Cung mệnh của Mao Trạch Đông cư ở Thân, có Tham Lang độc thủ.

-Phá Quân cư Dần Thân thì xung chiếu tất nhiên là Vũ Tướng. Vũ ở phe đối nghịch Sát Phá Tham, lại mang hành kim lạnh lùng nên đây là một cảnh kình chống. Phá Quân là thủ lãnh nhóm bất ổn dĩ nhiên mang nhiều tính bất ổn hơn Sát và Tham. Do đó Phá Quân ở Dần Thân đương nhiên bất ổn (gọi là bị hãm). Nguy hiểm hơn nữa, vì Phá Quân là thủ lãnh, vĩnh viễn ảnh hưởng hai thuộc hạ Tham và Sát qua thế tam hợp, nên Phá Quân hãm tất Tham và Sát cũng bị hãm lây. Trong trường hợp này Tham ở Ngọ hoặc Tý, Sát ở Tuất hoặc Thìn. Thế nên Tý Ngọ là hãm địa của Tham Lang, Thìn Tuất là hãm địa của Thất Sát.

Tóm lại:

Tý Ngọ: Tham Lang hãm.

Dần Thân: Thất Sát và Tham Lang bất ổn, Phá Quân hãm *(xem thêm phần phụ chú).*

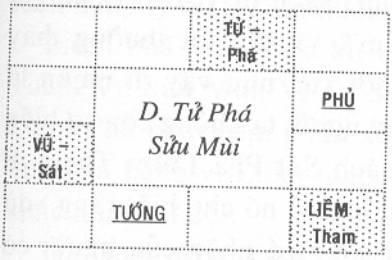
Thìn Tuất: Thất Sát hãm.

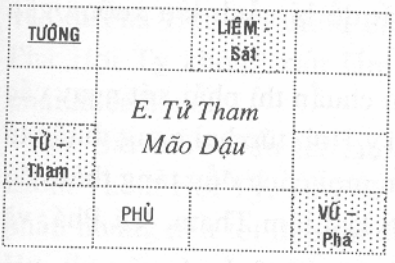
Các cung dương không kể trên đều là tốt cả.

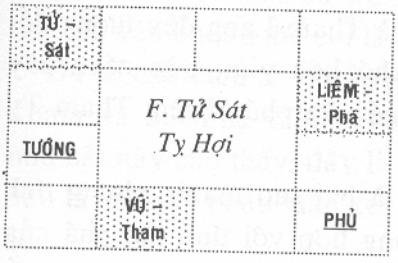
www.tuviglobal.com

Cách Sát Phá Liêm Tham

Khi Liêm Tử Vũ ở cung âm, chắc chắn mỗi sao sẽ gặp một sao của nhóm Sát Phá Tham, như sau:







Hình 4: Các vị trí chính của cách Sát Phá Liêm Tham. Chú ý rằng cách này luôn luôn xảy ra ở cung âm. (Chỉ trình bày 3 cách an sao, vì 3 cách còn lại chỉ là đối xứng qua trung tâm địa bàn).

Tử Vi Sửu Mùi cho ta Tử Phá Sửu Mùi, Liêm Tham Tỵ Hợi, Vũ Sát Dậu Mão.

Tử Vi Mão Dậu cho ta Tử Tham Mão Dậu, Liêm Sát Mùi Sửu, Vũ Phá Hợi Tỵ.

Tử Vi Tỵ Hợi cho ta Tử Sát Tỵ Hợi, Liêm Phá Dậu Mão, Tham Vũ Sửu Mùi.

www.tuviglobal.com

Liêm Tử Vũ gặp Sát Phá Tham nghĩa là nhóm "bình thường" đụng độ nhóm "bất thường". Hai nhóm mâu thuẫn gặp nhau, dù tốt đẹp đi nữa cũng khó lòng tránh khỏi những xao động cực đoan. Sách tử vi Đài Loan gọi những cách này là "mẫn cảm", vì xấu tốt thường thay phiên nhau mà xuất hiện. Thời xưa như vậy dĩ nhiên là xấu, vì thiếu bình ổn. Thời nay người ta không còn sợ biến động như ngày xưa, nhưng cách Sát Phá Liêm Tham dĩ nhiên vẫn không phải là lý tưởng, vì nó cho biết rằng –dù thành công hay thất bại- đời sống cá nhân của người có mệnh Sát Phá Liêm Tham rất dễ bị cảnh lên xuống gập ghềnh.

Và đã lấy bình ổn làm tiêu chuẩn thì phải xét ngay các cách Sát Phá Liêm Tham ở Tỵ Hợi, tức hai cung thuộc tứ mã địa, vì hai cung này khiến mọi cách đều tăng thêm độ bất ổn. Có ba cách ở Tỵ Hợi là Liêm Tham, Vũ Phá, và Tử Sát.

Liêm Tham: Liêm Trinh và Tham Lang đều tương đối yếu, khiến mâu thuẫn rất khó hóa giải; nên cách này thường rất xấu. Vì thế mới có câu phú "Liêm Tham Tỵ Hợi hình ngục nan đào".

Vũ Phá: Vũ và Phá đều là hai sao mạnh, nhưng tính lạnh lùng của Vũ có thể dung hợp với tính tàn phá của Phá. Do đó mệnh có cách này xấu cho liên hệ nhân tế, nhưng không nhất thiết xấu cho sự nghiệp.

Tử Sát: Tử Vi là đế tinh cao quý nhất nên hóa giải được phần nào tính xung động của Sát. Do đó mệnh có cách này vẫn xoay xở được. Dĩ nhiên vẫn là cách bất ổn.

Kế đến, vì bốn cung Thìn Tuất Sửu Mùi thuộc thổ có đặc tính dung hòa mâu thuẫn; nên các cách Sát Phá Liêm Tham ở Sửu Mùi đều tương đối tốt. Gồm có: Tử Phá, Vũ Tham, Liêm Sát. Nhưng vì đây là cái tốt do những mâu

www.tuviglobal.com

thuần chế hóa nhau mà thành nên vẫn rất khó hoàn hảo; cư mệnh thế nào cũng có sự bất xứng ý toại lòng.

Còn lại hai cung âm thuộc tứ vượng địa là Mão Dậu, ta luận bằng lý bù trừ âm dương.

Liêm Phá Mão Dậu tất tam hợp là Tử Sát Tỵ Hợi và Tham Vũ Sửu Mùi. Vì Tử Sát và Vũ Tham tương đối tốt, Liêm Phá phải chịu phần xấu. Kết luận này phù hợp với tính ngũ hành vì Liêm thuộc hỏa và Phá thuộc thủy xung khắc nhau dữ dội.

Tử Tham Mão Dậu tất tam hợp là Liêm Sát Mùi Sửu và Vũ Phá Hợi Tỵ. Liêm Phá Mùi Sửu tương đối tốt, Vũ Phá Hợi Tỵ không xấu lắm. Do đó Tử Tham Mão Dậu phải là cách xấu.

Vũ Sát Mão Dậu tất tam hợp là Tử Phá Mùi Sửu và Liêm Tham Hợi Tỵ. Tử Phá Mùi Sửu là cảnh tốt xấu khó phân nhưng nếu tốt đẹp thì dễ huy hoàng, Liêm Tham Tỵ Hợi thì xấu. Vì luật bù trừ Vũ Sát phải trên trung bình, mặc dù vẫn không thể coi là tốt được.

Đa số các sách tử vi đều gọi chung cả hai cách Sát Phá Tham và Sát Phá Liêm Tham là Sát Phá Tham. Nhưng như bài này cho thấy, đây là hai cách khác biệt hẳn nhau, nếu lẫn lộn thì phần luận xét khó tránh khỏi sai lầm, thiếu sót.

San Jose 17 tháng 10, 2003
Đằng Sơn

PHỤ CHÚ
"Trai bất nhân Phá Quân Thìn Tuất
"Gái bạc tình Tham Sát Dần Thân"*

Các cụ ta có rất nhiều đóng góp đáng kể cho làng Tử Vi thế giới. Nhân bàn về cách Sát Phá Tham, xin luận rõ thêm về hai câu nổi tiếng do các cụ để lại:

www.tuviglobal.com

"Trai bất nhân Phá Quân Thìn Tuất
*"Gái bạc tình Tham Sát Dần Thân**

Dĩ nhiên, như đã bàn từ vài bài trước, con người có thể vượt thắng quy luật của Tử Vi, nên ngay cả câu phú chính xác nhất cũng chỉ đúng cho đa số trường hợp, mà không nhất thiết đúng cho mọi trường hợp. Nói rõ vậy rồi, ta có thể bắt đầu tìm hiểu cái lý nằm sau hai câu phú chát chúa vừa kể.

Lương TẬT	Sát TÀI	TỬ	Liêm THÊ
Tử-Tướng DI	*Phá Quân Thìn Tuất (Trai)*		BÀO
Cự-Cơ NÔ			Phá MỆNH
Tham QUAN	Âm-Dương ĐIỀN	Vũ-Phủ PHÚC	Đồng SINH

Lương ĐIỀN	Sát QUAN	NÔ	Liêm DI
Tử-Tướng PHÚC	*Tham Lang Dần Thân (Gái)*		TẬT
Cự-Cơ SINH			Phá TÀI
Tham MỆNH	Âm-Dương BÀO	Vũ-Phủ PHU	Đồng TỬ

Dương ĐIỀN	Phá QUAN	Cơ NÔ	Tử-Phủ DI
Vũ PHÚC	*Thất Sát Dần Thân (Gái)*		Âm TẬT
Đồng SINH			Tham TÀI
Sát MỆNH	Lương BÀO	Liêm-Tướng PHU	Cự TỬ

Hình 5: Các sao của cách "Trai bất nhân Phá Quân Thìn Tuất" (trên) và "Gái bạc tình Tham Sát Dần Thân" (hai hình dưới).

Trước hết xét Phá Quân Thìn Tuất. Nam mệnh cư Thìn Tuất có Phá Quân thủ tất quan lộc có Tham Lang hãm ở Dần Thân dễ gặp trở ngại trên đường sự nghiệp. Tài có Thất Sát miếu thủ ở Tý Ngọ nên trong cách kiếm tiền ít để ý đến hậu quả mà mình có thể gây ra cho người khác. Xét bối cảnh xung quanh thì phụ mẫu Thiên Đồng Tỵ Hợi nên khó bị cha mẹ khép vào

www.tuviglobal.com

đường lễ giáo, Bào vô chính diệu ảnh hưởng của anh em coi như không đáng kể. Thiên Di Tử Tướng là bối cảnh xung quanh thường chẳng tốt đẹp gì, thêm nô Cự Cơ là đường giao thiệp cũng chịu ảnh hưởng của những người đầy tính toán.

Ảnh hưởng tốt thì có Liêm miếu thủ thê, Vũ Phủ cư phúc đức; nên khi vấp ngã thường được người bạn đời hoặc quý nhân cứu giải. Sự may mắn này hóa ra là họa, vì nó khiến người ta khó học những bài học của cuộc đời. Thành thử đàn ông mệnh có Phá Quân Thìn Tuất ít khi ngần ngại dùng thủ đoạn để đạt mục tiêu của mình, người khác sống chết ra sao không cần biết. Bởi thế mới thành câu "Trai bất nhân Phá Quân Thìn Tuất".

Tại sao không có cách "gái bất nhân Phá Quân Thìn Tuất"? Xin thưa vì phu thê ở Dần Thân có Liêm Trinh. Trời sinh nữ là phái yếu nên dù tính chuyện chọc trời khuấy nước vẫn phải nhờ tay đàn ông. Trong trường hợp phái nữ Phá Quân Thìn Tuất, với Liêm Trinh miếu người chồng sẽ có ảnh hưởng mạnh khiến khó có cơ hội làm chuyện "bất nhân".

Nay xét tiếp trường hợp "Tham Sát Dần Thân". Dần Thân là mã địa nhiều biến động vốn đã không phải là lý tưởng cho phái nữ.

Nữ mệnh cư Dần Thân có Tham Lang thủ tất phu có Vũ Phủ, phụ mẫu có Cự Cơ, phúc có Tử Tướng, quan có Thất Sát, nô vô chính diệu. Cự Cơ ở phụ mẫu nên cha mẹ khó làm gương tốt cho con gái. Phu có Vũ Phủ nên chồng nhu nhược. Phúc có Tử Tướng nên bản thân kiêu ngạo và không ngần ngại xử dụng thủ đoạn. Quan có Thất Sát miếu nên muốn thành đạt công danh bằng mọi cách. Nô lại vô chính diệu thì còn ai cản được mình. Bởi vậy phái nữ mệnh cư Thìn Tuất có Tham Lang thường nghe theo tiếng gọi của tham vọng hoặc dục vọng mà bất chấp tình cảm con người.

Nữ mệnh cư Dần Thân có Thất Sát thủ cũng có cung phu yếu (Liêm Tướng). Nhưng đặc điểm đáng chú ý của cách này là phúc có Vũ Khúc nên sẵn sàng quyết định tàn nhẫn theo kiểu "ngọc diện băng tâm". Nô có Thiên Cơ hãm nên việc giao tế thay đổi liền liền và dễ có liên hệ với thành phần bất hảo.

www.tuviglobal.com

Quan có Phá và tài có Tham khiến yếu tố bất ổn càng tăng thêm.

Bởi vậy mới có câu phú "Gái bạc tình Tham Sát Dần Thân"*.

Tại sao không có câu phú "trai bạc tình Tham Sát Dần Thân"? Xin thưa vì trong trường hợp phái nam, cung thê Vũ Phủ (trong trường hợp mệnh Tham Lang) và Liêm Tướng (trong trường hợp mệnh Thất Sát) lại là âm dương ứng hợp; nên nam mệnh vẫn mang tham vọng; nhưng không nhất thiết phải trở thành kẻ bạc tình.

Thêm một câu hỏi cuối nữa, tại sao Phá Quân Dần Thân không thành cách "gái bạc tình"? Xin thưa vì mệnh có Phá Dần Thân tất phu phải là Tử Vi Tý Ngọ, chính là yếu tố ổn định cần thiết. Nhờ đó phái nữ mệnh có Phá Quân độc thủ ở Dần Thân mặc dù khó thoát hệ lụy tình cảm và hôn nhân bất thường (lập gia đình trễ, chồng xa tuổi mình, hoặc chồng ngoại quốc), nhưng ít khi bị mang tiếng bạc tình.

** Cũng có sách đề "... Tham Sát nhàn cung", nhưng theo thiển ý câu này không chính xác bằng "Tham Sát Dần Thân".*

www.tuviglobal.com

Chương 19

MƯỜI BỐN CHÍNH TINH VI
Đặc tính của 6 sao tĩnh

Từ nhóm sao động sang nhóm sao tĩnh

Trong chương trước ta đã xác định đặc tính của 8 sao động. Lấy những kết quả này làm khởi điểm, trong chương này ta sẽ áp dụng thêm luật tương ứng để suy ra một số đặc tính của nhóm sao tĩnh, tức là 6 sao Âm Dương Lương Cự Đồng Cơ.

Các cách hai sao của nhóm tĩnh ở cung âm (tổ hợp Âm Dương Lương và Cự Đồng Cơ)

Khi nhóm tĩnh ở cung âm thì nhóm động ở cung dương. Từ chương trước ta biết đây là lúc ở trung ương hai đế tinh Tử Phủ tụ hội thành cách Tử Phủ Vũ Tướng ngăn chặn bộ ba Sát Phá Tham. Tức là chính quyền trung ương còn giữ được giềng mối quốc gia, nhóm chống đối (tức Sát Phá Tham) phải ở vòng ngoài. Cùng lúc ấy, nhóm tĩnh (ở cung âm) chia làm hai nhóm tam hợp: Âm Dương Lương và Cự Đồng Cơ. Vì Âm Dương là hai đế tinh, bằng phép tương ứng ta thấy ngay rằng bộ ba Âm Dương Lương đại biểu chính quyền địa phương, còn bộ ba Cự Đồng Cơ ứng với những kẻ bị đứng ở vòng ngoài.

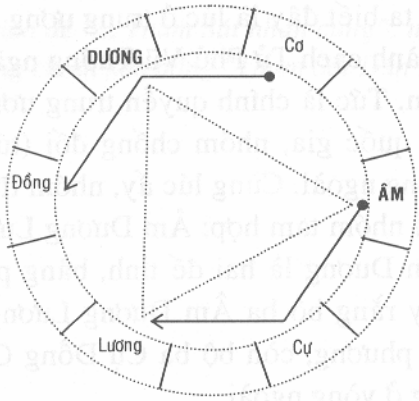
Nhóm tam hợp Âm Dương Lương có hai trường hợp hai sao cùng cung là Nhật Lương Mão Dậu và Âm Dương Sửu Mùi. Từ phép tính âm dương trình bày ở một chương trước ta đã biết Nhật Lương đều là sao dương nên cùng

www.tuviglobal.com

cung tốt đẹp (tuy nhiên, vì Dương ứng với mặt trời nên Nhật Lương ở Mão tốt hơn Nhật Lương ở Dậu).

Âm Dương cùng cung là kết hợp của một sao âm một sao dương nên không tốt đẹp bằng hai sao dương. Hơn nữa, Âm Dương cùng cung nghĩa là hai đế tinh địa phương ở cùng một chỗ. Chú ý rằng cặp đế tinh Tử Phủ có một mạnh một yếu rất rõ rệt (Tử mạnh Phủ yếu) thế mà cùng cung đã có vấn đề. Cặp Âm Dương thì mỗi sao có một phạm vi cai quản độc lập và tương đương (Âm tháng, Dương giờ) nên cùng cung ví như hai hổ một rừng, thế lực mạnh mẽ thật đấy, nhưng mâu thuẫn cũng trầm trọng vô cùng, nên không thể luận là tốt được.

Thành thử, mặc dầu Âm Dương Lương ở thế tam hợp thì chính quyền địa phương mạnh, nhưng muốn tránh nguy cơ mâu thuẫn phải thêm điều kiện nữa là Âm Dương ở hai cung khác biệt.



Hình 1: Ba sao Cơ Dương Đồng có liên hệ cố đính. Ba sao Âm Cự Lương cũng có liên hệ cố định. Ngoài ra Cơ Đồng vĩnh viễn tam hợp, Âm Lương vĩnh viễn tam hợp. Nhật và Cự thì ở thế "duy ngã độc tôn". Cách an bài này ứng với hai thế lực: Âm Dương Lương là chính quyền, Cự Đồng Cơ là những kẻ ở ngoài vòng đai quyền bính.

www.tuviglobal.com

Bộ ba Cự Đồng Cơ có hai trường hợp hai sao cùng cung là Đồng Cự Sửu Mùi và Cự Cơ Mão Dậu. Ta sẽ trở lại hai cách này trong phần luận Cự Môn.

Các cách hai sao của nhóm tĩnh ở cung dương (tổ hợp Nhật Cự và Cơ Nguyệt Đồng Lương)

Khi nhóm tĩnh ở cung dương thì nhóm động ở cung âm. Từ chương trước ta biết đây là lúc nhóm phản đối Sát Phá Tham thắng thế, lấn quyền trung ương. Chính quyền trung ương hỗn loạn thì chính quyền địa phương cũng phân hóa, mỗi nơi tùy hoàn cảnh mà phản ứng khác nhau. Xét nhóm tĩnh trong hoàn cảnh này ta thấy hai đế tinh Âm Dương ở thế xung, tức là không cùng phe với nhau nữa, tạo thành hai nhóm tam hợp là Cơ Nguyệt Đồng Lương và Nhật Cự.

Nhật Cự giản dị hơn nên bàn trước. Cự ở thế vĩnh viễn lục hại Tử Vi nên ví như kẻ bất mãn chính phủ trung ương. Thái Dương đã cắt đứt liên hệ với Thái Âm, trong cảnh trung ương loạn lạc tất muốn nghĩ chuyện xưng hùng, mà muốn xưng hùng tất cần một người nắm vững tình hình trung ương như Cự Môn. Thế nên đây là một liên hệ có lợi cho Thái Dương. Cự về phe với đế tinh địa phương Thái Dương vào lúc chính quyền trung ương bối rối, tức là muốn nương nhờ Thái Dương mà tiến thân, phát triển.

Nhóm Nhật Cự hiển nhiên chỉ có một cách hai sao đồng cung là Nhật Cự Dần Thân. Cách này thỏa nhu cầu của cả Thái Dương lẫn Cự Môn, nên tốt. Tuy nhiên, vì Nhật ứng với mặt trời nên Cự Nhật ở Dần có uy lực hơn ở Thân.

Nhóm Cơ Nguyệt Đồng Lương được tạo thành do sự phối hợp của hai cặp tam hợp là Âm Lương và Đồng Cơ. Âm Lương là một bộ phận của chính quyền địa phương, Đồng Cơ là hai kẻ vòng ngoài. Đây ví như trường hợp một

www.tuviglobal.com

lãnh chúa địa phương (Âm) vì thời thế đòi hỏi mà liên hệ với hai kẻ thường dân (Đồng Cơ) thay vì với lãnh chúa kia (Thái Dương). Nhưng Đồng vĩnh viễn nhị hợp với Tham tất vô chủ trương, Cơ vĩnh viễn lục hại với Tướng nên chỉ là kẻ bất phùng thời vì không được Tướng tiến dẫn; không phải là hai kiện tướng có thể giúp Âm xưng hùng.

Hoàn cảnh khó khăn của Thái Âm được phản ảnh qua lý âm dương của các cách hai sao, gồm có Cơ Âm, Đồng Âm, Cơ Lương, Đồng Lương. Hai cách đầu là sao dương phối hợp sao âm nên không tốt bằng hai cách sau. Nghĩa là trong cách Cơ Nguyệt Đồng Lương rõ ràng Thái Âm bị giảm uy thế, trong khi Thiên Lương được tăng uy thế.

Đây Thái Âm ví như một ông tướng vùng xuống chân phải nhờ cậy quân sư Thiên Lương liên hệ với dân chúng tìm chỗ tiến thủ. Vì nhu cầu sống còn ông tướng Thái Âm phải biết tòng quyền, tạo thành cách "Cơ Nguyệt Đồng Lương tác lại nhân", nghĩa là chịu bỏ uy phong để thành một kẻ thừa hành. Nhưng nếu bị dồn vào chân tường và có yếu tố thuận lợi, tất ông tướng sẽ phản ứng hung hãn để chiếm lại quyền uy. Bởi vậy Thái Âm ở cung dương hãm mà được thế "cùng tắc biến" lại thường phát về võ nghiệp.

Luận các vị trí của Âm Dương

Xét một cách tổng quát thì vị trí tốt của Dương đi từ Dần đến Ngọ vì đây là ban ngày, đúng "thời" của mặt trời; vị trí tốt của Âm đi từ Mùi đến Tý vì đây là ban đêm, đúng "thời" của mặt trăng. Hai cung Sửu Mùi thì là cảnh tranh tối tranh sáng, tốt xấu còn tùy nhiều điều kiện khác.

Nhưng như đã phân tích ở trên, Thái Âm lâm vào cách Cơ Nguyệt Đồng Lương nói chung là thất thế. Cách này ứng với cung dương nên ta suy ra Thái Âm ở cung dương

www.tuviglobal.com

kém cung âm. Vì lý cân xứng, Thái Dương ở cung âm phải kém cung dương. Lập luận này hoàn toàn hợp với lý tương ứng vì Thái Âm có biểu tượng là mặt trăng, mang bản chất âm; Thái Dương có biểu tượng là mặt trời, mang bản chất dương.

Bởi vậy:

-Các cung Mão, Tỵ mặc dù không đúng "thời" của Thái Âm, nhưng lại đắc phương vị âm nên Thái Âm ở các cung này không thuận lợi mà vẫn có chỗ xoay xở. Ngược lại, các cung Thân, Tuất, Tý dù đúng "thời" nhưng trái phương vị nên Thái Âm ở các cung này dù tốt đi nữa vẫn có vấn đề.

<table>
<tr><td>Tỵ – âm
Dương (hơi tốt)
Âm (khá xấu)</td><td>Ngọ – dương
Dương (cực tốt)
Đồng Âm (cực xấu)</td><td>Mùi - âm
Âm -Dương
(tốt xấu còn tùy)</td><td>Thân – dương
Cự Nhật (hơi tốt)
Cơ Âm (tạm được)</td></tr>
<tr><td>Thìn – dương
Dương (tốt)
Âm (cực xấu)</td><td rowspan="2" colspan="2"></td><td>Dậu – âm
Nhật Lương (hơi tốt)
Âm (rất tốt)</td></tr>
<tr><td>Mão - âm
Nhật Lương (rất tốt)
Âm (hơi kém)</td><td>Tuất - dương
Dương (hơi xấu)
Âm (hơi tốt)</td></tr>
<tr><td>Dần - dương
Cự Nhật (rất tốt)
Cơ Âm (xấu, bất ổn)</td><td>Sửu – âm
Âm – Dương
(tốt xấu còn tùy)</td><td>Tí - Dương
Dương (hơi xấu)
Đồng Âm (hơi tốt)</td><td>Hợi - âm
Dương (cực xấu)
Âm (cực tốt)</td></tr>
</table>

Hình 3: Các vị trí tốt xấu của cặp sao âm dương
(tùy thuộc tính âm dương của cung)

-Các cung Thân, Tuất, Tý mặc dù không đúng "thời" của Thái Dương, nhưng lại đắc phương vị dương nên Thái Dương ở các cung này dù không thuận lợi mà vẫn có chỗ xoay xở. Ngược lại cung Tỵ đắc thời nhưng trái phương vị

www.tuviglobal.com

nên tốt mà không hoàn hảo. (Cung Mão tốt vì lý do khác, sẽ bàn sau).

-Các cung Thìn, Ngọ vừa trái thời vừa trái vị nên là cung cực kỳ bất lợi cho Thái Âm.

-Cung Hợi vừa trái thời vừa trái vị nên là cung cực xấu của Thái Dương (cung Dậu cũng xấu nhưng đỡ hơn Hợi vì lý do sẽ bàn sau).

(Một khám phá to lớn của thuyết âm dương là lý "cùng tắc biến". Vì lý này mà một hoàn cảnh cực xấu, nếu có điều kiện đúng có thể xoay ngược lại thành tốt. Sau này ta sẽ thấy những cách đặc biệt tốt cho Thái Âm cư Thìn, Ngọ và Thái Dương cư Hợi.)

Thái Dương cư Mão Dậu là ngoại lệ của quy luật phương vị kể trên vì ở hai cung này Thái Dương tất cùng cung với Thiên Lương, thành cách Nhật Lương. Hai sao cùng là dương nên Nhật Lương tốt đẹp. Dĩ nhiên Nhật Lương ở Mão tốt hơn ở Dậu.

Vì Âm Dương là hai đế tinh của nhóm tĩnh, ngay cả khi không cùng cung chúng cũng có thể có ảnh hưởng quan trọng đến độ tốt xấu của 4 sao còn lại, như ta sẽ thấy trong phần còn lại của bài này.

Luận các vị trí của Thiên Lương

Ở trên ta đã suy ra Thiên Lương đắc thế khi Thái Âm thất thế. Hoàn cảnh này xảy ra ở cung dương nên Thiên Lương tốt ở các cung dương, gồm có:

-Tý Ngọ: Thiên Lương độc thủ.

-Thìn Tuất: Thiên Lương cùng cung với Thiên Cơ (gọi là cách Cơ Lương).

-Dần Thân: Thiên Lương cùng cung với Thiên Đồng (gọi là cách Đồng Lương).

www.tuviglobal.com

(Nhưng cần chú ý rằng Dần Thân là đất của đổi thay - mã địa- nên mặc dù cách Đồng Lương tốt đẹp cho công danh sự nghiệp lại không tiện cho nữ mệnh. Nữ mệnh cư Dần Thân có Đồng Lương thủ khó lòng tìm được hạnh phúc gia đình.)

<table>
<tr><td>Tỵ
LƯƠNG
(rất xấu, rất bất ổn)</td><td>Ngọ
LƯƠNG
(rất tốt)</td><td>Mùi
LƯƠNG
(bình hòa)</td><td>Thân
ĐỒNG - LƯƠNG
(tốt, bất ổn)</td></tr>
<tr><td>Thìn
CƠ - LƯƠNG
(rất tốt)</td><td colspan="2" rowspan="2"></td><td>Dậu
NHẬT LƯƠNG
(hơi tốt)</td></tr>
<tr><td>Mão
NHẬT - LƯƠNG
(rất tốt)</td><td>Tuất
CƠ - LƯƠNG
(rất tốt)</td></tr>
<tr><td>Dần
ĐỒNG - LƯƠNG
(tốt, bất ổn)</td><td>Sửu
LƯƠNG
(bình hòa)</td><td>Tí
LƯƠNG
(cực tốt)</td><td>Hợi
LƯƠNG
(rất xấu, rất bất ổn)</td></tr>
</table>

Hình 4: Các vị trí tốt xấu của Thiên Lương
(riêng cách *chữ nghiêng* đã bàn từ trước)

Ở cung âm Thiên Lương cùng nhóm tam hợp với Âm Dương. Vì Thiên Lương không phải là đế tinh; nên tam hợp với hai đế tinh Âm Dương là thế yếu. Do đó ngoại trừ trường hợp Nhật Lương Mão Dậu là một ngoại lệ đã bàn trên, Thiên Lương độc thủ ở Sửu Mùi là mộ cung ổn định được bình hòa, ở Tỵ Hợi mã địa xung động là hãm.

-Nhật Lương Mão Dậu: Thiên Lương cùng cung với Thái Dương (đã bàn trong phần Âm Dương)

-Thiên Lương Sửu Mùi: tất có Âm Dương ở hai cung khác nhau chiếu về. Mặc dù Âm Dương có mạnh yếu khác nhau, nhưng cả hai trường hợp Thái Dương đều ở

www.tuviglobal.com

cung âm, không giúp đỡ được bao nhiêu. Do đó ở Sửu Mùi Thiên Lương chỉ bình thường mà thôi (Sửu có Âm Dậu Dương Tỵ chiếu về nên tương đối tốt hơn Mùi bị Âm Mão Dương Hợi; nhưng khác biệt không bao nhiêu).

-Thiên Lương Tỵ Hợi: Tỵ Hợi là mã địa nên là nơi đầy tính chất xung động. Thiên Lương Tỵ Hợi tất nhiên Âm Dương cùng cung ở Sửu Mùi. Một cung làm sao đủ chỗ cho hai lãnh chúa địa phương? Âm Dương cùng cung do đó thường được gọi là cách "Nhật Nguyệt tranh huy" (Mặt trời mặt trăng giành ánh sáng), ví như hai lãnh chúa địa phương tranh chỗ với nhau. Nên đây chính là cảnh thượng tranh hùng, hạ thác loạn. Thảo nào Thiên Lương (quần chúng) thác loạn ở Tỵ Hợi.

Luận các vị trí của Cự Môn

Cự Môn nghĩa đen là "cánh cửa to", tại sao thế? Nguyên Cự Môn vĩnh viễn ở thế lục hại với Tử Vi, tức là muốn hại Tử Vi. Tử Vi là đế tinh ở ngôi cao nhất, Cự Môn muốn hại Tử Vi thì chỉ có cách mờ ám mà thôi. Bởi vậy sách vở để lại đều gọi Cự Môn là "ám tinh". Địa bàn hoạt động của Cự Môn là nhóm sao tĩnh. Cự Môn lại cách Thái Âm hai cung nên vĩnh viễn không bao giờ chịu ảnh hưởng của Thái Âm. Như vậy, chỉ có đế tinh Thái Dương mới có khả năng vận dụng phương vị để cho Cự Môn chỗ sống. Nhưng muốn hại Tử Vi thì đầu óc phải hết sức u ám, nên nếu ví Thái Dương như ánh sáng mặt trời muốn soi tan cái u ám của Cự Môn, thì phải ví Cự Môn như cánh cửa lớn, khiến ánh mặt trời rất khó lọt qua.

Tóm lại muốn Cự Môn tốt phải có yếu tố đột phá. Từ đó suy ra rằng Cự Môn có hai cách tốt:

Cự Nhật Dần Thân: Nhật được cùng cung, không phải chiếu xa nên vượt thắng được tính ám của Cự Môn, do đó

www.tuviglobal.com

Cự Nhật Dần Thân là một đại cách. Cự Nhật ở Dần tốt hơn Thân vì ánh sáng của Nhật ở Dần mạnh hơn, nhưng chú ý rằng cả hai cung đều dương nên xem vậy mà khác biệt không bao nhiêu.

<table>
<tr><td>Tỵ
CỰ
(hơi xấu)</td><td>Ngọ
CỰ
(có thể rất tốt,
thạch trung ẩn ngọc)</td><td>Mùi
ĐỒNG – CỰ
(rất xấu)</td><td>Thân
CỰ - NHẬT
(hơi tốt)</td></tr>
<tr><td>Thìn
CỰ
(rất xấu)</td><td colspan="2" rowspan="2"></td><td>Dậu
CỰ - CƠ
(rất tốt, vất vả)</td></tr>
<tr><td>Mão
CỰ - CƠ
(rất tốt, vất vả)</td><td>Tuất
CỰ
(rất xấu)</td></tr>
<tr><td>Dần
CỰ - NHẬT
(rất tốt)</td><td>Sửu
ĐỒNG – CỰ
(rất xấu)</td><td>Tí
CỰ
(có thể rất tốt,
thạch trung ẩn ngọc)</td><td>Hợi
CỰ
(hơi tốt)</td></tr>
</table>

Hình 5: Các vị trí tốt xấu của Cự Môn
(riêng các cách *chữ nghiêng* đã bàn từ trước)

Ta cũng suy ra được hai cách xấu là Đồng Cự Sửu Mùi và Cự Môn Thìn Tuất: Vì bốn cung này là mộ địa, cản ngăn mọi khuynh hướng đột phá.

Cũng có thể luận Đồng Cự Sửu Mùi như sau: Cách này xảy ra khi nhóm Âm Dương Lương đắc thượng cách Nhật Lương, tức là chính quyền địa phương liên hệ bền chặt, không mâu thuẫn. Chính quyền không mâu thuẫn thì hai kẻ ở vòng ngoài gặp nhau mưu sự gì được? Thế nên Đồng Cự Sửu Mùi là cách xấu.

Ngược lại, Cự Cơ Mão Dậu xảy ra khi nhóm Âm Dương Lương bị cảnh Âm Dương cùng cung, tức là chính quyền địa phương có mâu thuẫn. Chính quyền mâu thuẫn,

www.tuviglobal.com

kẻ ở vòng ngoài chịu khó hợp tác có cơ thành tựu, thành thử Cự Cơ Mão Dậu là một kỳ cách tốt đẹp của Tử Vi.

Chỉ còn lại Cự Môn Tý Ngọ và Cự Môn Tỵ Hợi có thể suy ra như sau:

Cự Môn Tý Ngọ xảy ra khi Tử Vi cùng cung với Phá Quân ở Mùi Sửu, tức là triều đình trung ương ở trong cảnh tranh tối tranh sáng. Có thể nói đây là cơ hội của kẻ bất mãn Cự Môn. Nhưng cảnh tranh tối tranh sáng là chưa rõ ràng, nên Cự Môn Tý Ngọ được gọi là cách "Thạch trung ẩn ngọc", cần phải có thêm yếu tố đột phá khác (như Tuần Triệt Đại Tiểu Hao vân vân...) mới tốt đẹp.

Cự Môn Tị Hợi tất có Thái Dương xung chiếu nên cũng là chịu ảnh hưởng đột phá của Thái Dương. Nhưng vì không cùng cung nên uy lực của Thái Dương trở thành quan trọng. Cự Môn ở Hợi tất Thái Dương ở Tỵ, không hoàn hảo (vì là cung âm) nhưng có uy lực, do đó Cự Môn cư Hợi tương đối tốt. Cự Môn ở Tỵ tất Thái Dương ở Hợi là cực hãm nên không giải được tính ám của Cự Môn. Do đó Cự Môn ở Tỵ tương đối xấu (nhưng đỡ hơn Thìn Tuất Sửu Mùi).

Tại sao Cự Môn cư Hợi chỉ "tương đối tốt" mà không là "chắc chắn tốt". Xin thưa vì Tử Vi ở Thân đắc cách Tử Phủ vững vàng. Tử Vi mạnh thì Cự Môn khó lòng phát triển.

Luận các vị trí của Thiên Cơ

Từ cách thành hình, Thiên Cơ ứng với quái Chấn nên căn tính rất động. Bởi vậy làng Tử Vi Đài Loan, Hồng Kông đã từ lâu nhận biết Thiên Cơ là sao của đổi thay. Nhưng vì thuộc nhóm tĩnh, lại sinh ra ở Sửu thuộc mộ địa nên căn tính động của Thiên Cơ thường bị kềm chế, và

www.tuviglobal.com

đòi hỏi điều kiện đặc biệt mới thể hiện tốt đẹp được. Hai điều kiện đặc biệt mà ta đã biết là:

Thìn Tuất: Cùng Cơ Lương (cách Cơ Lương đã bàn trong phần Thiên Lương)

Mão Dậu: Cùng Cự Môn (thành cách Cự Cơ Mão Dậu đã bàn trong phần Cự Môn)

Và ta suy ra ngay rằng Sửu Mùi, vì có tính thu tàng, là hãm địa của Thiên Cơ.

<table>
<tr><td>Tỵ

CƠ
(khá tốt)</td><td>Ngọ

CƠ
(tốt)</td><td>Mùi

CƠ
(rất xấu)</td><td>Thân

CƠ - ÂM
(tạm được, bất ổn)</td></tr>
<tr><td>Thìn

CƠ - LƯƠNG
(rất tốt)</td><td colspan="2" rowspan="2"></td><td>Dậu

CỰ - CƠ
(rất tốt, vất vả)</td></tr>
<tr><td>Mão

CỰ - CƠ
(rất tốt, vất vả)</td><td>Tuất

CƠ - LƯƠNG
(rất tốt)</td></tr>
<tr><td>Dần

CƠ - ÂM
(xấu, bất ổn)</td><td>Sửu

CƠ
(rất xấu)</td><td>Tí

CƠ
(tốt)</td><td>Hợi

CƠ
(khá xấu)</td></tr>
</table>

Hình 6: Các vị trí tốt xấu của Thiên Cơ
(riêng các cách *chữ nghiêng* đã bàn từ trước)

Các trường hợp còn lại:

Tý Ngọ: Thiên Cơ độc thủ. Tý Ngọ thuộc tứ đào hoa địa là nơi biến động dễ dẫn đến kết quả, đồng thời đối thủ của Thiên Cơ là Thiên Tướng ở Mùi Sửu yếu đuối; nên đây là vị trí rất tốt của Thiên Cơ.

Dần Thân: Cùng Thái Âm thành cách Cơ Âm. Dần Thân là mã địa, khiến Cơ đã động trở thành quá trớn. Có thêm đế tinh Âm phù trợ nên đỡ phần nào, nhưng Dần

www.tuviglobal.com

Thân là cung dương nên cặp Âm Dương phân ly, lại nghịch tính âm dương với Thái Âm. Do đó cách Cơ Âm không hoàn hảo. Ở Thân còn tạm được (vì Thân đúng "thời" của Âm), ở Dần nói chung là xấu vì xung động quá độ.

Tỵ Hợi: Đây là mã địa xung động, nhưng bây giờ Cơ có đế tinh Thái Âm xung chiếu nên chịu ảnh hưởng ít nhiều của Âm. Cơ ở Tỵ tất âm cực thịnh ở Hợi, do đó Cơ ở Tỵ tương đối tốt. Cơ ở Hợi tất âm yếu đuối (dù không đến nỗi tuyệt vọng) ở Tỵ, do đó Cơ ở Hợi tương đối xấu.

Tại sao Thiên Cơ cư Tỵ chỉ "tương đối tốt" mà không là "chắc chắn tốt". Xin thưa vì đối thủ của Cơ là Thiên Tướng ở Dần đắc cách Vũ Tướng vững vàng. Thiên Tướng còn mạnh thì Thiên Cơ khó lòng phát triển.

Luận các vị trí của Thiên Đồng

Ta đã biết ba cách Thiên Đồng cư chung với sao khác là:

Tý Ngọ: Cùng Thái Âm (cách Đồng Âm đã bàn trong phần Âm Dương)

Dần Thân: Cùng Thiên Lương (cách Đồng Lương đã bàn trong phần Thiên Lương)

Sửu Mùi: Cùng Cự Môn (cách Đồng Cự đã bàn trong phần Cự Môn)

Còn lại ba cách đều là Thiên Đồng độc thủ.

Thìn Tuất: Tất nhiên Đồng nằm trong tổ hợp Cơ Nguyệt Đồng Lương, trong hoàn cảnh Âm Dương phân tán. Đồng là sao yếu đuối, ở cùng phe với Âm tức là trái phe với Dương. Dương vốn mạnh hơn âm, Đồng lại không có sao cùng cung hỗ trợ, tất nhiên là hoàn cảnh không tốt. Do đó Thiên Đồng hãm ở Thìn Tuất.

www.tuviglobal.com

Mão Dậu: Thiên Đồng độc thủ nhưng có đế tinh Thái Âm xung chiếu. Đồng yếu đuối nên xấu tốt lệ thuộc vào Thái Âm. Do đó Đồng ở Mão tốt (vì Âm ở Dậu rất thịnh), Đồng ở Dậu xấu (vì Âm ở Mão tương đối xấu).

<table>
<tr><td>Tỵ
ĐỒNG
(hơi tốt)</td><td>Ngọ
ĐỒNG - ÂM
(cực xấu,
vì Âm cực hãm)</td><td>Mùi
ĐỒNG - CỰ
(rất xấu)</td><td>Thân
ĐỒNG - LƯƠNG
(tốt, bất ổn)</td></tr>
<tr><td>Thìn
ĐỒNG
(rất xấu)</td><td colspan="2" rowspan="2"></td><td>Dậu
ĐỒNG
(xấu, vì Âm hãm)</td></tr>
<tr><td>Mão
ĐỒNG
(tốt, vì Âm miếu)</td><td>Tuất
ĐỒNG
(rất xấu)</td></tr>
<tr><td>Dần
ĐỒNG - LƯƠNG
(tốt, bất ổn)</td><td>Sửu
ĐỒNG - CỰ
(rất xấu)</td><td>Tí
ĐỒNG - ÂM
(hơi tốt,
nhờ âm đắc thời)</td><td>Hợi
ĐỒNG
(hơi tốt)</td></tr>
</table>

Hình 7: Các vị trí tốt xấu của Thiên Đồng
(riêng cách *chữ nghiêng* đã bàn từ trước)

Tỵ Hợi: Thiên Đồng độc thủ. Trong hoàn cảnh này Âm Dương đồng cung ở Mùi Sửu, không hội họp với Thiên Đồng. Đồng ví như cô bé không bị người lớn kềm chế, bay nhảy tự do (ở mã địa Tỵ Hợi). Cũng là một hoàn cảnh tốt đẹp, mặc dù khó có thành quả đặc sắc. Sách thường gọi là "đắc địa".

San Jose 24 tháng 10, 2003
Đằng Sơn

www.tuviglobal.com

Chương 20

MƯỜI BỐN CHÍNH TINH VI

Tính bát quái của 14 chính tinh

Tính bát quái của 14 chính tinh

Vì bát quái đã được xử dụng từ đầu bài toán chính tinh, ta suy ngược lại rằng tối thiểu một số chính tinh phải mang tính chất bát quái.

Hiển nhiên, vì số thành phần của tập hợp chính tinh (14) và tập hợp bát quái (8) không tương ứng với nhau, ta chỉ có thể luận ra tính bát quái của 14 chính tinh một cách đại khái mà thôi.

Cự	Liêm (hỏa) *Tướng*	Lương (thổ)	*Sát (kim)*
Tham (mộc)			Đồng (thủy/hỏa)
Âm			Vũ (kim)
Tử (thổ) *Phủ*	Cơ (mộc)	Phá (thủy)	*Dương*

Hình 1: Tám sao có tính bát quái là Vũ Phá Tử Cơ Tham Liêm Lương Đồng (sáu sao không có tính bát quái chữ nghiêng, nền dấu chấm).

Vì chính tinh có 14 mà bát quái chỉ có 8 ta phải chọn một trong hai cách. Cách thứ nhất là ép tính bát quái vào mọi sao, với kết quả là một số sao có tính bát quái giống nhau, tạo thành sai số. Cách này có vẻ tự nhiên, vì ta đã ép tính ngũ hành vào mọi sao và chấp nhận sai số thì tại sao không làm tương tự cho bát quái? Nhưng chú ý rằng ngũ hành chỉ là phép tính gần đúng của thuyết âm dương nên khi áp dụng nó vào bài toán tử vi ta đã chấp nhận hậu quả là sai số khá cao. Còn bát quái là căn bản của phép tính âm dương. Phép tính âm dương vốn phức tạp, nếu đã

www.tuviglobal.com

chấp nhận sai số từ đầu thì sao không chỉ dùng ngũ hành cho giản dị hơn?

Cách thứ hai là chỉ cho 8 sao có tính bát quái, nghĩa là 6 sao còn lại không có tính bát quái. Từ lý luận dẫn đến sự thành hình của 14 sao ta đã thấy một số sao không dính líu gì đến bát quái, nên ta chọn cách này để giảm thiểu sai số.

Trước hết từ cách định ngũ hành cho 14 chính tinh trong vài bài trước, ta có thể khẳng định được tính bát quái của một số sao, nay xin ghi ra:

1. Vũ Khúc ứng với quái Càn, vì phương vị tương ứng và cũng là lý do Vũ Khúc được cho hành kim.

2. Phá Quân ứng với quái Khảm, vì phương vị tương ứng và cũng là lý do Phá Quân được cho hành thuần thủy.

3. Tử Vi ứng với quái Cấn, vì đó là lý do Tử Vi được cho hành thổ.

4. Thiên Cơ ứng với quái Chấn, vì đó là lý do Thiên Cơ được cho hành mộc.

5. Tham Lang ứng với quái Tốn, vì phương vị tương ứng và cũng là lý do Tham Lang được cho hành mộc.

6. Liêm Trinh ứng với quái Li, vì phương vị tương ứng và cũng là lý do Liêm Trinh được cho hành thuần hỏa.

7. Thiên Lương ứng với quái Khôn, vì phương vị tương ứng và cũng là lý do Thiên Lương được cho hành thổ.

8. Chỉ còn lại quái Đoài (kim). Phản ứng tự nhiên của ta là cho nó ứng với Thất Sát, vì đó là lý do tại sao hành nguyên thủy của Thất Sát là kim. Nhưng sự an bài này có vấn đề vì từ bài trước ta biết Sát là sao hung dữ, trong khi Đoài (có tượng con gái út do Văn Vương đặt) ứng hơn với ý nghĩa vui vẻ, vô tâm.

Nhìn lại phương vị trong giai đoạn hình thành của 14 chính tinh (hình 1), ta thấy chính vị Kim, tức cung Dậu, có

www.tuviglobal.com

Đồng tọa thủ. Đồng không mang hành kim không phải là vấn đề, vì ta đã biết bài toán ngũ hành chỉ có thể giải ra gần đúng mà thôi. Điểm quan trọng là Đồng chưa bị mang tính chất rõ rệt như Sát. Bởi vậy cách hợp lý hơn là cho Đồng mang tính của Đoài.

Các sao không có tính bát quái

Đã cho Đồng mang tính của Đoài thì phải liệt Sát vào hàng ngũ 6 sao không có tính bát quái. Các sao ấy là Âm (thủy) Dương (hỏa) Phủ (thổ) Tướng (thủy) Sát (kim đới hỏa) Cự (thổ đới thủy).

Kiểm nghiệm tính bát quái trong nhóm sao động

Tính bát quái cộng thêm với những gì đã biết có thể giúp ta xác định tính chất của 14 chính tinh một cách rõ ràng hơn. Nhưng đầu tiên ta cần xét xem những tính bát quái mà ta áp đặt lên chính tinh có chính xác không đã. Cách kiểm nghiệm của chúng ta như sau: Hai sao A và B cùng cung đều có tính bát quái thì ý nghĩa phối hợp của chúng phải đồng ý với ý nghĩa quẻ dịch tương ứng, với sao đóng vai chính là nội quái, sao đóng vai phụ là ngoại quái. Tại sao vai chính là nội quái, vai phụ là ngoại quái cũng là một vấn đề cần được giải quyết, nhưng vì cách giải quyết này đòi hỏi lý luận của thuyết âm dương, nên sẽ được bàn kỹ hơn trong các quyển "kinh Dịch hoàn toàn khoa học" và "thuyết âm dương hoàn toàn khoa học". Độc giả chỉ cần đọc một trong hai quyển sách trên (chưa xuất bản khi bài này được viết) là nắm vững vấn đề. Trong bài này yêu cầu tạm thời chấp nhận kết quả.

Bắt đầu với nhóm sao động. Năm sao có tính bát quái là Tử Vi (Cấn), Liêm (Li), Vũ (Càn), Phá (Khảm), Tham (Tốn).

www.tuviglobal.com

TỬ VI (CẤN):

Phối hợp sao thì có Tử Phủ, Tử Tướng, Tử Sát, Tử Phá, Tử Tham. Ba cách đầu không kể vì Phủ Tướng Sát không có bát quái tính. Do đó chỉ cần xét Tử Phá, Tử Tham.

Tử Phá: Ứng với cách "Sát Phá Liêm Tham", là cảnh chính quyền trung ương bị nhóm chống đối khuynh loát. Tuy nhiên, vì Tử Phá chỉ xảy ở hai mộ cung Sửu Mùi là nơi có tính dung hòa; vai trò chủ khách của hai sao tùy trường hợp mà thay đổi. Tử đóng vai chính, Phá vai phụ tất ứng với quẻ Thủy Sơn Kiển là tiềm năng bị cản trở khó phát huy. Phá vai chính, Tử vai phụ thì ứng với quẻ Sơn Thủy Mông là cảnh hỗn mang tranh tối tranh sáng, xấu tốt còn lệ thuộc yếu tố khác.

Tử Tham: Tử Tham ứng với cảnh vua (Tử Vi) bị nhóm chống đối bên ngoài gửi thuyết khách (Tham) đến lung lạc. Phe thắng thế ở đây phải là thuyết khách, nên Tham là vai chính ứng với nội quái, Tử là vai phụ ứng với ngoại quái, cho quẻ Sơn Phong Cổ là cảnh tan hoang, đổ nát. (Xem thêm phần "Bát quái và tính đào hoa" ở cuối bài).

LIÊM TRINH (LI):

Phối hợp sao thì có Liêm Phủ, Liêm Tướng, Liêm Sát, Liêm Phá, Liêm Tham. Ba cách đầu không kể vì Phủ Tướng Sát không có bát quái tính. Do đó chỉ cần xét Liêm Phá, Liêm Tham.

Liêm Phá: Liêm thuộc phe Tử Vi, cùng cung Phá là lúc nhóm Sát Phá Tham đã thắng thế (cách "Sát Phá Liêm Tham"). Xem Phá (Khảm) là chính, Liêm (Li) là phụ, được quẻ Hỏa Thủy Vị Tế là cảnh bối rối khi việc chưa thành.

www.tuviglobal.com

Liêm Tham: Tương tự lý trên, đây là trường hợp nhóm Sát Phá Tham thắng thế nên phải xem Tham (Tốn) là chính, Liêm (Li) là phụ; được quẻ Hỏa Phong Đỉnh. Đỉnh là một quẻ rất tốt của dịch, vậy tại sao Liêm Tham lại là cách xấu? Xin trả lời rằng nếu chưa tính lý cùng tắc biến thì mọi quẻ với Tốn làm nội quái đều rất xấu (lý sẽ được trình bày trong quyển "kinh Dịch hoàn toàn khoa học"). Quẻ Đỉnh của kinh Dịch tốt vì đã bao hàm lý "cùng tắc biến" ở trong. Ở đây, trong bài toán Tử Vi, các phối hợp hai sao chưa bao hàm lẽ cùng tắc biến, nên Liêm Tham xấu.

VŨ KHÚC (CÀN):

Phối hợp sao thì có Vũ Phủ, Vũ Tướng, Vũ Sát, Vũ Phá, Vũ Tham. Ba cách đầu không kể vì Phủ Tướng Sát không có bát quái tính. Do đó chỉ cần xét Vũ Phá, Vũ Tham.

Vũ Phá: Vũ thuộc phe Tử Vi, cùng cung Phá là lúc nhóm Sát Phá Tham đã thắng thế (cách "Sát Phá Liêm Tham"). Xem Phá (Khảm) là chính, Vũ (Càn) là phụ, được quẻ Thủy Thiên Nhu là phải chờ đợi mới có kết quả tốt đẹp. Nhưng Vũ Phá ở Tỵ Hợi là tứ mã địa rất xung động, tất phải bất lợi trong khi còn chờ đợi. Do đó Vũ Phá có tốt đi nữa cũng là cách "hoa nở về chiều", kinh qua nhiều xung động rồi mới được an nhàn.

Vũ Tham: Đây cũng là trường hợp nhóm Sát Phá Tham khuynh loát triều đình, nhưng vì chỉ ở Sửu Mùi là mộ cung nên thuộc cảnh tranh tối tranh sáng; tùy hoàn cảnh mà chính phụ đổi vai. Nếu Vũ (Càn) đóng vai chính, Tham (Tốn) vai phụ thì được quẻ Phong Thiên Tiểu Súc; ứng với kết quả nhỏ, cần tích tụ dài lâu; phù hợp với câu phú "Tham Vũ đồng hành bất phát thiếu niên nhân". Nếu

www.tuviglobal.com

Tham (Tốn) đóng vai chính, Vũ (Càn) vai phụ thì được quẻ Thiên Phong Cấu, ứng với liên hệ thiếu đứng đắn; phù hợp với khám phá của Phan Tử Ngư tiên sinh[1] rằng Vũ Tham có thể biến thành cách đào hoa, gây tình lụy nếu cư mệnh hoặc vào hạn.

PHÁ QUÂN (KHẢM) và THAM LANG (TỐN)

Xem Tử Phá, Tử Tham, Liêm Phá, Liêm Tham, Vũ Phá, Vũ Tham đã bàn trên.

Kiểm nghiệm tính bát quái trong nhóm sao tĩnh

Nhóm tĩnh chỉ có ba sao có tính bát quái là Thiên Lương (Khôn), Thiên Cơ (Chấn), và Thiên Đồng (Đoài).

THIÊN LƯƠNG (KHÔN)

Phối hợp sao có ba cách là Nhật Lương, Cơ Lương, Đồng Lương. Cách đầu không kể vì Thái Dương không có bát quái tính; chỉ xét Cơ Lương và Đồng Lương.

Cơ Lương: Đồng cung ở Thìn Tuất. Về cương vị phải kể Lương là chủ (vì đại biểu chính quyền địa phương), Cơ là phụ. Lương thuộc Khôn là nội quái, Cơ thuộc Chấn ngoại quái, cho ta quẻ Lôi Địa Dự. Quẻ Dự là trường hợp một thế lực mạnh mẽ (Khôn) có cơ hội đột phát (Chấn). Về quẻ Dự, kinh Dịch nói "lợi thiết lập quan tước, hành quân", nên có thể hiểu tại sao phú để lại có câu "Cơ Lương Thìn Tuất thiện đàm binh" (Cơ Lương Thìn Tuất giỏi bàn việc binh bị).

Đồng Lương: Cùng cung ở Dần Thân. Lại cho Lương (Khôn) làm chủ ứng với nội quái, Đồng (Đoài) làm khách ứng với ngoại quái, ta được quẻ Trạch Địa Tụy. Quẻ Tụy ứng với sự tụ tập lực lượng. Đây ví như Lương biểu dương

www.tuviglobal.com

lực lượng, thu phục được Đoài về cùng phe, ý nghĩa tốt đẹp.

THIÊN CƠ (CHẤN)

Phối hợp sao có ba cách là Cơ Âm, Cơ Cự, và Cơ Lương. Hai cách đầu không kể vì Âm và Cự không có bát quái tính, cách thứ ba đã bàn trong phần Thiên Lương.

THIÊN ĐỒNG (ĐOÀI)

Phối hợp sao có ba cách là Đồng Âm, Đồng Cự, và Đồng Lương. Hai cách đầu không kể vì Âm và Cự không có bát quái tính, cách thứ ba đã bàn trong phần Thiên Lương.

Bát quái và tính đào hoa

Phần kiểm nghiệm trên đây cho thấy các tính bát quái mà ta đặt ra cho kết quả phù hợp với tính miếu hãm của các tổ hợp hai sao. Bằng phương pháp tiệm tiến, ta lại dùng kết quả của bát quái để suy ra một số chính chất nữa của vài chính tinh đặc biệt.

Quý độc giả có nghiên cứu thuyết âm dương hẳn biết rằng:

Khôn có tượng là mẹ.

Tốn có tượng là con gái lớn, cá tính yếu đuối, đến tuổi lập gia đình.

Li có tượng là con gái thứ, xinh đẹp tháo vát.

Đoài có tượng là con gái út, tinh nghịch ham chơi.

Bốn sao tương ứng, tức Thiên Lương (Khôn), Tham Lang (Tốn), Liêm Trinh (Li), Thiên Đồng (Đoài) vì vậy ứng với phái nữ. Phái nữ là tác nhân của sự sinh sản, giúp loài người tồn tại. Muốn sinh sản phải có liên hệ tình dục, vì vậy các sao nữ ứng với một đặc tính mà Tử Vi gọi là

www.tuvi global.com

"tính đào hoa". Đào hoa theo nghĩa rộng bao gồm mọi liên hệ tình cảm giữa người và người mà ta thường gọi là "nhân duyên". Theo nghĩa hẹp hơn thì đào hoa là tình cảm thuần túy, tình cảm pha lẫn tình dục, hoặc tình dục thuần túy.

Hai sao Tham Lang và Liêm Trinh ứng với phái nữ ở tuổi thành đôi nên xét trước.

Trước giờ khoa Tử Vi chỉ bảo ta rằng Tham Lang là "chính đào hoa", Liêm Trinh là "thứ đào hoa" mà chẳng giải thích tại sao. Với lý bát quái, hai sự kiện này trở thành rất hiển nhiên. Tham Lang ví như một cô gái ở tuổi lập gia đình, tất nhiên muốn lấy chồng rồi sinh con đẻ cái, tức là có bản năng "đào hoa" rất mạnh. Liêm Trinh như một cô gái đến tuổi cập kê, nhan sắc hấp dẫn, nên dù chưa nghĩ đến chuyện lập gia đình đi nữa cũng khó tránh khỏi cảnh bị phái nam theo đuổi. Tức dù muốn hay không cũng khó lòng thoát khỏi liên hệ đào hoa. Thế nên gọi Tham Lang là "chính đào hoa", Liêm Trinh là "thứ đào hoa" thật chính xác vậy.

"Chính đào hoa" Tham Lang ứng với một cô gái ở tuổi lấy chồng. Tình dục là một phần bình thường của đời sống vợ chồng nên nghĩa "đào hoa" của Tham Lang nặng phần tình dục. Tham Lang hoàn toàn ứng với phái nữ nên phái nữ có Tham Lang cư mệnh thật khó tránh rắc rối tình dục. Chính chuyên khó tránh cảnh đôi lần dang dở, xui xẻo hoặc thiếu đứng đắn thì là hạng liễu ngõ hoa tường. Nam có Tham Lang cư mệnh cũng thường là số phong lưu, hay tính chuyện đèo bồng.

Vì là "thứ đào hoa" Liêm Trinh chỉ có tính đào hoa trong một số trường hợp giới hạn mà thôi. Nhưng vì Liêm Trinh tương ứng với phái nữ nên phái nữ có Liêm Trinh

www.tuviglobal.com

thủ mệnh là bị cộng hưởng (tiếng lóng là bị "vào cái huông"), rất khó có đời sống gia đình hạnh phúc.

Kế tiếp, xét hai sao Thiên Lương và Thiên Đồng.

Thiên Lương ứng với quái Khôn, tượng mẹ, là người lẽ ra phải có cuộc sống gia đình ổn định rồi; nên nếu dính líu đến "đào hoa" thì chắc chắn là bất chính. Bởi vậy các cách đào hoa có liên hệ đến Thiên Lương độc thủ (hiển nhiên nhất là ở Tỵ Hợi) hầu hết đều không tốt đẹp, nặng phần sa ngã "mèo mả gà đồng" hơn là quan hệ nam nữ bình thường. (Chú ý: Các sách Tử Vi đều nhắc đến cách Thiên Lương Tỵ Hợi, nhưng chẳng giải thích tại sao đây lại là một cách đào hoa. Giờ nhờ lý bát quái ta đã hiểu tại sao.)

Thiên Đồng ứng với quái Đoài, tượng cô con gái út, còn ngây thơ; nếu dính líu đến "đào hoa" thì e là thiếu chín chắn. Thiếu chín chắn thì hay đổi thay. Bởi vậy các cách đào hoa liên hệ đến Thiên Đồng độc thủ (như ở Tỵ Hợi Mão Dậu) đều có tính hay đổi thay, thiếu ổn định.

Còn bốn sao ứng với phái nam, tức Tử (Chấn), Vũ (Càn), Cơ (Chấn), Phá (Khảm) thì sao? Ta hãy xét Vũ trước, vì sao này nổi tiếng lạnh lùng với câu phú "Vũ Khúc vi quả tú!" Nguyên lý nằm sau câu phú này đã từ lâu là một bí mật, nhưng với lý bát quái ta thấy ngay lý do; bởi vì Vũ ứng với Càn, tượng là người cha lạnh lùng, và xét trên căn bản "đào hoa" thì người cha chẳng đóng được vai nào (khác với mẹ, vì tối thiểu mẹ thuộc phái đẹp, có thể hấp dẫn người khác).

Cơ là một sao khá lạ lùng. Nó ứng với quái Chấn, tượng sự đột phá. Nhưng nơi phát sinh là cung Sửu đè nén khuynh hướng đột phá rồi, vậy thì khuynh hướng ấy sẽ phát tiết đi đâu? Để trả lời, ta ghi nhận rằng trên lý ngũ hành thì chỉ có hai sao thuộc mộc là Tham và Cơ. Mộc là

www.tuyiglobal.com

hành duy nhất của 5 hành ứng rõ ràng với sự sống (sự sống của thảo mộc), "đào hoa" lại bắt nguồn từ bản năng truyền giống, Tham đã là sao đào hoa rồi, nên suy ra Cơ cũng là sao đào hoa. Nhưng Cơ chính ứng với phái nam, ví như người chồng (đối lại Tham là người vợ). Tình dục là một phần đương nhiên của đời sống vợ chồng, thế nên phái nam mệnh có Cơ độc thủ (bất luận miếu hãm) thường có bản năng tình dục rất mạnh. Đặc tính lạ lùng này của Thiên Cơ đã được chứng nghiệm bởi làng tử vi Đài Loan[2], mặc dù họ không xác định được lý do. Phái nữ có Thiên Cơ thủ mệnh cũng khó được hạnh phúc gia đình.

Liên hệ giữa hai sao Tử và Phá với tính đào hoa không cần phải luận từ tính bát quái, nên sẽ không bàn ở đây. Tuy nhiên, để đầy đủ cũng tóm lược rằng Tử ứng với trở ngại, khó khăn, hiếm muộn; Phá chuyên phá hoại những nề nếp tốt đẹp; cả hai sao đều rất kỵ ở cung phu thê.

Tính "thày đời" của Thiên Lương

Nhiều sách Tử Vi ghi nhận Thiên Lương có tính "thày đời". Người có Thiên Lương thủ mệnh thích chỉ bảo người khác, nên phù hợp với những nghề như giáo dục, truyền thông, chính trị v.v... Một trường hợp nổi tiếng của Thiên Lương là số Khổng Phu Tử. Tương truyền lá số của ngài có Thiên Lương độc thủ ở Tý. Đây lại là một trường hợp nữa là ta chỉ được dạy mà không được giải thích lý do.

Ta thấy ngay tính "thày đời" của Lương bằng cách phối hợp lý âm dương và bát quái. Xét lý âm dương thì Lương thuộc nhóm Âm Dương Lương, tức là nằm trong vòng đai quyền lực. Hai sao còn lại trong nhóm này đều là đế tinh, nếu Lương không phải bậc quân sư thì có tư cách gì để ở chung nhóm? Xét lý bát quái thì Lương ứng với người mẹ trong gia đình. Vai trò của người mẹ trong việc giáo dục

www.tuviglobal.com

con cái thì không cần nói ta cũng biết quan trọng như thế nào. Phối hợp lại Thiên Lương có tính "thày đời" là rất phải.

24 tháng 10, 2003
viết lại ngày 17 tháng 2, 2004
Đằng Sơn

CHÚ THÍCH

1. Xem sách "Tử Vi ấn chứng", Phan Tử Ngư, Vũ Lăng xuất bản, Đài Bắc, Đài Loan, 1995.

2. Xem sách "Tử Vi đẩu số thực nghiệm phán đoán", nhiều tác giả thuộc Cao Hùng thị tinh tượng bốc quái kham dư công hội học thuật nghiên cứu trung tâm chủ biên, nhà xuất bản Vạn Nhân, Đài Bắc, Đài Loan, 1997.

Chương 21

MƯỜI BỐN CHÍNH TINH VIII

Luận các sao trong trường hợp Tử Phủ Dần Thân

Tính ngũ hành và bát quái của 14 chính tinh

Từ các kỳ trước ta biết tính ngũ hành của 14 chính tinh là:

Kim (2): Vũ Khúc âm, Thất Sát dương (đới hỏa)

Mộc (2): Tham Lang âm (đới thủy), Thiên Cơ dương (đới hỏa)

Hỏa (2): Liêm Trinh âm, Thái Dương dương

Thủy (4): Thái Âm âm, Phá Quân âm, Thiên Tướng dương, Thiên Đồng dương (đới hỏa)

Thổ (4): Tử Vi âm, Cự Môn âm (đới thủy), Thiên Phủ dương, Thiên Lương dương

Tính bát quái là:

Càn: Vũ Khúc

Khảm: Phá Quân

Cấn: Tử Vi

Chấn: Thiên Cơ

Tốn: Tham Lang

Li: Liêm Trinh

Khôn: Thiên Lương

Đoài: Thiên Đồng

Sáu sao Phủ Tướng Sát Âm Dương Cự không có tính bát quái.

Ta sẽ trở lại các tính này nhiều lần nên ghi rõ ra đây cho tiện lợi.

www.tuviglobal.com

Tính âm dương ngũ hành của các chính tinh hết sức quan trọng cho việc thâm cứu tử vi. Nhưng vì áp dụng phải uyển chuyển tùy trường hợp yêu cầu độc giả cố thấu hiểu cái lý nằm sau các cách an bài này, thay vì học thuộc lòng. Cần nói thêm mà không sợ thừa là nếu chỉ học thuộc lòng thì sẽ có nguy cơ áp dụng sai lầm hoặc hoang mang như lạc trong mê hồn trận.

Tự kiểm soát kiến thức âm dương ngũ hành trong tử vi

Người viết có ba câu hỏi sau đây để độc giả tự kiểm điểm xem mình đã thấu hiểu cái lý nằm sau tính âm dương ngũ hành của tử vi hay chưa:

Câu hỏi 1: Theo kinh dịch mặt trời ứng với quái Li. Trong tử vi sao Thái Dương ứng với mặt trời, vậy tại sao Thái Dương lại không ứng với quái Li?

Câu hỏi 2: Theo kinh dịch Càn là quái có uy lực nhất. Vậy tại sao trong tử vi Càn lại ứng với Vũ Khúc thay vì (sao) Tử Vi? Thêm nữa, theo kinh dịch Cấn là quái kém cỏi nhất trong các quái dương, vậy tại sao trong tử vi Cấn lại ứng với sao cao quý nhất, tức Tử Vi.

Câu hỏi 3: Theo bảng âm dương ngũ hành nêu trên Thiên Lương ứng với quái Khôn. Nhưng quái Khôn tượng mẹ là quái âm, vậy tại sao tính ngũ hành của Thiên Lương lại là dương thổ mà không là âm thổ?

Xin độc giả dành thời giờ suy nghĩ và trả lời ba câu hỏi rất quan trọng này. Người viết sẽ giải đáp trong bài tới.

Tổng thể tính của 14 chính tinh

Khi xem số tử vi, cách truyền thống là luận cách cục của từng cung một. Như mệnh cư Dần có Tử Phủ không bị sao sát hội họp lại là tuổi Giáp chẳng hạn thì theo câu phú "Tử Phủ đồng cung vô sát Giáp nhân hưởng phúc chung

www.tuviglobal.com

thân" mà luận là thượng cách. Nhưng Tử Phủ đồng cung ở Dần tất cặp Âm Dương (ở Mão và Hợi), Thiên Cơ ở Sửu đều hãm cả. Nhất là sao Thái Dương cư Hợi là trường hợp cực xấu. Mệnh ở Dần tất Hợi là tử tức, Sửu là huynh đệ, Mão là phụ mẫu. Các cung này chính tinh đã hãm; lại ở khác lý âm dương với mệnh nên nếu mệnh không gặp sát thì xác suất rất cao là các cung này sẽ gặp sao sát, càng xấu hơn nữa. Con người sinh trưởng trong gia đình quan trọng nhất là bậc sinh thành và anh chị em, ra đời rồi lại tốn nhiều tâm huyết vì con cái. Nếu phụ mẫu, huynh đệ, tử tức xấu thì sao gọi là thượng cách? Đó là chưa kể đại hạn thứ hai, tức thời gian cực kỳ quan trọng của tuổi phát triển từ ấu niên thành thanh niên, phải qua huynh đệ hoặc phụ mẫu, nếu hai cung này xấu thì làm sao phát triển để thành công sau này? Đưa thí dụ khá điển hình này để thấy lối xem cách cục của từng cung không những khó chính xác, mà còn thiếu khoa học tính.

Gần đây một số các nhà nghiên cứu tử vi đã nhìn ra vấn đề này, thí dụ ông Vương Đình Chi, đại biểu một chi nhánh của phái Trung Châu ở Hồng Kông. Ông Vương Đình Chi vì thế kêu gọi một lối xem "toàn bộ" thay vì "cục bộ". Thế nhưng không hiểu có phải vì không muốn tiết lộ cho người ngoài môn phái mà ông Vương Đình Chi không giải thích rõ cách xem "toàn bộ" của chi phái của ông như thế nào.

Tuy nhiên, từ lý âm dương ta có thể thấy ngay rằng muốn xem tử vi một cách khoa học thì phải khởi từ toàn bộ trước khi đi vào cách cục. Ấy bởi vì khi xét cách cục (của một cung đặc biệt nào đó) mà không có một kiến thức toàn bộ làm nền tảng thì không thể nào tính ra lẽ bù trừ của âm dương. Một thí dụ dễ hiểu: Khi ta đoán vì ông A không có tiền vì thấy túi của ông rỗng (cách cục), ta có

www.tuviglobal.com

thể sai lầm vì biết đâu ông A là triệu phú nhưng để tiền ở nhà không mang theo. Bởi vậy ta phải bắt đầu bằng một kiến thức chung về ông A mới có thể đoán vào chi tiết một cách chính xác được.

Nhưng muốn xét toàn bộ bài toán tử vi thì phải làm sao? Câu trả lời rất nhiêu khê nhưng vì nền tảng của tử vi là 14 chính tinh, ta biết chắc rằng khởi điểm phải là 14 chính tinh.

Các tượng tương ứng của 14 chính tinh

Đã từ lâu người ta biết rằng 14 chính tinh có thể ví như những yếu tố hoặc -cụ thể hơn- những đại biểu của các lực lượng khác nhau trong một quốc gia. Để nhân cách hóa và thời đại hóa người viết đề nghị những "tượng" sau đây:

Tử Vi: Tổng thống, người lãnh đạo quốc gia (tượng cũ: Vua)

Thiên Phủ: Phó tổng thống kiêm tổng trưởng tài chánh, rất cần phối hợp chặt chẽ với tổng thống để bảo đảm sự ổn định của quốc gia (tượng cũ: Vua phụ).

Thiên Tướng: Tùy viên, đối nội phụ tá Thiên Phủ, đối ngoại là người đại diện chính phủ tiếp xúc và thăm dò tình hình, nhất là tình hình của phe đối địch (tượng cũ: Thừa tướng).

Liêm Trinh: Tổng trưởng nội vụ, hành chánh (tượng cũ: Văn quan, ngự sử).

Vũ Khúc: Tổng tưởng ngoại vụ kiêm quốc phòng (tượng cũ: Võ quan, tướng).

Đó là 5 nhân vật tạo thành chính phủ trung ương. Đối địch trực tiếp lại chính phủ trung ương gồm có 3 nhân vật:

Phá Quân: Thủ lãnh phe đối kháng (tượng cũ: Kẻ phản loạn).

www.tuviglobal.com

Tham Lang: Thuyết khách của phe đối kháng (tượng cũ: Kẻ tham lam theo thời).

Thất Sát: Tướng của phe đối kháng (tượng cũ: Tướng của triều đình)

Đó là 8 chính tinh của nhóm động. Chú ý rằng theo quan điểm của sách này, Thiên Tướng có vai trò khiêm nhượng hơn tượng cũ, và Thất Sát thuộc phe đối kháng, không phải là người của chính phủ.

Sáu chính tinh của nhóm tĩnh thì kết quả của sách này có quá nhiều khác biệt với các tượng truyền thống, nên để độc giả khỏi hoang mang xin chỉ đề ra các tượng mới mà không nói đến các tượng cũ. Nhóm tĩnh chia làm hai nhóm, mỗi nhóm ba sao. Nhóm lãnh đạo gồm:

Thái Dương: Tư lệnh vùng, giàu kinh nghiệm

Thái Âm: Tư lệnh vùng, thiếu kinh nghiệm

Thiên Lương: Quân sư của Thái Âm.

Nhóm ngoại vi gồm:

Cự Môn: Kẻ bất mãn trung ương

Thiên Cơ: Kẻ có cơ mưu cần chỗ dụng võ

Thiên Đồng: Kẻ ngao du vô định

Bàn thêm về các tượng của Cự Sát Cơ

Cự luôn luôn lục hại với Tử Vi nên ví như kẻ bất mãn với trung ương (nhóm sao động) bèn tìm về địa phương (nhóm sao tĩnh) mưu kế tiến thủ. Vì không thể nào gặp Thái Âm, Cự rất cần sự cân nhắc của ông tướng vùng Thái Dương.

Sát luôn luôn lục hại với Thái Dương nên ví như kẻ bất mãn với ông tướng vùng Thái Dương, đầu quân dưới trướng Phá Quân cốt để tìm đường tiến thủ. Vì lý do này Sát thuộc phe chống đối mà lại không ngại chung chỗ với các yếu nhân trung ương (Liêm Tử Vũ).

www.tuviglobal.com

Cơ luôn luôn nhị hợp với Phá Quân và lục hại với Thiên Tướng nên ví như kẻ có tư tưởng lạ (đồng lý với Phá Quân) nhưng bị Tướng ngăn cản không vào được trung ương (thế lục hại với Thiên Tướng), do đó tìm về địa phương (nhóm tĩnh) tìm chỗ dung thân. Vì vậy Cơ cần có kẻ đồng tài tiến dẫn (cách Cơ Lương), hoặc gặp kẻ đồng cảnh ngộ (Cự Cơ) mới có chỗ phát huy.

Tử Phủ cư Dần

Có 12 cách an bài chính tinh khác nhau, mỗi cách an bài ứng với một hoàn cảnh. Hiểu tính toàn bộ của tử vi nghĩa là hiểu hình trạng chung của quốc gia. Từ đó có thể suy một cách đại khái mỗi nhóm, mỗi cung mạnh yếu ra sao.

Ta sẽ bắt đầu với trường hợp kinh điển: Tử Vi cư Dần.

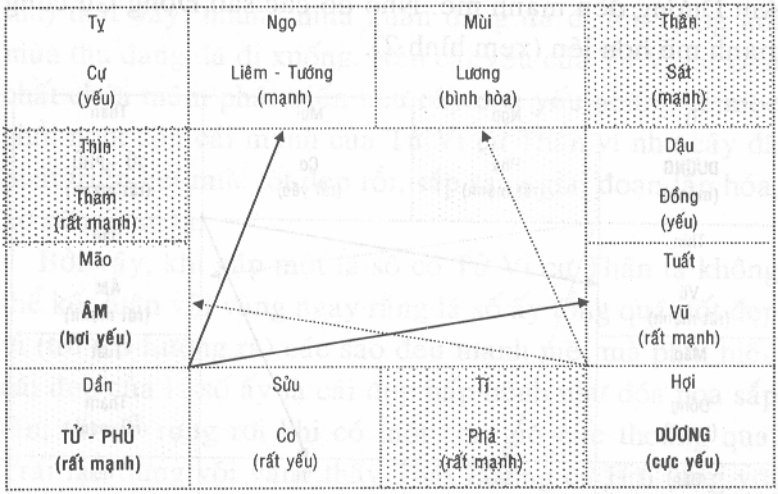
Như đã trình bày từ nhiều bài trước, Tử Vi cư Dần chính là hoàn cảnh khai sinh của 14 chính tinh, ứng với cảnh ôn hòa của mùa xuân. Các sao được phân phối đều để không có cung nào bị trống (vô chính diệu). Vì lý âm dương quân bình đã được sử dụng nên Tử Vi cư Dần ứng với một quốc gia thanh bình.

Muốn quốc gia thanh bình đương nhiên chính phủ trung ương phải mạnh, cho nên bộ ba Liêm Tử Vũ hội họp với Phủ Tướng thành cách Tử Phủ Vũ Tướng, cả ba vị trí đều mạnh mẽ cả.

Theo suy luận bình thường của chúng ta, quốc gia thanh bình thì nhóm chống đối phải yếu. Điểm lý thú của tử vi là nó cho ta lời giải khác hẳn. Như trong hình 1, bộ ba Sát Phá Tham cũng mạnh mẽ, nhưng vì hai sao có thể khuynh loát Tử Vi là Phá (lãnh tụ chống đối) và Tham (thuyết khách của nhóm chống đối) đều cách Tử Phủ hai cung nên không thể nào lung lạc Tử Vi. Thất Sát vốn chỉ

www.tuviglobal.com

là kẻ nương nhờ nhóm chống đối, thấy cả hai sao vua một chỗ tất nhiên phải nể mặt mà hành động đúng đắn.



Hình 1: Vị trí các chính tinh khi Tử Vi cư Dần

(Hai đề tinh Âm Dương liền lạc trong thế tam hợp nhưng cùng yếu)

Nay xét địa phương. Tử Vi ở Dần thì Âm Dương đều yếu nhưng có liên hợp chặt chẽ. Quân sư Thiên Lương rất cần sự cân nhắc của Thái Dương, nhưng trong hoàn cảnh này chỉ là tam hợp, các cung lại âm khiến Thái Dương không qua mặt nổi Thái Âm. Lương do đó không tốt không xấu như kẻ ngồi chơi xơi nước; thành ra là thế bình hòa.

Quốc gia thanh bình, Âm Dương đã ở thế hỗ tương thì lấy đâu ra chỗ đứng cho kẻ đã bị trung ương từ khước là Thiên Cơ, nên Thiên Cơ ở Sửu là cảnh bất đắc chí.

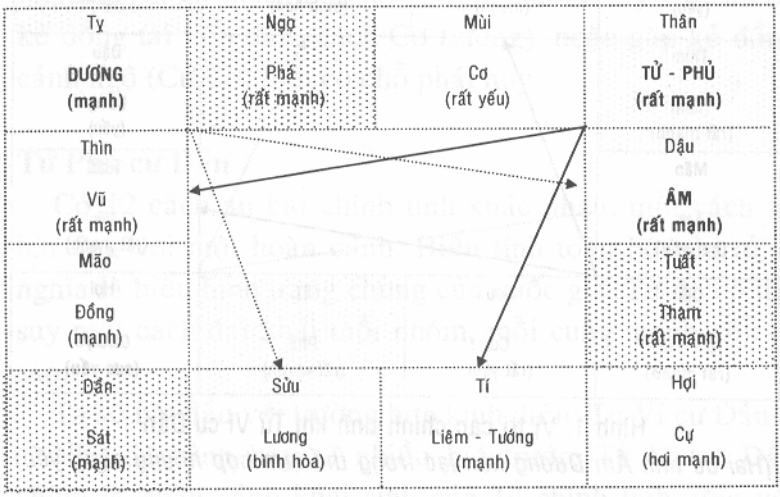
Đồng là kẻ ham vui cũng không có chỗ dụng võ. Mệnh vận tùy thuộc vào Thái Âm xung chiếu, nên Đồng ở Dậu yếu (vì Thái Âm ở Mão hơi yếu xung chiếu).

Cự Môn phải nương thế Thái Dương. Nên Cự Môn ở Tỵ yếu vì Thái Dương xung chiếu ở Hợi cực kém.

www.tuviglobal.com

Tử Phủ cư Thân

Khi Tử Phủ cư Thân thay vì Dần, khác biệt căn bản là Âm Dương đều mạnh mẽ. Nhờ đó các sao Đồng Cự cũng mạnh mẽ hơn lên (xem hình 2).



Hình 2: Vị trí các chính tinh khi Tử Vi cư Thân
(Hai đế tinh Âm Dương liền lạc trong thế tam hợp và cùng mạnh)

Tử Vi cư Dần ứng với mùa xuân, tất Tử Vi cư Thân ứng với mùa thu. Bình thường ta nghĩ mùa xuân tốt hơn mùa thu, nhưng tử vi cư Dần có nhiều sao yếu hơn Tử Vi cư Thân; tại sao thế? Xin trả lời vì mùa xuân theo sau mùa đông nên có ý nghĩa hồi sinh, như người chết đi sống lại. "Chết đi sống lại" tất nhiên cơ thể vẫn còn phải có nhiều điểm yếu đuối. Mùa thu thì theo sau mùa hạ, là sự điều chỉnh từ một trạng thái phát triển thái quá nên đương nhiên mạnh mẽ hơn mùa xuân.

Thế nhưng căn bản của tử vi là thuyết âm dương, mà nền tảng của thuyết âm dương là dịch lý, tức là lý biến đổi; nên không thể luận xấu tốt trên hoàn cảnh tức thời.

www.tuviglobal.com

Hoàn cảnh tức thời của Tử Vi cư Dần (ứng với mùa xuân) có vẻ yếu hơn hoàn cảnh của Tử Vi cư Thân (ứng với mùa thu) thật đấy; nhưng mùa xuân đang đà đi lên trong khi mùa thu đang đà đi xuống. Nên cái yếu của Tử Vi cư Dần chất chứa mầm phát triển như cây còn yếu nhưng sẽ mọc chồi non; còn cái mạnh của Tử Vi cư Thân ví như cây đã phát triển hết mức tốt đẹp rồi, sắp sang giai đoạn lão hóa, xơ cứng, tàn tạ.

Bởi vậy, khi gặp một lá số có Tử Vi cư Thân ta không thể kết luận vội vàng ngay rằng lá số ấy tổng quát tốt đẹp vì (trừ Cơ Lương ra) các sao đều mạnh mẽ; mà phải hiểu cái đẹp của lá số ấy là cái đẹp bấp bênh như đóa hoa sắp tàn, rất dễ rụng rơi khi có một cơn gió nhẹ thoảng qua. Trái lại, đừng vội vàng thấy Thái Dương cư Hợi (ứng với trường hợp Tử Vi cư Dần) mà kết luận là xấu; bởi đây là hoàn cảnh ứng với mùa xuân, nên chỉ một cái tốt bất ngờ là có thể biến cảnh kém cỏi thành cách phi thường.

Tóm lại, từ cái nhìn toàn bộ thì Tử Vi cư Dần tưởng là kém hơn hóa ra lại vững vàng hơn Tử Vi cư Thân. Đây là một kết quả hoàn toàn phù hợp với các câu phú để lại từ nghìn xưa (nhiều câu phú khen Tử Phủ cư Dần hơn cư Thân) mà ta không thể nào suy ra được nếu chỉ nhìn từng cung và từng sao một.

Cuối cùng, một điểm lý thú. Lương đại biểu một mưu sĩ đã có đất dung thân (làm quân sư), Cơ đại biểu một mưu sĩ đang tìm đất dung thân; nhưng tựu trung cả hai đều là mưu sĩ. Khi Tử Vi cư Dần cũng như Thân thì Cơ Lương đều không có chỗ đứng (Cơ hãm, Lương bình ở Sửu Mùi). Xét lại thật đúng với cuộc đời. Bởi khi quốc gia thanh bình, chẳng phải đấu tranh thì ai cần đến kẻ mưu sĩ bày kế ăn người?

San Jose 31 tháng 10, 2003 **Đẳng Sơn**

www.tuviglobal.com

Chương 22

MƯỜI BỐN CHÍNH TINH VIII

Mười hai hoàn cảnh của 14 chính tinh

Triết lý: Ý nghĩa hữu hình và vô hình của 14 chính tinh

Ta đã biết vị trí khai sinh của 14 chính tinh là Tử Vi ở Dần (cùng cung Thiên Phủ) và Thái Dương ở Hợi. Ta cũng biết cặp Âm Dương ứng với hoàn cảnh của vũ trụ bên ngoài trái đất (Dương ứng với mặt trời, Âm phần còn lại của vũ trụ); cặp Tử Phủ thì ứng với hoàn cảnh của địa cầu. Hoàn cảnh của vũ trụ bên ngoài trái đất là yếu tố khó thấy, hoàn cảnh của địa cầu là yếu tố dễ thấy; vì vậy cặp Âm Dương ứng với hiện hữu vô hình; cặp Tử Phủ ứng với hiện hữu vật chất (tức hiện hữu hữu hình).

Như vậy ta có thể coi:

Âm Dương là hai đế tinh của cõi vô hình, chi phối các sao còn lại trong nhóm tĩnh, tức Thiên Lương, Cự Môn, Thiên Đồng, Thiên Cơ (Lương Cự Đồng Cơ).

Tử Phủ là hai đế tinh của cõi hữu hình, chi phối các sao còn lại trong nhóm động, tức Liêm Vũ Tướng Sát Phá Tham.

Từ đây ta có thể suy ra nhiều điểm hết sức lý thú về hai nhóm sao để thấy rằng 14 chính tinh có tương ứng mật thiết với đủ mọi loại hiện tượng của cuộc đời. Nhưng vì đề tài này đòi hỏi nhiều giấy mực, người viết xin trở lại trong một dịp khác. Trong số này tạm thời chỉ ghi nhận rằng –như đã giải thích trong nhiều bài trước- Thái Dương là vị trí chịu ảnh hưởng trực tiếp của mặt trời, và Tử Vi là vị trí thoát ly mặt trời. Vì vậy hai sao Thái Dương và Tử Vi là mấu chốt trong bài toán vị trí của 14 chính tinh.

www.tuviglobal.com

Kiến thức cần thiết: Vòng tràng sinh

Từ bài trước ta đã nói đến cái lý toàn bộ của 14 chính tinh và đơn cử hai trường hợp là Tử Phủ cư Dần và Tử Phủ cư Thân. Sở dĩ ta thành công trong việc bàn độ xấu tốt của các chính tinh trong hai trường hợp này là vì chúng có liên quan mật thiết đến cái lý khai sinh của khoa tử vi. Nhưng còn 10 trường hợp còn lại thì phải tính làm sao?

Câu trả lời là: Cái lý của vòng Tràng Sinh.

Nhưng tại sao có thể áp dụng cái lý của vòng Tràng Sinh để luận 14 chính tinh? Xin thưa vì 14 chính tinh được đặt ra để đại biểu lý âm dương, và vòng Trường sinh không gì khác hơn là bài giải gần đúng bằng phép tính ngũ hành của lý âm dương trên địa bàn.

Theo lý thuyết của vòng Tràng Sinh, mỗi hành đều phát triển và tàn tạ theo chu kỳ 12 giai đoạn như sau:

Trường Sinh: Lúc hành mới sinh (đột phá, tốt)

Mộc Dục: Hành còn yếu, lúng túng điều chỉnh với hoàn cảnh bên ngoài. Ví như đứa bé phải nhờ cha mẹ tắm cho, chưa quyết định được gì cả (xấu).

Quan Đới: Hành đã mạnh hơn. Ví như cậu thiếu niên đã biết đội mũ (quan đới).

Lâm Quan: Hành mạnh hơn nữa. Ví như cậu thanh niên trước ngưỡng cửa quan trường.

Đế Vượng: Hành cực mạnh. Ví như người thành đạt.

Suy: Giai đoạn cực mạnh đã qua, sức của hành đã giảm.

Bệnh: Hành đến lúc biến đổi. Ví như người bị bệnh.

Tử: Tinh hoa của hành đã kiệt quệ. Ví như người chết.

Mộ: Tinh hoa của hành lóe lên lần cuối. Ví như lúc chôn cất, khơi dậy sự tiếc thương.

Tuyệt: Tinh hoa của hành mất hẳn.

www.tuviglobal.com

Thai: Hành bắt đầu manh nha phát khởi. Ví như lúc bào thai mới phát sinh.

Dưỡng: Hành được nuôi dưỡng. Ví như bào thai trong bụng mẹ đang phát triển thành hình.

Kim TRÀNG SINH Mộc Bệnh Thủy Tuyệt Hỏa-Thổ Lâm Quan	Kim Mộc Dục Mộc Tử Thủy Thai **Hỏa-Thổ ĐẾ VƯỢNG**	Kim Quan Đới **Mộc MỘ** Thủy Dưỡng Hỏa-Thổ Suy	Kim Lâm Quan Mộc Tuyệt **Thủy TRÀNG SINH** Hỏa-Thổ Bệnh
Kim Dưỡng Mộc Suy **Thủy MỘ** Hỏa-Thổ Quan Đới			**Kim ĐẾ VƯỢNG** Mộc Thai Thủy Mộc Dục Hỏa-Thổ Tử
Kim Thai **Mộc ĐẾ VƯỢNG** Thủy Tử Hỏa-Thổ Mộc Dục			Kim Suy Mộc Dưỡng Thủy Quan Đới **Hỏa-Thổ MỘ**
Kim Tuyệt Mộc Lâm Quan Thủy Bệnh **Hỏa-Thổ TR. SINH**	**Kim MỘ** Mộc Quan Đới Thủy Suy Hỏa-Thổ Dưỡng	Kim Tử Mộc Mộc Dục **Thủy ĐẾ VƯỢNG** Hỏa-Thổ Thai	Kim Bệnh **Mộc TRÀNG SINH** Thủy Lâm Quan Hỏa-Thổ Tuyệt

Hình 1: Các vòng trường sinh của ngũ hành đơn

Hình 1 liệt kê các vị trí của ngũ hành, hay nói đúng hơn là của 5 hành đơn. Hành nạp âm có điểm dị đồng với hành đơn, sẽ được bàn trong dịp khác khi cần thiết. Chú ý rằng:

Kim trường sinh ở Tỵ

Mộc trường sinh ở Hợi

Thủy trường sinh ở Thân

Hỏa và Thổ trường sinh ở Dần (Thổ mượn chỗ của Hỏa nên giống Hỏa, nhưng điều này chỉ đúng cho hành đơn thôi.)

Các vị trí khác thì cứ từ Trường Sinh tính đi theo thứ tự thuận chiều kim đồng hồ: Trường Sinh, Mộc Dục, Quan Đới, Lâm Quan, Đế Vượng, Suy, Bệnh, Tử, Mộ, Tuyệt,

www.tuviglobal.com

Thai, Dưỡng. Quý độc giả nên thuộc lòng thứ tự hết sức quan trọng này. Ngoài ra cần nhớ tam hợp quan trọng nhất là Trường Sinh, Đế Vượng, và Mộ; thường được gọi tắt là Sinh Vượng Mộ.

Trong bài này ta sẽ dùng cái lý của vòng Tràng Sinh để suy ra độ xấu tốt của 12 cách an bài chính tinh trên địa bàn. Ta cũng sẽ xét lại trường hợp Tử Phủ Dần Thân để biết chắc là lý Tràng Sinh không mâu thuẫn với những gì ta đã suy ra từ bài trước.

Lý tràng sinh và vị trí hai sao Thái Dương, Tử Vi

Trường sinh chỉ có nghĩa đơn giản là khai sinh. Ta đã biết khi 14 chính tinh khai sinh thì Thái Dương ở Hợi, Tử Vi ở Dần; vì vậy ta nói Thái Dương Trường sinh ở Hợi, Tử Vi Trường sinh ở Dần. Vì Thái Dương và Tử Vi luôn luôn vận hành cùng chiều, cái lý của vòng trường sinh cho ta biết nếu đi đúng chiều mỗi lần một cung thì các hoàn cảnh kế tiếp sẽ là mộc dục, quan đới, lâm quan, đế vượng vân vân cho cả hai sao.

Nhưng chiều nào là chiều đúng? Để trả lời ta áp dụng cả hai chiều vào sao Thái Dương vì ta đã biết sao này là biểu tượng trực tiếp của giờ. Để giản dị ta sẽ kiểm soát ba vị trí mấu chốt là sinh vượng mộ. Vì Thái Dương trường sinh ở Hợi, nếu đi thuận nó sẽ vượng ở Mão và mộ ở Mùi, nếu đi nghịch nó sẽ vượng ở Mùi và mộ ở Mão.

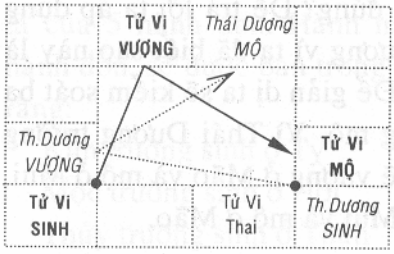
Vị trí	Thuận	Nghịch
Sinh	Hợi	Hợi
Vượng	Mão	Mùi
Mộ	Mùi	Mão

www.tuviglobal.com

Thái Dương (mặt trời) vượng ở giờ Mão có lý hơn giờ Mùi, mộ giờ Mùi có lý hơn giờ Mão. Từ đó có thể thấy ngay rằng chiều nghịch sai, chiều thuận đúng.

Vì làng Tử Vi có truyền thống coi sao Tử Vi là tiêu chuẩn, ta cần phải thiết lập bảng liên hệ giữa Thái Dương và Tử Vi để đối chiếu. Bảng ấy như sau:

Vị trí	Thái Dương	Tử Vi
Trường Sinh	**Hợi**	**Dần**
Mộc Dục	Tý	Mão
Quan Đới	Sửu	Thìn
Lâm Quan	Dần	Tỵ
Đế Vượng	**Mão**	**Ngọ**
Suy	Thìn	Mùi
Bệnh	Tỵ	Thân
Tử	Ngọ	Dậu
Mộ	**Mùi**	**Tuất**
Tuyệt	*Thân*	*Hợi*
Thai	*Dậu*	*Tý*
Dưỡng	Tuất	Sửu



Hình 2: Các vị trí của Tử Vi, Thái Dương và sự tương ứng với vòng Trường Sinh.

Đã biết vận hành của vòng Tràng Sinh rồi thì ta có thể suy ra các vị trí tốt xấu của 14 chính tinh.

www.tuviglobal.com

Thời Tràng Sinh và Bệnh của các sao

Mỗi điểm trong vòng Tràng Sinh tượng trưng cho một thời. Các sao sẽ tùy bản chất có phù hợp với thời hay không mà tốt hay xấu. Ta sẽ bắt đầu bằng hai thời Trường Sinh và Bệnh. Hai thời này ứng với Tử Phủ Dần Thân đã bàn trong bài trước bằng cách so sánh với mùa xuân và mùa thu. Ta sẽ thấy là cái lý của vòng Trường Sinh cho ta kết quả y hệt.

Cự (hãm)	Liêm-Tướng	Lương (bình)	Sát
Tham	TRÀNG SINH		Đồng (hãm)
Âm (hãm)			Vũ
Tử Phủ	Cơ (hãm)	Phá	**Dương (hãm)**

Dương	Phá	Cơ (hãm)	**Tử Phủ**
Vũ	BỆNH		**Âm**
Đồng			Tham
Sát	Lương (bình)	Liêm Tướng	Cự

Hình 3: Các sao ở thời Tràng Sinh (trên) và thời Bệnh (dưới)

Trong thời Tràng Sinh, các sao hữu hình (tức sao trong nhóm động) đương nhiên tốt đẹp. Nhưng vì cõi vô hình ứng với tâm trí con người, mà tâm trí con người chưa được phát triển lúc mới sinh, nên các sao nhóm tĩnh đều khuyết hãm (xem hình 3, trên). Thế nhưng cần để ý rằng Tràng Sinh nói chung là một hoàn cảnh tốt đẹp nên các tiểu hoàn cảnh xấu rất dễ thỏa lẽ cùng tắc biến. Do đó các sao Dương, Cự, Đồng, Cơ rất dễ phản biến để trở thành tốt đẹp. Ta sẽ bàn về các cách phản biến ở một bài sau.

www.tuviglobal.com

Thời Bệnh là thời ngược lại của Tràng Sinh. Khi có bệnh người ta đã trưởng thành lâu rồi. Vì vậy các sao tĩnh tiêu biểu như Âm Dương Đồng Cự không bị hãm như thời Tràng Sinh.

Tại sao hai sao Cơ (hãm) và Lương (bình) trong hai thời Trường Sinh và Bệnh giống nhau? Trả lời: Vì hai sao này mang lý khác với các sao còn lại. Cơ ví như kẻ mưu sĩ còn đang tìm nơi nương náu. Lương ví như kẻ mưu sĩ đã nương nhờ chỗ Thái Âm. Hai thời Tràng Sinh và Bệnh đều ứng với cảnh an hòa (mùa xuân và mùa thu) nên mưu sĩ không có đất dụng võ.

Thời Mộc Dục và Tử của các sao

Nghe tên rõ nghĩa, thời Mộc Dục ví như đứa bé sơ sinh yếu đuối (rất xấu) nên gần như mọi vị trí có sao đều lạc hãm, chỉ trừ Thiên Lương cư Ngọ và Liêm Sát cư Mùi.

Tướng (bình)	Lương	Liêm Sát	
Cự (hãm)	MỘC DỤC		
Tử Tham (hãm)			Đồng (hãm)
Cơ Âm (hãm)	**Phủ (bình)**	**Dương (hãm)**	Vũ Phá (hãm)

Vũ Phá (hãm)	**Dương**	**Phủ (bình)**	**Cơ Âm**
Đồng (hãm)	TỬ		**Tử Tham (hãm)**
			Cự (hãm)
	Liêm Sát	Lương	Tướng (bình)

Hình 4: Các sao ở thời Mộc Dục (trên) và thời Tử (dưới)

Thiên Lương cư Ngọ miếu vì Lương là mưu sĩ của nhóm tĩnh đã yên dưới trướng Thái Âm (luôn luôn tam

www.tuviglobal.com

hợp), nay được xung chiếu Thái Dương là lúc gặp thời; ví như đã được Thái Âm giao trọng trách liên lạc với Thái Dương.

Liêm Sát cư Mùi là nơi mộ địa nên tranh tối tranh sáng, tốt xấu tùy điều kiện khác.

Thời Tử (ví với khi hành chết) chỉ khác Mộc Dục ở chỗ là cặp Âm Dương được sáng tỏ. Dữ kiện này rất có ý nghĩa, vì Âm Dương ứng với tinh thần. Người ta càng sống lâu, yếu tố tinh thần (tâm và trí) càng có cơ hội phát triển, nên khi già chết là lúc yếu tố tinh thần đã đạt đỉnh cao.

Thời Quan Đới và Mộ của các sao

Quan đới ví như cậu thiếu niên đã biết đội mũ là hoàn cảnh đã tương đối phát triển rồi, nhưng mọi sự phát triển đều đi đôi với hoang mang; vì vậy:

Tử cùng cung với Tướng ở cung Thìn, là vị trí mộ nên tương đối khó phát huy. Phá ở đối cung nghĩa là được đối đầu thẳng với địch thủ nên tương đối tốt. Nhưng vì là mộ cung, cả hai hoàn cảnh còn tùy điều kiện khác.

Tham Lang ví như thuyết khách của Phá Quân, bị cắt đứt hẳn khỏi Tử Vi thì khó dụng võ, nên tương đối kém.

Âm Dương cùng cung là cảnh "nhật nguyệt tranh huy" mặt trăng mặt trời dành ánh sáng. Ví như hai ông tướng vùng cùng chỗ, rừng không hai hổ khó mà hợp tác với nhau. Đây là một cảnh bế tắc cần được giải tỏa, bằng không là xấu.

Lương mất vị trí vì Lương là mưu sĩ của Âm. Âm Dương cùng chỗ tranh đấu trực tiếp với nhau rồi là đã không dùng đến mưu sĩ. Cho nên Lương ở Tỵ cực hãm.

Cơ gặp được Cự là kẻ đồng cảnh ngộ (phản kháng trung ương) lập thành đảng mạnh, có thể tự tung hoành nên tốt; nhưng không phải là cái tốt an bình. (Chú ý rằng

www.tuviglobal.com

hai đối thủ của Cự Cơ bị kẹt ở vị trí Thìn Tuất, bị Phá Quân xung chiếu đe dọa; bởi vậy Cự Cơ tốt đẹp).

Lương (hãm)	Sát		Liêm
Tử Tướng	QUAN ĐỐI		
Cự Cơ			Phá
Tham (kém)	Âm Dương	Vũ Phủ	Đồng

Đồng	Vũ Phủ	Âm Dương	Tham (kém)
Phá	MỘ		Cự Cơ
			Tử Tướng
Liêm		Sát	Lương (hãm)

Hình 5: Các sao ở thời Quan Đới (trên) và thời Mộ (dưới)

Nếu xét từng cung thì thời Mộ tương tự như thời Quan Đới, nhưng có một khác biệt quan trọng vì Quan Đới là lúc phe truyền thống đang đà đi lên trong khi Mộ là lúc phe truyền thống lóe lên một phút huy hoàng sau cùng trước khi tắt hẳn. Cho nên phe đối kháng (Sát Phá Tham) dễ thành tựu trong thời Mộ hơn thời Quan Đới.

Thời Lâm Quan và Tuyệt của các sao

Lâm Quan ứng với lúc cậu thanh niên đã đủ sức đối diện cuộc đời, mưu tạo sự nghiệp cho mình. Cuộc đời của cậu được định nghĩa bởi những liên hệ nên thời Lâm Quan số cung có hai sao hội tụ đạt mức tối đa. Lâm Quan là hoàn cảnh tốt, nên chỉ có một liên hệ xấu thôi; đó là cách Liêm Phá ở Dậu. Cách này hãm là vì nó phối hợp hai khuynh hướng cực đoan (Liêm ứng với thuần Hỏa, Phá

www.tuviglobal.com

ứng với thuần thủy), Dậu lại thuộc tứ vượng tứ bại địa là nơi mà khuynh hướng cực đoan không những không được hóa giải mà còn bị biến thành trầm trọng hơn nữa.

Tử Sát			
Cơ Lương	LÂM QUAN		Liêm Phá (hãm)
Tướng			
Cự Nhật	Tham Vũ	Đồng Âm	Phủ

Phủ	Đồng Âm (hãm)	Tham Vũ	Cự Nhật
	TUYỆT		Tướng (kém)
Liêm Phá (hãm)			Cơ Lương
			Tử Sát

Hình 6: Các sao ở thời Lâm Quan (trên) và Tuyệt (dưới)

Tuyệt cũng là lúc nhiều khuynh hướng tụ hội, nhưng nói chung dĩ nhiên xấu hơn Lâm Quan. Do đó ta thấy thêm một cách rất xấu là Đồng Âm cư Ngọ. Tham Vũ và Cơ Lương nhờ ở vị trí mộ có tính dung hòa nên không bị cảnh tuyệt làm cho xấu đi; vẫn là hai cách tốt đẹp. Cự Nhật ở Thân tương đối kém so với Dần, Tử Sát ở Hợi cũng tương đối kém hơn ở Tỵ. Tướng ở Dậu cũng phải xem là kém Tướng ở Mão.

Nhưng Tuyệt ứng với thế cùng, nên dễ được hưởng cảnh "cùng tắc biến". Bởi vậy nếu được cát hóa thì Đồng Âm cư Ngọ lại biến thành kỳ cách tốt đẹp (cách Mã Đầu Đới Kiếm trấn ngự biên cương, tuổi Bính Mậu, sẽ bàn trong một dịp khác). Cùng lý Liêm Phá cư Mão được cát hóa dễ thành đại nghiệp hơn Liêm Mão cư Dậu. Tử Sát cư

www.tuviglobal.com

Hợi cũng dễ có kỳ cách so với Tử Sát cư Tỵ (một kỳ cách được nhiều sách ghi lại là "Tử Vi nam Hợi nữ Dần cung, Nhâm Giáp thiên sinh phú quý đồng").

Thời Đế Vượng và Thai của các sao

Đế Vượng là thời cực thịnh của phe truyền thống bởi vậy cặp Âm Dương cũng như Tử Vi được ở vị trí tốt đẹp nhất (Âm Dương Hợi Mão và Tử Vi cư Ngọ). Hiển nhiên, đây là thời rất xấu của phe đối kháng, nên Sát Phá Tham đều hãm. Hai sao không theo truyền thống của nhóm tĩnh là Đồng Cự cũng hãm. Cơ còn chỗ xoay xở chỉ vì được hưởng hơi hướng của Thái Âm cư Hợi cực thịnh.

Cơ	TỬ VI		Phá (hãm)
Sát (hãm)	ĐẾ VƯỢNG		
Nhật Lương			Liêm Phủ
Vũ Tướng	Đồng Cự (hãm)	Tham (hãm)	Âm

Âm (hãm)	Tham (hãm)	Đồng Cự (hãm)	Vũ Tướng
Liêm Phủ	THAI		Nhật Lương (kém)
			Sát (hãm)
Phá (hãm)		TỬ VI (kém)	Cơ (hãm)

Hình 7: Các sao ở thời Đế Vượng (trên) và Thai (dưới)

Thai ứng với lúc bào thai hình thành, chưa ra nhân dạng, hoàn cảnh dĩ nhiên kém hẳn Đế Vượng. Sự thật này được phản ảnh qua cặp Âm Dương. Cặp này chia nhau ở Tỵ Dậu đều là nghịch địa. Cái xấu của Âm làm Cơ xung chiếu bị ảnh hưởng lây, nên Cơ ở Hợi (trong thời Thai) kém hẳn Cơ ở Tỵ (trong thời Đế Vượng).

www.tuviglobal.com

Đáng chú ý là nhóm Sát Phá Tham vẫn hãm trong thời Thai. Lý do: Nhóm truyền thống thiếu bậc lãnh đạo tối cao (Tử Vi), nhưng hai cặp Liêm Phủ và Vũ Tướng chia nhau ra rất quân bằng vào hai cung triều về yểm trợ Tử Vi nên thế lực vẫn mạnh mẽ. Sát Phá Tham chưa động đậy gì được.

Nhưng (trong thời của Thai) hầu hết mọi nơi đều hãm thì coi như là thế cùng rồi. Vì vậy lý cùng tắc biến sinh ra kỳ cách Mã Đầu Đới Kiếm trấn ngự biên cương cho Tham Lang cư Ngọ, tuổi Mậu (sẽ bàn lý do trong một dịp khác).

Thời Suy và Dưỡng của các sao

Thời Suy theo sau Đế Vượng là lúc nhóm truyền thống bắt đầu yếu đi, tạo cơ hội cho thủ lãnh của nhóm chống đối, tức Phá Quân. Vì vậy có cách Tử Phá cư Mùi là thế chính tà tranh thắng, tốt hoặc xấu còn tùy điều kiện khác.

Cũng vì hoàn cảnh đã suy, hai ông tướng địa phương là Âm Dương không hợp tác mà rõ ràng nghi kỵ nhau, nên ở thế xung chiếu.

Một đặc điểm của thời Suy là vì Phá Quân đã có cơ hội liên hệ thẳng với nhóm truyền thống, vai trò thuyết khách của Tham trở thành thừa thãi. Tương tự, vai trò ngự sử của Liêm cũng thừa thãi. Hai sao vào cảnh Liêm Tham cư Hợi cực hãm.

Thời Dưỡng ví như lúc bào thai còn phải được dưỡng nuôi cho đủ thời gian, là lúc tình hình mẫn cảm nên lại có cách Tử Phá, lần này ở Sửu. Âm Dương vẫn kình chống nhau, nhưng yếu thế hơn thời Suy.

Hoàn cảnh của bốn sao Cơ Lương Đồng Cự rất đáng chú ý.

www.tuviglobal.com

Hiển nhiên Suy và Dưỡng là cảnh bất ổn, chính là cơ hội của sao mưu sĩ đã có chỗ nương thân là Thiên Lương, nên có cách Đồng Lương Dần Thân tốt đẹp.

Cơ là sao mưu sĩ cần chỗ tiến thân. Cơ đơn độc ở Tý Ngọ, nhưng kẻ ngăn cản hoạn lộ của Cơ là Thiên Tướng (ở thế lục hại) cũng đơn độc nên dễ bề đối phó. Cơ lại được tam hợp với Đồng Lương và Âm ví như được Lương tiến cử lên Âm, nên trong cả hai thời Cơ đều tốt.

<table>
<tr><td></td><td>Cơ</td><td>Tử Phá</td><td></td></tr>
<tr><td>Dương</td><td colspan="2" rowspan="2">SUY</td><td>Phủ</td></tr>
<tr><td>Vũ Sát</td><td>Âm</td></tr>
<tr><td>Đồng Lương</td><td>Tướng</td><td>Cự</td><td>Liêm Tham (hãm)</td></tr>
</table>

<table>
<tr><td>Liêm Tham (hãm)</td><td>Cự</td><td>Tướng</td><td>Đồng Lương</td></tr>
<tr><td>Âm (hãm)</td><td colspan="2" rowspan="2">DƯỠNG</td><td>Vũ Sát</td></tr>
<tr><td>Phủ</td><td>Dương (hãm)</td></tr>
<tr><td></td><td>Tử Phá</td><td>Cơ</td><td></td></tr>
</table>

Hình 8: Các sao ở thời Suy (trên) và Dưỡng (dưới)

Đối với Cự Môn đây cũng là cơ hội, vì kẻ thù của Cự Môn, tức Tử Vi, thủ lãnh nhóm truyền thống bị ở trong cảnh hỗn loạn và có nguy cơ lép vế phe chống đối. Nhưng vì Cự Môn không có tài ngoại giao, tất phải có người khám phá mới tiến thân được; nên ví như ngọc trong đá; là cách "Thạch trung ẩn ngọc" mà giới nghiên cứu tử vi đều quen thuộc.

Cần chú ý rằng Thiên Cơ cư Ngọ (thời Suy) không hãm nên không thỏa điều kiện "cùng tắc biến", do đó Thiên

www.tuviglobal.com

Cơ tốt, nhưng không có cách "Mã Đầu Đới Kiếm trấn ngự biên cương" ở Ngọ.

San Jose 7 tháng 11, 2003
Đằng Sơn

PHỤ LỤC

1. Trả lời 3 câu hỏi kỳ trước

Sau đây là lời giải ba câu hỏi đề ra bài trước:

Câu hỏi 1: Theo kinh dịch mặt trời ứng với quái Li. Trong tử vi sao Thái Dương ứng với mặt trời, vậy tại sao Thái Dương lại không ứng với quái Li?

Giải đáp: Mặt trời chỉ là một biểu tượng phù hợp với đặc tính của Li khi một số điều kiện được thỏa. Sao Thái Dương của tử vi không thỏa những điều kiện này vì vậy (trong tử vi) sao Thái Dương không ứng với quái Li.

Thực ra, đổi tượng là chuyện rất thường tình trong thuyết âm dương. Chẳng hạn con rồng có khi ứng với quái Càn, có khi quái Chấn. Tương tự, con ngựa có khi ứng với quái Chấn, có khi quái Khảm. Hiển nhiên, những thay đổi này khiến người học âm dương rất lúng túng. Bởi vậy cần nắm vững bí quyết: Tượng chỉ có nghĩa trong hoàn cảnh định sẵn; nên muốn biết tượng phải là gì thì cần nắm vững hoàn cảnh định sẵn trước đã. Trong hoàn cảnh định sẵn của tử vi, Thái Dương ứng với yếu tố giờ. Liên hệ của Thái Dương với mặt trời chỉ là kết quả được suy ra bằng những lập luận thêm vào sau này.

Câu hỏi 2: Theo kinh dịch Càn là quái có uy lực nhất. Vậy tại sao trong tử vi Càn lại ứng với Vũ Khúc thay vì (sao) Tử Vi? Thêm nữa, theo kinh dịch Cấn là quái kém cỏi nhất trong các quái dương, vậy tại sao trong tử vi Cấn lại ứng với sao cao quý nhất, tức Tử Vi.

Giải đáp: "Có uy lực nhất" chỉ là một trong nhiều đặc tính của Càn, "kém cỏi nhất" cũng chỉ là một trong nhiều đặc tính của Cấn. Bát quái chỉ có 8 mà chính tinh có đến 14, nên khi

www.tuviglobal.com

định tính bát quái Tử Vi hoàn toàn khoa học chỉ dựa trên những đặc tính ảnh hưởng đến cách giải bài toán tử vi mà thôi. Nếu đọc lại các bài cũ, độc giả sẽ thấy rằng tiêu chuẩn định quái cho sao là thứ tự hậu thiên của bát quái (Càn Khảm Cấn Chấn Tốn Li Khôn Đoài) và tương ứng phương vị trên địa bàn.

Câu hỏi 3: Theo bảng âm dương ngũ hành suy ra trong Tử Vi hoàn toàn khoa học thì sao Thiên Lương ứng với quái Khôn. Nhưng quái Khôn tượng mẹ là quái âm, vậy tại sao tính ngũ hành của Thiên Lương lại là dương thổ mà không là âm thổ?

Giải đáp: Lý âm dương tùy bài toán mà áp dụng khác nhau. Lấy thí dụ quái Li. Nếu chỉ xét lý tính thì Li âm, nhưng nếu xét uy lực thì Li lại là dương. Như độc giả đã thấy từ nhiều bài trước, trong bài toán tử vi tính âm dương của sao được định trên tiêu chuẩn nhóm: Nhóm có tính chất tổng quát bình hòa thuộc dương, nhóm có tính chất tổng quát cực đoan thuộc âm. Thiên Lương thuộc nhóm bình hòa, nên thuộc dương. Đặc tính của quái Khôn chỉ được sử dụng để cho Thiên Lương tính thổ mà thôi. Gom hai yếu tố lại, ta được tính dương thổ của Thiên Lương.

Cần nhấn mạnh rằng khi ta nói "nhóm bình hòa" ta chỉ nói trên căn bản trung bình của toàn nhóm. Vì thế trong nhóm bình hòa (dương) của 14 chính tinh, vẫn có sao Thất Sát khá cực đoan.

2. Luận thêm về các vị trí của Thái Dương, Tử Vi

a. Ở thời Trường Sinh tất Nhật độc thủ ở Hợi. Nhật ứng với mặt trời, ở Hợi là lạc hãm. Thêm nữa Hợi lại là cung âm, nghịch với lý dương của Nhật. Do đó Nhật ở Hợi phải coi là cực hãm. Nhưng vì thời Trường Sinh ứng với sự đột phá; chỉ cần một yếu tố tốt là có thể biến đổi cục diện một cách hoàn toàn. Là một trường hợp có thể xảy ra cảnh "cùng tắc biến" hoặc nếu dùng danh từ tử vi thì gọi là "tuyệt xứ phùng sinh".

b. Đế Vượng ứng với Thái Dương ở Mão, Tử Vi ở Ngọ. Vì Đế Vượng là vị trí mạnh mẽ nhất của vòng Trường Sinh, có thể

www.tuviglobal.com

hiểu tại sao Âm Dương Hợi Mão và Tử Vi cư Ngọ là hai vị trí cực tốt của các sao.

c. Tý Ngọ là hai vị trí độc thủ của Tử Vi (mười cung khác đều chung với sao khác). Ngọ như trên đã bàn ứng với Đế Vượng rất tốt nên ví như sao Tử Vi "duy ngã độc tôn", chiếm vị trí cao nhất, như một vị hoàng đế. Tử Vi cư Tý ứng với thời Thai rất yếu, không có sao cùng cung không thể coi là "duy ngã độc tôn" được, mà phải coi là cảnh thiếu người dẫn dắt. Cho nên có thể hiểu tại sao Tý là một vị trí rất kém của Tử Vi.

d. Ở thời Đế Vượng tất Nhật cư Mão đồng cung với Lương. Vì Mão thuộc âm không hợp với tính dương của Thái Dương, tính Đế Vượng phải một phần do Lương cung cấp. Nghĩa là Nhật Lương đồng cung không thôi đã không thể là hạ cách. Vì vậy ở thời Thai ta có Nhật Lương cư Dậu, phải luận là hãm nhưng không thể coi là cực hãm vì đã được Lương cùng cung làm bớt xấu đi.

e. Ở thời Mộ tất Nhật đồng cung với Nguyệt ở Mùi. Đây là cảnh tranh tối tranh sáng tốt xấu khó phân, nên phải xét các yếu tố khác rồi mới xác quyết được.

f. Ở thời Mộ tất Tử Vi cùng Thiên Tướng ở Tuất. Đây cũng là cảnh tranh tối tranh sáng tốt xấu khó phân, nên phải xét các yếu tố khác rồi mới xác quyết được.

g. Ở thời Tuyệt tất Nhật đồng cung với Cự ở Thân. Mặc dù thông thường Tuyệt là thời rất xấu vì có nghĩa là cùng đường, nhưng vì Thân thuộc dương, hợp với tính dương của Nhật, nên Cự Nhật ở Thân vẫn có chỗ xoay xở, mặc dù không hoàn mỹ.

h. Ở thời Tuyệt tất Tử Vi đồng cung với Sát ở Hợi. Mặc dù theo định nghĩa Tuyệt là thời rất xấu vì có nghĩa "cùng đường", nhưng ở đây Tử Vi đồng cung với Thất Sát. Sát có tượng là kiếm khách, vì bất đồng với lãnh chúa địa phương mà tạm về đầu thủ lãnh phe chống đối Phá Quân; nên hoàn cảnh này ví như vua cùng đường gặp kiếm khách. Đây chính là cảnh "tuyệt xứ phùng sinh" vì với thanh gươm của vị anh hùng áo vải Thất

www.tuviglobal.com

Sát, ông vua Tử Vi có thể khôi phục sự nghiệp. Nhưng nếu yếu tố xấu tụ hội nhiều quá thì một mình Sát không thể xoay chuyển cục diện được. Đây là lý do tại sao có sách nói Tử Sát ở Hợi là quý cách (Tử Sát đồng lâm Tỵ Hợi, nhất triều phú quý song toàn), lại có sách Hợi là hãm địa của Tử Vi. Tóm lại, khi gặp cách Tử Sát cư Hợi cần xét đoán thật cẩn thận để khỏi sai lầm.

www.tuviglobal.com

Chương 23

MƯỜI BỐN CHÍNH TINH X

Nhìn lại tính chất 14 chính tinh

Khoa học tính của bài toán tử vi

Là sự phát triển dựa trên lý luận khởi từ một số tiền đề, khoa học có tính tiệm tiến. Cho nên mặc dù Einstein là người phát minh ra thuyết tương đối, ta có quyền tin khá chắc chắn rằng có tối thiểu vài vật lý gia đời nay nắm vững thuyết này hơn Einstein.

Muốn thoát ra khỏi tình trạng huyền học hiện tại để có tính liên tục tiến bộ của khoa học, Tử Vi cũng phải được khởi từ một số tiền đề rồi phát triển bằng một hệ thống lý luận.

Như đã đề cập rải rác trong các bài trước, tiền đề của Tử Vi là lẽ tương ứng giữa đời sống của con người và tính tuần hoàn của trái đất. Lẽ tương ứng này là một hệ luận của đại tiền đề "vạn vật đồng nhất thể", nền tảng của triết lý Á đông. Như đã giải thích trong một bài trước, đại tiền đề "vạn vật đồng nhất thể" không những không có gì huyền hoặc, mà còn hoàn toàn phù hợp với khoa học tây phương.

Hệ thống lý luận của Tử Vi là thuyết âm dương. Người viết sẽ đi sâu hơn vào thuyết âm dương trong quyển sách "Thuyết âm dương hoàn toàn khoa học", trong loạt bài này độc giả chỉ cần biết đại khái hai luật sau đây:

1. Luật "Toàn không" (the Law of Zero Sum): Tính hết toàn thể thì yếu tố âm và dương trong bài toán tử vi phải quân bình với nhau. Nói theo danh từ toán học, nếu coi dương là số dương, âm là số âm; thì cộng hết mọi yếu tố

www.tuviglobal.com

âm dương của bài toán Tử Vi lại với nhau ta phải được zéro hoặc một con số gần bằng zéro[1].

Luật "toàn không" phù hợp lạ lùng với một trường phái mới của vũ trụ học (cosmology), theo đó thì vũ trụ từ "không" mà sinh ra. Xin nhắc lại câu nói của một nhân vật thuộc trường phái này, vật lý gia nổi tiếng Alan Guth "The universe is the ultimate free lunch" (Vũ trụ là bữa ăn trưa miễn phí tối hậu!)

2. Luật "cân xứng" (the Law of Symmetry): Khi phải chọn một trong nhiều đáp số, thì đáp số cân xứng nhất là đáp số đúng.

Luật cân xứng đã được xử dụng rất nhiều trong khoa học tây phương mặc dù chưa ai giải thích tại sao nó đúng. Trong quyển "thuyết âm dương hoàn toàn khoa học" người viết sẽ chứng minh rằng luật cân xứng là một hệ luận tất yếu của thuyết âm dương.

Các bước tiệm tiến
trong cách hình thành 14 chính tinh

Ngay từ cách hình thành 14 chính tinh, ta thấy cái uy lực của phương pháp khoa học trong bài toán Tử Vi. Những kết quả sau đây -hầu hết là tái khám phá của ông Tạ Phồn Trị[1]- đã được luận trước đây trong loạt bài này, nay ghi lại để giúp độc giả nhanh chóng nắm vững vấn đề:

-Vì luật tương ứng đòi hỏi phải giữ hoàn cảnh vũ trụ y hệt thời điểm khai sinh, ta suy ra sự hiện hữu của cặp Âm Dương.

-Với nhận xét rằng cặp Âm Dương không diễn tả đúng hoàn cảnh trên địa cầu nên phải sửa sai bằng cách thêm

www.tuviglobal.com

chính tinh, luật toàn không đòi hỏi ta phải thêm hai chính tinh thay vì một. Hai chính tinh này là Tử Phủ.

-Với nhận xét rằng bốn chính tinh Âm Dương Tử Phủ không phải là đáp số cân xứng cho hoàn cảnh của tháng 2 (xuân phân) và tháng 8 (thu phân) vì địa bàn còn 9 cung trống, luật cân xứng đòi hỏi ta phải thêm tối thiểu 9 sao nữa cho mọi cung đều có sao. Luật "toàn không" đòi hỏi ta phải thêm 10 sao thay vì 9. Kết quả là ta có 14 sao.

-Nhờ luật cân xứng mà ta suy ra Thiên Tướng cùng cung Liêm Trinh (ở Ngọ) trong hoàn cảnh khai sinh của 14 chính tinh.

-Nhờ lý tương ứng giữa đời người và hoàn cảnh của địa cầu mà ta suy ra cách phân phối của 14 chính tinh thành hai chùm Tử Vi và Thiên Phủ.

Sau đó, bằng phép tỷ giảo phương vị với sự trợ giúp của ngũ hành và bát quái, ta suy ra một số đặc tính của 14 chính tinh, rồi các tượng quen thuộc như Tử Liêm Vũ đại biểu quyền lực trung ương (triều đình xưa), Phủ Tướng khuông phò truyền thống, Sát Phá Tham chống truyền thống, Âm Dương là lãnh chúa địa phương, Lương là quân sư của Âm, Cơ là mưu sĩ đang tìm nơi nương náu, Cự là kẻ bất mãn trung ương, Đồng kẻ ngao du vô định... Ta cũng xác định được một cách đại khái các vị trí mạnh yếu của các chính tinh. Suy ra được những đặc tính này là một bước tiến quan trọng, vì ta không còn phải lệ thuộc vào những diễn giải chủ quan và nhiều khi mâu thuẫn nhau trong các sách để lại từ xưa.

Tổng kết 14 chính tinh

Kết hợp ý nghĩa đã biết từ cách hình hành và ý nghĩa suy ra từ bài toán tứ hóa, ta có bảng tổng kết sơ lược ý nghĩa 14 chính tinh như sau:

www.tuviglobal.com

BỐN ĐẾ TINH

Tử Vi: Tượng là lãnh tụ tối cao của chính phủ trung ương. Chúa tể các sao, còn gọi là Nam Bắc đế tinh thiên bắc. Âm dương ngũ hành tính thuộc âm thổ. Dễ tôn quý. Vì không hóa Kỵ nên chỉ ban phúc mà không gây họa.

Thiên Phủ: Tượng là phụ tá thân tín nhất của lãnh tụ tối cao (tức là phó lãnh tụ). Nam Bắc đế tinh thiên nam. Âm dương ngũ hành tính thuộc dương thổ. Dễ sung túc. Ban hành lệnh của Tử Vi nên cũng chỉ ban phúc mà không gieo họa. Địa vị cao quý hơn các sao còn lại.

Thái Dương: Tượng là lãnh chúa địa phương. Trung thiên đế tinh thiên nam. Âm dương ngũ hành tính thuộc dương hỏa. Không hóa Khoa nên bản chất cực đoan, ứng với sự quyền biến, đồng thời nóng nảy, thiếu kiên nhẫn.

Thái Âm: Tượng là lãnh chúa địa phương. Trung thiên đế tinh thiên bắc. Âm dương ngũ hành tính thuộc âm thủy. Hóa đủ tứ hóa nên tùy trường hợp mà thể hiện khác nhau. Là sao duy nhất được hóa Khoa hai lần nên nếu không hãm địa tất hàm tính ôn nhu, hòa nhã, kiên trì.

LIÊM VŨ TƯỚNG

Thiên Tướng: Tượng là sứ giả của chính phủ trung ương, giữ nhiệm vụ canh chừng phe chống đối. Nam đẩu. Âm dương ngũ hành tính thuộc dương thủy. Cao quý nhưng bản lãnh kém cỏi, dễ trở thành nạn nhân của những oan nghiệt. Bù lại, dễ gần với sự tu hành, giác ngộ hơn các sao khác.

Liêm Trinh: Tượng là cận thần của Tử Vi. Bắc đẩu. Âm dương ngũ hành tính thuộc âm hỏa. Mang sẵn tính Quyền nên trọng quyền lực, lại không hóa Khoa nên bản

www.tuviglobal.com

chất cực đoan, khó đạt vị trí trung dung. Do đó chỉ hoặc thành tựu hoặc khốn đốn, không có con đường giữa.

Vũ Khúc: Tượng là tướng của Tử Vi. Bắc đẩu. Âm dương ngũ hành tính thuộc âm kim. Hóa đủ tứ hóa nên tùy trường hợp mà thể hiện nhiều loại khuynh hướng khác nhau; nhưng vì là âm kim nên nặng sát khí, bất lợi cho nhân duyên. Do đó phú để lại có câu "Vũ Khúc vi quả tú" (Vũ Khúc là sao ứng với sự cô độc).

SÁT PHÁ THAM

Thất Sát: Tượng là kiện tướng của phe chống đối trung ương; nhưng nhờ liên hệ mật thiết với Thiên Phủ mà hành động thiên về chính phái. Nam đẩu. Âm dương ngũ hành tính thuộc dương kim đới hỏa nên quyết liệt, nóng nảy.

Phá Quân: Thủ lãnh phe chống đối trung ương. Bắc đẩu. Âm dương ngũ hành tính thuộc âm thủy. Không hóa Khoa nên cực đoan, quyết liệt. Bản thân mang sẵn tính Kỵ nên muốn đạp đổ những gì có sẵn rồi xây dựng lại theo ý riêng của mình.

Tham Lang: Thuyết khách của phe chống đối trung ương. Bắc đẩu. Âm dương ngũ hành tính thuộc âm mộc đới thủy. Không hóa Khoa nên cực đoan; nhưng vì thuộc mộc đới thủy nên tính cực đoan này liên hệ đến nhân duyên. Bởi vậy Tham Lang là sao đào hoa mà cũng là sao ứng với giao tế, huyền thuật, tu hành.

ĐỒNG CỰ CƠ LƯƠNG

Thiên Đồng: Tượng là kẻ bất chấp thời cơ, ngao du vô định. Nam đẩu. Âm dương ngũ hành tính thuộc dương thủy đới hỏa. Mang sẵn tính Khoa nên dễ tạo thiện cảm và có nhiều nhân duyên, may mắn.

www.tuviglobal.com

Cự Môn: Tượng là kẻ bất mãn chính quyền. Bắc đẩu. Âm dương ngũ hành tính thuộc âm thổ đới thủy. Không hóa Khoa nên cực đoan. Rất cần yếu tố may mắn.

Thiên Cơ: Tượng là kẻ mưu sĩ đang tìm nơi nương tựa. Nam đẩu. Âm dương ngũ hành tính thuộc dương mộc đới hỏa. Hóa cả bốn hóa nên tùy hoàn cảnh mà biểu lộ khuynh hướng khác nhau. Là sao ứng với sự đổi thay. Cư mệnh hợp phái nam hơn là phái nữ.

Thiên Lương: Tượng là kẻ mưu sĩ đã nương náu dưới trướng Thái Âm. Nam đẩu. Âm dương ngũ hành tính thuộc dương thổ. Không tiềm ẩn tính Kỵ nên có khả năng hóa giải chuyện không may. Tuy nhiên, vì là thường tinh nên vì luật toàn không đồng thời ứng với tai họa. Tóm lại, nơi nào có Lương nơi ấy dễ có họa nhưng khi họa xảy ra rồi lại dễ thoát qua.

San Jose 5 tháng 12, 2003
Đằng Sơn

CHÚ THÍCH

1.) Xem sách "Dịch kinh dữ Tử Vi đẩu số" (Kinh dịch và Tử Vi đẩu số), Tạ Phồn Trị, tự xuất bản, Cao Hùng, Đài Loan, 1995.

2.) Vì âm dương đều là hiện hữu, ta thử gọi chung là "sắc", rồi gọi không hiện hữu là "không". Luật "toàn không" bảo ta rằng mặc dù các tiểu hiện tượng có tính sắc, đại hiện tượng lại có tính không. Ý nghĩa này phù hợp lạ lùng với câu "sắc sắc không không" của nhà Phật.

www.tuviglobal.com

Chương 24

CÁC SAO THÁNG VÀ GIỜ II
Hình Riêu Không Kiếp

Hình Riêu Không Kiếp từ đâu đến?

Áp dụng lý tương đương giữa diễn trình tuần hoàn của trái đất và đời sống con người vào Tử Vi, ta được bài toán tứ hóa. Trong khi giải bài toán này bằng lý luận âm dương, ta có hai kết quả rất đặc biệt đã được trình bày cặn kẽ trong ba bài trước đây, nay xin ghi lại:

-Muốn giải bài toán hóa Kỵ, ta phải thêm một cặp sao vào địa bàn. Đây chính là cặp Xương Khúc.

-Khi giải bài toán hóa Khoa, ta phải thêm một cặp sao nữa vào địa bàn. Đây chính là cặp Tả Hữu.

Từ trước đến nay giới nghiên cứu Tử Vi chỉ biết Xương Khúc Tả Hữu là hai cặp sao quan trọng của khoa Tử Vi, còn từ cách an cho đến tính chất thì chẳng ai biết đâu là nguyên lý. Trừ ông tổ Tử Vi và các kỳ nhân ẩn sĩ mà ta không biết tung tích, dịch lý gia Đài Loan Tạ Phồn Trị có lẽ là người đầu tiên nhận ra rằng Xương Khúc Tả Hữu chỉ là một kết quả tất yếu của bài toán tứ hóa. Người viết chỉ lập lại lý này khi giải hai bài toán hóa Kỵ và hóa Khoa.

Vì luật toàn không, sự hiện hữu của Xương Khúc đòi hỏi sự hiện hữu của Kiếp Không để quân bình lại. Tương tự, sự hiện hữu của Tả Hữu đòi hỏi sự hiện hữu của Hình Riêu.

Cái lý dẫn đến các sao này là một dấu hiệu cho thấy Tử Vi là một bài toán rất lớp lang được khai triển từ 14 chính tinh và tứ hóa; các sao còn lại chỉ là kết quả tất yếu của hai luật "toàn không" và "cân xứng" mà thôi.

www.tuviglobal.com

Đây là lý do tại sao người viết dám đoan chắc rằng nền tảng chính của khoa Tử Vi là thuyết âm dương mà không phải là ngũ hành như nhiều khoa toán mệnh khác của Á đông.

Ảnh hưởng thời thế trên ý nghĩa các phụ tinh

Theo thuyết âm dương thì cả âm lẫn dương đều là "bệnh" cả. Nói theo nhà Phật thì còn lẩn quẩn trong âm dương là vẫn chưa thoát khỏi luân hồi. Đây chính là hoàn cảnh của hầu hết chúng ta, trong đó có người viết bài này.

Còn lẩn quẩn trong âm dương mà muốn đạt trung đạo thì chỉ có cách là tình cờ gặp cảnh âm dương hoàn toàn hòa hợp với nhau. "Tình cờ" dĩ nhiên là trạng thái hết sức mong manh, hiếm xảy ra và không thể kéo dài được. Do đó chỉ có hai loại trạng thái đáng chú ý là gần trung đạo và xa trung đạo. Các phụ tinh trong khoa Tử Vi vì thế được chia làm hai loại là gần trung đạo và xa trung đạo. Gần trung đạo thì tương đối bình hòa, xa trung đạo thì hết sức cực đoan.

Phân loại thì Tả Hữu Xương Khúc là phụ tinh bình hòa, Hình Riêu Không Kiếp là phụ tinh cực đoan.

Bình hòa thường tốt nhưng vẫn có khi xấu; tại sao thế? Cách dễ hiểu nhất là đưa thí dụ. "Dĩ hòa vi quý" là bình hòa, dễ giảm thiểu xích mích đối kháng nên thường có kết quả tốt đẹp. Nhưng nếu kẻ thù chĩa súng thẳng vào người ta và sắp lảy cò, ta vẫn cố "dĩ hòa vi quý" thì coi như chết chắc. Chết có thể là giải thoát, là về cõi niết bàn hoặc về nước Chúa nên tốt đẹp theo ý nghĩa của thánh nhân; nhưng theo nghĩa bình thường của cuộc đời thì phải coi là một trạng thái xấu. Tử Vi độc đáo ở chỗ là nó hàm chứa cả hai loại ý nghĩa; nhưng dĩ nhiên những kẻ tầm thường như chúng ta chỉ biết áp dụng nó theo nghĩa bình thường.

www.tuviglobal.com

Cực đoan thường xấu nhưng vẫn có khi tốt; tại sao thế? Lại đưa thí dụ. Mỗi lần có xích mích nhỏ với người khác là sinh sự đánh nhau thì rõ là cực đoan, thường gây phiền toái cho cuộc đời và cho chính mình, dĩ nhiên là xấu. Nhưng gặp kẻ hung đồ sắp làm chuyện sát nhân mà mình đến đánh gục nó cũng là cực đoan, nhưng lại là tốt cho đời và cho mình (đời được cứu, mình được tôn xưng là anh hùng). Thêm thí dụ khác: Hoàn toàn thất bại trong dự tính của mình thường là chuyện rất xấu; nhưng nhiều khi chính nhờ thất bại mà người ta tìm ra chân lý; như Mộ Dung Bác trong truyện Lục Mạch Thần Kiếm chẳng hạn.

Lại xét thí dụ một cô gái 14 tuổi xinh xắn có giọng ca hay, gia đình lại quen biết với giới sản xuất âm nhạc. Nếu cô nhảy vào nghề ca hát ắt phải thành công to. Nhưng nếu dính vào nghề ca hát rồi, chắc gì cô học xong trung học, đại học? Thiếu học nên kém kiến thức, lại thành công trong nghề nghiệp về sau này dễ gì cô chịu nghe ai? Khi cô phạm sai lầm thì ai có thể sửa chữa cho cô để cô tiến bộ? Rồi khi hào quang đã tắt thì cô còn lại gì?

Thí dụ này cho thấy rằng tốt và xấu chẳng dễ nhìn ra. Nhiều hoàn cảnh tưởng tốt lại hóa ra xấu, nhiều hoàn cảnh tưởng xấu lại hóa ra tốt; nên cùng một sự kiện mỗi người nhìn qua một lăng kính khác nhau sẽ thấy xấu tốt khác nhau. Nói cách khác mọi phán xét tốt xấu hầu hết đều là chủ quan cả.

Khoa tử vi được phát triển trong thời phong kiến. Vua chúa quyền uy tối thượng, bình hòa thì có cơ sống còn hoặc nhẹ bước thang mây, cực đoan dễ bị coi là phường phản loạn, tiền đồ bế tắc lại mang họa vào thân. Bởi vậy cứ xét từ các câu phú còn truyền lại ta có cảm tưởng gặp bốn phụ tinh bình hòa Tả Hữu Xương Khúc là gặp cứu

www.tuviglobal.com

tinh, gặp bốn phụ tinh cực đoan Hình Riêu Không Kiếp là hiểm nguy khốn đốn.

Nhưng thời thế ngày nay đã đổi nên rất nhiều câu phú xưng tụng Tả Hữu Xương Khúc, mạt sát Hình Riêu Không Kiếp không còn đúng nữa. Và vì thời thế ngày mai chưa chắc y như thời thế ngày nay, người nghiên cứu tử vi không thể lập lại cái ngọn "tốt xấu" do người xưa để lại mà phải hiểu cái gốc, tức là bản chất của từng hoàn cảnh, rồi thêm yếu tố thời thế vào mà xét đoán mới mong chính xác.

Tiêu chuẩn chính thường và bất thường

Để nghiên cứu cái gốc thay vì cái ngọn của khoa tử vi, người viết đề nghị gọi các hoàn cảnh thuận theo lẽ thường tình của cuộc đời là "chính thường", ngược lại lẽ thường tình của cuộc đời là "bất thường". "Chính thường" là hoàn cảnh thông thường, nhưng thông thường không luôn luôn có nghĩa tốt. "Bất thường" là hoàn cảnh ngược lại thông thường, nhưng bất thường không luôn luôn có nghĩa xấu. Có thể thấy ưu điểm của hai đặc tính "chính thường" và "bất thường" là chúng không khẳng định ngay tính tốt xấu.

Với quy ước này thì Tả Hữu Xương Khúc có tính "chính thường", Hình Riêu Không Kiếp có tính "bất thường".

Nguyên lý dẫn đến cách định 4 sao cực đoan

Từ một bài trước ta đã biết chuẩn điểm của bài toán âm dương là địa bàn. Trong bài này mục tiêu của chúng ta là dựa trên chuẩn điểm này để xác định vị trí hai cặp sao cực đoan mà ta tạm gọi là AB và XY; với AB là phản đề âm

www.tuviglobal.com

dương của Tả Hữu, XY phản đề âm dương của Xương Khúc.

Ta được ngay điều kiện tiên quyết là trên địa bàn Hình Riêu phải trái lý âm dương với Tả Hữu, và Không Kiếp phải trái lý âm dương với Xương Khúc. Các độc giả tò mò có thể kiểm chứng để thấy rằng điều kiện này luôn luôn được thỏa trên mọi lá số.

Kế đó, vì Tả và Xương ứng với vị trí Đế Vượng, Hình Riêu Xương Khúc chỉ có thể ứng với tập hợp 6 vị trí trái lý âm dương với Đế Vượng, tức là Mộc Dục, Lâm Quan, Suy, Tử, Tuyệt, Dưỡng. Mỗi cặp (Hình Riêu hoặc Xương Khúc) có hai sao, tối đa chỉ có thể ứng với 2 trong 6 vị trí này, nên ta chỉ cần xét hai vị trí cực đoan nhất là Mộc Dục và Tuyệt.

Trong vòng Trường Sinh, cặp Mộc Dục-Tuyệt là phản đề đối xứng của cặp Trường Sinh-Đế Vượng (xem hình 1). Mộc Dục ứng với khi hành còn rất yếu đuối (ví như đứa bé sơ sinh) nên rất cần phải được bảo vệ để khỏi bị ngoại cảnh làm hại, Tuyệt ứng với khi hành đã bị triệt tiêu, không còn ảnh hưởng gì nữa.

Tiếp tục dùng lý "phản đề", vì cặp Tả Hữu phát sinh ở thế xung nhau (Thìn và Tuất); A và B là phản đề của Tả Hữu tất phát xuất ở hai vị trí hợp nhau. Tương tự, vì Xương Khúc phát sinh ở thế xung nhau, X và Y cũng phải phát xuất ở hai vị trí hợp nhau. "Hợp" đây có nghĩa là "ở thế tam hợp". Như một sao ở vị trí Mộc Dục, sao kia ở vị trí Tuyệt là hai sao ở thế tam hợp. Nhưng xét cùng lý thì hai sao cùng cung cũng là ở thế tam hợp. "Cùng cung" lại là phản đề lý tưởng nhất của "xung chiếu" nên AB cùng cung và/hoặc XY cùng cung cũng là một cách giải hợp lý. Tóm lại có bốn cách an bài AB và XY:

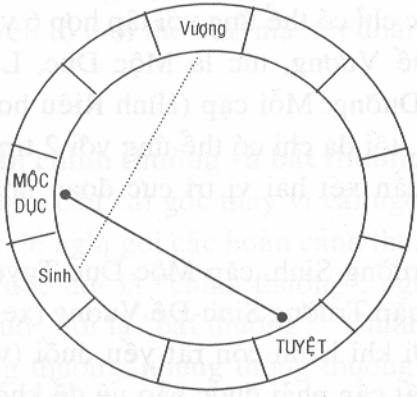
1. AB cùng cung, XY cùng cung.

www.tuviglobal.com

2. AB cùng cung, X và Y khác cung
3. A và B khác cung, XY cùng cung
4. A và B khác cung, X và Y khác cung

Ta đặt ra tiền đề sau đây:

"Hai sao cùng cung thì dĩ nhiên phải vận chuyển khác chiều; nên mặc dầu hai sao khác cung có hai cách vận chuyển là cùng chiều hoặc khác chiều, ta phải chọn cùng chiều mới hợp lý đối xứng."



Hình 1: Tính đối xứng của hai cặp vị trí Sinh-Vượng và Mộc Dục-Tuyệt trên địa bàn.

Vì cách an AB và XY phải thỏa tính duy nhất, ta phải tìm thêm hai lý khác để giảm số trường hợp từ 4 xuống 1. Rất may hai lý ấy đã có mặt trong cách an cung Mệnh và cung Thân.

Cung Mệnh được an theo tháng thuận giờ nghịch.

Cung Thân được an theo tháng thuận giờ thuận.

Nên phối hợp hai cung ta được hai lý là:

-Tháng cùng chiều

-Giờ khác chiều

www.tuviglobal.com

Phối hợp với tiền đề vừa nêu trên, ta phải chọn trường hợp 3: A và B (an theo tháng trên địa bàn) khác cung, XY (an theo giờ) cùng cung.

Ta sẽ xét A và B trước, XY sau.

Cái lý của Hình Riêu

A và B khác cung nên chia nhau khởi ở hai vị trí Mộc Dục và Tuyệt của tháng. Tháng khởi ở giờ Tý, nên vị trí Mộc Dục là Sửu, vị trí Tuyệt là Dậu. Do đó sao A khởi ở Sửu, sao B ở Dậu.

Sửu thuộc thổ là nơi tranh tối tranh sáng, có tàng tính sát vì là mộ địa của hành kim và chứa dư khí của thủy tràn sang từ cung Tý. Lẫn lộn thủy kim lại có khả năng tạo ra sự yếu đuối sa ngã (Mộc Dục) thì không có tượng nào hợp hơn nữ sắc. "Riêu" nghĩa là sắc đẹp, bởi vậy người xưa đặt tên sao khởi ở đây (ứng với Mộc Dục) là Thiên Riêu, ví như nhan sắc mỹ nhân. Nhẹ thì khiến người mê mệt, nặng thì đổ nước khuynh thành như Bao Tự, Tây Thi, Trần Viên Viên, Hélène, Cléopatre. Một tượng rất hợp lý khác của Riêu là thuốc mê, độc dược.

Dậu là thịnh vị của hành kim, ứng với mùa thu, mang tính sát (mùa thu cây lá xác xơ), nên người xưa đặt tên sao khởi ở đây (ứng với Tuyệt) là Thiên Hình. Tượng quen thuộc của Thiên Hình là lưỡi đao. Nhẹ thì chiết giảm nhân duyên, nặng thì đằng đằng sát khí.

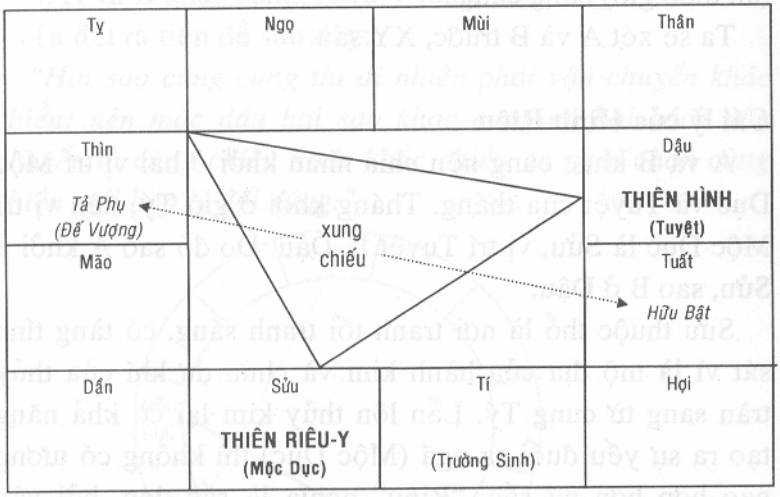
Thiên Hình và Thiên Riêu được gọi chung là cặp Hình Riêu. Bằng lý tương ứng ta suy ra Hình thuộc dương, Riêu thuộc âm.

Vì theo chiều Tả Phụ, cách an chính thức của Hình Riêu như sau:

Khởi từ cung Dậu gọi là tháng giêng, đếm theo chiều thuận đến tháng sinh, dừng lại an Thiên Hình. Khởi từ

www.tuviglobal.com

cung Sửu gọi là tháng giêng, đếm theo chiều thuận đến tháng sinh, dừng lại an Thiên Riêu.



Hình 2: Cặp Hình Riêu luôn luôn phản lý âm dương với Tả Hữu

Cần mở một dấu ngoặc ở đây. Các độc giả nghiên cứu tử vi hẳn đều biết rằng tử vi Việt Nam còn gọi Thiên Riêu là Thiên Y, hoặc coi đây là hai sao cùng cung với tên Riêu-Y. Cái tên Riêu-Y bao hàm triết lý âm dương rất sâu xa. Nhắc lại cung Sửu, nơi phát xuất Thiên Riêu là cảnh tranh tối tranh sáng. Chỉ có Riêu -ví như độc dược- vẫn chưa nói lên hết ý nghĩa tranh tối tranh sáng, mà phải thêm Y ví như thuốc chữa nữa mới đầy đủ. Thế nên Riêu-Y thường là lực tác hại, nhưng trong cảnh cực đoan lại chính là liều "thuốc đắng giã tật" cần thiết để giải cứu cuộc đời.

Theo ông Yên Tử Trần Đại Sỹ thì Thiên Y được thêm vào sau này. Người viết đã đọc khá nhiều sách tử vi Trung Hoa cận đại và hiện đại mà chưa từng thấy sách

www.tuviglobal.com

nào cho Thiên Riêu thêm tên Thiên Y; có lẽ sao này (Thiên Y) đã bị giới tử vi Trung Hoa lãng quên rồi[1].

Một điểm hiển nhiên nhưng chưa thấy sách nào nói tới nên cần nhấn mạnh lại là trên địa bàn Hình Riêu luôn luôn ở thế trái lý âm dương với Tả Hữu. Khi Tả Hữu ở 6 cường cung thì Hình Riêu phải ở sáu nhược cung, và ngược lại. Nên mệnh thân đã chịu ảnh hưởng của Tả Hữu thì không thể nào lại có thêm Hình Riêu. Từ cách phân phối chặt chẽ này có thể thấy cặp sao Hình Riêu quả là phản đề âm dương của cặp sao Tả Hữu.

Cái lý của Không Kiếp

Kế tiếp là hai sao XY, tức phản đề của Xương Khúc. Ta đã biết hai sao này khởi ở cùng cung và vận chuyển nghịch chiều nhau. Vấn đề là khởi ở Mộc Dục hay Tuyệt mới đúng.

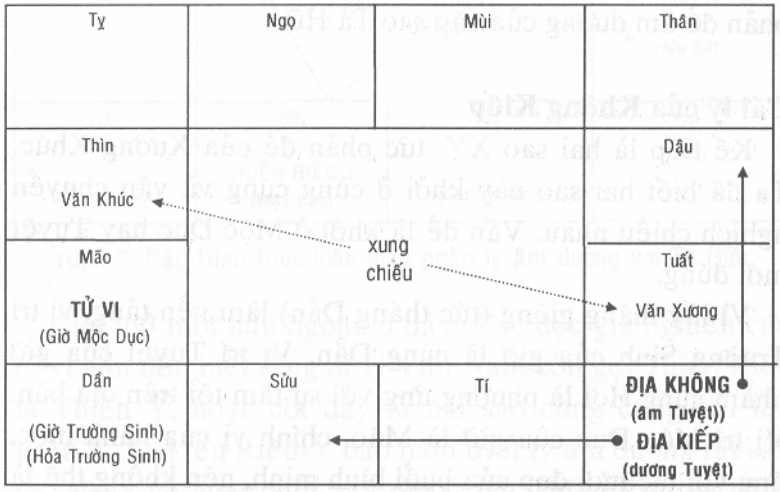
Vì lấy tháng giêng (tức tháng Dần) làm nền tảng, vị trí Trường Sinh của giờ là cung Dần. Vị trí Tuyệt của giờ nhằm cung Hợi là phương ứng với sự tăm tối trên địa bàn. Vị trí Mộc Dục của giờ là Mão, chính vị của hành mộc, ứng với lúc tươi đẹp của buổi bình minh, nên không thể là vị trí thích hợp để khai sinh một phụ tinh cực đoan. Điểm này càng rõ ràng hơn khi ta nhận ra rằng ở thời điểm khai sinh tức tháng Giêng giờ Tý thì sao quan trọng nhất và được coi là có ảnh hưởng tốt đẹp nhất, tức sao Tử Vi, ở ngay cung Mão. Thành thử nơi khởi hai sao XY phải là vị trí Tuyệt, tức là cung Hợi.

Gọi X là sao khởi từ Hợi đi thuận. Các độc giả quen thuộc với thuyết ngũ hành hẳn biết vòng trường sinh của Hỏa khởi ở Dần, đi thuận nên Tuyệt ở Hợi. Như vậy XY cũng ứng với vị trí Tuyệt của hỏa. Đã dựa vào địa bàn thì phải theo chiều thuận nghịch để phân âm dương, nên sao

www.tuviglobal.com

vận chuyển theo chiều kim đồng hồ là dương, ngược chiều kim đồng hồ là âm.

"Tuyệt" ứng với cảnh cùng đường. Nhưng đây là tuyệt của hỏa. Bản chất của hỏa xung động vốn ứng với hành động; do đó dương tuyệt ví như hành động thay vì có kết quả lại có hậu quả; tức là hành động có tính phá hoại (thay vì xây dựng), âm tuyệt ví như hành động vô hiệu quả.



Hình 3: Không Kiếp (cực đoan) là phản đề của Xương Khúc (bình hòa) nên Xương Khúc phản kháng nhau (xung chiếu) thì Không Kiếp hợp tác chặt chẽ (cùng cung)

Dương Tuyệt của hỏa là sao đi thuận chiều kim đồng hồ. Vì có tính phá hoại, sao này được đặt tên là Địa Kiếp[3]. Âm Tuyệt của hỏa là sao đi nghịch chiều kim đồng hồ. Vì ứng với hành động vô hiệu quả sao này được gọi là Địa Không.

(Nhưng cần chú ý rằng, cũng như trong trường hợp của Xương Khúc đã bàn trước đây, khi luận mệnh phải coi

www.tuviglobal.com

cung mệnh là chuẩn điểm. Ta đã biết nhìn từ chuẩn điểm là cung mệnh thì Xương là chính, Khúc là phụ. Bằng lẽ tương ứng, ta suy ra Không là chính vì vận chuyển cùng chiều với Xương, Kiếp là phụ vì vận chuyển cùng chiều với Khúc. Luận âm dương thì chính là dương, phụ là âm; nên trên mặt ứng dụng thì kết quả là Không dương, Kiếp âm; tức là ngược lại với cái nhìn từ địa bàn. Trường hợp này cho thấy một lần nữa rằng tính âm dương luôn luôn có ý nghĩa tương đối, do đó khi luận âm dương ta không thể chỉ nói A âm, B dương mà phải xác định A âm theo cái nhìn nào, B dương theo tiêu chuẩn nào v.v... Người viết sẽ trở lại vấn đề phân âm dương cho cặp Không Kiếp trong chương tới.)

Chữ "Địa" trong Địa Không và Địa Kiếp rất có ý nghĩa, vì nó cho biết cả hai sao được gắn liền với tính chất của địa bàn[4].

Trên địa bàn, khi Xương Khúc ở cung dương thì Không Kiếp ở cung âm, và ngược lại. Khi Xương Khúc ở thế hợp (tam hợp) thì Không Kiếp ở thế xung, và ngược lại. Từ đó đủ thấy Không Kiếp chính là phản đề phương vị của Xương Khúc.

Vì Xương Khúc thường được coi là hai sao tốt, ta có thể hiểu tại sao Không Kiếp thường bị coi là hai sao xấu. Thế nhưng, như sẽ thấy trong chương tới, vì lý phù hợp mà vẫn có những trường hợp Xương Khúc là sao xấu, Không Kiếp là sao tốt.

Mệnh Không thân Kiếp

Một kết quả đã được biết từ nghìn xưa là hễ sinh tháng 10 tất Địa Không cư mệnh, Địa Kiếp cư thân; gọi là cách "Mệnh Không thân Kiếp". Đa số sách vở để lại ghi đại khái như sau "Người có Mệnh Không thân Kiếp thường

www.tuviglobal.com

khôn ngoan sắc xảo, nhưng đời thành ít bại nhiều, công danh như đám mây nổi tụ tán bất thường".

Sinh tháng 10 âm lịch đa số là tuổi Scorpio (Hổ Cáp). Tuổi này có đặc điểm là rất tham vọng nên không phù hợp với thời phong kiến ngày xưa, nhưng ngày nay thời thế đã khác rồi. Đưa thí dụ cụ thể thì gần đây có Tôn Dật Tiên (được mệnh danh là người cha già của dân tộc Trung Hoa), tướng De Gaulle (anh hùng đệ nhị thế chiến của Pháp, tổng thống Pháp 1958-69) và đương kim thái tử Charles của Anh quốc.

San Jose 26 tháng 9, 2003
Viết lại 14 tháng 3, 2004
Đằng Sơn

CHÚ THÍCH

1. Sao này vẫn có mặt trong một số sách tứ trụ ở Trung Hoa.

2. Trong trường hợp này, cho rằng âm thổ trường sinh cùng chỗ với âm thủy hoặc âm hỏa cho kết quả tương tự.

3. Đây chính là chữ "kiếp" trong "kiếp nạn", "kiếp người"; ám chỉ sự bất hạnh, không hay.

4. Một số trường phái Tử Vi Trung Hoa gọi Địa Không là Thiên Không, có lẽ vì một số tiền nhân cho rằng đối lại "Địa Kiếp" thì "Thiên Không" chỉnh hơn "Địa Không". Theo thiển ý, đây là một sai lầm về quan niệm; vì chữ "Địa" trong hai sao Địa Không và Địa Kiếp không phải chỉ là một cái tên tùy hứng, mà cốt nhấn mạnh liên hệ mật thiết giữa hai sao này với địa bàn. Ở tập sau ta sẽ thấy sao Thiên Không liên hệ đến các hành tinh khác trong thái dương hệ.

HẾT

www.tuviglobal.com